

BAN GIÁO SƯ ALPHA

các BÀI HỌC GIẢN - YẾU

LỚP 4

$\frac{V_c}{79} 190$

THƯ VIỆN

TRƯỜNG MẠC HẠC GIÁO DỤC CƠ SỞ

<https://tieulun.hopto.org>

BAN TU THƯ ALPHA

Trích

HUỖNH ANH	H.T. Trường Nam Tỉnh lý Nguyễn Du Biên Hoà
VŨ VĂN BÁ	Trường Tiểu học Nguyễn Du Biên Hoà
PHAN VĂN BẦY	Trường T.H.C.Đ. Phước Hải Phước Tuy
VŨ VĂN BẢNG	Phụ Tá Hiệu Trưởng Long Mỹ Tây Ninh
HỒ THỊ BẾ	Ty Tiểu học Hàm Long Kiến Hoà
NGUYỄN THỊ BẾ	Trường Tiểu học C.Đ. Bình Trị Biên Hoà
LÊ VĂN BÊN	H.T. Tiểu học C.Đ. Hiệp Hoà A Biên Hoà
ĐẶNG PHƯỚC BŨU	Hiệu Trưởng THPT Hiệp Định Tây Ninh
PHAN THANH CÁC	Tr. Tiểu học C.Đ. Long Thới Bình Dương
NGUYỄN HỮU CÀM	H. T. Tiểu học C.Đ. Tam Hiệp Biên Hoà
HUỖNH VĂN CẦN	Giáo sư, đặc trách Tiểu học Phan Sào Nam
HUỖNH NGỌC CHẤN	H.T. Trường Tân Ba, Tân Uyên Biên Hoà
PHẠM THỊ CHÂU	Tiểu học Thiên Phước Saigon
TRẦN KIM CHI	Trường Nam Thủ Đức Gia Định
PHAN VĂN CÔNG	Trung Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
NGUYỄN VĂN DẦN	Trung Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
NGUYỄN VĂN ĐĂNG	Hiệu Tr. THPT Long Văn Tây Ninh
CỎ DIỆU ĐẠO	Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon
HUỖNH THỊ ĐẠT	Trường Tiểu học Chu Mạnh Trinh Gia Định
NGUYỄN VĂN ĐỀ	Hiệu Trưởng Tiểu học Di An Biên Hoà
PHẠM THỊ ĐOÀN	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo Saigon
NGUYỄN VĂN ĐÚNG	Phụ tá H.T. Nam T. Học Nguyễn Du
NGUYỄN THỊ ĐỨC	Hiệu Trưởng Mẫu giáo Biên Hoà
LÊ VĂN ĐƯỢC	THPT Long Quí Tây Ninh
HỒ VĂN HOA	H. T. Tiểu học C.Đ. Hiệp Hoà B Biên Hoà
LÊ THỊ QUỲNH HOA	Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon

CÔ DIỆU HIỀN	Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon
NGUYỄN NGỌC HIỀN	Hiệu T. Long Thời Long Hoa Tây Ninh
CAO VĂN HIẾU	H.T. Trường Tiểu học Phế Binh Biên Hoà
PHẠM NGỌC HUỆ	Tiểu học Cộng đồng Nguyễn Khoái
NGUYỄN THỊ HUỆ	Trung Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
ĐINH THỊ HƯƠNG	Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon
HỒ THỊ HUYỀN	Trung Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
NGUYỄN HỮU KHUÊ	H. T. T. H. C. Đ. Tân Phong Biên Hoà
NGUYỄN VĂN KỊCH	G.v. Tr. THCS Tà-Mun Ty T.H Tây Ninh
LÊ THỊ KIỀU	Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon
ĐẶNG TẤN LẮC	THCS Long Thời Tây Ninh
NGUYỄN THỊ LÂM	Trường Giáo Đông Tác Biên Hoà
TRẦN QUỐC LÂM	Phụ tá H. T. C.Đ. Trịnh Hoà Đức B. Hoà
TRẦN KIM LAN	Trường Nữ Thủ Đức Gia Định
NGUYỄN VĂN THÀNH LAN	H.T. Tiểu học C.Đ. Nguyễn Khắc Hiếu
TRẦN NGỌC LÀNH	Trường Nữ Thủ Đức Gia Định
LÊ THỊ KIM LIÊN	Trung Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
LÝ BẠCH LIÊN	THCS Long Hoa Tây Ninh
NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Trung Tiểu học Bắc Ái Saigon
TIÊU TỬ LINH	Trường Linh Năng Chợ Lớn
TRẦN THỊ THUỶ LOAN	Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon
TRẦN NGỌC LONG	THCS Trường Lộc Tây Ninh
LAI THỊ LÝ	Tr. Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon
TRẦN THỊ MẠNH	Tr. Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
NGUYỄN VĂN MUM	Hiệu Tr. THCS Trường Thọ Tây Ninh
NGUYỄN VĂN MỪNG	Hiệu Tr. THCS Long Mỹ Tây Ninh
KIỀU VĂN NGỌC	Trung Tiểu học Vinh Hội Saigon
PHAN THỊ NGỌC XÍCH	Trường Phan Sào Nam Saigon
NGUYỄN THỊ NGỌC	Trường Phan Sào Nam Saigon
PHẠM MINH NGUYỆT	Hiệu Tr. THCS Qui Thiện Tây Ninh
LÊ VĂN NGUƠN	H.T. Tiểu học Ấp Tây Di An Biên Hoà
NGUYỄN THÀNH NGUƠN	H. T. T. H. Bình An B Biên Hoà
BÙI KHƯƠNG NINH	Hiệu Tr. THCS Long Đại Tây Ninh

NGUYỄN THỊ NHẪN	Trường T.H. C.Đ. Bình Phước 2 Lái Thiêu
NGUYỄN VĂN NHỨT	P.T.H.T. Nam T. H. Tỉnh lỵ Nguyễn Du
LÂM MINH NHỰT	Tr. Tiểu học Tân Thạnh Đông Phong Dinh
NGÔ VĂN NON	T.ký học Chánh T.Hạng N.Hạng Ty T.H. Tây Ninh
HUỲNH MINH PHÁT	Trường Tiểu học Phú Hữu Phong Dinh
VÕ THÀNH PHÁT	H.T. T.H. Cộng Đồng Tân Uyên Biên Hoà
HUỲNH THỊ PHI	Trung Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
TÔN THẮT PHONG	Thanh Tra Tiểu học Bình Định
NGUYỄN HỮU PHÚC	H.T. T.H. Tân Đông Hiệp 2 Biên Hoà
TRẦN THỊ PHƯỚC	Tr. Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
DƯƠNG VĂN QUYỀN	Ty Tiểu học Biên Hoà
NGUYỄN VĂN RÍ	Hiệu Trưởng T.H. Đồng Tâm Di An
BÙI VĂN RON	Hiệu Trưởng T.H. Đồng Hoà Di An
LÊ VĂN RỒNG	Trường Trung Tiểu học Bồ Đề Saigon
HUỲNH VĂN SINH	Hiệu Trưởng THCS Liên Xã Tây Ninh
TRANG THỊ SONG	Trường Phan Sào Nam Saigon
HÀ VĂN TÀU	C.T. Hội Đồng Đại Biểu Giáo Chức Tỉnh Tây Ninh
LÊ VĂN THẠNH	Hiệu Trưởng THCS Hiệp Hoà Tây Ninh
TRẦN VĂN THẠNH	Hiệu Trưởng THCS Long Qui Tây Ninh
NGUYỄN VĂN THIÊN	Phụ tá H.T. Trường Tam Hiệp Biên Hoà
NGUYỄN VĂN THOẠI	Hiệu Trưởng Tân Đông Hiệp 1 Biên Hoà
NGUYỄN VĂN THÔI	H.T. T.H. C.Đ. Tân Bán A Biên Hoà
NG. THỊ NGUYỆT THU	Trường T.H.C.Đ. Long Điền Phước Tuy
ĐẶNG QUANG TU	Tr. Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
LÊ HỒNG TUẤN	Trường THCS Long Chi Tây Ninh
NGÔ THỊ TUYỀN	Hiệu Trưởng T.H. Bửu Hoà Biên Hoà
TRIỆU NGỌC TRỊ	Hiệu Trưởng T.H. Lâm Thành Biên Hoà
NGUYỄN VĂN TỶ	Hiệu Trưởng T.H. Long Thành Biên Hoà
TRẦN VĨNH VIỄN	H. T. Trường Minh Đức Biên Hoà
NGUYỄN THANH VINH	Hiệu Trưởng Tân Hoà 4 Biên Hoà
NGUYỄN HỒNG VUI	Hiệu Trưởng Bình An B Biên Hoà
PHAN THỊ NGỌC XÍCH	Trường Giáo Hoà An B Biên Hoà
LÊ THỊ THANH XUÂN	Tr. Tiểu học Phan Sào Nam Saigon
	Trung Tiểu học Cấp Tiên Saigon

Lời nói đầu

Khi đất nước đã thanh-bình, mỗi sáng trên khắp mọi nẻo đường, từ tất cả mọi mái nhà, biết bao trẻ em nô-nức đua nhau đến trường: việc học đã được mọi người cùng đồng ý đưa lên hàng ưu-tiên thứ nhứt và cũng là việc làm tôn nhiều tiền của Cha, Mẹ nhứt. Trong tất cả mọi phí-khoản phải chi tiêu cho việc học, có một món tiền làm cho Cha Mẹ ngán, sợ hơn hết: Đó là tiền mua sách.

...Giá giấy, giá nhân-công tăng lên mãi, khiến cho giá sách không thể nào đứng yên một chỗ. Bởi thế từ nhiều năm qua, Ban Tu-Thư và Nhà Xuất-Bán chúng tôi đã cố-gắng ghi lên các bìa sách của mình một giá thấp nhứt, với ước-vọng thật khiêm-tôn: mong cho Trẻ có đủ sách để học, hầu mau tiên-bộ.

Thế mà, trong rất nhiều trường-hợp, chúng tôi vẫn thấy có một số học-sinh không có đủ sách để học. Điều đó đã làm khổ tâm các nhà giáo không ít?

— Bởi vì khi các học-sinh không có đủ sách thì các giáo-chức không thể nào mang lại cho chúng một sự tiên-bộ như ý. Thời-gian ba bốn giờ trong một ngày không đủ cho Trẻ chép xong các bài học, vậy Trẻ còn giờ đâu để nghe giảng bài, làm bài, vẽ hình và tập viết?

— Nhưng việc mua một cuốn sách cho mỗi môn học lại là một mối bận lòng to-lớn của các bậc phụ-huynh!

Đề dung-hoà, nhiều tác-giả đã nghĩ đến việc in các môn học vào chung một cuốn sách. Bộ sách **CÁC BÀI HỌC GIẢN-YẾU** này cũng nằm trong loại đó.

Thật tình mà nói, soạn và cho in gần 300 bài học vào chung một cuốn sách — với số trang đã được ấn-định trước — là một việc làm đầy gò-bó. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn rán sức thực-hiện vài tiền-bộ thật nhỏ trong kỳ in lần đầu;

Về hình-thức, sách dùng toàn chữ mới, in offset hai màu để các hình được rõ-ràng, cách trình-bày khá sáng-sủa.

Về nội-dung, số lượng chữ chứa trong những bài học đã được cân phân, sao cho thích-hợp với số tuổi của các học sinh ở từng cấp lớp. Nhờ thế các bài học đều ngắn, gọn mà vẫn đầy-dù những chi-tiết cần phải có. Ngoài ra, thường thường bên cạnh mỗi bài học đều có một hình chụp hay vẽ, cốt giúp Trẻ mau hiểu, mau thuộc bài.

Chúng tôi nghĩ rằng sách giáo-khoa là những học cụ hết sức cần-thiết cho học-sinh, nhưng một cuốn giáo-khoa, dầu nội-dung có tuyệt vời đến đâu đi nữa, cũng chỉ giữ được cái vai trò «phụ-lực đặc-lực» mà thôi. Chính những lời giảng dạy thật rõ-ràng và đầy-dù của quý vị giáo-chức mới đóng góp một phần rất lớn vào việc mở rộng khối óc cho Giới Trẻ. Chính các kinh-nghiệm của những nhà giáo hiền dāng đời mình cho nền giáo-dục, mới thật là quý-báu.

Và bộ sách này, tuy cổ đôi chút tiền-bộ song vẫn còn vương nhiều khiếm-khuyết. Thế nên, trong mục-đích muốn cho sách được cải-tiến luôn luôn, ngõ hầu có thể phục-vụ hữu-hiệu hơn cho Giới Trẻ, ban Tu-thư chúng tôi lúc nào cũng cúi đầu đón nhận những lời chỉ dạy vô giá của chư vị cao minh.

Saigon, ngày 03 tháng 02 năm 1973
BAN TU-THƯ ALPHA

Trong bộ sách **CÁC BÀI HỌC GIẢN YẾU** này, năm môn học đều được xếp thứ tự như sau :

1. SỬ KÝ
2. ĐỊA LÝ
3. KHOA HỌC
4. VỆ SINH
5. ĐỨC DỤC

và được ngăn cách bởi 5 khung màu.

Trong cuốn lớp 4 này :

SỬ KÝ từ trang 11 tới trang 70

ĐỊA LÝ từ trang 71 tới trang 144

KHOA HỌC từ trang 145 tới trang 207

VỆ SINH từ trang 208 tới trang 224

ĐỨC DỤC từ trang 225 tới trang 255

«CÁC BÀI HỌC LỚP BỐN»

- ♦ Do ban Tu Thư ALPHA
- ♦ Hoạ sĩ MINH CHUÔNG vẽ bìa.
- ♦ Hoạ sĩ MINH TUYẾN, hoạ sĩ CHÍNH PHONG và nữ hoạ sĩ KIM MƯỜI minh hoạ một số hình trong sách.
- ♦ Một số hình được mượn trong các sách khoa học, địa lý và bách khoa Pháp ngữ. Một số hình được mượn trong cuốn Việt Nam d'Hier et d'Aujourd'hui của THÁI VĂN KIỂM.
- ♦ Phần trình bày do cô THUYẾT phụ trách.
- ♦ Thơ của cụ TRỪNG QUANG

SỬ KÝ LỚP 4

MỤC LỤC

1. Nguồn gốc nước Việt Nam	11	31. Trần Thủ Độ giúp Trần Thái Tông dựng nghiệp	41
2. Sinh hoạt của dân ta vào thời thượng cổ	12	32. Nhà Trần: việc nội trị	42
3. Họ Hồng Bàng	13	33. Nhà Trần: Văn hoá, tôn giáo	43
4. Nhà Thục	14	34. Nhà Trần thắng Mông Cổ lần thứ nhất	44
5. Nhà Triệu	15	35. Nhà Trần thắng Mông Cổ lần thứ hai	45
6. Bắc thuộc lần thứ nhất	16	36. Nhà Trần thắng Mông Cổ lần thứ ba	46
7. Hai Bà Trưng khởi nghĩa	17	37. Nhà Trần đánh dẹp Ai Lao và Chiêm Thành	47
8. Bắc thuộc lần thứ hai	18	38. Nhà Trần: thời suy vong	48
9. Bà Triệu khởi nghĩa	19	39. Nhà Hồ: những cải cách	49
10. Lý Bôn khởi nghĩa	20	40. Nhà Hồ: chống nhà Minh	50
11. Nhà Tiền Lý	21	41. Nhà Hậu Trần: chống Minh	51
12. Bắc thuộc lần thứ ba	22	42. Thời Minh thuộc	52
13. Mai Thúc Loan khởi nghĩa	23	43. Lê Lợi khởi nghĩa	53
14. Phùng Hưng khởi nghĩa	24	44. Lê Lợi giải phóng đất nước	54
15. Họ Khúc dựng nghiệp	25	45. Lê Thái Tổ: Lê Thánh Tông	55
16. Dương Diên Nghệ và Ngô Quyền giải phóng đất nước	26	46. Nhà Hậu Lê: việc nội trị	56
17. Lâm Ấp và Nam Chiếu đánh phá Giao Châu	27	47. Nhà Hậu Lê: Văn hoá, tôn giáo	57
18. Những ảnh hưởng của thời Bắc thuộc	28	48. Nhà Hậu Lê: Quân sự, Kinh tế Xã hội	58
19. Nhà Ngô	29	49. Nhà Hậu Lê: mở mang bờ cõi	59
20. Nhị thập tứ quân	30	50. Nhà Hậu Lê: thời suy vong	60
21. Nhà Đinh	31	51. Nhà Mạc: Mạc Đăng Dung	61
22. Nhà Đinh mất ngôi	32	52. Nguyễn Kim giúp nhà Lê	62
23. Lê Đại Hành	33	53. Trịnh Tùng diệt nhà Mạc	63
24. Lê Long Việt và Lê Long Đĩnh	34	54. Trịnh Nguyễn xưng chúa	64
25. Nhà Hậu Lý: Lý Thái Tổ	35	55. Trịnh Nguyễn phân tranh	65
26. Nhà Hậu Lý: Việc nội trị	36	56. Người Âu Châu sang nước ta	66
27. Nhà Hậu Lý: dẹp giặc Nùng	37	57. Tây Sơn khởi nghĩa	67
28. Nhà Hậu Lý: đánh nhà Tống	38	58. Tây Sơn thắng Nguyễn	68
29. Nhà Hậu Lý: đánh Chiêm Thành	39	59. Tây Sơn diệt Trịnh	69
30. Nhà Hậu Lý: thời suy vong	40	60. Nhà Hậu Lê mất ngôi	70

1

NGUỒN GỐC NƯỚC VIỆT NAM

Dàn bài 1. Nguồn gốc dân tộc Việt.

2. Quốc hiệu của dân tộc Việt.

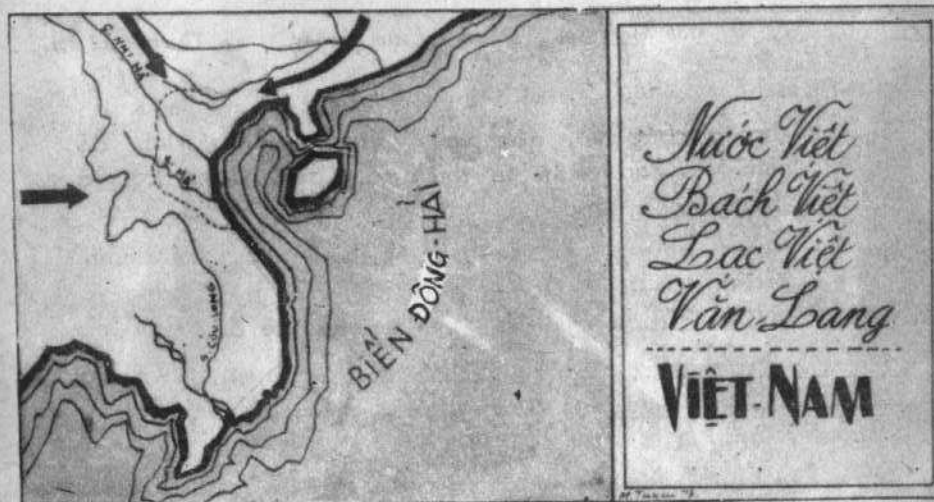
Bài học

♦ Về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, đa số chấp nhận thuyết sau đây:

« Vào thời thượng cổ, ở vùng hạ lưu sông Dương Tử bên Tàu có nước Việt. Bị nước Sở đánh chiếm, người Việt chạy xuống phía Nam, phân tán thành nhiều nhóm gọi là Bách Việt. Riêng nhóm Lạc Việt tới định cư tại miền Bắc Việt và 3 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ ».

♦ Khởi đầu, nước ta gọi là Văn Lang; sau đó đổi quốc hiệu nhiều lần. Đến đời vua Gia Long mới có quốc hiệu Việt Nam.

Câu hỏi 1) Vào thời thượng cổ, nước Việt ở đâu? 2) Bị nước Sở đánh, người Việt ra sao? 3) Các nhóm người Việt có tên chung là gì? 4) Người Lạc Việt ở đâu? 5) Mới đầu, nước ta có quốc hiệu là gì? 6) Đến đời nào mới có quốc hiệu Việt Nam?



Việt Nam xưa gọi Văn Lang,
Vòng dòng Lạc Việt không hàng Sở Vương.



Sống nghề làm ruộng, đi săn,
Xâm mình, thờ cúng, nhuộm răng, ăn trầu.

2

SINH HOẠT CỦA DÂN TA VÀO THỜI THƯỢNG CỔ

Dàn bài 1. Cách sinh hoạt 2. Phong tục, tín ngưỡng. 3. Tò chức xã hội.

Bài học

- ♦ Vào thời thượng cổ, dân Lạc Việt tiến đến trình độ văn minh khá cao. Dân ta thích săn bắn, đánh cá và sống bằng nghề nông.
- ♦ Dân ta có những phong tục đặc biệt như: vẽ mình, nhuộm răng, ăn trầu. Dân ta thờ thần núi, thần sông và người chết. Trong gia tộc, dân ta theo chế độ mẫu hệ.
- ♦ Nước ta chia ra làm nhiều bộ lạc dưới quyền cai trị của Lạc Hầu và Lạc Tướng. Trên hết, có vua gọi là Lạc Vương.

Câu hỏi 1) Vào thời thượng cổ, dân ta sống cách nào? 2) Dân ta có những phong tục nào? 3) Trong gia tộc, dân ta theo chế độ gì? 4) Ai cai trị các bộ lạc? 5) Vào thời thượng cổ, vua nước ta gọi là gì?

3

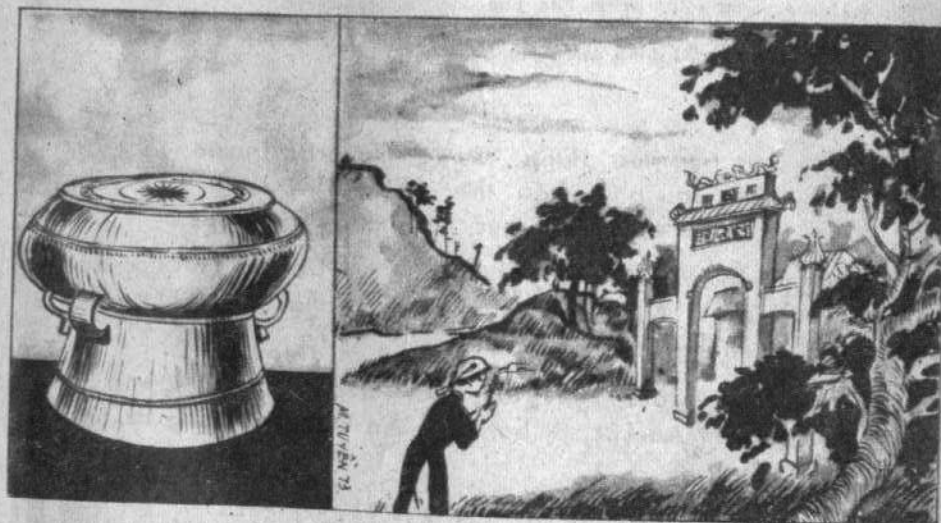
HỌ HỒNG BÀNG

Dàn bài 1. 18 đời vua Hùng Vương.
2. Tò chức cai trị. 3. Di tích đền Hùng Vương.

Bài học

- ♦ Hồng Bàng là dòng vua đầu tiên của nước ta. Họ Hồng Bàng gồm 18 đời vua đều lấy hiệu là Hùng Vương, trị vì hơn 2000 năm.
- ♦ Vua chia nước ra 15 bộ dưới quyền cai trị của Lạc Hầu và Lạc Tướng. Vua đặt quốc hiệu là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu. (Vĩnh Yên)
- ♦ Đền thờ các vua Hùng Vương được lập ở Phú Thọ (Bắc Việt). Hằng năm, dân ta giỗ tổ Hùng Vương vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch.

Câu hỏi 1) Họ Hồng Bàng gồm mấy đời vua? Lấy hiệu là gì? 2) Họ Hồng Bàng trị vì bao lâu? 3) Vua Hùng Vương đặt quốc hiệu là gì? Đóng đô ở đâu? 4) Dân ta lập đền thờ các vua Hùng Vương ở đâu? 5) Dân ta giỗ tổ Hùng Vương vào ngày nào?



Tháng ba giỗ tổ Hùng Vương,
Nhớ ơn dòng họ Hồng Bàng thuở xưa.



Ngày nay trong tỉnh Phúc Yên,
Còn thờ vua Thục nơi đền Cổ Loa.

4

NHÀ THỤC

- Dàn bài
1. Thục Phán chiếm Văn Lang.
 5. An Dương Vương lập nước Âu Lạc.
 3. Triệu Đà đánh chiếm Âu Lạc.

Bài học

- ♦ Vua Thục hện vua Hùng Vương thứ 18, truyền lại con cháu ngày sau phải báo thù. Thấy Văn Lang suy yếu, Thục Phán là cháu vua Thục, đem quân xâm chiếm.
- ♦ Thục Phán lên ngôi, lấy hiệu là An Dương Vương, đặt quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (Phúc Yên) và xây thành Cổ Loa.
- ♦ Triệu Đà, người quận Nam Hải (Quảng Đông), lập mưu đánh chiếm Âu Lạc. Bị bại trận, An Dương Vương tự tử.

- Câu hỏi
- 1) Ai xâm chiếm nước Văn Lang ? 2) Thục phán lấy hiệu là gì ? Đặt tên nước là gì ? Đóng đô ở đâu ? 3) Thục phán xây thành gì ? 4) Ai đánh chiếm Âu Lạc ? 5) Bị bại trận An Dương Vương làm gì ?

5

NHÀ TRIỆU (207 - III trước Tây lịch)

- Dàn bài
1. Nước Nam Việt.
 2. Nhà Triệu mất ngôi.

Bài học

- ♦ Đánh bại An Dương Vương xong, Triệu Đà sát nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, lập ra nước Nam Việt. Triệu Đà xưng là Triệu Vũ Vương, đóng đô ở Phiên Ngung (Quảng Châu).
- ♦ Các vua kế vị Triệu Vũ Vương đều bất tài và nhu nhược. Triệu Ai Vương nghe lời mẹ là Cù Thị, định dâng nước cho nhà Hán. Tể tướng Lữ Gia ngăn cản không được, bèn giết hết hai mẹ con. Nhà Hán sai Lỗ Bác Đức đánh chiếm Nam Việt và nước ta bị Trung Hoa đô hộ.

- Câu hỏi
- 1) Triệu Đà đặt quốc hiệu là gì ? 2) Triệu Đà xưng hiệu là gì ? Đóng đô ở đâu ? 3) Nghe theo lời mẹ, vua Triệu Ai Vương làm gì ? 4) Ai giết hai mẹ con Cù Thị và Ai Vương ? 5) Nhà Hán sai ai đánh chiếm Nam Việt ?



Lữ Gia can chẳng nghe lời,
Rời đời Cù Thị, rời đời Ai Vương.



*Dưới thời đô hộ dã man,
Văn minh Trung quốc lan tràn sang ta.*

6 BẮC THUỘC LÂN THỨ NHẤT (III trước Tây lịch — 39 sau Tây lịch)

Dàn bài 1. Chánh sách cai trị của nhà Tây Hán,
2. Thái Thú Tích Quang và Nhâm Diên.

Bài học

- Chiếm Nam Việt xong, nhà Tây Hán đổi thành Giao Chỉ Bộ gồm 9 quận. Nước ta gồm 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.
Vua Hán bổ nhiệm một Thứ Sử cai trị Giao Chỉ Bộ và các Thái Thú trông coi các quận.
- Hầu hết các Thái Thú đều bóc lột và hà hiếp dân. Chỉ có Tích Quang và Nhâm Diên chăm lo mở mang việc học, dạy dân những điều lễ nghĩa, chỉ dân canh tác bằng lưỡi cày sắt và bằng sức trâu bò.

Câu hỏi 1) Nhà Tây Hán đổi Nam Việt thành gì? 2) Giao Chỉ Bộ gồm mấy quận? 3) Nước ta gồm mấy quận? 4) Ai đứng đầu Giao Chỉ Bộ? 5) Ai cai trị các quận? 6) Những Thái Thú nào giúp ích dân ta?

HAI BÀ TRƯNG KHỞI NGHĨA (40-43)

Dàn bài 1. Nguyên nhân.
2. Hai Bà Trưng xưng vua.
3. Hai Bà Trưng tử tiết.

Bài học

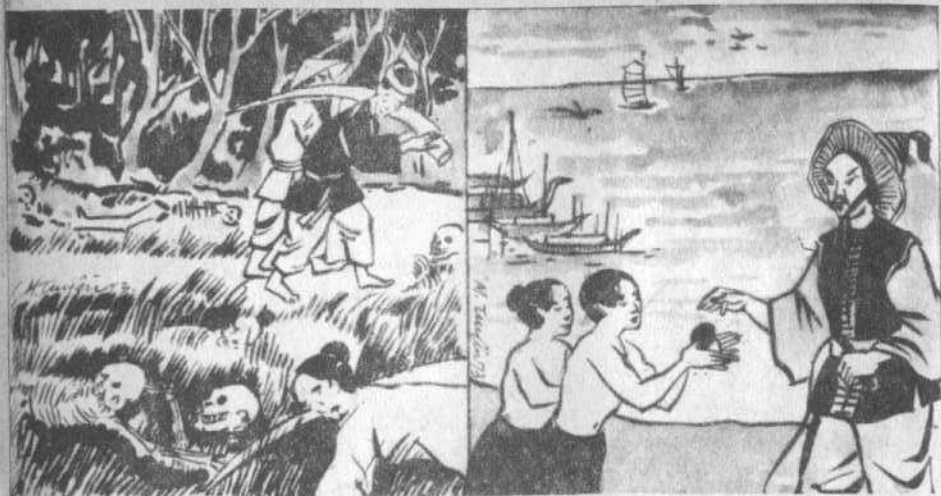
- Tô Định, thái thú quận Giao Chỉ, cai trị tàn ác; dân ta vô cùng căm hận. Thi Sách là chồng bà Trưng Trắc, âm mưu chống Tô Định nên bị giết.
- Năm 40, Bà Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị phát cờ khởi nghĩa. Hai Bà hạ được 65 thành và đuổi Tô Định về Tàu rồi lên ngôi và đóng đô ở Mê Linh (Phúc Yên).
- Năm sau, vua Hán sai Mã Viện đem quân sang đánh. Hai Bà anh dũng chống cự. Khi bị bại trận, hai Bà nhảy xuống sông Hát tự tử.

Câu hỏi 1) Thái thú nào cai trị quận Giao Chỉ? 2) Ai âm mưu chống Tô Định? 3) Hai chị em Bà Trưng khởi nghĩa năm nào? 4) Đuổi Tô Định về Tàu, hai Bà làm gì? 5) Vua Hán sai ai sang đánh nước ta? 6) Bị bại trận, hai Bà làm gì?



*Thù chồng nợ nước trả xong,
Trăm châu, gieo ngọc xuống dòng Hát giang.*

Ve 190 THƯ VIỆN
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC TƯ SỞ



Bắt lên rừng kiếm ngà voi,
Bắt trăm dưới biển tìm tòi trên châu.

8

BẮC THUỘC LẦN THỨ HAI (43-544)

Dàn bài 1. Chính sách cai trị của nhà Đông Hán.
2. Dân ta đói khổ.

Bài học

- ◆ Nhà Đông Hán đổi tên nước ta là Giao Châu và chia thành quận, huyện. Các Lạc Hầu, Lạc Tướng đều bị tước hết quyền.
- ◆ Các quan Tàu đều tham lam và tàn ác, bắt dân ta lên rừng xuống biển tìm châu báu. Trong nước, loạn lạc nổi lên khắp nơi khiến dân ta vô cùng cực khổ. Chỉ có thái thú Sĩ Nhiếp là người nhân đức, có công truyền bá văn học. Dân ta mến mộ gọi là Sĩ Vương.

Câu hỏi 1) Nhà Đông Hán đổi tên nước ta là gì? 2) Nhà Đông Hán, chia nước ta như thế nào? 3) Dưới nhà Đông Hán, các Lạc Hầu và Lạc Tướng ra sao? Các quan Tàu bắt dân ta làm gì? 5) Thái thú Sĩ Nhiếp có công gì? 6) Dân ta gọi Sĩ Nhiếp là gì?

9

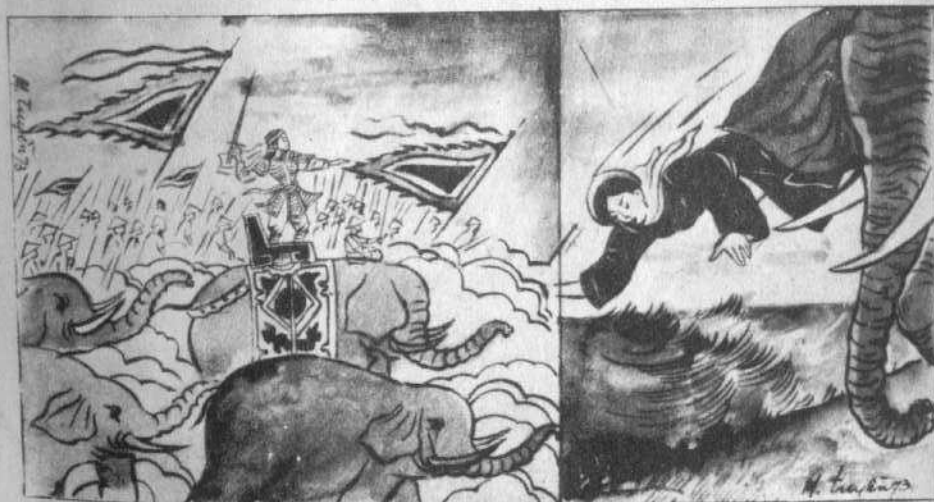
BÀ TRIỆU KHỞI NGHĨA (248)

Dàn bài 1. Nguyên nhân.
2. Cuộc khởi nghĩa oai hùng của Bà Triệu 3. Bà Triệu tử tiết.

Bài học

- ◆ Nhà Đông Ngô sai Lục Dận làm Thứ sử Giao Châu. Lục Dận cai trị thật tàn ác, dân ta vô cùng căm phẫn.
- ◆ Bà Triệu Thị Trinh quê ở Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá. Năm 248, bà cùng anh là Triệu Quốc Đạt khởi nghĩa đánh quận Cửu Chân. Khi ra trận bà mặc áo giáp vàng, cỡi voi, tỏ ra can đảm phi thường. Tướng sĩ tôn bà là Nhụy Kiều Tướng Quân.
- ◆ Lục Dận cầm đại binh đánh bà. Vì thế yếu, bà chỉ cầm cự được 6 tháng. Khi bị bại trận, bà chạy về làng Bồ Điền (Thanh Hoá) rồi tự tử.

Câu hỏi 1) Thứ sử Lục Dận cai trị dân ta như thế nào? 2) Bà Triệu cùng anh khởi nghĩa ở đâu? 3) Khi ra trận, bà làm gì? 4) Tướng sĩ tôn bà là gì? 5) Sau khi bại trận, bà làm gì?



Phất cờ khởi nghĩa theo anh,
Vang danh bà Triệu thị Trinh anh hùng.



*Lý Bôn khởi nghĩa diệt thù,
Chiếm Long Biên, đuổi Tiêu Tư về Tàu.*

10

LÝ BÔN KHỞI NGHĨA (541)

- Dàn bài**
1. Nguyên nhân.
 2. Cuộc khởi nghĩa thành công.
 3. Đánh Lâm Ấp.

Bài học

- ♦ Nhà Lương sai Tiêu Tư làm Thứ sử Giao Châu. Tiêu Tư tàn ác như Tô Định và Lục Dận, lòng dân rất oán hận.
- ♦ Lý Bôn quê ở huyện Thái Bình (Sơn Tây), là người văn võ song toàn. Năm 541, ông đứng lên khởi nghĩa. Nhờ nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt, ông chiếm thành Long Biên rất dễ dàng và đuổi Tiêu Tư về Tàu.
- ♦ Năm 543, Lý Bôn sai tướng Phạm Tu đánh dẹp quân Lâm Ấp quấy rối quận Nhật Nam. Vua Lâm Ấp bỏ chạy.

- Câu hỏi**
- 1) Nhà Lương sai ai làm Thứ sử Giao Châu?
 - 2) Lý Bôn là người như thế nào?
 - 3) Lý Bôn chiếm thành gì?
 - 4) Nhờ đâu cuộc khởi nghĩa thành công dễ dàng?
 - 5) Ông sai tướng đánh dẹp giặc gì?

11

NHÀ TIỀN LÝ (544 - 602)

- Dàn bài**
1. Lý Bôn xưng đế.
 2. Triệu Quang Phục nổi nghiệp Lý Nam Đế.
 3. Lý Phật Tử cướp ngôi Triệu Việt Vương.

Bài học

- ♦ Năm 544, Lý Bôn xưng là Lý Nam Đế đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. Chưa đúng một năm, nhà Lương sai Trần Bá Tiên sang đánh. Khi bị bại trận, Lý Nam Đế chạy về động Khuất Liêu rồi mất.
- ♦ Triệu Quang Phục nắm binh quyền, lấy đầm Dạ Trạch làm căn cứ chống quân Lương. Sau, ông chiếm lại thành Long Biên rồi xưng là Triệu Việt Vương.
- ♦ Lý Phật Tử, cháu Lý Bôn, dùng mưu cướp ngôi Triệu Việt Vương, xưng là Hậu Lý Nam Đế. Nhà Tùy sai Lưu Phương sang đánh. Vì thế yếu, Lý Phật Tử xin hàng.

- Câu hỏi**
- 1) Lý Bôn xưng là gì? Đặt quốc hiệu là gì?
 - 2) Bị Trần Bá Tiên đánh bại, Lý Nam Đế chạy về đâu?
 - 3) Ai nổi nghiệp Lý Nam Đế?
 - 4) Ai cướp ngôi Triệu Việt Vương?
 - 5) Danh tướng nào đánh bại Lý Phật Tử?



*Xưa kia đánh đuổi quân Lương,
Chiến tranh du kích Triệu Vương đã dùng.*



Nhà Đường khắc nghiệt tham tàn,
Người mình sống cảnh lầm than đoạ dày.

12

BẮC THUỘC LẦN THỨ BA (602 - 938)

Dàn bài 1. Chính sách cai trị của nhà Đường.
2. Dân ta phản uất đứng lên khởi nghĩa.

Bài học

- ♦ Diệt nhà Tùy xong, nhà Đường đô hộ nước ta. Vua Đường chia nước ta ra làm 12 châu và 59 huyện và đặt tên là An Nam Đô Hộ Phủ. Nhà Đường cai trị còn ác nghiệt hơn nhà Hán và nhà Ngô.
- ♦ Bị các quan Tàu hà hiếp và bóc lột dã man, dân ta vô cùng căm phẫn, đứng lên khởi nghĩa, quyết giành độc lập.

Câu hỏi 1) Sau nhà Tùy, nhà nào đô hộ nước ta? 2) Nhà Đường chia nước ta ra sao? 3) Nhà Đường đặt tên nước ta là gì? 4) Nhà Đường cai trị nước ta như thế nào? 5) Bị các quan Tàu hà hiếp và bóc lột, dân ta làm gì?

13

MAI THỨC LOAN KHỞI NGHĨA (722)

Dàn bài 1. Mai Thúc Loan xưng đế. 2. Cuộc khởi nghĩa thất bại.

Bài học

- ♦ Năm 722, Mai Thúc Loan nổi lên chiếm Hoan Châu (Nghệ An). Ông xưng đế rồi xây thành đắp lũy để chống quân nhà Đường. Vì mặt mũi đen sì, ông được gọi là Mai Hắc Đế.
- ♦ Vua nhà Đường sai đại binh qua đánh. Mai Hắc Đế cầm cự không nổi, phải bỏ chạy và ít lâu sau bị bệnh rồi mất.

Câu hỏi 1) Mai Thúc Loan đánh chiếm vùng nào? 2) Xưng đế xong, ông làm gì? 3) Tại sao dân ta gọi ông là Mai Hắc Đế? 4) Sau khi bại trận, ông ra sao?



Đời Đường có Mai Thúc Loan,
Nổi lên đánh chiếm châu Hoan một thời.



Dân thương như thể mẹ cha,
Lập đền tưởng niệm ấy là Phùng Hưng.

14

PHÙNG HƯNG KHỞI NGHĨA (791)

Dàn bài 1. Nguyên nhân.
2. Cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng. 3. Phùng An hàng nhà Đường.

Bài học

- ♦ Nhà Đường cử Cao Chính Bình sang cai trị nước ta. Cao Chính Bình siết chặt dân ta hơn nữa để phòng ngừa những cuộc nổi dậy.
- ♦ Năm 791, Phùng Hưng quê ở Đường Lâm (Sơn Tây), dấy binh đánh phá phủ Đô Hộ. Cao Chính Bình lo sợ mà chết. Phùng Hưng cai trị được vài tháng thì mất. Dân ta thương tiếc vô cùng, lập đền thờ và tôn ông là Bổ Cái Đại Vương.
- ♦ Phùng An nối nghiệp cha. Vì thế yếu, ông xin hàng nhà Đường.

Câu hỏi 1) Nhà Đường cử ai cai trị nước ta? 2) Cao Chính Bình cai trị như thế nào? 3) Phùng Hưng đánh phá phủ Đô Hộ, Cao Chính Bình ra sao? 4) Dân ta tôn Phùng Hưng là gì? 5) Ai nối nghiệp Phùng Hưng?

15

HỌ KHÚC DỰNG NGHIỆP (906 - 923)

Dàn bài 1. Giao Châu rối loạn. 2. Khúc Thừa Dụ làm Tiết Độ Sứ.
3. Nhà Nam Hán chiếm Giao Châu.

Bài học

- ♦ Nhà Đường mất ngôi thì Giao Châu rối loạn và Tiết Độ Sứ phải bỏ chạy về Tàu.
- ♦ Năm 906, dân ta tôn một hào phú nhân đức là Khúc Thừa Dụ làm Tiết Độ Sứ. Ông cầm quyền được một năm thì mất.
- ♦ Khúc Hạo kế nghiệp cha, sửa đổi mọi việc, cai trị Giao Châu như một nước tự chủ. Năm 917, Khúc Hạo mất, Khúc Thừa Mỹ nắm quyền. Năm 923, nhà Nam Hán đánh bại ông và chiếm Giao Châu.

Câu hỏi 1) Nhà Đường mất ngôi, Giao Châu ra sao? 2) Dân ta tôn ai làm Tiết Độ Sứ? 3) Khúc Hạo cai trị Giao Châu như thế nào? 4) Ai nối nghiệp Khúc Hạo? 5) Sau nhà Đường, nhà nào lại xâm chiếm nước ta?



Ba đời họ Khúc cầm quyền,
Giao Châu cũng được tạm yên một thời.



*Loạn Kiều Công Tiễn dẹp xong,
Phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.*

16

DƯƠNG DIÊN NGHỆ VÀ NGÔ QUYỀN GIẢI PHÓNG ĐẤT NƯỚC (931 - 938)

Dàn bài 1. Dương Diên Nghệ xưng Tiết Độ Sứ.
2. Ngô Quyền phá tan quân Nam Hán.

Bài học

- ◆ Năm 931, Dương Diên Nghệ đánh đuổi Thứ Sử Lý Tiễn, xưng là Tiết Độ Sứ. Không bao lâu, tủy tướng Kiều Công Tiễn làm phản, ám sát ông.
- ◆ Ngô Quyền, con rể của Dương Diên Nghệ, kéo quân từ Ái Châu (Thanh Hoá) về báo thù. Kiều Công Tiễn hoảng sợ, cầu cứu nhà Nam Hán. Trừ tên phản loạn xong, Ngô Quyền bày trận tại sông Bạch Đằng và diệt tan quân Nam Hán. Ngô Quyền có công giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ.

Câu hỏi 1) Đánh đuổi Thứ Sử Lý Tiễn xong, Dương Diên Nghệ xưng là gì ? 2) Ai làm phản, giết Dương Diên Nghệ ? 3) Sau khi Dương Diên Nghệ bị giết, Ngô Quyền làm gì ? 4) Ngô Quyền phá quân Nam Hán tại đâu ? 5) Ngô Quyền có công gì ?

17

LÂM ẤP VÀ NAM CHIỂU ĐÁNH PHÁ GIAO CHÂU

Dàn bài 1. Nước Lâm Ấp quấy rối nước ta.
2. Nước Nam Chiếu đánh phá nước ta.

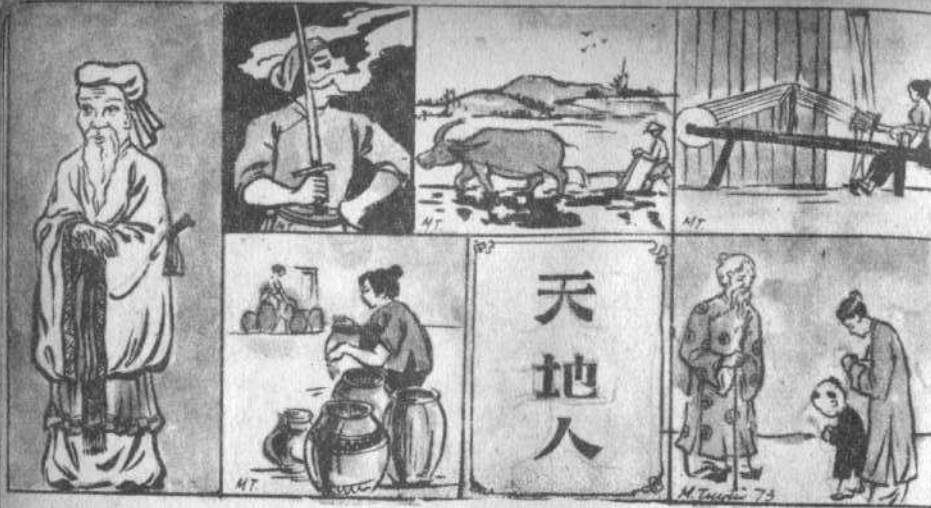
Bài học

- ◆ Ở phía nam Giao Châu có nước Lâm Ấp. Vua Lâm Ấp thường đem quân quấy rối nước ta nên các quan Tàu phải đánh dẹp nhiều lần. Về sau, nước Lâm Ấp suy yếu, lui dần về phía Nam, đổi quốc hiệu là Chiêm Thành.
- ◆ Ở phía tây bắc Giao Châu có nước Nam Chiếu. Vua Nam Chiếu đánh phá và giết hại vô số dân ta. Về sau, nhà Đường sai Cao Biền sang dẹp mới yên.

Câu hỏi 1) Nước Lâm Ấp ở đâu ? 2) Vua Lâm Ấp quấy rối nước ta, các quan Tàu làm gì ? 3) Sau khi suy yếu, nước Lâm Ấp đổi quốc hiệu là gì ? 4) Nước Nam Chiếu ở đâu ? 5) Ai dẹp được giặc Nam Chiếu ?



*Xưa kia Lâm Ấp : Chiêm Thành,
Vân Nam : Nam Chiếu tung hoành nhiều phen.*



Tích Quang : dạy chữ cho ta,
Nhâm Diên : nghề dệt cùng là nghề nông.

18

NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI BẮC THUỘC

Dàn bài 1. Hậu quả chính trị. 2. Hậu quả kinh tế.
3. Hậu quả văn hoá, xã hội.

Bài học

Trong 1050 năm Bắc thuộc (từ năm 111 trước Tây Lịch đến năm 930 sau Tây Lịch) dân ta thu lượm được những kết quả :

- ♦ Về chính trị, qua những cuộc khởi nghĩa giành độc lập, dân ta hun đúc thêm chí quật cường và tinh thần dân tộc
- ♦ Về kinh tế : Người Tàu phổ biến lối canh tác bằng lưỡi cày sắt với sức trâu bò. Ngoài ra, dân ta còn học hỏi nhiều nghề thủ công như : nghề dệt, nghề làm đồ gốm, nghề làm giấy...
- ♦ Về văn hoá, xã hội : Người Tàu truyền bá chữ Hán, phong tục, lễ giáo sang nước ta.

Câu hỏi 1) Trong 1050 năm Bắc thuộc, dân ta thu lượm được gì ? Qua những cuộc khởi nghĩa giành độc lập, dân ta hun đúc thêm gì ? 3) Về nông nghiệp, người Tàu phổ biến gì ? 4) Dân ta học hỏi những nghề thủ công nào của Tàu ? 5) Về văn hoá, xã hội người Tàu truyền bá gì ?

NHÀ NGÔ (939 - 956)

19

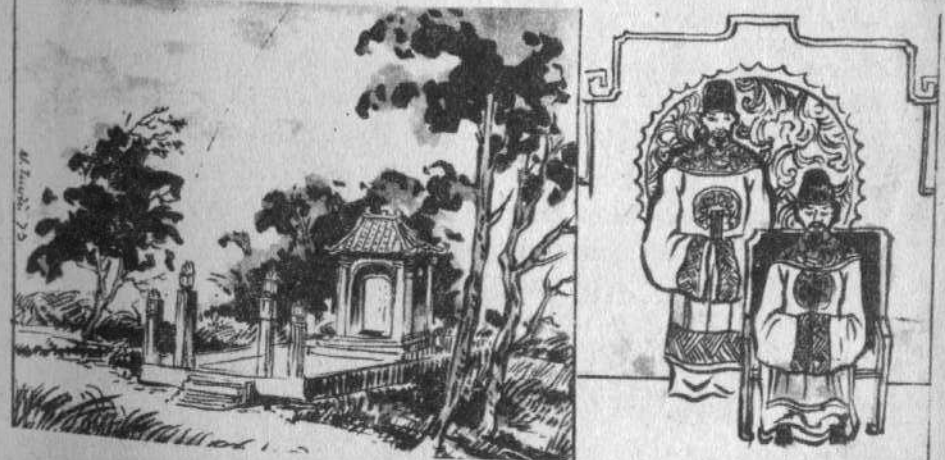
Nhà Ngô vang bóng một thời,
Nhưng công phá Hán muôn đời còn ghi.

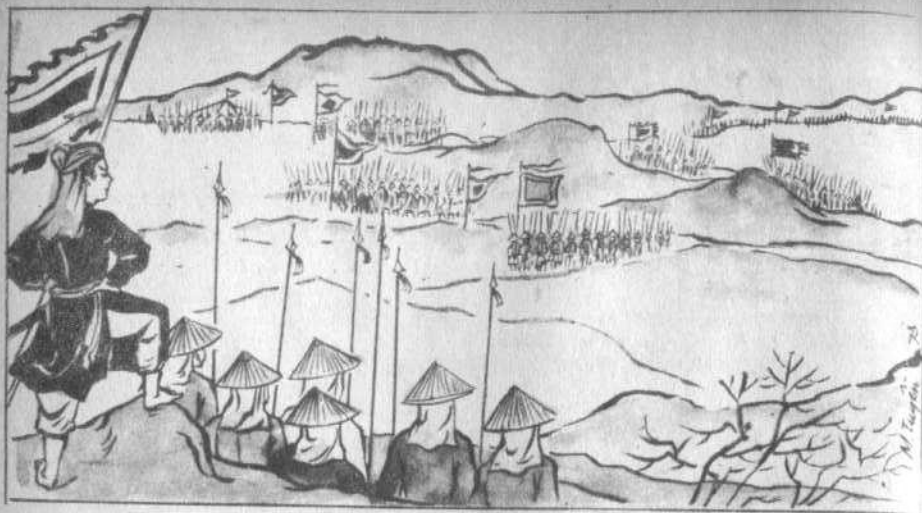
Dàn bài 1. Ngô Quyền xưng Vương.
2. Ngô Xương Ngập, và Ngô Xương Văn. 3. Ngô Xương Xí.

Bài học

- ♦ Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (Phúc Yên). Ông chăm lo tu sửa mọi việc trong nước nhưng sự nghiệp chưa thành thì ông mất sớm.
- ♦ Dương Tam Kha tham quyền, cướp mất ngôi của cháu là Ngô Xương Ngập. Ngô Xương Văn, em Ngô Xương Ngập, lập mưu bắt Dương Tam Kha rồi hai anh em cùng cai trị nước.
- ♦ Năm 965, Ngô Xương Xí nổi ngôi cha là Ngô Xương Ngập. Trong nước có loạn 12 sứ quân nổi lên.

Câu hỏi 1) Xưng vương xong, Ngô Quyền đóng đô ở đâu ? 2) Tại sao sự nghiệp của Ngô Quyền chưa thành ? 3) Ai cướp ngôi của Ngô Xương Ngập ? 4) Ai lập mưu bắt Dương Tam Kha ? 5) Khi Ngô Xương Xí lên ngôi, trong nước ra sao ?





Ngô suy có loạn sứ quân.
Mỗi ông hùng cứ một phần đất đai.
Tha hồ tác quái ra oai,
Người dân thống khổ hơn loài ngựa trâu.

TRẦN QUANG

20

NHỊ THẬP SỨ QUÂN (945-967)

Dàn bài 1. Nguyên nhân. 2. Đời sống của dân ta.
3. Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước.

Bài học

- ◆ Thế lực nhà Ngô suy yếu, các tướng chiếm đóng mỗi người một vùng, gọi là sứ quân. Có tất cả 12 sứ quân.
- ◆ Trong suốt 22 năm nội chiến, các sứ quân bận lo chém giết nhau. Dân ta lầm than khổ sở vô cùng.
- ◆ Đinh Bộ Lĩnh quê ở Hoa Lư (Ninh Bình), là người tài ba lỗi lạc. Ông giúp sứ quân Trần Minh Công rất đắc lực. Khi Trần Minh Công mất, ông nắm hết binh quyền và lần lượt tiêu diệt các sứ quân khác, để đem lại thanh bình cho đất nước.

Câu hỏi 1) Thế lực nhà Ngô suy yếu, các tướng làm gì? 2) Có bao nhiêu sứ quân? 3) Trong suốt 22 năm nội chiến, dân ta ra sao? 4) Đinh Bộ Lĩnh giúp sứ quân nào? 5) Ông có công gì?

30

21

NHÀ ĐÌNH (968-980)

Dàn bài 1. Đinh Bộ Lĩnh xưng đế.
2. Ngoại giao với Tống. 3. Tổ chức nội trị.

Bài học

- ◆ Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh xưng đế, lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.
- ◆ Đinh Tiên Hoàng sai con là Đinh Liễn sang giao hảo với nhà Tống để củng cố nền độc lập. Vua Tống phong cho ông làm Giao Chỉ Quận Vương.
- ◆ Rảnh tay với nhà Tống, ông sửa sang triều chính, tổ chức quân đội hùng mạnh, đặt hình luật nghiêm khắc.

Câu hỏi 1) Đinh Bộ Lĩnh lấy hiệu là gì? 2) Ông đặt quốc hiệu là gì? Và đóng đô ở đâu? 3) Ông sai con giao hảo với nhà Tống để làm gì? 4) Về tổ chức nội trị, ông đã làm những gì?



Chủ trương thân với Trung Hoa,
Quân binh hình luật thiết là tinh nghiêm.

31



*Tiên Hoàng tửu sắc ham mê,
Phản thần Đỗ Thích dễ bề ra tay.*

22

NHÀ ĐÌNH MẤT NGÔI (980)

Dàn bài 1. Đỗ Thích ám sát Đinh Tiên Hoàng.
2. Nhà Đình mất ngôi.

Bài học

- ♦ Về sau, Đinh Tiên Hoàng bỏ bê việc nước, say đắm tửu sắc. Ông phế con trưởng, lập con thứ, khiến triều đình rối loạn. Năm 979, cận thần Đỗ Thích lên ám sát Đinh Tiên Hoàng và con là Đinh Liễn.
- ♦ Đinh Tuệ lên ngôi, mới có 6 tuổi. Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn nắm hết quyền binh. Nhà Tống làm le xâm lăng nước ta, tướng sĩ tôn Lê Hoàn lên làm vua. Nhà Đình trị vì được 12 năm thì mất ngôi (968-980).

Câu hỏi 1) Về sau, Đinh Tiên Hoàng thế nào? 2) Khi ông phế con trưởng và lập con thứ thì triều đình ra sao? 3) Ai giết Đinh Tiên Hoàng? 4) Ai nối ngôi Đinh Tiên Hoàng? 5) Khi nhà Tống định xâm lăng nước ta thì tướng sĩ làm gì?

23

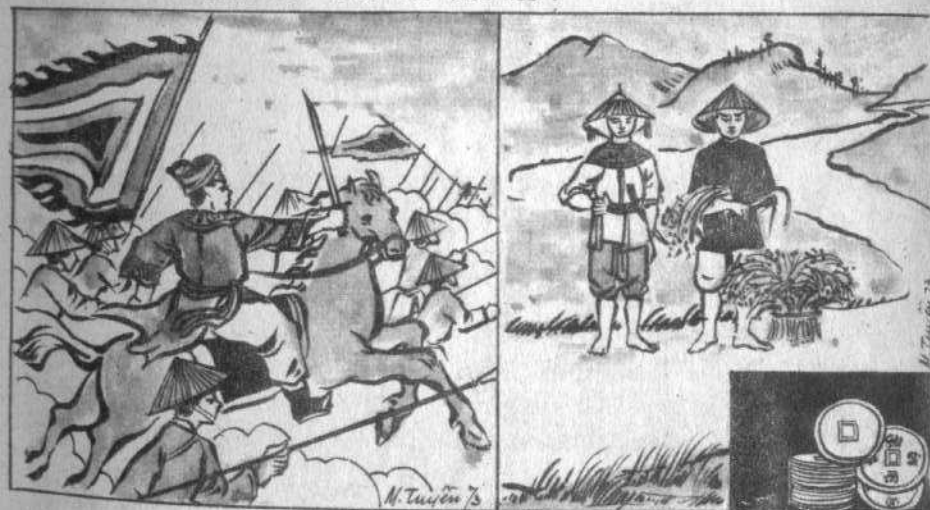
NHÀ TIỀN LÊ (980-1009) LÊ ĐẠI HÀNH

Dàn bài 1. Lê Hoàn xưng đế.
2. Phá Tống bình Chiêm.
3. Chăm lo phát triển nước nhà.

Bài học

- ♦ Năm 980, Lê Hoàn xưng đế, lấy hiệu là Lê Đại Hành, đóng đô ở Hoa Lư.
- ♦ Quân Tống ồ ạt xâm lăng nước ta. Lê Đại Hành đánh lan bộ binh địch tại Chi Lăng. Nghe tin thất trận, thủy binh Tống rút khỏi sông Bạch Đằng. Phá Tống xong, Lê Đại Hành phạt Chiêm Thành vì tội bắt giam sứ giả của ta.
- ♦ Đãi nước thanh bình, Lê Đại Hành chăm lo phát triển nước nhà như cải tiến quân đội, khuyến khích nông nghiệp, đúc tiền, lập đường giao thông.

Câu hỏi 1) Lê Hoàn xưng hiệu là gì? Đóng đô ở đâu? 2) Lê Đại Hành phá tan bộ binh Tống tại đâu? 3) Nghe tin thất trận, thủy binh Tống làm gì? 4) Phá Tống xong, Lê Đại Hành làm gì? 5) Lê Đại Hành phát triển nước nhà cách nào?



*Lê Hoàn phá Tống diệt Hời,
Võ công hiển hách muôn đời còn ghi.*



Tiền Lê sắp đến ngày tàn,
Bày ra hình phạt dã man, lạ đời.

24

NHÀ TIỀN LÊ MẤT NGÔI (1009) LÊ LONG VIỆT LÊ LONG ĐỈNH

Dàn bài 1. Lê Long Việt nối ngôi. 2. Lê Long Đĩnh cướp ngôi.
3. Nhà Tiền Lê mất ngôi.

Bài học

- ◆ Lê Đại Hành mất, Lê Long Việt nối ngôi cha, 3 ngày sau, Lê Long Việt bị em là Lê Long Đĩnh sai người giết.
- ◆ Lê Long Đĩnh là một vị vua hung bạo, thích những thú tiêu khiển dã man. Ông lại ham mê tửu sắc nên bị bệnh nặng rồi mất sớm.
- ◆ Con Long Đĩnh còn nhỏ. Sư Vạn Hạnh và tướng Đào Cam Mộc âm mưu đòi ngôi, tôn Lý Công Uẩn làm vua. Nhà Tiền Lê trị vì được 29 năm (980—1009).

Câu hỏi 1) Ai nối ngôi Lê Đại Hành? 2) Ai giết Lê Long Việt? 3) Lê Long Đĩnh là một vị vua như thế nào? 4) Tại sao Lê Long Đĩnh mất sớm? 5) Sư Vạn Hạnh và Đào Cam Mộc âm mưu tôn ai làm vua?

25

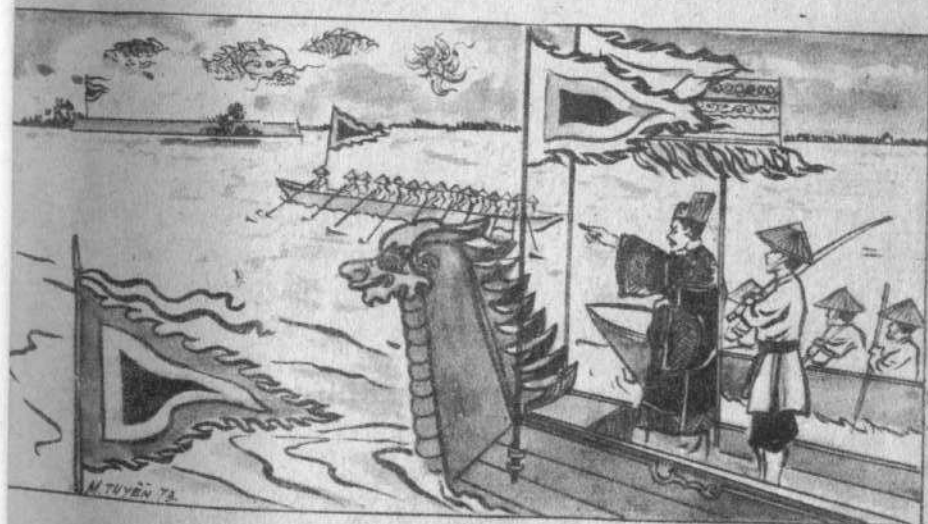
NHÀ HẬU LÝ (1010 - 1225) LÝ THÁI TỎ

Dàn bài 1. Lý Công Uẩn lên ngôi. 2. Công lao của Lý Thái Tỏ.
3. Lý Thái Tỏ sùng đạo Phật.

Bài học

- ◆ Năm 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi, xưng hiệu là Lý Thái Tỏ và dời đô về Thăng Long.
- ◆ Lý Thái Tỏ sai sứ sang giao hảo với nhà Tống để rảnh tay chăm lo việc nước. Ông có công xây dựng một nền nội trị vững chắc, các vua kế vị tiếp tục thừa hưởng công trình của ông.
- ◆ Lý Thái Tỏ là một vị vua rất sùng đạo Phật. Ông sai người sang Tàu thỉnh kinh sách Phật và lấy tiền kho dựng chùa đúc chuông. Lý Thái Tỏ mất năm 1028, trị vì được 18 năm.

Câu hỏi 1) Lên ngôi, Lý Công Uẩn xưng hiệu là gì? 2) Ông dời đô về đâu? 3) Ông sai sứ sang giao hảo với nhà Tống để làm gì? 4) Ông có công gì? 5) Ông là một vị vua như thế nào? 6) Ông làm gì để phật huy đạo Phật?



Dời đô ra đất Thăng Long,
Sửa sang nội trị là công Lý triều.



Chăm lo kinh tế nước nhà,
Mở mang văn hoá cùng là luyện quân.

26

NHÀ HẬU LÝ : NỘI TRỊ

Dàn bài 1. Tỏ chức cai trị. 2. Tỏ chức kinh tế.
3. Tỏ chức quân sự. 4. Tỏ chức văn hoá.

Bài học

- ♦ Nhà Hậu Lý đòi quốc hiệu là Đại Việt, chia nước làm 24 lộ và đặt cung trạm liên lạc giữa các lộ. Luật pháp đòi Hậu Lý rất nhân đạo.
- ♦ Tỏ chức kinh tế đời Hậu Lý cải tiến nhiều như : đắp đê phòng lụt, qui định thuế khoá, phát triển thương mại.
- ♦ Nhà Hậu Lý tỏ chức một quân đội hùng hậu, cải tổ binh chế, soạn thảo một cuốn binh pháp nổi tiếng.
- ♦ Nhà Hậu Lý phát triển văn hoá như lập Văn Miếu thờ Đức Khổng Tử, mở trường Quốc Tử Giám, mở khoa thi để chọn nhân tài. Đạo Phật đời Hậu Lý cực thịnh vì các vua đều sùng đạo.

Câu hỏi 1) Nhà Hậu Lý đòi quốc hiệu là gì ? Chia nước nhà ra làm sao ?
2) Luật pháp đời Hậu Lý như thế nào ? 3) Tỏ chức kinh tế đời Hậu Lý cải tiến như thế nào ? 4) Về quân sự, nhà Hậu Lý tỏ chức ra sao ? 5) Nhà Hậu Lý phát triển văn hoá như thế nào ? 6) Đạo Phật đời Hậu Lý ra sao ?

27

NHÀ HẬU LÝ : ĐẸP GIẶC NÙNG

Dàn bài 1. Nùng Tôn Phúc.
2. Nùng Trí Cao.

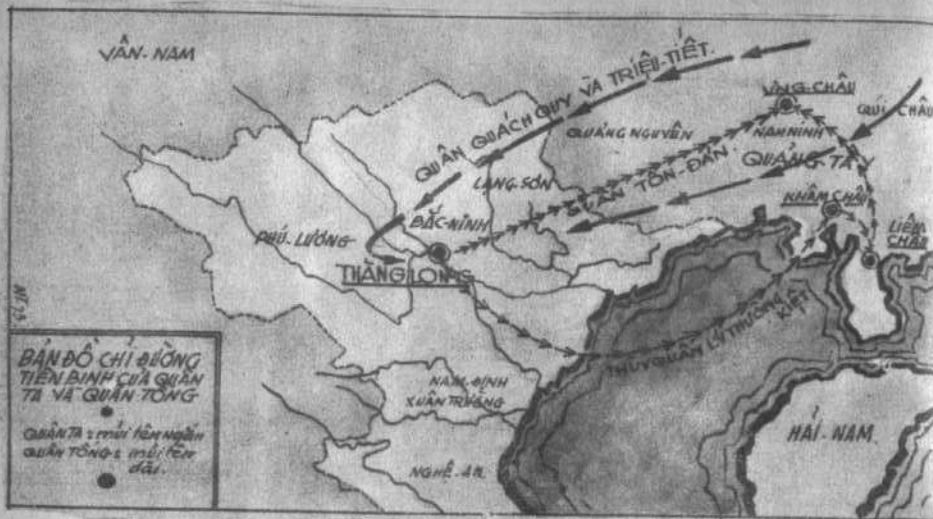
Bài học

- ♦ Năm 1038, dân tộc thiểu số Nùng nổi dậy. Tù trưởng Nùng Tôn Phúc chiếm châu Quảng Nguyên (Cao Bằng). Vua Lý Thái Tông cầm quân đánh tan quân Nùng và bắt giết Nùng Tôn Phúc.
- ♦ Nùng Trí Cao, con Nùng Tôn Phúc, chạy thoát rồi 2 năm sau dấy binh. Quân ta bắt được Nùng Trí Cao nhưng vua Lý Nhân Tông tha về. Y lại làm phản lần nữa. Bị quân ta vây đánh, y chạy sang Tàu chiếm đất. Tướng Tống là Địch Thanh đánh dẹp mãi mới yên.

Câu hỏi 1) Ai cầm đầu người Nùng nổi dậy ? 2) Ai bắt giết Nùng Tôn Phúc ? 3) Sau Nùng Tôn Phúc ai lại dấy binh ? 4) Quân ta bắt được Nùng Trí Cao, vua Nhân Tông làm gì ? 5) Nùng Trí Cao chạy sang Tàu rồi bị ai đánh bại ?



Đẹp yên giấc già bên trong,
Giết Nùng Tôn Phúc, tha Nùng Trí Cao.



28

Quân ta đánh chiếm ba châu,
Sau ta và Tống cùng nhau giảng hoà.

NHÀ HẬU LÝ : ĐÁNH NHÀ TỐNG

Dàn bài 1. Quân ta đánh chiếm 3 châu. 2. Nhà Tống báo thù.
3. Nhà Tống chịu hoà.

Bài học

- ♦ Năm 1075, biết nhà Tống lắm le xâm lăng nước ta, vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đánh Trưng Hoa trước. Quân ta đánh chiếm dễ dàng Khiêm Châu, Liêm Châu và Ung Châu (Quảng Đông, Quảng Tây).
- ♦ Năm sau, Quách Quỳ đem đại binh đánh báo thù. Lý Thường Kiệt chặn đánh tại sông Như Nguyệt (sông Cầu). Quân Tống chết phân nửa, rút về chiếm giữ Quảng Nguyên.
- ♦ Về sau, vua Tống chịu hoà, trả lại Quảng Nguyên để đổi lấy tù binh. Hai nước lại giao hảo như cũ.

Câu hỏi 1) Vua Nhân Tông sai ai đánh nhà Tống ? 2) Quân ta chiếm những châu nào ? 3) Ai đem binh sang nước ta đánh báo thù ? 4) Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống tại đâu ? 5) Về sau, chịu hoà với ta, vua Tống làm gì ?

29

NHÀ HẬU LÝ : ĐÁNH CHIÊM THÀNH

Dàn bài 1. Nguyên nhân. 2. Thái Tôn và Thánh Tôn bình Chiêm.
3. Chiêm Thành xin thần phục.

Bài học

- ♦ Chiêm Thành thường quấy rối và bỏ lệ triều cống nước ta, các vua nhà Hậu Lý đem binh chinh phạt nhiều lần.
- ♦ Năm 1044, Lý Thái Tôn xua quân đánh chiếm kinh đô Phệt Thệ (Thừa Thiên). Năm 1068, Lý Thánh Tôn bắt được Chế Củ. Để chuộc tự do, Chế Củ xin dâng 3 châu Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý (Quảng Bình, Quảng Trị).
- ♦ Vua Chiêm đánh phá 3 châu đã nhường, vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt dẹp giặc. Bị đánh bại, Chiêm Thành xin thần phục như cũ.

Câu hỏi 1) Tại sao các vua nhà Hậu Lý đem binh chinh phạt Chiêm Thành ? 2) Vua Thái Tôn đánh chiếm kinh đô nào của Chiêm Thành ? 3) Vua Thánh Tôn bắt được vua Chiêm nào ? 4) Dưới đời Thánh Tôn, nước ta chiếm được 3 châu nào ? 5) Dưới đời vua Nhân Tông, ai đánh dẹp Chiêm Thành ? 6) Bị đánh bại, Chiêm Thành làm gì ?



Lý triều chinh phạt Chiêm Thành,
Từ đây Quảng Trị, Quảng Bình về ta.



Cao Tôn việc nước buông lơi,
Triều đình nhà Lý tới thời suy vong.

30

NHÀ HẬU LÝ : THỜI SUY VONG

Dàn bài 1. Lý Cao Tôn bỏ phế triều chính, 2. Lý Huệ Tông đi tu, 3. Nhà Hậu Lý mất ngôi.

Bài học

- ♦ Sau vua Thần Tôn và Anh Tôn, nhà Hậu Lý suy vong. Lý Cao Tôn bỏ phế triều chính, giết hại trung thần. Loạn quân đốt phá kinh thành, vua Cao Tôn bỏ chạy, nhờ anh em Trần Lý dẹp.
- ♦ Lý Huệ Tông nối ngôi, đau ốm luôn. Họ Trần nắm hết quyền bính. Nghe lời Trần Thủ Độ, Cao Tôn đi tu, truyền ngôi cho Chiêu Thánh Công Chúa tức Lý Chiêu Hoàng.
- ♦ Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh rồi nhường ngôi cho chồng. Nhà Hậu Lý trị vì được 216 năm (1010-1225) thì mất ngôi.

Câu hỏi 1) Vua Lý Cao Tôn thế nào ? 2) Loạn quân đốt phá kinh thành, vua Cao Tôn làm gì ? 3) Vua Lý Huệ Tông đau ốm luôn, ai nắm thế quyền bính ? 4) Nghe lời Trần Thủ Độ, vua Huệ Tông làm gì ? 5) Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho ai ? 6) Nhà Hậu Lý trị vì bao lâu ?

31

NHÀ TRẦN (1225-1400)

TRẦN THỦ ĐỘ GIÚP TRẦN THÁI TÔN DỰNG NGHIỆP

Dàn bài 1. Trần Cảnh lên ngôi, 2. Trần Thủ Độ diệt nhà Lý, 3. Công lao của Trần Thủ Độ.

Bài học

- ♦ Trần Cảnh lên ngôi, xưng hiệu là Trần Thái Tông. Thái Tông mới 8 tuổi nên Trần Thủ Độ nắm hết quyền bính.
- ♦ Để giữ vững cơ nghiệp nhà Trần, Trần Thủ Độ dùng những thủ đoạn độc ác diệt nhà Lý như bức tử Lý Cao Tôn, chôn sống tôn thất, bắt dân họ Lý phải cải thành họ Nguyễn.
- ♦ Trần Thủ Độ là đại công thần của nhà Trần. Ngoài việc giúp vua Thái Tông dẹp giặc, ông còn giúp vua tổ chức một nền nội trị vững chắc.

Câu hỏi 1) Trần Cảnh xưng hiệu là gì ? 2) Tại sao Trần Thủ Độ nắm hết quyền bính ? 3) Trần Thủ Độ dùng những thủ đoạn độc ác nào để diệt nhà Lý ? 4) Trần Thủ Độ được coi là gì ? 5) Trần Thủ Độ giúp vua Thái Tông những gì ?



Ai là khai quốc công thần,
Dày công xây dựng nhà Trần thuở xưa ?



Đập đê, dạy võ khuyến nông,
Diệt trừ trộm cướp là công Trần triều,

32

NHÀ TRẦN : NỘI TRỊ

Dàn bài 1. Tò chức cai trị. 2. Tò chức kinh tế.
3. Tò chức quân sự.

Bài học

- ♦ Nhà Trần chia nước làm 12 lộ, mỗi lộ có một An Phủ Sứ cai trị. Nhà vua đặt chức Ngự Sứ để kiểm soát các quan. Nhà Trần ban bố hình luật nghiêm khắc để trị trộm cướp.
- ♦ Tò chức kinh tế đời Trần cải tiến như định lại thuế thân và thuế điền, thống nhất tiền tệ, đặt chức Hà Đê Sứ trông coi đê, khai khẩn ruộng hoang.
- ♦ Nhà Trần chinh đồn quân sự như mở giảng võ đường để rèn luyện binh sĩ, tổ chức hải quân hùng mạnh.

Câu hỏi 1) Nhà Trần chia nước làm mấy lộ ? 2) Mỗi lộ có ai cai trị ? 3) Nhà vua đặt chức gì để kiểm soát các quan ? 4) Nhà Trần ban bố một hình luật như thế nào ? 5) Tò chức kinh tế đời Trần cải tiến như thế nào ? 6) Nhà Trần chinh đồn quân sự như thế nào ?

33

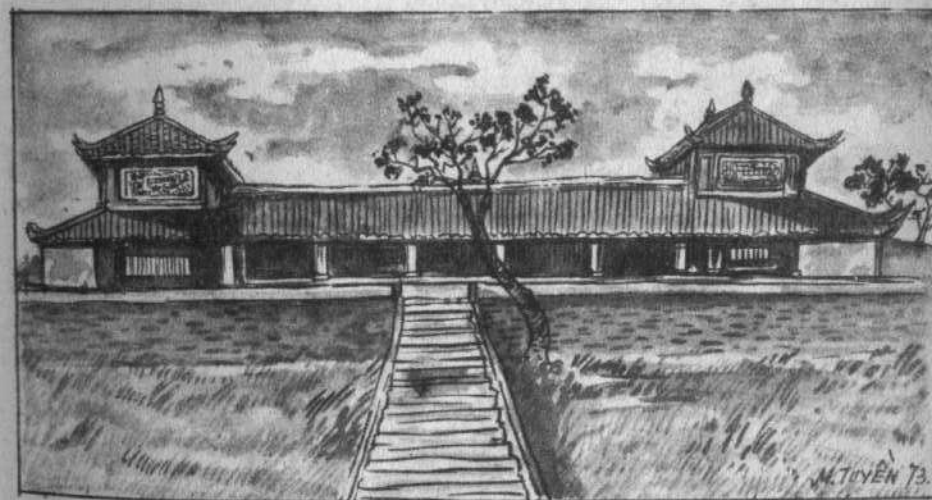
NHÀ TRẦN : VĂN HOÁ — TÔN GIÁO

Dàn bài 1. Văn hoá thịnh phát. 2. Nho giáo toàn thịnh.

Bài học

- ♦ Nhà Trần mở thêm trường tại kinh đô : ngoài Quốc Tử Giám, nhà vua còn lập thêm Quốc Học Viện.
- Nhà Trần cải tổ thi cử : mở khoa thi Tiến Sĩ, khoa thi Tam Khôi để lấy Trạng Nguyên, Bảng-Nhân và Thám Hoa, ấn định môn thi và thời gian thi. Đời Trần xuất hiện nhiều văn tài như Lê Văn Hưu, Hàn Thuyên khởi xướng dùng chữ Nôm, Chu Văn An và Mạc Đĩnh Chi.
- ♦ Lúc đầu, Phật giáo còn thịnh nhưng về sau suy dần. Vua và triều thần nhà Trần đều tham nhuần Nho giáo.

Câu hỏi 1) Ngoài Quốc Tử giám, nhà Trần còn lập thêm trường gì tại kinh đô ? 2) Nhà Trần cải tổ thi cử như thế nào ? 3) Đời Trần xuất hiện những văn tài nào ? 4) Phật giáo đời Trần ra sao ? 5) Nho giáo đời Trần ra sao ?



Đạo Nho toàn thịnh đời Trần,
Văn Nôm cũng được quan dân trau giồi.



Ta không cõ giữ Thăng Long.
Sau ta đại thắng ở Đông Bộ Đầu.

34 NHÀ TRẦN THẮNG MÔNG CỎ LẦN THỨ NHẤT

Dàn bài 1. Nguyên nhân. 2. Quân Mông Cỏ tàn phá Thăng Long.
3. Quân ta toàn thắng.

Bài học

- ♦ Diệt nhà Tống xong, vua Nguyên bắt Trần Thái Tôn thần phục. Ông không chịu, bắt giam sứ giả.
- ♦ Năm 1257, quân Mông Cỏ ồ ạt xâm chiếm nước ta. Trần Hưng Đạo rút binh về Đông Bộ Đầu, vua Thái Tôn bỏ kinh thành chạy về Thiên Mạc (Hưng Yên). Quân Mông Cỏ tràn vào Thăng Long, cướp bóc và tàn sát dân ta.
- ♦ Quân Mông Cỏ dần dần mỏi mệt và bệnh tật vì không hợp khí hậu. Thời cơ, quân ta phản công ở Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cỏ thua, rút về Tàu.

Câu hỏi 1) Không chịu thần phục vua Nguyên, vua Trần Thái Tôn còn làm gì ? 2) Quân Mông Cỏ tràn chiếm nước ta, Trần Hưng Đạo làm gì ? 3) Sau khi Trần Hưng Đạo rút binh, quân Mông Cỏ làm gì ? 4) Tại sao quân Mông Cỏ mỏi mệt và bệnh tật ? 5) Quân ta phản công và thắng quân Mông Cỏ ở đâu ?

35

NHÀ TRẦN : THẮNG MÔNG CỎ LẦN THỨ HAI

Dàn bài 1. Nguyên nhân. 2. Quân ta thua liên tiếp.
3. Quân ta phản công và toàn thắng.

Bài học

- ♦ Năm 1284, vua Nguyên sai Thoát Hoan, Toa Đô, Ô Mã Nhi sang đánh nước ta để phục thù.
- ♦ Vua Nhân Tôn liền triệu tập các bô lão tại điện Diên Hồng. Thấy dân quyết chiến, vua Nhân Tôn cử Trần Hưng Đạo toàn quyền chống giặc. Lúc đầu, quân ta yếu thế nên quân Mông Cỏ chiếm Thăng Long rồi Nghệ An.
- ♦ Về sau, nhờ lòng quyết thắng, quân dân ta thắng giặc tại khắp mặt trận Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp. Toa Đô bị giết, Ô Mã Nhi và Thoát Hoan chạy về Tàu.

Câu hỏi 1) Vua Nguyên sai ai sang đánh nước ta lần thứ hai ? 2) Vua Trần Nhân Tôn triệu tập các bô lão tại đâu ? 3) Vua Trần Nhân Tôn cử ai toàn quyền chống giặc ? 4) Lúc đầu, quân Mông Cỏ chiếm những nơi nào ? 5) Về sau, quân dân ta thắng giặc tại những mặt trận nào ? 6) Bị bại trận, các tướng Mông Cỏ ra sao ?



Tiếp theo hội nghị Diên Hồng,
Vua tôi, tướng sĩ hết lòng phá Nguyên. 45



Toàn dân bảo vệ giang san,
Mã Nhi bị bắt, Thoát Hoan chạy dài

36

NHÀ TRẦN: THẮNG MÔNG CỎ LẦN THỨ BA

Dàn bài 1. Vua Nguyên phục thù. 2. Quân ta phản công và toàn thắng.
3. Vua Nguyên vỡ mộng xâm lăng.

Bài học

- ♦ Năm 1287, vua Nguyên lại sai Thoát Hoan, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp xâm chiếm nước ta lần thứ ba.
- ♦ Quân Mông Cỏ chiếm Vạn Kiếp. Trần Hưng Đạo rút về cố thủ Thăng Long. Về sau, Trần Khánh Dư chặn cướp thuyền lương của giặc tại Vân Đồn. Hết binh lương, giặc rút lui. Thừa cơ hội, quân ta phản công. Trần Hưng Đạo phá tan giặc tại sông Bạch Đằng và bắt sống Ô Mã Nhi. Phạm Ngũ Lão đánh tan bộ binh của Thoát Hoan tại Lạng Sơn.
- ♦ Thất bại chưa cay lần thứ ba, vua Nguyên vỡ mộng xâm lăng.

Câu hỏi 1) Vua Nguyên sai ai xâm chiếm nước ta lần thứ ba? 2) Quân Mông Cỏ tràn chiếm Vạn Kiếp, Trần Hưng Đạo làm sao? 3) Ai đánh thắng giặc tại Vân Đồn? 4) Tại sao giặc rút lui? 5) Trần Hưng Đạo phá tan giặc tại đâu? 6) Phạm Ngũ Lão đánh tan giặc tại đâu?

37

NHÀ TRẦN ĐÁNH ĐẸP AI LAO VÀ CHIÊM THÀNH

Dàn bài 1. Ai Lao quấy rối nước ta. 2. Chiến tranh Chiêm-Việt.

Bài học

- ♦ Dưới đời nhà Trần, Ai Lao thường quấy rối vùng Thanh Hoá và Nghệ An. Vua quan ta phải đánh dẹp nhiều lần mới yên.
- ♦ Lúc đầu, Chiêm Thành bang giao với nước ta êm đẹp. Vua Anh Tôn gả Huyền Trân Công Chúa cho Chế Mân, vua Chiêm dâng 2 châu Ô, Rí (Thừa Thiên).

Về sau, Chế Bồng Nga lấy cớ đòi lại 2 châu Ô, Rí, tiến ra đánh phá Thăng Long 3 lần. Triều đình ta phải bỏ chạy. Năm 1389, Chế Bồng Nga tấn công nước ta một lần nữa nhưng bị Trần Khắc Chân bắn chết.

Câu hỏi 1) Dưới đời nhà Trần, Ai Lao thường quấy rối vùng nào? 2) Vua quan ta phải làm gì? 3) Lấy Huyền Trân công chúa, vua Chế Mân dâng gì? 4) Chế Bồng Nga đánh phá Thăng Long mấy lần? 5) Ai bắn chết Chế Bồng Nga?



Được Huyền Trân, mất hai châu,
Bồng Nga uất hận về châu Diêm Vương.



Nhà Trần đã đèn hời suy,
Nghệ Tôn nhu nhược, Quý Ly chuyên quyền.

38

NHÀ TRẦN : THỜI SUY VONG

Dàn bài 1. Dụ Tôn bỏ phế triều đình. 2. Nghệ Tôn nhu nhược.
3. Lê Quý Ly cướp ngôi.

Bài học

- ♦ Vua Trần Dụ Tôn ham mê tửu sắc, bỏ phế triều chính. Nịnh thần lộng hành, giặc giã nổi lên khắp nơi.
- ♦ Vua Trần Nghệ Tôn nhu nhược, tin dùng Lê Quý Ly, giết hại họ hàng và trung thần.
- ♦ Nghệ Tôn mất, Quý Ly bắt vua Thuận Tôn dời kinh vào Tây Đô (Thanh Hoá). Nghe lời Quý Ly, Thuận Tôn đi tu rồi bị giết. Thiếu Đế lên ngôi, mới 3 tuổi. Năm 1400, Quý Ly truất phế Thiếu Đế, tự xưng làm vua. Nhà Trần trị vì được 175 năm (1225-1400) thì mất ngôi.

Câu hỏi 1) Vua Trần Dụ Tôn thế nào? 2) Vua Trần Nghệ Tôn thế nào? 3) Lê Quý Ly dời đô vào đâu? 4) Năm 1400, Lê Quý Ly cướp ngôi nhà Trần cách nào? 5) Nhà Trần trị vì được bao lâu?

39

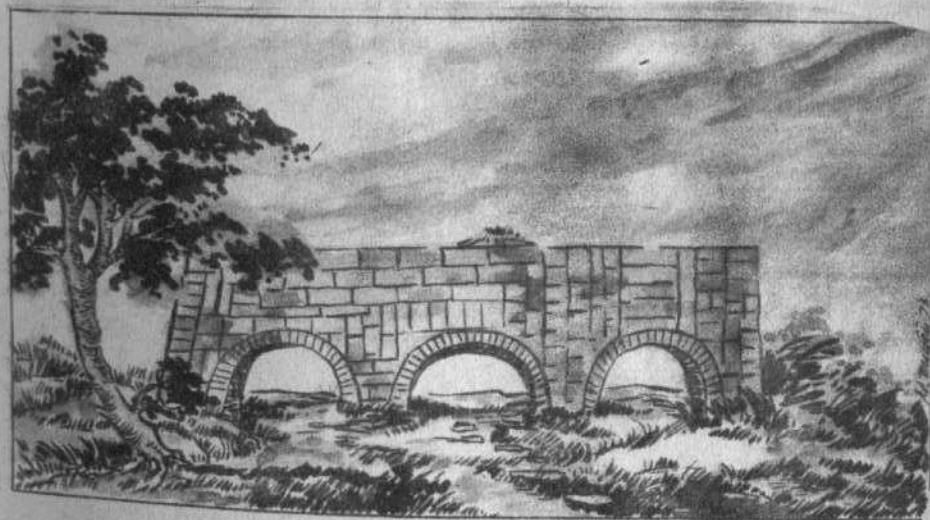
NHÀ HỒ (1400-1407) NHỮNG CẢI CÁCH

Dàn bài 1. Lê Quý Ly lập ra nhà Hồ. 2. Những cải cách.

Bài học

- ♦ Năm 1400, Lê Quý Ly lên ngôi, lấy lại họ Hồ, đổi quốc hiệu là Đại Ngu, đóng đô ở Tây Đô.
- ♦ Trong việc tổ chức nền nội trị, Hồ Quý Ly đã cải cách:
 - Về quân sự: ông sai đóng chiến thuyền lớn, lập kho quân nhu, xưởng chế binh khí...
 - Về kinh tế: ông đặt thêm thuế thuyền buôn, cho in tiền giấy.
 - Về xã hội: ông lập y-ty để chăm sóc sức khoẻ dân.
 - Về văn hóa: ông đặt thêm môn toán pháp trong các khoa thi, khuyến khích dùng chữ Nôm.

Câu hỏi 1) Hồ Quý Ly đặt quốc hiệu là gì? đóng đô ở đâu? 2) Về quân sự, Hồ Quý Ly cải cách những gì? 3) Về kinh tế, ông cải cách những gì? 4) Về xã hội, ông cải cách gì? 5) Về văn hoá, ông cải cách những gì?



Quý Ly sáng lập nhà Hồ,
Ngày nay di tích Tây Đô vẫn còn,



Nhà Hồ quyết chống xâm lăng,
Không ai chê được, tuy rằng bại vong

40

NHÀ HỒ : CHỐNG NHÀ MINH

Dàn bài 1. Trương Phụ, Mộc Thạnh đánh nước ta.
2. Cha con Hồ Quý Ly bị bắt.

Bài học

- ♦ Lấy cớ nhà Trần cầu cứu, năm 1406 vua Minh sai Trương Phụ và Mộc Thạnh sang đánh họ Hồ.
- ♦ Một phần vì quân Minh mạnh, một phần vì lòng dân không phục, quân nhà Hồ thua mãi. Quân Minh chiếm 2 thành Đa Bang (Sơn Tây) và Đông Đô (Thăng Long). Sau đó, quân Minh đại thắng ở sông Mộc Phàm và bến Hàm Tử. Cha con Hồ Quý Ly chạy đến Hà Tĩnh thì bị quân Minh giải về Tàu.

Nhà Hồ trị vì được 7 năm (1400-1407) thì mất ngôi.

Câu hỏi 1) Lấy cớ gì vua Minh xâm chiếm nước ta ? 2) Vua Minh sai ai sang đánh họ Hồ ? 3) Tại sao quân nhà Hồ thua mãi ? 4) Quân Minh chiếm 2 thành nào ? 5) Sau đó, quân Minh lại đánh thắng ở đâu ? 6) Nhà Hồ trị vì được bao lâu ?

41

NHÀ HẬU TRẦN : CHỐNG MINH

Dàn bài 1. Giản Định Đế chống Minh. 2. Trần Quý Khoách chống Minh.

Bài học

- ♦ Diệt nhà Hồ xong, nhà Minh đô hộ nước ta. Năm 1407, Giản Định Đế đứng lên khởi nghĩa. Nhờ hào kiệt khắp nơi hưởng ứng, Giản Định Đế đánh thắng quân Minh tại Bồ Cô (Ninh Bình). Về sau, ông giết oan 2 tướng tài Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân.
- ♦ Tướng sĩ bỏ Giản Định Đế, tôn Trần Quý Khoách làm vua tức Trùng Quang Đế.

Trương Phụ lại đem binh qua, đánh bại quân ta. Trùng Quang Đế chạy vào Nghệ An rồi Hoá Châu thì bị bắt. Trên đường giải về Tàu, Trùng Quang Đế và Đặng Dung nhảy xuống biển tự tử.

Câu hỏi 1) Diệt xong nhà Hồ, nhà Minh làm gì ? 2) Nhờ đâu Giản Định Đế đánh thắng quân Minh tại Bồ Cô ? 3) Giản Định Đế giết oan Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân thì tướng sĩ làm gì ? 4) Bị Trương Phụ đánh bại, Trùng Quang Đế ra sao ? 5) Trên đường giải về Tàu, Trùng Quang Đế và tướng Đặng Dung làm gì ?





42

Dưới thời Minh thuộc tham tàn,
Ngoại bang bóc lột dã man dân mình.

THỜI MINH THUỘC (1414-1427)

Dàn bài

1. Chính sách bóc lột.
2. Kiểm soát chặt chẽ.
3. Chính sách đồng hoá.

Bài học

- ♦ Dưới thời Minh thuộc, dân ta sống vô cùng lầm than và khổ sở. Quân Minh đặt thuế khoá nặng nề, bắt dân ta lên rừng, xuống biển tìm châu báu.
- ♦ Quân Minh kiểm soát dân ta chặt chẽ để phòng ngừa sự nổi dậy. Chúng chia nước ta ra thành lý và giáp, đặt sở kiểm tra cá nhân và gia đình.
- ♦ Quân Minh lại tìm đủ cách đồng hoá dân ta. Chúng thu hết sách vở quý giá của nước ta đem về Tàu, bắt dân ta ăn mặc và theo phong tục Tàu, thờ thần thánh Tàu.

Câu hỏi

- 1) Dưới thời Minh thuộc, dân ta ra sao ? 2) Quân Minh bóc lột dân ta như thế nào ? 3) Quân Minh kiểm soát dân ta chặt chẽ như thế nào ? 4) Quân Minh tìm những cách nào để đồng hoá dân ta ?

43

LÊ LỢI KHỞI NGHĨA (1418-1427)

Dàn bài

1. Thân thế của Lê Lợi.
2. Căn cứ Chí Linh.

Bài học

- ♦ Lê Lợi quê ở Lam Sơn (Thanh Hoá) là một phú nông nổi tiếng trong vùng. Năm 1418, ông phát cờ khởi nghĩa, xưng là Bình Định Vương.
- ♦ Lúc đầu Vương lấy Chí Linh làm căn cứ địa. Lần thứ nhất, quân Minh đánh úp Chí Linh : Vương phải bỏ chạy để vợ con lại bị giặc bắt. Lần thứ hai, quân Minh bao vây Chí Linh : nhờ Lê Lai liều mình cứu chúa, Vương mới chạy thoát. Lần thứ ba quân Minh phong toả Chí Linh : hết binh lương, Vương phải tạm hoà với giặc

Câu hỏi

- 1) Lê Lợi quê ở đâu ? 2) Khi phát cờ khởi nghĩa, ông xưng là gì ? 3) Lần thứ nhất, quân Minh đánh úp Chí Linh, ông làm gì ? 4) Lần thứ hai, quân Minh bao vây Chí Linh, ông làm gì ? 5) Lần thứ ba, quân Minh phong toả Chí Linh, ông làm gì ?



Quyết tâm giải phóng nước nhà,
Mười năm gian khổ thiệt là bền gan.



44

Vua Lê đại thắng quân Minh,
Nước mình độc lập, dân mình tự do.

LÊ LỢI GIẢI PHÓNG ĐẤT NƯỚC (1427)

Dàn bài 1. Bình Định Vương giải phóng miền Nam.
2. Bình Định Vương phản công ra Bắc.

Bài học

- Năm 1424, Bình Định Vương tiến quân xuống phía Nam, vây giặc tại Nghệ An và Tây Đô rồi chiếm Tân Bình (Quảng Bình, Quảng Trị) và Thuận Hoá (Thừa Thiên, Quảng Nam). Chỉ trong vòng mấy tháng, Vương giải phóng miền Nam.
- Năm 1426, thấy thế lực đã mạnh, Vương phản công ra Bắc, đại thắng Vương Thông tại Tuy Động và vây thành Đông Đô (Thăng Long). Hai đạo quân tiếp viện kén sang: Vương dùng phục binh chém Liễu Thăng tại Chi Lăng, Mộc Thạnh bỏ chạy về Tàu. Thấy thế cùng, Vương Thông xin hàng.

Câu hỏi 1) Tiến quân xuống phía Nam, Bình Định Vương vây giặc tại đâu? Và chiếm những nơi nào? 2) Phản công ra Bắc, Bình Định Vương thắng tại đâu? Và vây thành gì? 3) Bình Định Vương dùng phục binh chém Liễu Thăng tại đâu? 4) Tướng Mộc Thạnh làm gì? 5) Thấy thế cùng, Vương Thông làm gì?

45

NHÀ HẬU LÊ LÊ THÁI TỒ — LÊ THÁNH TÔN

Dàn bài 1. Lê Thái Tổ tái thiết nước nhà.
2. Lê Thánh Tôn là một vị anh quân.

Bài học

- Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi, xưng là Lê Thái Tổ, lấy lại quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh (Thăng Long). Ông chú tâm tái thiết nước nhà sau 10 năm chiến tranh nhưng được 6 năm thì ông mất.
- Lê Thánh Tôn là một vị anh quân, có công xây dựng một triều đại thịnh trị. Trong suốt 38 năm trị vì (1460-1497) ông chăm lo tổ chức triều chính qui củ đặt nền cai trị vững chắc, phát huy văn hóa, mở mang bờ cõi.

Câu hỏi 1) Lê Lợi lên ngôi, xưng là gì? Lấy lại quốc hiệu gì? Đóng đô ở đâu? 2) Sau 10 năm chiến tranh, ông chăm lo gì? 3) Lê Thánh Tôn là một vị vua như thế nào? Có công gì? 4) Trong suốt 38 năm trị vì, Lê Thánh Tôn đã làm gì?



Vua Lê tái thiết nước nhà,
Thánh Tôn nổi nghiệp cũng là anh quân.



Thánh Tôn cải tổ nước nhà,
Ban hành luật pháp thiết là công minh.

46

NHÀ HẬU LÊ: NỘI TRỊ

Dàn bài 1. Tò chức cai trị. 2. Tò chức luật pháp.

Bài học

- ♦ Nhà Hậu Lê chia nước làm 13 đạo, đứng đầu là quan Giám Sát Ngự Sử có nhiệm vụ điều hành và kiểm soát công việc. Mỗi đạo có 3 toà : toà Đô trông coi quân sự, toà Thừa trông coi hành chánh, toà Hiến trông coi phát luật.

Nhà Hậu Lê cải tổ triều chính. Hai vị tả, hữu Tướng Quốc giúp vua cai trị nước. Sáu vị Thượng Thư đứng đầu 6 bộ chuyên môn : bộ Lễ, bộ Lại, bộ Hộ, bộ Binh, bộ Công, bộ Hình.

- ♦ Vua Lê Thánh Tôn ban bố bộ luật Hồng Đức rất tiến bộ, nhân đạo và công bằng.

Câu hỏi 1) Nhà Hậu Lê chia nước làm mấy đạo ? 2) Đứng đầu mỗi đạo là ai ? Có nhiệm vụ gì ? 3) Mỗi đạo có mấy toà ? Mỗi toà trông coi gì ? 4) Ai giúp vua cai trị nước ? 5) Ai đứng đầu mỗi bộ ? Kể tên 6 bộ ? 6) Vua Lê Thánh Tôn ban bố bộ luật gì ? Bộ luật đó như thế nào ?

47

NHÀ HẬU LÊ VĂN HOÁ — TÔN GIÁO

Dàn bài 1. Văn hoá cực thịnh. 2. Nho giáo cực thịnh.

Bài học

- ♦ Các vua nhà Hậu Lê đều chăm lo phát huy văn hoá. Vua Thái Tổ lập nhiều trường tại các phủ huyện và mở khoa thi Minh Kinh tại các bộ để chọn nhân tài. Vua Thái Tôn đặt lệ khắc tên các tiến sĩ vào bia đá dựng ở Văn Miếu. Vua Thánh Tôn tồ chức lệ xướng danh và vinh qui cho các Tiến Sĩ, lập hội thơ Tao Đàn và xây thư viện.

- ♦ Trong thời Hậu Lê, Nho giáo cực thịnh còn Phật giáo và Lão giáo đều suy tàn.

Câu hỏi 1) Vua Lê Thái Tổ phát triển văn hoá cách nào ? 2) Vua Lê Thái Tôn đặt lệ gì ? 3) Vua Lê Thánh Tôn tồ chức lệ gì ? 4) Vua Lê Thánh Tôn lập hội thơ gì và xây gì ? 5) Trong thời Hậu Lê, Nho giáo ra sao ? Phật giáo và Lão giáo ra sao ?



Đạo nho rất được đề cao,
Văn chương không có thời nào thịnh hơn.



Lê triều khuyến khích nghề nông,
Nhân dân hưởng ứng, cấy trồng khắp nơi

48

NHÀ HẬU LÊ

QUÂN SỰ — KINH TẾ — XÃ HỘI

Dàn bài 1. Tờ chức quân sự.
2. Tờ chức kinh tế. 3. Tờ chức xã hội.

Bài học

- ♦ Vua Thánh Tôn chinh đồn quân sự như cải tiến phương pháp huấn luyện binh sĩ, mở khoa thi tuyển quan võ.
- ♦ Vua Thánh Tôn phát triển kinh tế như lập sở khuyến nông tại các đạo, lập nhiều đồn điền, thống nhất đo lường.
- ♦ Vua Lê Thánh Tôn cải tiến xã hội như lập nhà Tế Sinh để chăm sóc miễn phí bệnh nhân, sửa đổi phong tục, đặt 24 điều Huấn Dụ nhắc nhở bốn phận người dân.

Câu hỏi 1) Vua Thánh Tôn chinh đồn quân sự như thế nào? 2) Vua Thánh Tôn phát triển kinh tế như thế nào? 3) Vua Thánh Tôn lập nhà Tế sinh để làm gì? 4) Vua Thánh Tôn đặt 24 điều Huấn Dụ để làm gì?

49

NHÀ HẬU LÊ: MỞ MANG BỜ CỎ

Dàn bài 1. Đánh Chiêm Thành. 2. Đánh Ai Lao và Bồn Man.

Bài học

- ♦ Năm 1470, vua Chiêm là Trà Toàn đánh phá Hoá Châu. Vua Thánh Tôn thân chinh dẹp giặc, chiếm được kinh đô Đồ Bàn (Bình Định) và bắt được Trà Toàn. Vua Thánh Tôn lấy đất mới chiếm lập ra đạo Quảng Nam và chia Chiêm Thành làm 3 nước nhỏ.
- ♦ Xứ Bồn Man qui phục nước ta từ lâu, vua ta đòi thành phủ Trấn Ninh. Năm 1479, tù trưởng Cầm Công liên minh với Ai Lao đề chống lại nước ta. Vua Thánh Tôn cử binh đánh dẹp. Vua Ai Lao bỏ chạy, Cầm Công tử trận.

Câu hỏi 1) Vua Lê Thánh Tôn thân chinh dẹp giặc, thắng lợi như thế nào? 2) Lấy đất mới chiếm, vua Thánh Tôn lập đạo gì? 3) Vua Thánh Tôn chia nước Chiêm Thành ra sao? 4) Tù trưởng xứ Bồn Man liên minh với ai để chống lại nước ta? 5) Vua Thánh Tôn cử binh đánh dẹp, kết quả ra sao?



Phá Chiêm Thành, đánh Ai-Lao,
Thánh Tôn văn võ lược thao gồm tài



Hết hồi thịnh, đến hồi suy,
Hậu Lê, quyền bính thuộc về Đăng Dung.

50

NHÀ HẬU LÊ: THỜI SUY VONG

Dàn bài 1. Lê Uy Mục tàn bạo.
2. Lê Tương Dực xa xỉ. 3. Lê Chiêu Tôn bất tài.

Bài học

- ♦ Vua Uy Mục ham mê tửu sắc, tàn bạo, giết hại công thần.
- ♦ Vua Tương Dực xa xỉ, khiến công quỹ hao hụt. Khi giặc Trần Cao đánh phá kinh thành, các quan hợp sức dẹp loạn rồi tranh quyền, chém giết lẫn nhau.
- ♦ Vua Chiêu Tôn bất tài, trao hết quyền bính cho Mạc Đăng Dung. Dẹp xong các loạn tướng, Mạc Đăng Dung sinh ra lòng quyền, Chiêu Tôn bỏ trốn rồi mưu đồ chống lại, nhưng bị giết. Mạc Đăng Dung lập Cung Hoàng làm vua, rồi cướp ngôi nhà Hậu Lê.

Câu hỏi 1) Vua Lê Uy Mục như thế nào? 2) Vua Lê Tương Dực như thế nào? 3) Khi giặc Trần Cao đánh phá kinh thành, các quan làm gì? 4) Dẹp xong các loạn tướng, Mạc Đăng Dung sinh ra gì? 5) Vua Lê Chiêu Tôn bỏ trốn rồi làm gì? 6) Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Hậu Lê cách nào?

51

NHÀ MẠC (1527-1592): MẠC ĐĂNG DUNG

Dàn bài 1. Thân thế của Mạc Đăng Dung. 2. Nội trị.
3. Giao thiệp với nhà Minh.

Bài học

- ♦ Mạc Đăng Dung là cháu bảy đời của Mạc Đĩnh Chi. Ông được các vua cuối đời Hậu Lê tin dùng. Năm 1527 ông dùng nhiều thủ đoạn cướp ngôi nhà Hậu Lê, lập ra nhà Mạc.
- ♦ Ông vẫn theo phép cai trị của nhà Lê để lấy lòng dân. Ông lại phong quan tước cho các con cháu cự thần, nhưng ít người chịu nhận.
- ♦ Năm 1540, nhà Minh lấy cớ giúp nhà Hậu Lê, đem quân đóng gần biên giới đe dọa đánh. Mạc Đăng Dung hoảng sợ, bèn xin dâng đất và châu báu.

Câu hỏi 1) Mạc Đăng Dung là cháu của ai? Ông được các vua nào tin dùng? 3) Ông theo phép cai trị của nhà Hậu Lê để làm gì? 4) Ông phong quan tước cho ai? Kết quả ra sao? 5) Nhà Minh đem quân đe dọa đánh, Mạc Đăng Dung làm gì?



Đăng Dung chẳng chút can tròng,
Than ôi! Chưa đánh đã hàng quân Minh!



Nguyễn Kim khi đã qua đời,
Phò Lê, Trịnh Kiểm là người đảm đương.

52

NGUYỄN KIM GIÚP NHÀ LÊ

Dàn bài 1. Nguyễn Kim giúp nhà Lê. 2. Trịnh Kiểm tiếp nối công trình.

Bài học

- Nguyễn Kim không phục nhà Mạc, chiêu mộ binh sĩ chống lại. Năm 1532, ông lập Lê Trang Tôn, con út Lê Chiêu Tôn, làm vua. Nhờ hào kiệt nhiệt liệt ủng hộ, ông đánh chiếm Nghệ An, Thanh Hoá để lập căn cứ. Năm 1545, trên đường tấn công ra Sơn Nam ông bị một hàng tướng nhà Mạc thuốc chết.
- Con rể là Trịnh Kiểm lên nắm binh quyền, rút về Thanh Hoá. Hai bên đánh nhau bất phân thắng bại, nước nhà bị chia hai: phía Bắc thuộc nhà Mạc (Bắc triều) phía Nam thuộc nhà Lê (Nam triều).

Câu hỏi 1) Không phục nhà Mạc, Nguyễn Kim làm gì? 2) Ông lập ai làm vua? 3) Ông đánh chiếm những nơi nào để lập căn cứ? 4) Trên đường tấn công ra Sơn Nam, ông bị gì? 5) Sau khi ông chết, ai lên nắm binh quyền? 6) Hai bên đánh nhau bất phân thắng bại, nước nhà ra sao?

53

TRỊNH TÙNG DIỆT NHÀ MẠC (1592)

Dàn bài 1. Nhà Mạc suy yếu. 2. Trịnh Tùng chiếm Đông Kinh. 3. Nhà Mạc giữ đất Cao Bằng.

Bài học

- Sau Mạc Đăng Dung, nhà Mạc truyền được bốn đời nữa. Mạc Mậu Hợp phạm nhiều lầm lỗi, khiến tướng tài bỏ đi hàng Trịnh. Nhà Mạc suy yếu từ đó.
- Trịnh Tùng kế nghiệp Trịnh Kiểm sau khi truất phế anh là Trịnh Cối. Trong suốt mười năm ông giữ thế thủ. Năm 1592, thấy thế lực đã mạnh, ông phản công ra Bắc, chiếm Đông Kinh và bắt giết Mạc Mậu Hợp.
- Con cháu nhà Mạc thu tàn binh chống Trịnh Tùng, bị tiêu diệt, phải chạy lên Cao Bằng nhờ nhà Minh giúp.

Câu hỏi 1) Sau Mạc Đăng Dung, nhà Mạc truyền được mấy đời nữa? 2) Tại sao tướng tài bỏ đi hàng Trịnh? 3) Ai kế nghiệp Trịnh Kiểm? 4) Trong suốt 10 năm, Trịnh Tùng làm gì? 5) Trịnh Tùng phản công ra Bắc, thắng lợi như thế nào? 6) Con cháu nhà Mạc thu tàn binh chống Trịnh Tùng, kết quả ra sao?



Trịnh Tùng đánh chiếm Đông Kinh,
Mạc thua dựa thế nhà Minh mới còn

63



*Trịnh Tùng nắm hết binh quyền,
Vua Lê chỉ được đặt lên làm vò.*

54

TRỊNH NGUYỄN XUNG CHÚA

Dàn bài 1. Trịnh Tùng xưng Chúa miền Bắc.
2. Nguyễn Hoàng xưng Chúa miền Nam.

Bài học

- ♦ Chiếm miền Bắc xong, Trịnh Tùng nắm hết quyền binh rồi xưng Chúa. Vua Lê chỉ còn hư vị.
- ♦ Nguyễn Kim có hai con trai là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng. Trịnh Kiểm kiếm chuyện giết Nguyễn Uông. Nguyễn Hoàng sợ bị hại, xin ra trấn giữ Thuận Hoá (Thừa Thiên). Trịnh Kiểm thuận, cấp thêm đất Quảng Nam. Nguyễn Hoàng chăm lo xây đắp miền Nam đề dựng nghiệp lâu dài. Thấy thế lực mình đã mạnh, đủ sức chống Trịnh Tùng, Nguyễn Hoàng bèn xưng Chúa.

Câu hỏi 1) Chiếm miền Bắc xong, Trịnh Tùng làm gì? 2) Vua Lê ra sao? 3) Nguyễn Kim có mấy con trai? 4) Sau khi Nguyễn Uông bị giết, Nguyễn Hoàng làm gì? 5) Nguyễn Hoàng chăm lo xây dựng miền Nam đề làm gì? 6) Thấy thế lực đã mạnh, Nguyễn Hoàng làm gì?

55

TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH (1627 - 1672)

Dàn bài 1. Nguyên nhân. 2. Lực lượng 2 bên. 3. Nước ta bị chia đôi

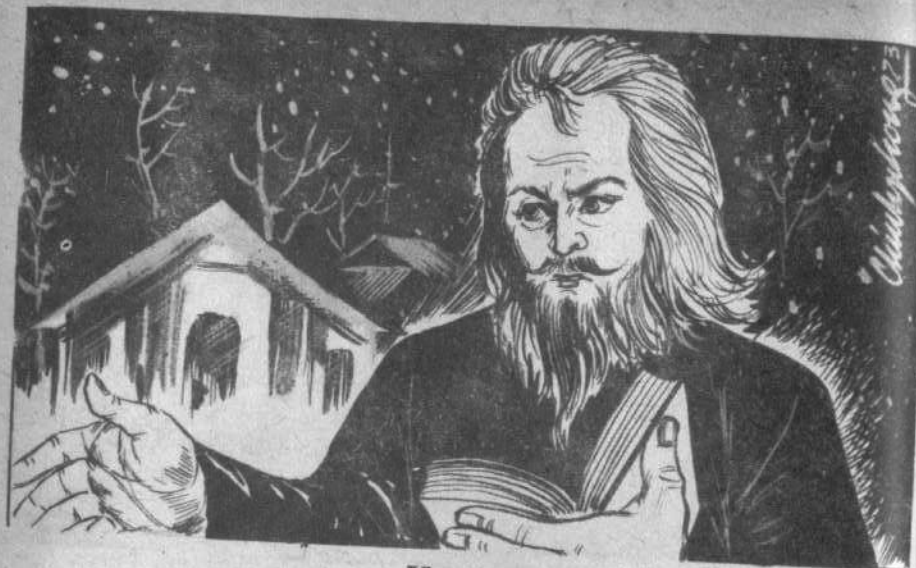
Bài học

- ♦ Lấy danh nghĩa phò Lê, Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn kình chống nhau. Trịnh Tráng sai sứ vào Nam đòi thuế, chúa Nguyễn Phúc Nguyên không chịu nộp nên chiến tranh bùng nổ.
- ♦ Trong vòng 45 năm (1627 - 1672). Trịnh - Nguyễn đánh nhau cả thảy bảy lần. Quân Nguyễn tuy yếu nhưng nhờ có lũy Trường Dục và lũy Thầy kiên cố nên chống cự nổi. Quân Trịnh tuy mạnh nhưng phải đi đánh xa và không quen khí hậu.
- ♦ Hai bên bất phân thắng bại, phải ngưng chiến. Nước ta bị chia đôi, lấy sông Gianh làm ranh giới.

Câu hỏi 1) Lấy danh nghĩa phò Lê, Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn làm gì? 2) Tại sao chiến tranh bùng nổ? 3) Trong vòng 45 năm, Trịnh - Nguyễn đánh nhau mấy lần? 4) Quân Nguyễn tuy yếu nhưng nhờ có gì? 5) Quân Trịnh tuy mạnh nhưng gặp những bất lợi nào? 6) Hai bên đánh nhau bất phân thắng bại, nước nhà ra sao?



*Dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh,
Sông Gianh chia cắt nước mình làm hai.*



Xưa người Âu tới nước ta,
Không là giáo sĩ thì là thương buôn.

56

NGƯỜI ÂU CHÂU SANG NƯỚC TA

Dàn bài 1. Các thương gia Âu Châu.
2. Các nhà truyền giáo.
3. Chữ quốc ngữ ra đời.

Bài học

- ♦ Đầu thế kỷ thứ 17, người Âu Châu sang nước ta để giao thương và truyền giáo. Ngoài Bắc, người Hoà Lan, Pháp, Anh cạnh tranh buôn bán ở phố Hiến (Hưng Yên). Trong Nam, người Bồ Đào Nha buôn bán tập nập ở Hội An (Quảng Nam).
- ♦ Thoạt đầu, hai Chúa cho phép các giáo sĩ truyền đạo tự do. Về sau, thấy có hại cho phong tục, hai Chúa cấm đạo.
- ♦ Trong số những nhà truyền giáo, giáo sĩ Đắc Lộ (A-Lét-Xăng-Đờ-Rốt) có công sáng chế và cải tiến chữ quốc ngữ.

Câu hỏi 1) Đầu thế kỷ thứ 17, người Âu Châu sang nước ta để làm gì? 2) Ngoài Bắc, người Hoà Lan, Pháp, Anh buôn bán ở đâu? 3) Trong Nam, người Bồ Đào Nha buôn bán ở đâu? 4) Về sau, tại sao 2 Chúa cấm đạo? 5) Ai có công sáng chế và cải tiến chữ quốc ngữ?

57

TÂY SƠN KHỞI NGHĨA (1771)

Dàn bài 1. Nguyên nhân. 2. Tây Sơn chiếm thành Qui Nhơn.

Bài học

- ♦ Năm 1765, chúa Nguyễn Phúc Khoát mất. Trương Phúc Loan nắm hết quyền bính. Trương Phúc Loan tham lam, tàn bạo khiến nhân dân Nam Hà vô cùng căm phẫn.
- ♦ Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ quê ở ấp Tây Sơn (tỉnh Bình Định), đứng lên khởi nghĩa. Nhân dân nhiệt liệt ủng hộ. Năm 1773, Nguyễn Nhạc dùng mưu chiếm thành Qui Nhơn. Thừa thắng, quân Tây Sơn đánh chiếm luôn giải đất từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận.

Câu hỏi 1) Chúa Nguyễn Phúc Khoát mất, ai lên nắm hết quyền bính? 2) Tại sao nhân dân Nam Hà vô cùng căm phẫn? 3) Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ quê ở đâu? 4) Thoạt đầu, Nguyễn Nhạc đánh chiếm thành nào? 5) Thừa thắng, quân Tây Sơn làm gì?



Tây Sơn đánh chiếm Qui Nhơn,
Cũng vì dân chúng căm hờn Phúc Loan.



Tây Sơn chiếm được miền Nam,
Tự xưng hoàng đế, Đổ Bàn đóng đô.

58

TÂY SƠN THẮNG NGUYỄN (1778)

Dàn bài 1. Chúa Trịnh chiếm Phú Xuân.
2. Tây Sơn trả hàng Trịnh. 3. Nguyễn Nhạc xưng đế.

Bài học

- ♦ Hay tin Nam Hà rối loạn, Trịnh Sâm sai tướng đánh Phú Xuân (Huế). Chúa Nguyễn Định Vương chạy vào Gia Định.
- ♦ Quân Trịnh tràn xuống Quảng Nam và quân Nguyễn đánh lên, quân Tây Sơn kẹt trong thế gọng kềm. Nguyễn Nhạc trả hàng Trịnh để rảnh tay chống Nguyễn.
- ♦ Không lo mặt Bắc nữa, Tây Sơn đánh Gia Định. Quân Nguyễn đại bại vì nội bộ chia rẽ. Chúa Nguyễn bị giết, cháu là Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát. Chiếm Gia Định xong, năm 1778 Nguyễn Nhạc xưng đế, đóng đô ở Đồn Bàn.

Câu hỏi 1) Hay tin Nam Hà rối loạn, chúa Trịnh Sâm làm gì ? 2) Chúa Nguyễn Định Vương làm gì ? 3) Quân Tây Sơn kẹt trong thế gọng kềm, Nguyễn Nhạc làm gì ? 4) Tây Sơn đánh Gia Định, chúa Nguyễn và cháu ra sao ? 5) Tại sao quân Nguyễn đại bại ? 6) Chiếm Gia Định xong, Nguyễn Nhạc làm gì ?

59

TÂY SƠN DIỆT TRỊNH (1786)

Dàn bài 1. Bắc Hà rối loạn. 2. Nguyễn Huệ chiếm Bắc Hà.

Bài học

- ♦ Trịnh Sâm mất, trao quyền Chúa cho con thứ là Trịnh Cán. Trịnh Khải nhờ Ưu Binh truất phế em là Trịnh Cán. Cậy nhiều công, Ưu Binh cướp bóc, hăm hại dân lành : lòng người vô cùng căm phẫn.
- ♦ Năm 1786, thấy Bắc Hà suy yếu, Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ chiếm Thuận Hoá. Nghe lời bàn của Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc, vây đánh Thăng Long. Trịnh Khải bị bại, chạy trốn rồi tự tử. Nhà Trịnh mất nghiệp Chúa từ đó.

Câu hỏi 1) Trịnh Khải nhờ Ưu Binh làm gì ? 2) Cậy nhiều công, Ưu Binh làm gì ? Lòng người ra sao ? 3) Thấy Bắc Hà suy yếu, Nguyễn Nhạc làm gì ? 4) Nghe lời bàn của Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ làm gì ? 5) Bị bại, Trịnh Khải ra sao ?



Phê em dung túng Ưu-binh,
Chết vì tai vạ tự mình gây nên.

68

69



Tây Sơn dẹp loạn Bắc Hà.
Vua Lê cầu cứu với nhà Mãn Thanh.

60

NHÀ HẬU LÊ MẤT NGÔI (1788)

- Dàn bài
1. Nguyễn Huệ rút quân về Nam.
 2. Nguyễn Hữu Chỉnh lộng quyền nên bị giết.
 3. Vua Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu.

Bài học

- ♦ Diệt Trịnh xong, Nguyễn Huệ rút quân về Nam để Nguyễn Hữu Chỉnh lại.
- ♦ Vua Lê Chiêu Thống nhu nhược, bất tài nên bị Trịnh Bồng ép buộc lập lại phủ Chúa. Nguyễn Hữu Chỉnh giúp vua Lê dẹp Trịnh Bồng rồi sinh ra lộng quyền.
- ♦ Hay tin, Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm ra Bắc trừ Nguyễn Hữu Chỉnh. Vũ Văn Nhậm mưu phản, bị Nguyễn Huệ giết. Vua Chiêu Thống bỏ trốn sang Tàu. Nhà Hậu Lê mất ngôi sau 360 năm trị vì (1428-1788).

- Câu hỏi
- 1) Diệt Trịnh xong, Nguyễn Huệ làm gì?
 - 2) Vua Chiêu Thống bị Trịnh Bồng ép buộc gì?
 - 3) Nguyễn Hữu Chỉnh có công gì?
 - 4) Nguyễn Huệ sai ai trừ Nguyễn Hữu Chỉnh?

ĐỊA LÝ LỚP 4

MỤC LỤC

Cách vẽ bản đồ	72	26. Tiêu công nghệ	110
1. Việt Nam thiên nhiên: Đại cương	74	27. Kỹ nghệ	111
2. Núi ở Bắc phần	76	28. Đường bộ	112
3. Núi ở Trung phần và Nam phần	78	29. Đường hoả xa	114
4. Cao nguyên ở Việt Nam	80	30. Đường thủy	115
5. Đồng bằng Bắc phần		31. Đường hàng không	117
và Trung phần	81	32. Việc nội thương	118
6. Đồng bằng Nam phần	83	33. Việc ngoại thương	119
7. Biển	84	34. Kam-pu-chia thiên nhiên	120
8. Bờ biển	86	35. Kam-pu-chia thiên nhiên (tt)	122
9. Sông ngòi Bắc phần	87	36. Kam-pu-chia nhân văn	123
10. Sông ngòi Trung phần	89	37. Kam-pu-chia kinh tế	124
11. Sông ngòi Nam phần	91	38. Kam-pu-chia kinh tế (tt)	125
12. Khí hậu	93	39. Ai Lao thiên nhiên	126
13. Người Việt	94	40. Ai Lao thiên nhiên (tt)	127
14. Đồng bào thiểu số	96	41. Ai Lao nhân văn	128
15. Ngoại kiều ở Việt Nam	98	42. Ai Lao kinh tế	129
16. Việt Nam nhân văn: chánh trị	99	43. Ai Lao kinh tế (tt)	130
17. Chánh quyền trung ương	99	44. Trung Hoa thiên nhiên	131
18. Chánh quyền địa phương	100	45. Trung Hoa thiên nhiên (tt)	133
19. Nông nghiệp	102	46. Trung Hoa nhân văn	134
20. Cây dùng làm thực phẩm	103	47. Trung Hoa dân quốc kinh tế	135
21. Cây dùng trong kỹ nghệ	105	48. Trung Hoa dân quốc kinh tế (tt)	136
22. Chăn nuôi	106	49. Thái Lan thiên nhiên	137
23. Thủy sản. Hải sản	107	50. Thái Lan thiên nhiên (tt)	139
24. Lâm sản	108	51. Thái Lan nhân văn	140
25. Khoáng sản	109	52. Thái Lan kinh tế	141
		53. Thái Lan kinh tế (tt)	142

CÁCH VẼ BẢN ĐỒ

Để vẽ các lược đồ cho đúng, mong các bạn giáo chức và học sinh đọc kỹ phần hướng dẫn chi tiết sau đây soạn cho học sinh tiểu học.

- Dụng cụ cần thiết : — Bút chì đen nhỏ nét và lợt.
— Thước kẻ, tẩy.
— Một vài màu : xanh, đỏ, vàng...

I. GIAI ĐOẠN 1

- Phải dùng bút chì đen (gọt nhọn) và thước kẻ.
- Nhìn kỹ lược đồ mẫu nhỏ (dưới hay ở 1 góc bản đồ lớn).

A. Kẻ khung và gạch ô vuông (theo ô vuông trong tập vở)

- ♦ 1. Nhìn các số lớn nằm trong nửa vòng cung ở 2 cạnh ngang và dọc của lược đồ nhỏ.

Đếm cho đủ số ô trong tập rồi gạch khung của bản đồ.

Thí dụ : Khung : Ngang 09, dọc 18 ; thì đánh dấu rồi đếm đủ chín ô (trong tập) ở cạnh ngang ; rồi đánh dấu và đếm đủ 18 ô ở cạnh dọc.

- ♦ 2. Nhìn lên con số nhỏ ghi trong ô vuông thứ nhất rồi phân đoạn và đánh dấu trên cạnh ngang và dọc của khung.

Thí dụ : Trên ô vuông có ghi số 3, thì cứ đếm đến từng 3 ô một trên mỗi cạnh.

- ♦ 3. Gạch ô vuông: Nối liền các điểm đánh dấu trên các cạnh

B. Kẻ «sườn» bản đồ (cũng dùng thước và bút chì).

- ♦ 1. Dùng bút chì ghi các chữ a, b, c, d vào lược đồ đúng ô và chỗ như hình mẫu nhỏ.
- ♦ 2. Gạch các đường nối liền a-b, b-c, rồi c-d...

Như thế ta đã có «sườn» của bản đồ, toàn đường thẳng nhưng đã tượng hình bản đồ thật.

Khi các điểm a, b, c không đúng vào 1 góc của ô vuông, ta chia đoạn thẳng ấy mà lấy điểm thích nghi (thường thường là chia đôi).

II. GIAI ĐOẠN 2

- ♦ 1. Vẽ lược đồ thật sự (vẫn dùng bút chì và thước kẻ).

Nhìn vào sườn và các nét vẽ của bản đồ lớn mà lần lượt kẻ :

- Bờ biển.
- Ranh giới.
- Sông núi.

- ♦ 2. Tẩy sạch các chỗ sai, thừa (nếu có).

III. GIAI ĐOẠN 3. Dùng màu (bút chì màu hay bút lông).

- ♦ 1. Dùng màu: đổ lại các nét bờ biển, ranh giới sông núi vừa vẽ cho thật rõ ràng.

- Sông biển thì dùng màu xanh lơ.
- Núi thì dùng màu đỏ (hay hồng, cam, nâu).
- Bình nguyên thì dùng màu vàng hay màu xanh lá cây.
- Biên giới thì gạch nhỏ, rời (---) màu đỏ hay xanh.

- ♦ 2. Đề chữ: nên dùng bút mực, bút nguyền tử (Nên dùng chữ in lớn hay nhỏ như trong bản đồ mà đề vào tập).

- ♦ 3. Cho màu:

- Biển tô màu xanh hay gạch sọc ngang xanh liên tiếp (≡)
- Ranh giới thì cho màu đỏ hay hồng (Nên cho màu viền quanh theo bờ biển hay ranh giới).

IV. GIAI ĐOẠN 4 : Hoàn thành.

- Kiểm soát các chỗ sai và thiếu.
- Gạch khung bằng mực xung quanh.
- Đề tên bản đồ (bằng chữ lớn).
- Tẩy các ô vuông và tẩy «sườn» cho sạch (tùy ý giáo sư)

Chú ý : Các bản đồ này, cũng như các lời hướng dẫn cách vẽ đều do giáo sư NGUYỄN HỮU ĐÀN phóng tác và điều chỉnh từ bộ CÁCH VẼ BẢN ĐỒ TRUNG HỌC.

— Bộ này do Ban giáo sư Alpha soạn thảo và nhà xuất bản Alpha ấn hành và giữ bản quyền.

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN ĐẠI CƯƠNG

Dàn bài 1. Vị trí, giới hạn 2. Hình thể, diện tích.

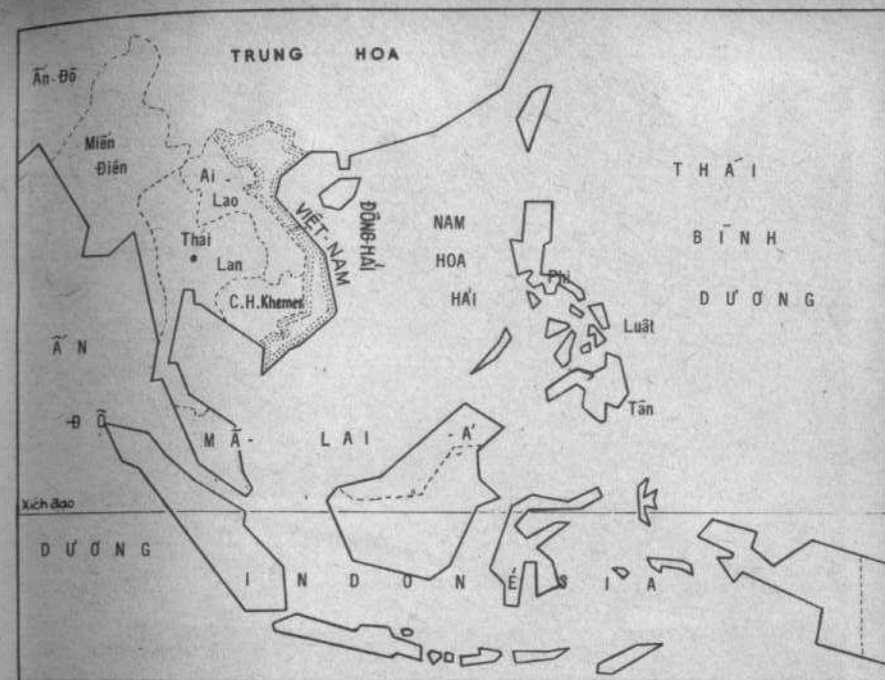
Bài học

- ♦ Nước Việt Nam ở trong vùng Đông Nam châu Á, giữ một vị trí quan trọng trên thế giới nhờ nằm trên ngã tư đường giao thông quốc tế. Phía Bắc, Việt Nam giáp với Trung Hoa, phía Đông và Nam giáp biển Nam Hải; phía Tây giáp với Ai Lao và Cộng Hoà Khơ Me.
- ♦ Nước Việt Nam hình cong như chữ S, hai đầu phình ra, ở giữa eo lại. Diện tích độ 328 000 cây số vuông.

CÂU HỎI 1) Việt Nam nằm trong vùng nào? 2) Tại sao nước ta có một vị trí quan trọng trên thế giới? 3) Về phía Bắc nước ta giáp với quốc gia nào? Về phía Đông và Nam giáp với nước nào? Phía Tây giáp với nước nào? 4) Nước Việt Nam có hình dáng như thế nào? 5) Diện tích nước Việt Nam chừng bao nhiêu cây số vuông?



Một cảnh quen thuộc trên đất nước nhà



VIỆT NAM TRONG VÙNG ĐÔNG NAM Á



Cảnh đẹp trong biển Việt Nam (Vịnh Hạ Long)



2

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN NÚI Ở BẮC PHẦN

Núi ở Bắc phần

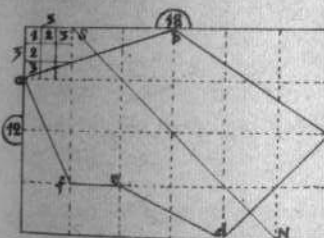
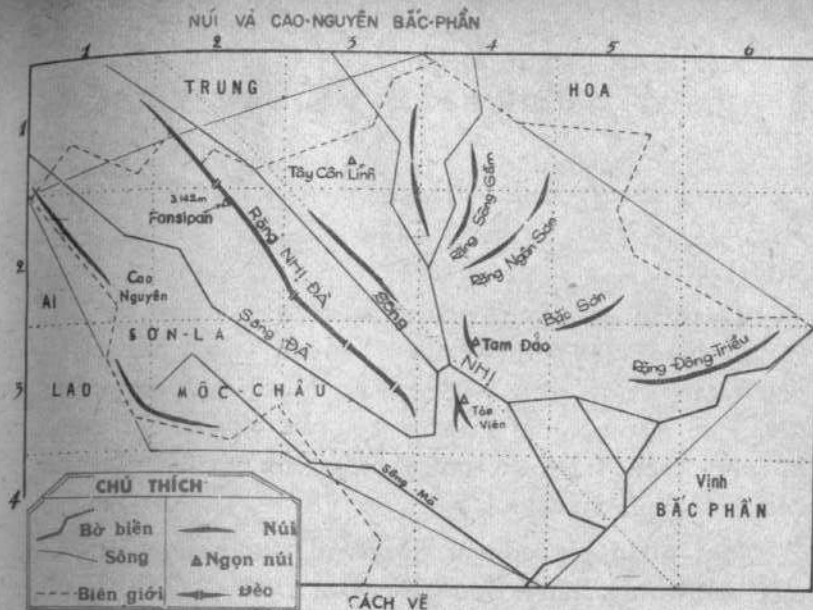
Dàn bài 1. Miền Thượng du.

2. Miền Trung du.

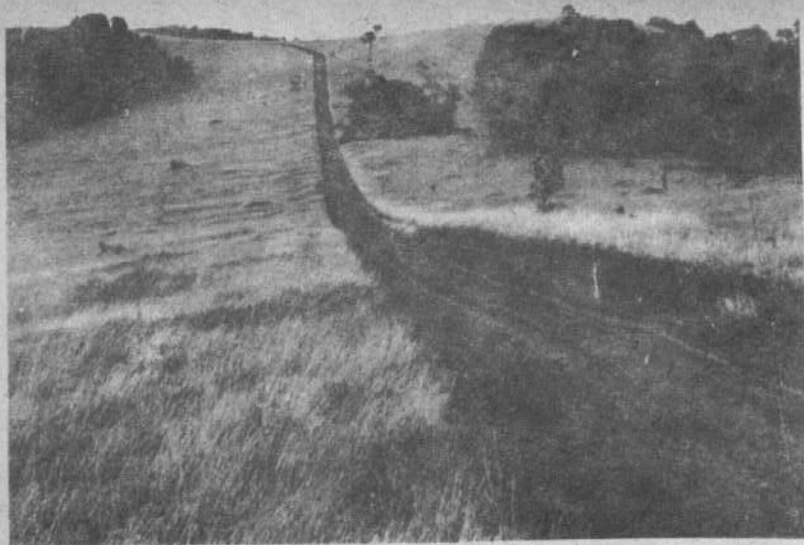
Bài học

- ♦ Miền Thượng du có năm dãy núi chính. Các dãy này xoè ra như nan quạt. Năm dãy núi đó là: dãy Nhị Đà, dãy Sông Gấm, dãy Ngân Sơn, dãy Bắc Sơn và dãy Đông Triều.
- ♦ Miền Trung du phần lớn chỉ có đồi thấp và vài ngọn núi cao 1000 mét như núi Tam Đảo, Ba Vì.

CÂU HỎI 1) Miền thượng du Bắc phần có mấy dãy núi chính? kể ra.
2) Các dãy núi này xếp đặt như thế nào? 3) Miền Trung du phần lớn có gì? 4) Kể tên vài ngọn núi ở miền Trung du?



Núi trên vùng của người Thái



Cao nguyên ở miền Trung

4

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN

CAO NGUYÊN Ở VIỆT NAM

Dàn bài 1. Cao nguyên Bắc phần.

2. Cao nguyên Trung phần.

Bài học

Ở Việt Nam, chỉ ở Bắc phần và Trung phần mới có cao nguyên. Nam phần chỉ có đồng bằng, thỉnh thoảng rải rác vài ngọn đồi lẻ loi.

- ♦ Bắc phần có hai cao nguyên chánh, là cao nguyên Sơn La và cao nguyên Mộc Châu, nằm giữa sông Đà và sông Mã.
- ♦ Trung phần có 4 cao nguyên lớn là cao nguyên Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Viên và Di Linh. Thành phố Đà Lạt nằm trên cao nguyên Lâm Viên.

CÂU HỎI 1) Nam phần có những cao nguyên nào? 2) Bắc phần có những cao nguyên nào? 3) Trung phần có những cao nguyên nào? 4) Thành phố Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào?

5

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN

ĐỒNG BẰNG BẮC PHẦN VÀ TRUNG PHẦN

Dàn bài 1. Đồng bằng Bắc phần.

2. Đồng bằng Trung phần.

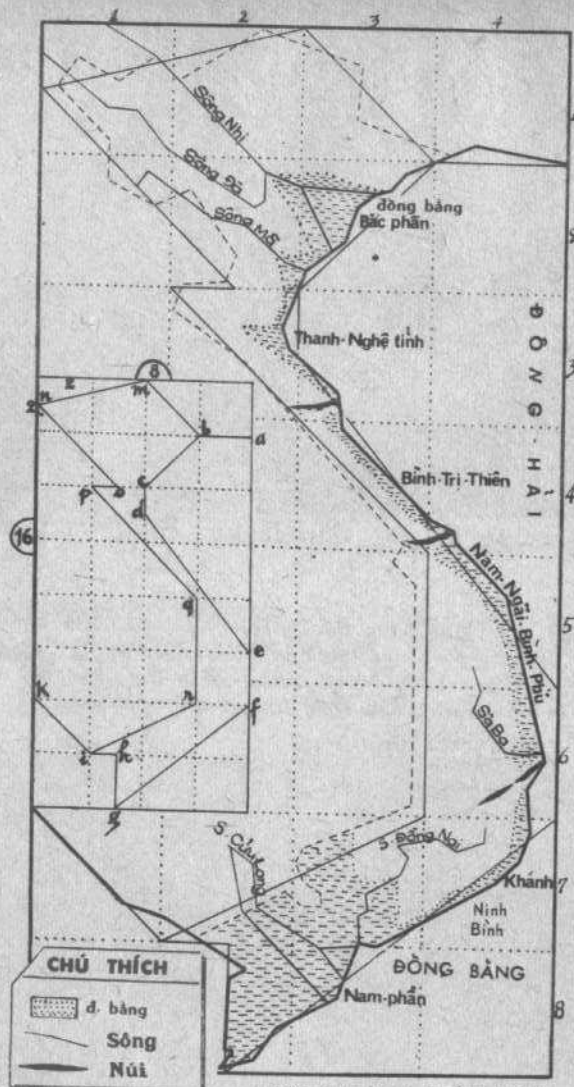
Bài học

- ♦ Đồng bằng Bắc phần rộng 15000km² do phù sa của sông Hồng Hà và sông Thái Bình tạo nên. Đất đai khá phì nhiêu.
- ♦ Các đồng bằng ở Trung phần chạy dọc theo bờ biển nên nhỏ hẹp. Đất đai không tốt lắm. Tại đây chỉ có đồng bằng Thanh Nghệ Tĩnh do các sông Mã, sông Cả bồi đắp là khá rộng và phì nhiêu.

CÂU HỎI 1) Đồng bằng Bắc phần rộng bao nhiêu km²? 2) Đồng bằng Bắc phần do các sông nào tạo nên? 3) Đất đai ở Bắc phần có phì nhiêu không? 4) Đồng bằng Trung phần có to lớn không? Tại sao? 5) Tại Trung phần đồng bằng nào rộng lớn và phì nhiêu nhất?



Đồng bằng Trung phần



CÁCH VẼ

ĐỒNG BẰNG VIỆT NAM

- Nhìn hình mẫu nhỏ và dùng bút chì đen:
- Gạch khung ngang 8 ô, dọc 16 ô tập.
- Chia và kẻ ô vuông: mỗi ô lớn bằng 2 ô tập (ngang 4 ô lớn, dọc 8 ô lớn).
- Đánh dấu đúng chỗ các điểm a, b, c, d v.v... và kẻ sườn.
- Theo lược đồ lớn mà vẽ bản đồ thật sự (cũng dùng bút chì đen).



6

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN ĐỒNG BẰNG NAM PHẦN

- Dàn bài
- Việc tạo thành bình nguyên Nam phần.
 - Miền Đông của bình nguyên Nam phần.
 - Miền Tây của bình nguyên Nam phần.

Bài học

- Đồng bằng Nam phần rộng độ 50000 km² do phù sa các sông Cửu Long và Đồng Nai bồi đắp.
- Miền Đông, đất đai cao, trồng cao su và các cây ăn trái.
- Miền Tây thấp hơn là vùng phì nhiêu, đầy lúa gạo và cây trái. Tuy nhiên cũng còn vài đồng lầy bị bỏ hoang như Đồng Tháp Mười, đồng Cà Mau.

CÂU HỎI 1) Đồng bằng Nam phần có phải là đồng bằng rộng lớn nhất ở Việt Nam không? Nó rộng lớn bao nhiêu? 2) Các sông nào đã bồi đắp nên đồng bằng Nam phần? 3) Ở miền Đông của đồng bằng Nam phần có trồng gì? 4) Đất đai ở miền Tây của đồng bằng Nam phần có phì nhiêu không? 5) Tại Nam phần có những đồng lầy nào chưa được khai thác hết?

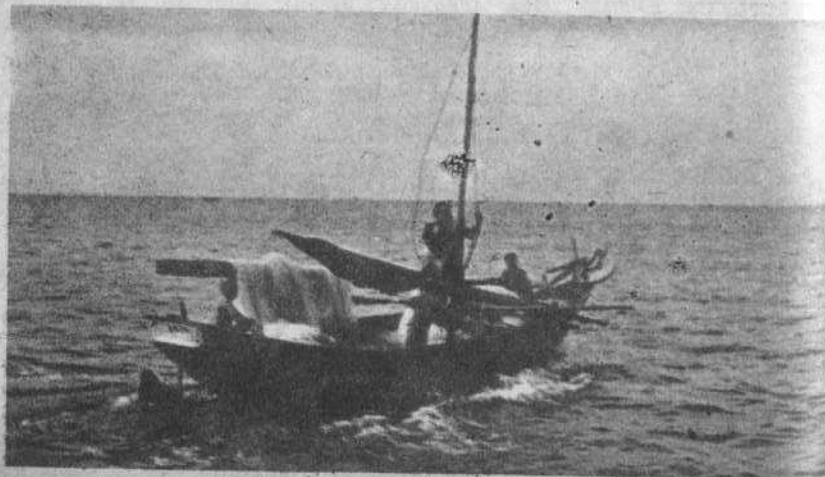
Dàn bài 1. Đông hải (Nam hải). 2. Vịnh Thái Lan. 3. Ích lợi của biển.

Bài học

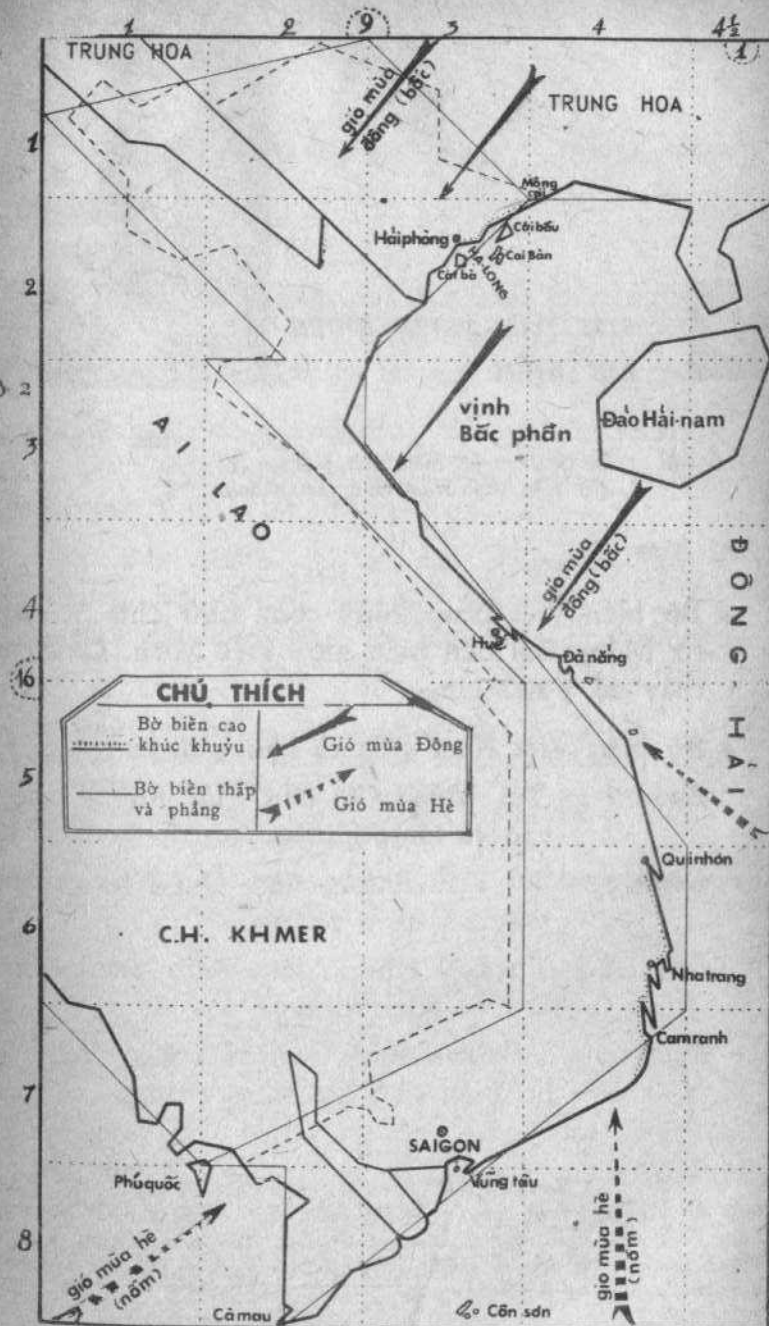
Việt Nam giáp với Đông Hải ở phía Đông và vịnh Thái Lan ở phía Tây.

- ♦ Đông Hải không sâu. Ở miền Bắc, thủy triều lên thấp; ở miền Nam thủy triều lên cao. Trong Đông Hải có nhiều đảo như đảo Cái Bấu, Cái Bàn, Cát Bà và quần đảo Côn Sơn.
- ♦ Vịnh Thái Lan còn cạn hơn Đông Hải. Nơi đây có đảo Phú Quốc nổi tiếng về nghề làm nước mắm.
- ♦ Biển cho ta nhiều tôm cá và muối. Biển còn làm cho khí hậu nước ta dễ chịu và giúp tàu bè lưu thông dễ dàng.

CÂU HỎI 1) Biển nào ở phía Đông của nước ta ? 2) Vịnh Thái Lan ở về phía nào của nước ta ? 3) Trong biển Đông Hải, ở miền Bắc và miền Nam, nơi nào có thủy triều cao ? 4) Thủy triều cao và thủy triều thấp, cái nào có lợi ? Tại sao ? 5) Trong Đông Hải có những đảo nào ? 6) Ở vịnh Thái Lan có những đảo nào ? 7) Đảo Phú Quốc nổi tiếng về gì ? 8) Biển có ích lợi gì cho ta ?



CÁCH VẼ :
Theo bản đồ số 2



8

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN BỜ BIỂN



Dàn bài 1. Hình dáng bờ biển Việt Nam.
2. Bờ biển Việt Nam chia làm 4 đoạn.

Hòn Phụ Tử ở Hà Tiên

Bài học

- ♦ Bờ biển Việt Nam hình cong như chữ S, chạy dài từ Móng Cái đến biên giới Việt Miên. Chiều dài cả thấy độ 2 200 km.
- ♦ Bờ biển Việt Nam chia ra làm 4 đoạn :
Đoạn 1 : Từ Móng Cái đến Hải Phòng : bờ biển cao và khúc khuỷu.
Đoạn 2 : Từ Hải Phòng đến Qui Nhơn : bờ biển thấp và bằng phẳng.
Đoạn 3 : Từ Qui Nhơn đến Phan Rang : bờ biển cao và khúc khuỷu.
Đoạn 4 : Từ Phan Rang đến biên giới Việt Miên : bờ biển thấp và bằng phẳng.

CÂU HỎI 1) Bờ biển Việt Nam có hình dáng ra sao ? 2) Bờ biển Việt Nam dài độ bao nhiêu km ? 3) Bờ biển Việt Nam chia ra làm mấy đoạn ? Đoạn 1 từ đâu đến đâu ? Đoạn 2 từ đâu đến đâu ? Đoạn 3 từ đâu đến đâu và đoạn 4 từ đâu đến đâu ? 4) Trong 4 đoạn của bờ biển Việt Nam, có mấy đoạn bằng phẳng và mấy đoạn khúc khuỷu ?

9

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN SÔNG NGÒI BẮC PHẦN

Dàn bài 1. Sông Nhị 2. Sông Thái Bình. 3. Các sông nhỏ.

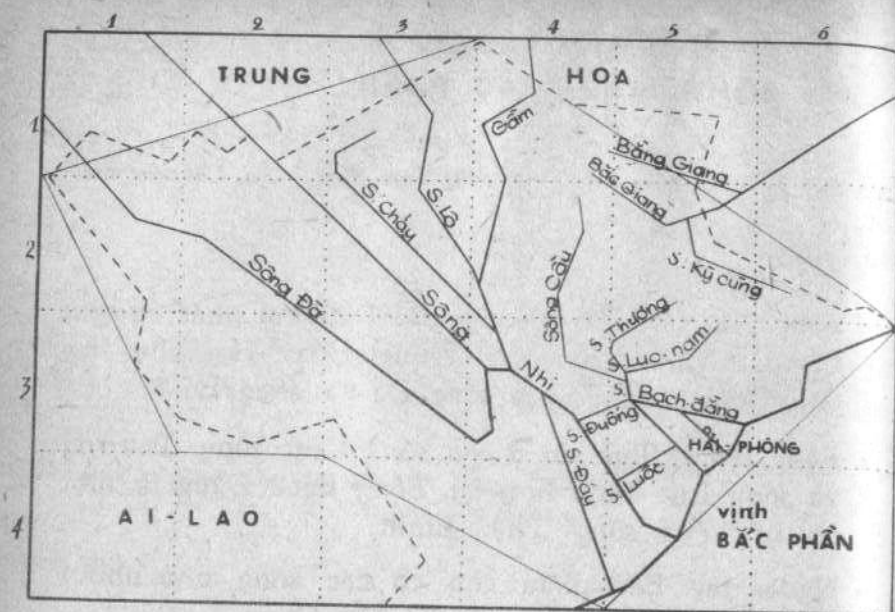
Bài học

- ♦ Sông Nhị hay sông Hồng, dài 1 200km phát nguyên từ đất Vân Nam bên Trung Hoa. Hai phụ lưu chính của sông Nhị là sông Đà và sông Lô.
- ♦ Sông Thái Bình do 3 con sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam hợp lại. Sông Bạch Đằng là một chi lưu của sông Thái Bình.
- ♦ Ngoài ra, Bắc phần còn có các sông nhỏ như : Bằng Giang, Bắc Giang và Kỳ Cùng.
Các sông ở Bắc đều tiện lợi cho việc lưu thông.

CÂU HỎI 1) Sông Nhị còn gọi là sông gì ? Dài được bao nhiêu ? 2) Sông Nhị phát nguyên từ nơi nào ? 3) Kể hai phụ lưu chính của sông Nhị ? 4) Sông Thái Bình do những con sông nào hợp lại ? 5) Sông Thái Bình có một chi lưu quan trọng là sông nào ? 6) Ngoài sông Nhị và sông Thái Bình, ở Bắc phần còn có những sông nào nữa ?



Một đoạn của sông Đà



SÔNG NGÒI BẮC PHẦN
CÁCH VẼ : Theo bản đồ số 2



Sông Đà



Sông Hương



Sông Hương với chùa
Thiên Mụ ở bên mặt

10

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN SÔNG NGÒI TRUNG PHẦN

Dàn bài 1. Đặc tính của sông ngòi miền Trung.
2. Sông Mã, sông Cả, sông Chu. 3. Các sông khác.

Bài học

- ♦ Các sông ở Trung phần đều ngắn, triển dồng, nước chảy mạnh nên sự lưu thông khó khăn.
- ♦ Ba con sông chính và dài nhất ở miền Trung là sông Mã, sông Cả và sông Chu (sông Sừ). Việc lưu thông ở đây khá dễ dàng.
- ♦ Ngoài 3 con sông trên, Trung phần còn có nhiều sông khác, là : sông Gianh, sông Bến Hải, sông Hương, sông Cái, sông Trà Khúc, sông Ba.

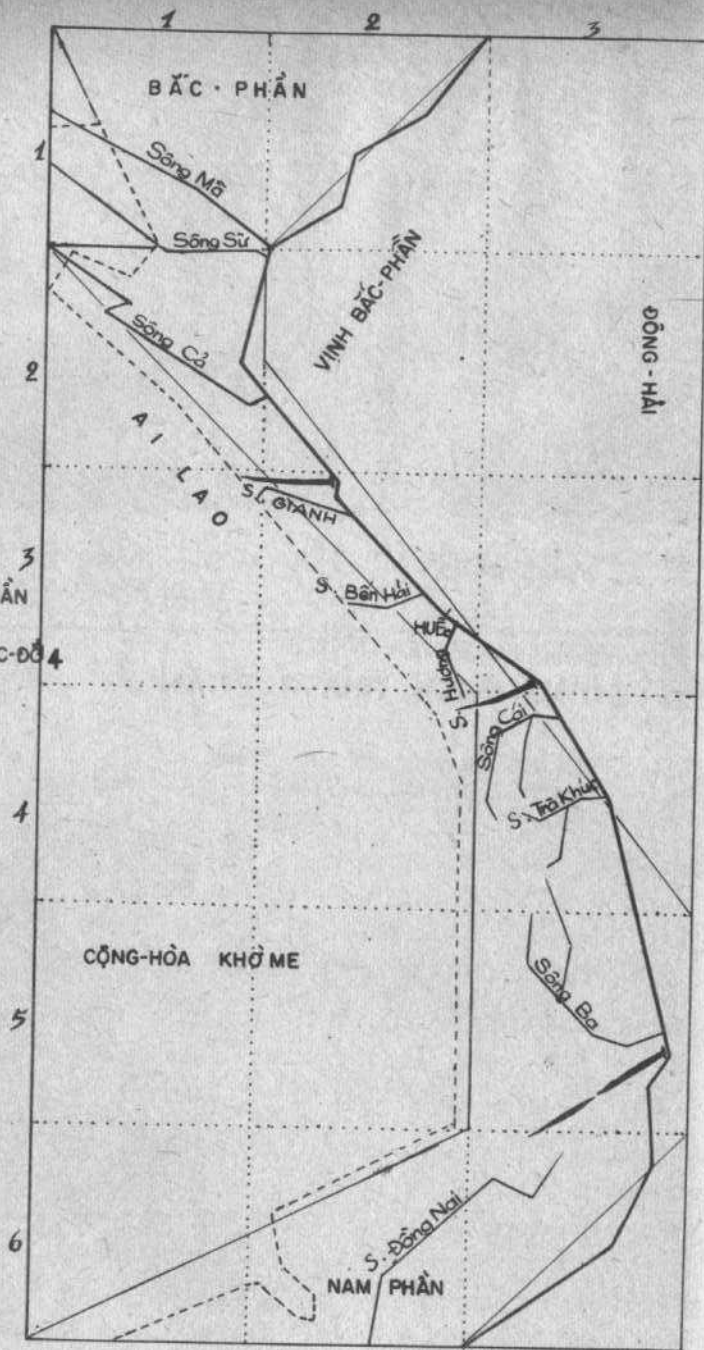
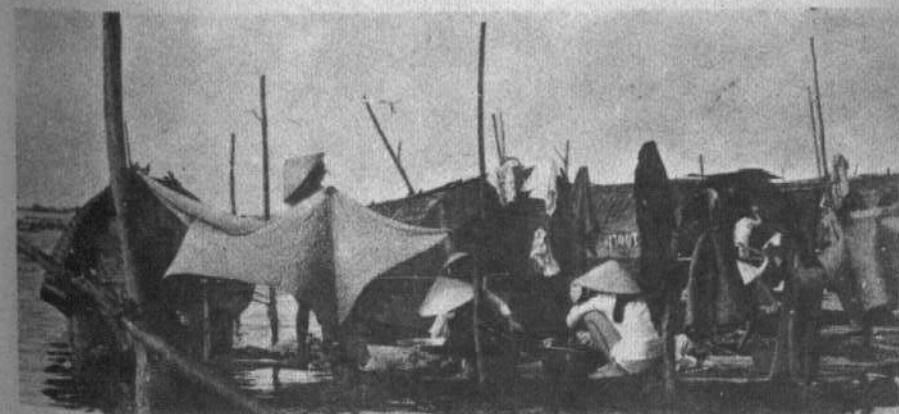
CÂU HỎI 1) Sông ngòi Trung phần có những đặc tính nào ? 2) Miền Trung có những sông nào dài nhất ? 3) Ngoài 3 con sông dài nhất vừa kể, miền Trung còn có những con sông nào ?

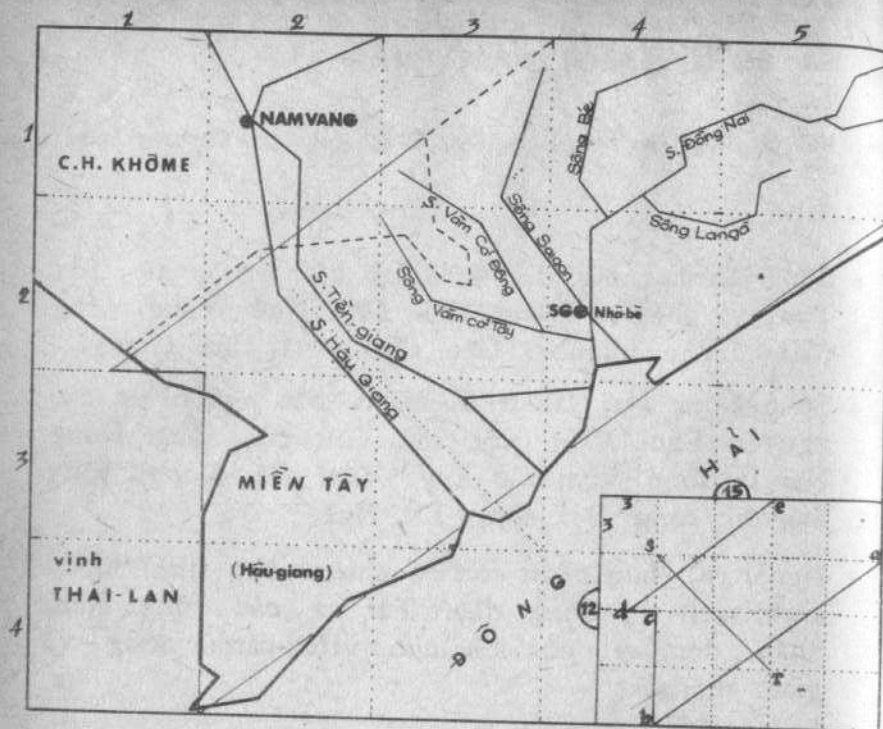
Dàn bài 1. Sông Cửu Long. 2. Sông Đồng Nai. 3. Các sông khác.

Bài học

- ♦ Sông Cửu Long dài 4200km bắt nguồn từ Tây Tạng và chảy ra Đông Hải. Đến Nam Vang, sông chia làm 2 nhánh : Tiền Giang và Hậu Giang.
- ♦ Sông Đồng Nai dài trên 500km bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên. Các phụ lưu của sông Đồng Nai là sông Vàm Cỏ Tây, Vàm Cỏ Đông, sông Saigon, sông Bé, sông La Ngà.
- ♦ Ngoài ra, Nam phần còn có nhiều sông nhỏ, nhiều kinh rạch và sông đào. Tất cả các sông Nam phần đều rất có ích cho việc canh nông và giao thông.

CÂU HỎI 1) Sông Cửu Long bắt nguồn từ đâu ? Nó dài được bao nhiêu ? 2) Tới Nam Vang, sông Cửu Long chia làm mấy nhánh ? Kể tên mỗi nhánh ? 3) Sông Đồng Nai bắt nguồn từ đâu ? Nó dài được bao nhiêu ? 4) Kể tên các phụ lưu của sông Đồng Nai ?





SÔNG NGÒI NAM - PHẦN

CÁCH VẼ : 1) Gạch khung: ngang 15, dọc 12 ô.
2) Kẻ ô vuông, mỗi ô lớn = 3 ô tập.
3) Kẻ sườn, nôi a, b, c... và nôi S.T hướng Tiền Giang.



Một cảnh mưa ngập đường phố

12

VIỆT NAM THIÊN NHIÊN KHÍ HẬU

Dàn bài 1. Nhiệt độ ở bình nguyên. 2. Nhiệt độ ở cao nguyên.
3. Gió và mưa 4. Bão.

Bài học

- ♦ Miền Nam gần đường xích đạo nên nóng quanh năm. Miền Bắc xa xích đạo nên mỗi năm có thể xem như có 4 mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông.
- ♦ Các miền cao nguyên và núi thì lạnh hơn bình nguyên. Tại Việt Nam Cộng Hoà, Đà Lạt là nơi nghỉ mát rất tốt.
- ♦ Việt Nam có 2 mùa gió. Vào mùa nóng có gió Nồm thổi từ biển vào nên mưa nhiều. Vào mùa lạnh có gió Bắc, thổi từ đất liền xuống nên khô và lạnh, ít mưa.
- ♦ Vào mùa Hè, ở Trung phần và Bắc phần thường có bão.

CÂU HỎI 1) Khí hậu ở miền Nam như thế nào? 2) Khí hậu ở miền Bắc như thế nào? 3) Khí hậu ở miền cao nguyên và núi, như thế nào? 4) Việt Nam có mấy mùa gió? Hãy kể ra? 5) Gió Nồm lạnh hay mát? 6) Gió Bắc lạnh hay mát?

Dàn bài 1. Người Việt. 2. Đặc tính và sinh hoạt. 3. Tôn giáo.

Bài học

- ♦ Hiện nay Việt Nam có độ 38* triệu dân, trong đó miền Nam chiếm 18 triệu.
- ♦ Người Việt thuộc giống da vàng, tầm vóc trung bình, mắt đen, tóc đen, mũi vừa. Người Việt sống khắp miền bình nguyên và ven biển. Người Việt thông minh, cần cù và có lòng yêu nước mạnh mẽ.
- ♦ Người Việt theo nhiều tôn giáo khác nhau. Đạo Phật và đạo Khổng chiếm trên 80%. Đạo Cao Đài gần 2 triệu, đạo Hoà Hảo trên 2 triệu. Đạo Thiên Chúa và Tin Lành khoảng 2 triệu.

CÂU HỎI 1) Hiện nay Việt Nam có bao nhiêu triệu dân ? 2) Miền Nam có bao nhiêu triệu dân ? 3) Người Việt Nam thuộc giống dân da gì ? 4) Người Việt Nam có lòng yêu nước như thế nào ? 5) Nói các tôn giáo chánh ở Việt Nam.

* Theo tài liệu của Nha Khảo thí năm 1970.



Người Việt với gương mặt hiền hoà



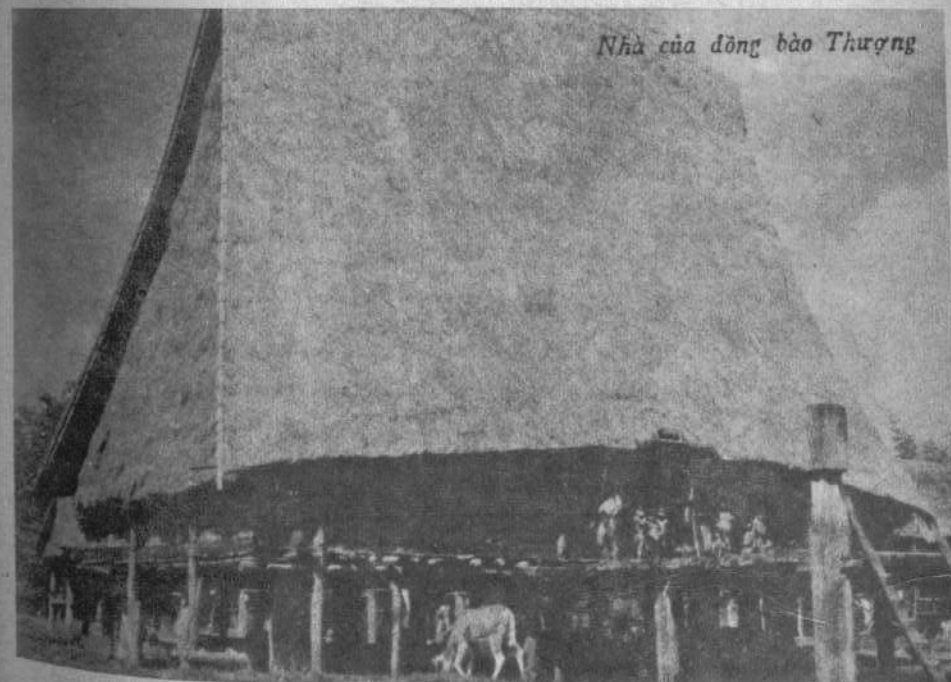
Thiếu nữ Bắc thời xưa



Người Thái đen



Người thượng ở Kon-tum



Nhà của đồng bào Thượng



Thiếu nữ Chăm trong một vũ khúe

14

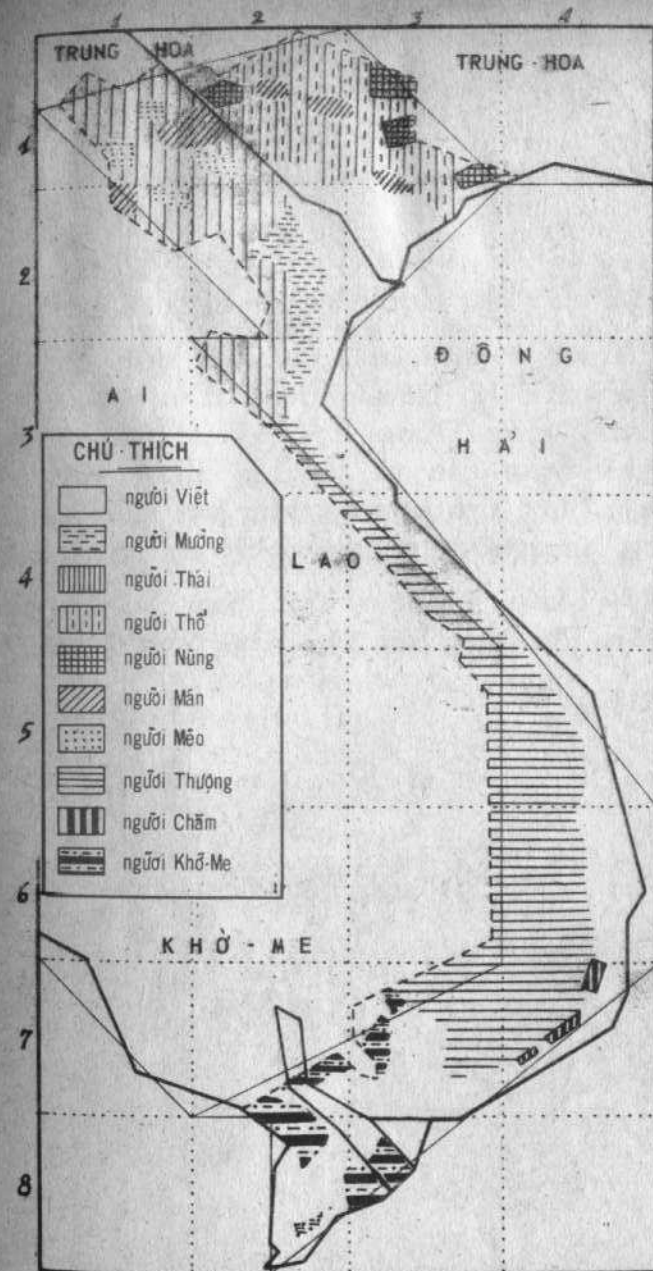
VIỆT NAM NHÂN VĂN ĐỒNG BÀO THIỀU SỔ

Dàn bài 1. Các giống thiểu số ở miền Bắc.
2. Các giống thiểu số ở Trung và Nam.

Bài học

- ♦ Miền Thượng du Bắc phần có các giống Thái, Thổ, Mường, Nùng, Mán, Mèo và Lô Lô. Nhóm Thái, Thổ đồng nhất và văn minh nhất.
- ♦ Ở Trường Sơn và cao nguyên Nam Trung-phần có các giống người Thượng. Ở miền bình nguyên Nam Trung-phần có người Chăm. (Chiêm Thành) ở bình nguyên Nam phần có người Khơ Me.

CÂU HỎI 1) Miền Thượng du Bắc phần có các giống thiểu số nào ?
2) Trong đó giống nào văn minh nhất ? 3) Ở Trường Sơn có giống người nào ? 4) Ở miền bình nguyên Nam Trung phần có giống người nào ?
5) Ở miền bình nguyên Nam phần có giống người nào ?



CÁC GIỐNG NGƯỜI Ở VIỆT NAM

CÁCH VẼ : Xem lược đồ số 4

Dàn bài 1. Người Trung Hoa. 2. Các ngoại kiều khác.

Bài học

Việt Nam có trên một triệu ngoại kiều.

- ♦ Người Trung Hoa nhiều hơn cả, ở khắp các tỉnh thành và quận lỵ. Nhưng đông đảo nhất, là ở Chợ Lớn. Người Trung Hoa ở Việt Nam thường làm nghề buôn bán và công kỹ nghệ. Hầu hết đều nhập Việt tịch nhưng vẫn còn giữ nguyên nếp sống, tín ngưỡng và những tập tục riêng biệt.
- ♦ Các ngoại kiều khác ở Việt Nam là Ấn Độ, Pháp, Mỹ, Phi Luật Tân, Đại Hàn, Nhật Bản...



Dàn bài 1. Nước ta hiện bị chia đôi. 2. Chánh thể ở miền Nam.

Bài học

- ♦ Hiệp định Giơ-Neo năm 1954 đã chia nước ta ra làm 2 miền, ngăn cách nhau bởi sông Bến Hải*.
- ♦ Từ sông Bến Hải trở ra Bắc theo chế độ Cộng Sản. Từ sông Bến Hải trở vào Nam theo chính thể Cộng Hoà.

Hiện nay, nước Việt Nam Cộng Hoà được trên 50 quốc gia tự do công nhận và ủng hộ.

CÂU HỎI 1) Hiệp định nào chia đôi nước ta ? 2) Hai nước Việt Nam ngăn cách bởi gì ? 3) Hiện nay ở miền Nam, nước ta được chừng bao nhiêu quốc gia bạn công nhận và ủng hộ ?

* Ví tuyến 17.

Dàn bài 1. Sự phân quyền. 2. Quyền Hành pháp.
3. Quyền Lập pháp. 4. Quyền Tư pháp.

Bài học

- ♦ Chánh quyền nước ta được chia làm ba quyền riêng biệt : quyền Hành pháp, quyền Lập pháp và quyền Tư pháp.
- ♦ Đứng đầu quyền Hành pháp là Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Tổng Thống chọn người làm Thủ Tướng và Thủ Tướng có nhiệm vụ thành lập Nội Các.

- ♦ Quốc Hội nắm giữ quyền Lập pháp. Quốc Hội gồm Thượng Viện và Hạ Viện.
- ♦ Tội Cao Pháp Viện nắm giữ quyền Tư pháp.

CÂU HỎI 1) Chánh quyền nước ta được chia làm mấy quyền? Hãy kể ra? 2) Ai đứng đầu quyền Hành pháp? 3) Cơ quan nào nắm giữ quyền Lập pháp? 4) Cơ quan nào nắm giữ quyền Tư pháp?

18

VIỆT NAM NHÂN VĂN
CHÁNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG.

Dàn bài

1. Nhiệm vụ của chánh quyền địa phương.
2. Hệ thống tổ chức chánh quyền địa phương.

Bài học

- ◆ Chánh quyền địa phương là các cơ quan thi hành chính sách của chính phủ tại địa phương của mình.
- ◆ Ngoài đô thành Sài Gòn và các thị xã, chính quyền địa phương phân ra nhiều đơn vị hành chính : ấp, xã, quận và tỉnh.

Đứng đầu một ấp là Trưởng Ấp.

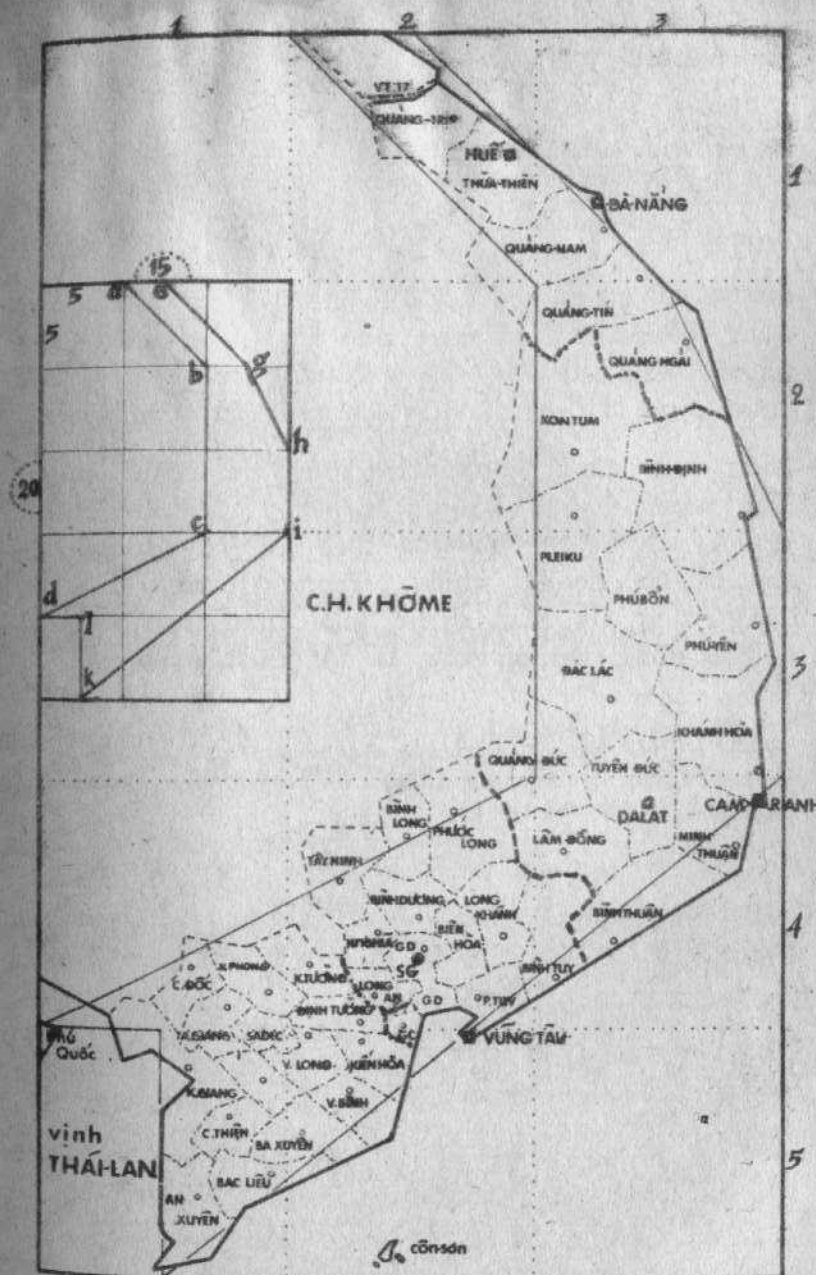
Đứng đầu một xã là Xã Trưởng.

Đứng đầu một quận là Quận Trưởng.

Đứng đầu một tỉnh là Tỉnh Trưởng.

Nhiều ấp hợp lại thành xã. Nhiều xã hợp lại thành quận và nhiều quận hợp lại thành tỉnh.

CÂU HỎI 1) Chánh quyền địa phương là gì ? 2) Ai đứng đầu một ấp ? 3) Ai đứng đầu một xã ? 4) Ai đứng đầu một quận ? 5) Ai đứng đầu một tỉnh ?



TỈNH và THỊ-XÃ của V.N.C.H.

- Dàn bài 1. Nước ta có nhiều đồng bằng.
2. Dân chúng sống về nghề nông.

Bài học

- ♦ Nước ta có nhiều đồng bằng rộng lớn. Tuy đồng bằng miền Trung nhỏ hẹp và đất đai xấu nhưng nhờ có đồng bằng Nam phần và Bắc phần rộng lớn nên ta vẫn sản xuất được nhiều lúa.
- ♦ Phần lớn dân ta chuyên sống về nghề nông. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp của ta chưa tiến bộ vì lối cày cấy còn quá xưa cũ và ruộng đất còn bị bỏ hoang nhiều. Trong tương lai, khi đồng bằng Cà Mau được khai thác trọn vẹn thì ngành nông nghiệp của ta rất quan trọng.

CÂU HỎI 1) Phần lớn dân ta chuyên sống về nghề gì? 2) Hiện tại nền nông nghiệp của ta có cực thịnh hay không? Tại sao? 3) Trong tương lai nền nông nghiệp của ta như thế nào?

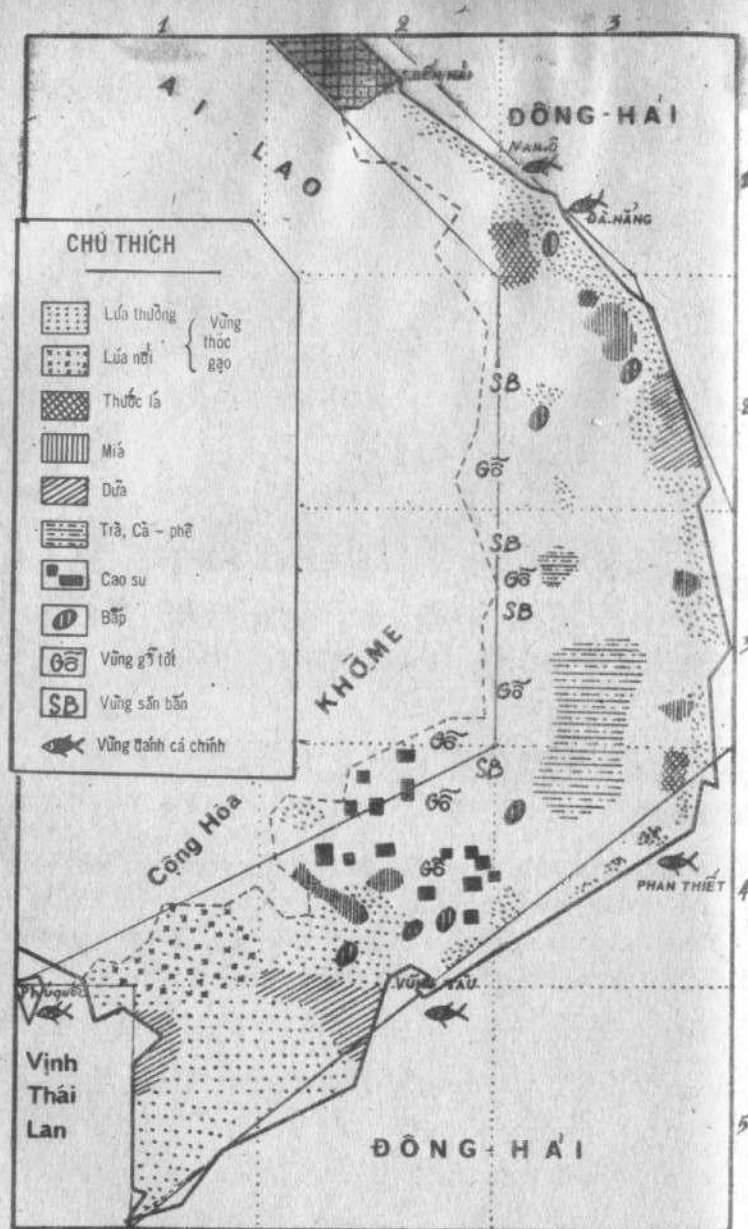


- Dàn bài 1. Nông sản chính là lúa. 2. Các nông sản phụ.

Bài học

- ♦ Nông sản chính của ta là lúa, gạo. Thời bình sở lúa thâu hoạch hằng năm thừa ra để xuất cảng sang nước ngoài. Hiện nay vì chiến tranh, ta phải nhập cảng nhiều gạo.
- ♦ Ngoài thóc gạo, ta còn các nông sản phụ khác.
 - Loại để ăn như : bắp (ngô), khoai lang, khoai tây, khoai mì, mía, rau cải, trái cây đủ loại.
 - Loại để uống như : trà, cà phê, ca cao v.v...

CÂU HỎI 1) Nông sản chính của ta là gì? 2) Vào thời bình sở lúa thâu hoạch ở nước ta như thế nào? 3) Hiện nay ta có nhập cảng gạo không? 4) Kể vài nông sản phụ khác của nước ta?



21

VIỆT NAM KINH TẾ CÂY DỪNG TRONG KỸ NGHỆ

Dàn bài 1. Cây dùng để lấy sợi. 2. Cây để lấy dầu. 3. Cây để lấy nhựa.

Bài học

Việt Nam có nhiều loại cây dùng trong kỹ nghệ.

- ♦ Cây để lấy sợi thì có : bông vải, đay, gai.
- ♦ Cây để lấy dầu thì có : dừa, thầu dầu, đậu phộng, mè.
- ♦ Cây để lấy nhựa như : cao su, thông, cây sơn. Cây quan trọng nhất, là cây cao su với những đồn điền rộng lớn ở miền Đông Nam-phần.

CÂU HỎI 1) Kê vài thứ cây được dùng để cung cấp sợi ? 2) Kê vài thứ cây dùng để lấy dầu ? 3) Kê vài loại cây dùng để lấy nhựa ? 4) Trong các loại cây dùng cho kỹ nghệ, cây nào quan trọng nhất ở nước ta ?





22

VIỆT NAM KINH TẾ CHĂN NUÔI

Dàn bài 1. Nghề chăn nuôi chưa được phát triển.
2. Tương lai của ngành chăn nuôi.

Bài học

- Ở nước ta nghề chăn nuôi chưa được phát triển lắm vì thiếu đồng cỏ, thiếu thuốc men và thiếu giống tốt. Phần lớn nơi gà, vịt, heo, cá, tôm được nuôi với tính cách gia đình. Trâu bò được nuôi cốt dùng vào việc cày cấy hơn là để ăn.
- Hiện nay với các kế hoạch phát triển chăn nuôi được đề ra, trong tương lai, nghề chăn nuôi của ta có thể tiến mạnh.

CÂU HỎI 1) Tại sao nghề chăn nuôi ở nước ta chưa được phát triển mạnh? 2) Gà, vịt, heo được nuôi như thế nào? 3) Trâu bò được nuôi với mục đích chính là dùng vào việc gì? 4) Tương lai của ngành chăn nuôi ở nước ta ra sao?

23

VIỆT NAM KINH TẾ THUỶ SẢN — HẢI SẢN

Dàn bài 1. Ngành chài lưới ở Việt Nam. 2. Các thủy sản.

Bài học

- Với trên 2 200 cây sò bờ biển, ngành đánh cá của ta khá quan trọng vì nuôi sống nửa triệu dân.
- Các thủy sản chính là : cá, tôm, cua. Cá dùng để ăn tươi, phơi khô, làm nước mắm, làm cá hộp hoặc để cho gia súc ăn.
- Ngoài ra ta còn có các hải sản phụ như : muối, đối mồi, xa cừ, tổ yến v.v...

CÂU HỎI 1) Ngành đánh cá của ta có quan trọng không? 2) Các thủy sản chính của ta là thứ nào? 3) Cá được dùng làm gì? 4) Kể tên các hải sản phụ ở nước ta?





Dàn bài 1) Rừng ở Việt Nam. 2) Các lâm sản. 3) Sự ích lợi khác của rừng.

Bài học

- Với khí hậu nóng và ẩm, mưa nhiều, Việt Nam có rất nhiều rừng. Rừng chiếm gần 1/3 diện tích đất đai ở xứ ta, nhất là ở Bắc và Trung phần. Có nhiều loại rừng : rừng thuần nhất, rừng rậm còn gọi là rừng già, rừng thưa, rừng tràm và rừng sá.
- Rừng cho ta nhiều lâm sản và thú rừng.
 - Gỗ quý như : gỗ lim, trắc, cẩm lai.
 - Gỗ thường như : sao, dầu, bằng lăng.
 - Ngoài ra còn có tre, nứa, tràm, lau, đước, sậy.
 Thú rừng thì có hươu, nai, voi, cọp, beo.
- Ngoài ra, rừng còn nhiệm vụ giữ nước mưa, giúp ta tránh được nạn lụt lội.

CÂU HỎI 1) Tại sao nước ta có nhiều rừng ? 2) Có mấy loại rừng ?
3) Rừng cho ta những gì ? 4) Ngoài ra rừng còn có nhiệm vụ gì ?

Dàn bài 1. Mỏ than đá. 2. Các mỏ khai.

Bài học

- Mỏ quan trọng nhất ở Việt Nam là mỏ than đá. Ở Bắc phần, cổ mỏ than Hòn Gai, Đông Triều. Ở Trung phần có mỏ than Nông Sơn (Quảng Nam).
- Ngoài mỏ than đá, nước ta còn có các mỏ khác : mỏ sắt và kẽm ở Thái Nguyên, mỏ thiếc ở Cao Bằng, mỏ vàng ở Quảng Nam.

Ngoài ra còn có đất sét ở Biên Hoà, đá vôi ở Hà Tiên để làm xi măng, cát trắng ở Nha Trang và Cam Ranh để làm thủy tinh,

CÂU HỎI 1) Mỏ quan trọng nhất ở Việt Nam là mỏ gì ? 2) Ở Bắc phần có mỏ than nào quan trọng ? 3) Ở Trung phần có mỏ than nào quan trọng ? 4) Ngoài mỏ than đá, nước ta còn có những mỏ than nào ? 5) Đá vôi ở Hà Tiên dùng để làm gì ? Cát trắng ở Nha Trang dùng để làm gì ?

Mỏ than





Dàn bài 1. Ngành tiểu công nghệ cũ. 2. Ngành tiểu công nghệ mới.

Bài học

- ♦ Các ngành tiểu công nghệ cũ của ta :
 - Về các thức ăn uống như : làm nước mắm, làm đường, bánh kẹo.
 - Về các vật dụng như : đồ sứ, đồ sành, đồ gỗ, đồ sắt, đồ thiếc, thêu, dệt, đan.
 - Về các ngành mỹ thuật như : chạm, khắc, nghề làm đồi mối, sơn mài...
- ♦ Các ngành tiểu công nghệ mới của ta, như nghề may máy, thêu máy, các loại nón, sữa máy móc, xe cộ, đồng hồ. Gần đây lại còn có đồ sứ, đồ trang trí bằng tre, gỗ, nhựa.

CÂU HỎI 1) Tiểu công nghệ của ta chia ra làm mấy ngành ? 2) Về ngành tiểu công nghệ cũ chuyên làm các vật dụng, ta có những gì ? 3) Về ngành tiểu công nghệ mới, ta có những gì ?

Dàn bài 1. Các kỹ nghệ nhẹ 2. Các kỹ nghệ nặng.

Bài học

Nền kỹ nghệ Việt Nam còn phôi thai và hiện mới đang trên đà phát triển.

- ♦ Về kỹ nghệ nhẹ, ta có các nhà máy dệt hàng vải, làm giấy, đồ nhôm, đồ nhựa, đồ cao su, đồ thủy tinh ; các xưởng cơ máy, làm ván ép, làm đường, nước ngọt, đồ hộp, và các xưởng ráp máy móc.
- ♦ Về kỹ nghệ nặng, ta có các nhà máy điện, làm xi măng, chế thuốc men. Ngoài ra còn có các kỹ nghệ khai mỏ than, sắt, kẽm và luyện thép ở miền Bắc.

CÂU HỎI 1) Nền kỹ nghệ của Việt Nam như thế nào ? 2) Về kỹ nghệ nhẹ, ta có những gì ? 3) Về kỹ nghệ nặng, ta có những gì ?



Nhà máy chế tạo xe đạp dùng nước ngọt tại Saigon được trang bị máy móc tối tân nhất.



28 VIỆT NAM KINH TẾ SỰ GIAO THƯƠNG : ĐƯỜNG BỘ

Dàn bài 1. Quốc lộ số 1.
2. Các đường bộ khác ở Nam, Trung và Bắc phần.

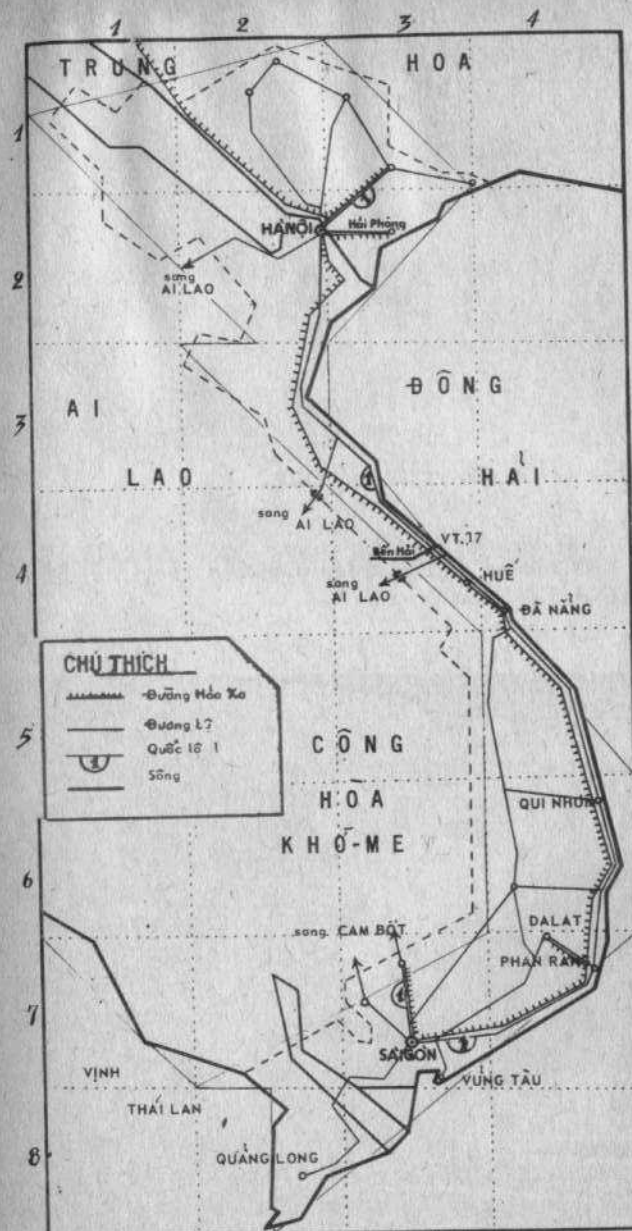
Bài học

- Ở Việt Nam, quốc lộ 1 chạy dài từ biên giới Miên-Việt đến biên giới Trung Hoa. Đó là đường bộ quan trọng nhất ở Việt Nam.
- Ngoài ra, ở miền Nam phần còn có xa lộ Biên Hoà dài 30km và các đường Sài Gòn đi Vũng Tàu, Sài Gòn đi Đà Lạt; Sài Gòn đi Tây Ninh Sài Gòn đi các tỉnh miền Tây.

Trung phần có các đường nối liền các tỉnh với nhau và cũng có các đường đi qua Lào.

Ở Bắc phần có các đường khác từ Hà Nội đến các tỉnh

CÂU HỎI 1) Ở Việt Nam đường bộ nào quan trọng nhất? 2) Ở Nam phần có xa lộ nào rộng và đẹp nhất? 3) Ở Trung phần có đường nối liền nước ta với nước nào?

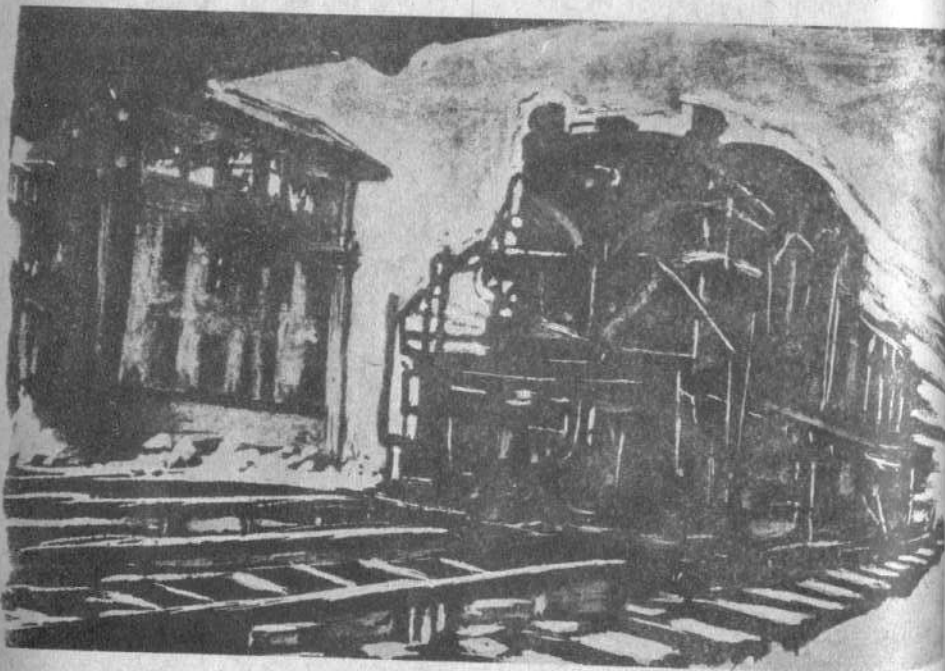


Dàn bài Đường hoả xa xuyên Việt. 2. Các đường hoả xa khác.

Bài học

- ♦ Việt Nam có đường xe lửa xuyên Việt chạy cùng chiều với quốc lộ số 1. Đường này đi từ Sài Gòn ra Biên Hoà qua Nha Trang, Huế rồi đến Hà Nội.
- ♦ Ngoài ra còn có đường xe lửa Sài Gòn đi Biên Hoà, Sài Gòn đi Lộc Ninh ; Hải Phòng lên Vân Nam, Hà Nội đi Hải Phòng.

CÂU HỎI 1) Việt Nam có đường xe lửa nào quan trọng ? 2) Kể các đường xe lửa phụ khác ở Việt Nam ?

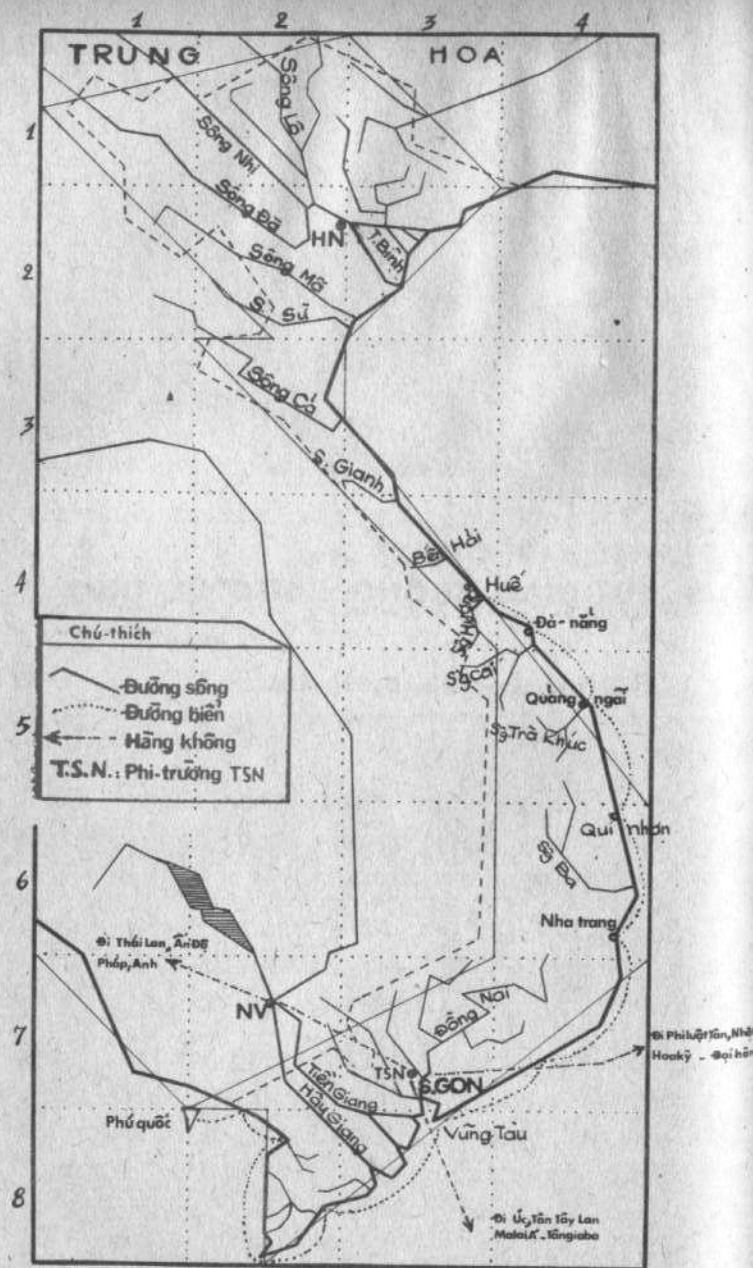


Dàn bài 1. Đường sông. 2. Đường biển.

Bài học

- ♦ Nam phần có sông Cửu Long, sông Đồng Nai và rất nhiều kinh rạch, sông đào, nên rất tiện lợi cho việc giao thông.
- Trung phần có các sông ngắn, nước chảy mạnh nên sự lưu thông khó khăn. Bắc phần có sông Nhị và sông Thái Bình tiện lợi cho việc lưu thông.
- ♦ Về đường biển, tàu bè từ nước ta đến các nước khác và tàu bè từ nước khác đến nước ta khá dễ dàng nhờ ta có các hải cảng tốt như Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng, Hải Phòng.

CÂU HỎI 1) Sự lưu thông về đường sông ở miền Nam có tiện lợi không ? Nhờ đâu ? 2) Tại sao sự lưu thông về đường sông ở miền Trung khó khăn ? 3) Sự lưu thông về đường thủy ở Bắc phần có tiện lợi không ? 4) Nước ta có những hải cảng nào ?



GIAO THÔNG.

Đường sông, biển và hàng không ở Việt Nam.

CÁCH VẼ : Theo lược đồ số 4.

31

VIỆT NAM KINH TẾ

SỰ GIAO THÔNG : ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

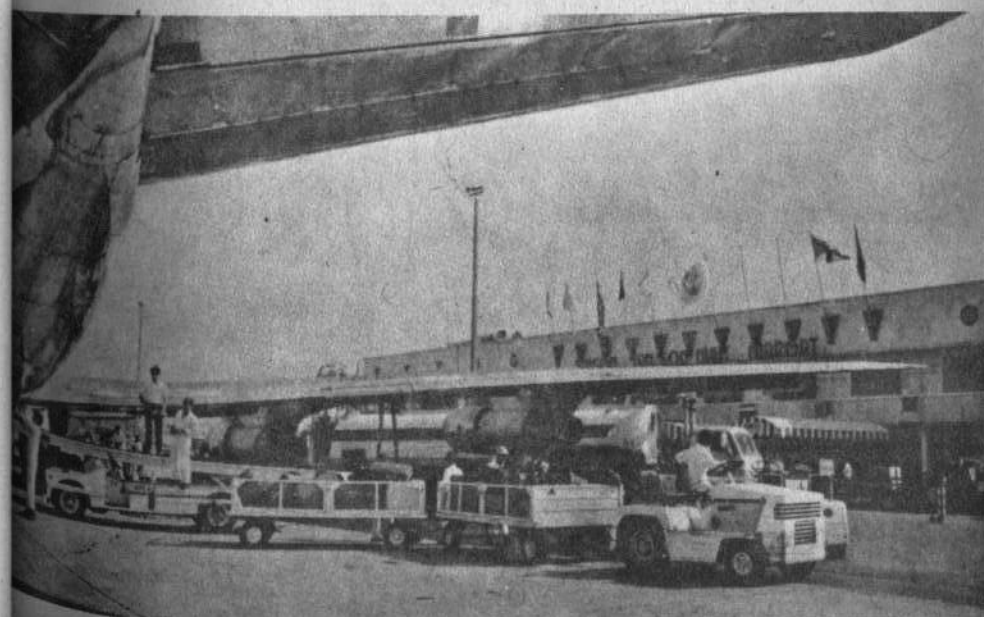
Dàn bài Đường bay quốc nội. 2. Đường bay quốc ngoại.

Bài học

Đường hàng không trở nên quan trọng khi đường bộ và đường hoả xa bị phá hủy vì chiến tranh.

- Về đường bay quốc nội, ta có thể đáp phi cơ để đi từ Sài Gòn đến các tỉnh lớn.
- Về đường bay quốc ngoại, ta có thể đáp phi cơ để đi từ Sài Gòn đến các đô thị của nhiều quốc gia khác. Hiện nay phi trường Tân Sơn Nhứt là một phi cảng quan trọng vào bậc nhất Đông Nam Á.

CÂU HỎI 1) Vì đâu mà đường hàng không trở nên quan trọng ? 2) Về đường bay quốc nội, ta có thể đi từ đâu đến đâu ? 3) Về đường bay quốc ngoại, ta có thể đi từ đâu đến đâu ? 4) Phi trường Tân Sơn Nhứt là một phi cảng như thế nào ?



VIỆT NAM KINH TẾ VIỆC NỘI THƯƠNG

Dàn bài

1. Việc buôn bán giữa thành thị với thôn quê.
2. Việc buôn bán giữa miền Trung với miền Nam.

Bài học

Việc nội thương là việc buôn bán giữa vùng này với vùng kia trong một nước.

- ♦ Dân quê đem các nông sản và ngư sản ra thành phố bán, rồi mua lại các hàng hoá đã chế tạo.
- ♦ Việc buôn bán giữa miền Trung và miền Nam cũng quan trọng. Dân miền Nam bán gạo, trái cây, gà vịt, tiêu, v.v. ... cho miền Trung rồi mua lại nước mắm, muối, cá khô và các lâm sản.

CÂU HỎI

- 1) Việc nội thương là gì ? 2) Người ở miền quê đem bán những gì cho Tỉnh và Đô Thành ? 3) Tỉnh và Đô Thành bán những gì cho dân quê ? 4) Miền Nam bán những gì cho miền Trung ? Rồi mua lại những gì ?



VIỆT NAM KINH TẾ VIỆC NGOẠI THƯƠNG

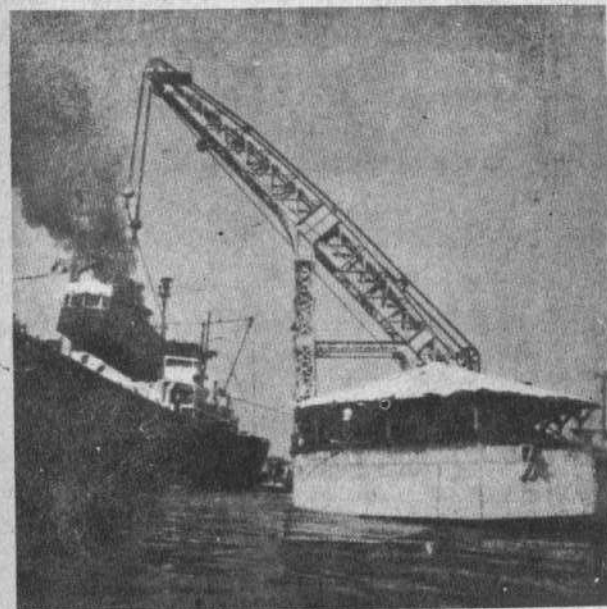
Dàn bài 1. Việc xuất cảng. 2. Việc nhập cảng.

Bài học

Việc ngoại thương là việc buôn bán giữa nước ta với các nước khác.

- ♦ Việt Nam nhập cảng các loại máy móc, xe cộ, xăng, nhớt, dược phẩm, xi măng, tơ lụa, các loại giấy. Nước ta buôn bán nhiều nhứt với các nước Nhật, Hoa Kỳ, Pháp, Đài loan, Anh, Ý, Đức.
- ♦ Nước ta xuất cảng cao su, gỗ, tiêu, quế, tôm đông lạnh, muối, cát trắng...

CÂU HỎI 1) Việc ngoại thương là gì ? 2) Nước ta nhập cảng những gì ? 3) Nước ta xuất cảng những gì ? 4) Ta buôn bán nhiều với các nước nào ?



KAM-PU-CHIA THIÊN NHIÊN (CỘNG HOÀ KHỜ ME)

Dàn bài 1. Vị trí, giới hạn, diện tích. 2. Địa thế.

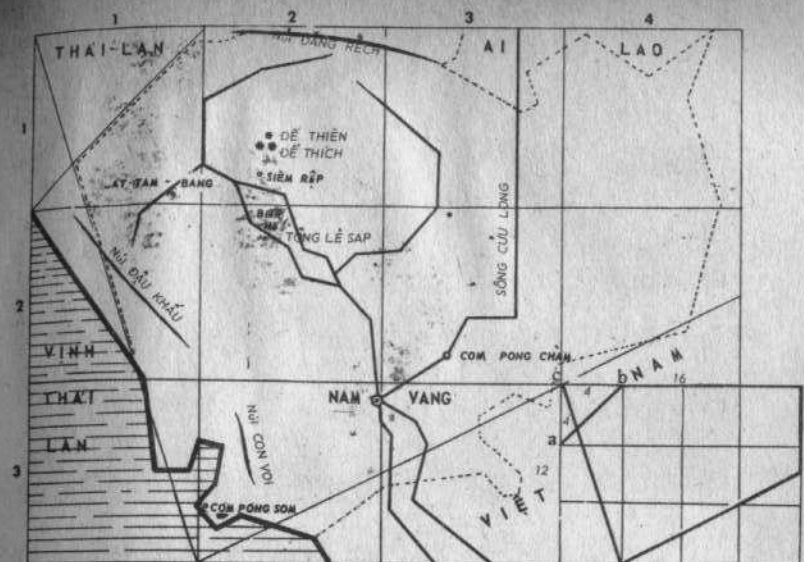
Bài học

- ♦ Kam-Pu-Chia nằm trong bán đảo Đông Dương, phía Bắc giáp với Ai Lao và Thái Lan, phía Đông và Nam giáp với Việt Nam, phía Tây Nam giáp với vịnh Thái Lan. Diện tích Kam-Pu-Chia đo được 180 000 cây số vuông.
- ♦ Kam-Pu-Chia chia ra làm 3 miền :
 - Miền Bắc có rừng núi Đăng Rêch.
 - Miền Nam có núi Con Voi và miền Tây Nam có núi Đạu Khầu.
 - Chính giữa là một bình nguyên rất rộng lớn trong đó có Biển Hồ.

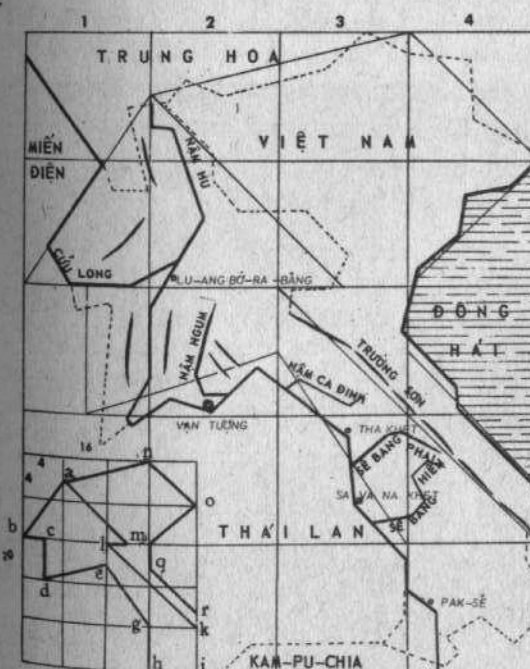
CÂU HỎI 1) Kam-Pu-Chia nằm ở đâu ? 2) Phía Bắc Kam-Pu-Chia giáp với nước nào ? phía Đông và Nam giáp với nước nào ? phía Tây Nam giáp với nước nào ? 3) Diện tích Kam-Pu-Chia đo được bao nhiêu cây số vuông ? 4) Về địa thế Kam-Pu-Chia có thể được chia ra làm mấy miền ? kẻ ra ?



Đền Angkor Wat ở Kam-Pu-Chia



- CÁCH VẼ :**
- 1) Gạch khung : Ngang 16 ô; dọc 12 ô tập.
 - 2) Chia và kẻ ô vuông lớn : Mỗi ô 4 ô tập.
 - 3) Ghi số thứ tự ô vuông vào tập.
 - 4) Nhắm đúng số thứ tự ô vuông mà đánh dấu a, b, c, d, v.v...
 - 5) Kẻ sườn : Nối liền a-b-c đến e.
 - 6) Theo bản đồ lớn, vẽ lược đồ thật sự.



AI LAO

CÁCH VẼ :

- 1) Gạch khung ngang 16 ô; dọc 20 ô tập.
- 2) Chia và kẻ ô vuông lớn : Mỗi ô 4 ô tập.
- 3) Dùng bút chì ghi số thứ tự ô vuông. Ngang 4 ô lớn, dọc 5 ô lớn (Như trên bản đồ lớn).
- 4) Nhìn hình mẫu nhỏ và nhắm theo đúng số thứ tự ô vuông mà đánh dấu các điểm a, b, c, d v.v...
- 5) Kẻ sườn : Gạch nối a, b, c, d, e đến p, q...
- 6) Dựa theo bản đồ lớn, vẽ lược đồ thật sự.



Một hồ rất đẹp ở Kam-Pu-Chia

KAM-PU-CHIA THIÊN NHIÊN (tiếp theo)

Dàn bài 1. Sông ngòi. 2. Biển. 3. Khí hậu.

Bài học

- ♦ Ở Kam-Pu-Chia chỉ có sông Cửu Long là quan trọng hơn hết. Sông Cửu Long phát nguyên từ Tây Tạng bên Tàu, chảy qua Lào. Tới thác Khôn, sông Cửu Long đổ nước vào Kam-Pu-Chia. Tới Nam Vang, sông Cửu Long chia làm 3 nhánh: một nhánh nhỏ đem nước vào Biển hồ và hai nhánh lớn là Tiền Giang và Hậu Giang chảy qua Việt Nam.
- ♦ Bờ biển Kam-Pu-Chia lởm chởm nhiều đá, ngấn và cạn. Chỉ có hải cảng Com-pong-Som là tốt.
- ♦ Ở Kam-Pu-Chia có 2 mùa: mùa nóng và mùa mưa.

CÂU HỎI 1) Ở Kam-Pu-Chia có sông nào quan trọng nhất? 2) Sông Cửu Long khi chảy tới Nam Vang thì chia thành mấy nhánh? 3) Bờ biển Kam-Pu-Chia như thế nào? 4) Khí hậu ở Kam-Pu-Chia như thế nào?

KAM-PU-CHIA NHÂN VĂN

Dàn bài 1. Dân số. 2. Tôn giáo và chính thể. 3. Thủ đô và thành phố lớn.

Bài học

- ♦ Dân số ở Kam-Pu-Chia trên 6 triệu người, trong đó người Khơ Me chiếm hơn 80%, phần còn lại là ngoại kiều và dân thiểu số.
- ♦ Gần như toàn thể dân Khơ Me đều theo đạo Phật. Hiện nay Kam-Pu-Chia theo chính thể Cộng Hoà.
- ♦ Thủ đô Kam-Pu-Chia là Nam Vang. Các thành phố lớn là Bát-Tam-Băng, Siem-Rệp và hải cảng Com-pong-Som.

CÂU HỎI 1) Hiện nay Kam-Pu-Chia có bao nhiêu triệu dân? 2) Ở Kam-Pu-Chia sắc dân nào chiếm đa số? 3) Dân Kam-Pu-Chia theo đạo nào? 4) Thủ đô Kam-Pu-Chia là gì? 5) Kể tên các thành phố lớn ở Kam-Pu-Chia?



Hai vũ khúc của dân Kam-Pu-Chia



KAM-PU-CHIA KINH TẾ

Dàn bài 1. Nông sản, Lâm sản, Khoáng sản. 2. Chăn nuôi, Chài lưới.

Bài học

- ♦ Nông sản chính của Kam-Pu-Chia là lúa. Các nông sản phụ là bắp, mía, thốt nốt, dầu dừa, cao su. Về lâm sản, Kam-Pu-Chia có nhiều gỗ quý như trắc, cẩm lai. Về khoáng sản thì có mỏ sắt, mỏ cẩm thạch.
- ♦ Ngành chăn nuôi khá phát đạt nhờ có nhiều đồng cỏ. Ngành đánh cá rất thịnh vượng nhờ có nhiều sông ngòi và Biển Hồ rộng lớn.

CÂU HỎI 1) Nông sản chính của Kam-Pu-Chia là gì? 2) Kể tên các nông sản phụ của Kam-Pu-Chia? 3) Kể các lâm sản của Kam-Pu-Chia? 4) Ngành chăn nuôi của Kam-Pu-Chia như thế nào? 5) Ngành đánh cá như thế nào?



Một đám rước voi ở Kam-Pu-Chia



Hoàng cung ở Kam-Pu-Chia

KAM-PU-CHIA KINH TẾ

Dàn bài 1. Tiểu công nghệ. 2. Đường giao thông. 3. Thương mại.

Bài học

- ♦ Kam-Pu-Chia có các tiểu công nghệ như nghề làm gạch ngói, làm đồ gốm, nhà máy cưa, dệt vải.
- ♦ Kam-Pu-Chia ít đường bộ và đường xe lửa. Kam-Pu-Chia chỉ có một con đường xe lửa đi từ Nam Vang đến Vọng Các. Sự giao thông bằng đường thủy khá tiện lợi nhờ có nhiều sông.
- ♦ Kam-Pu-Chia xuất cảng gạo, bắp, cá khô, cao su, gỗ quý, trâu, bò, heo và nhập cảng máy móc, dầu hoả và các chế phẩm.

CÂU HỎI 1) Kam-Pu-Chia có các công nghệ nào? 2) Đường bộ ở Kam-Pu-Chia như thế nào? 3) Đường thủy ở Kam-Pu-Chia như thế nào?

Dàn bài 1. Vị trí, giới hạn, diện tích. 2. Địa thế.

Bài học

- ♦ Ai Lao nằm trong bán đảo Đông Dương, phía Bắc giáp với Trung Hoa, phía Đông giáp với Việt Nam, phía Nam giáp với Kam-Pu-Chia; phía Tây giáp với Thái Lan và Miền Điện. Diện tích đo được 240000 cây số vuông.
- ♦ Địa thế Ai Lao chia làm 2 miền. Vùng Thượng Lào ở miền Bắc có nhiều núi cao và các cao nguyên. Vùng Hạ Lào ở miền Nam có các cao nguyên rộng lớn chạy dọc theo dãy núi Trường Sơn và sông Cửu Long.

CÂU HỎI 1) Ai Lao nằm ở đâu? 2) Phía Bắc Ai Lao giáp với ai? phía Đông giáp với ai? phía Nam giáp với quốc gia nào? phía Tây giáp với quốc gia nào? 3) Diện tích Ai Lao đo được bao nhiêu cây số vuông? 4) Miền Thượng Lào có những gì? 5) Miền Hạ Lào có những gì?



Một ngôi chùa xưa ở Lào



Đại-thần-chung của một ngôi chùa tại Lào

Dàn bài 1. Sông ngòi. 2. Khí hậu.

Bài học

- ♦ Ai Lao chỉ có sông Cửu Long là quan trọng hơn cả. Trên sông này, chỉ có đoạn đi từ Vạn Tượng đến Sa-va-na-khét là lưu thông được dễ dàng. Các đoạn khác quanh co, nhiều ghềnh thác nên sự lưu thông rất khó khăn.

Các phụ lưu của sông Cửu Long nằm trên đất Ai Lao là sông Nậm Hu, sông Nậm Ca Đình, sông Sê Bang Phai và sông Sê Bang Hiên.

- ♦ Ở Ai Lao có hai mùa: mùa nóng và mùa lạnh. Mùa hạ rất nóng có mưa. Mùa Đông khô không mưa và lạnh

CÂU HỎI 1) Ở Ai Lao có con sông nào quan trọng? 2) Sông ngòi ở Ai Lao có tiện lợi cho việc lưu thông hay không? 3) Kể tên các phụ lưu của sông Cửu Long nằm trên đất Ai Lao? 4) Khí hậu ở Ai Lao như thế nào?

Dàn bài 1. Dân số. 2. Tôn giáo và chánh thể.
3. Thủ đô và các thành phố lớn.

Bài học

- ♦ Dân số Ai Lao độ 2 triệu, người sống đông đảo ven bờ sông Cửu Long Sắc dân thiểu số ở Ai Lao là người Thái, Mèo, Lô Lô... Ngoài kiều thì có Việt Nam, Trung Hoa, Pháp, Mỹ.
- ♦ Người Ai Lao theo đạo Phật, thích hội hè, ca nhạc. Hiện nay Ai Lao theo chính thể Quân Chủ lập hiến.
- ♦ Kinh đô là Vạn Tượng, nhưng nhà vua vẫn ở Luang-Bờ-ra-Băng. Các thành phố lớn là Tha-Khet, Sa-va-na-khet, Pak-sé.

CÂU HỎI 1) Dân số Ai Lao được bao nhiêu triệu người ? 2) Hãy kể tên vài sắc dân thiểu số sống trên đất Ai Lao ? 3) Hãy kể tên vài ngoại kiều ở trên đất Ai Lao ? 4) Người Ai Lao theo đạo gì ? Họ thích gì ? 5) Hiện nay Ai Lao theo chính thể gì ? 6) Thủ Đô Ai Lao là gì ? 7) Kinh đô Ai Lao là gì ? 8) Kể tên các thành phố lớn ở Ai Lao.



Vũ điệu của Lào



Người Lào phá rừng làm rẫy

Dàn bài 1. Nông sản. Lâm sản. Khoáng sản. 2. Chăn nuôi.

Bài học

- ♦ Nông sản chính của Ai Lao là lúa, nhưng số lúa sản xuất lại không đủ dùng. Ngoài ra còn có bắp, cà phê, thuốc lá, nha phiến.
- Về lâm sản có gỗ quý, trắc, mun và các thú rừng như voi, bò rừng. Về khoáng sản có mỏ thiếc, mỏ sắt, mỏ chì.
- ♦ Ngành chăn nuôi trâu bò ở Ai Lao khá phát đạt.

CÂU HỎI 1) Nông sản chính của Ai Lao là gì ? 2) Số lúa mà Ai Lao sản xuất có đủ cho dân dùng hay không ? 3) Kể ra vài nông sản phụ của Ai Lao ? 4) Về lâm sản, Ai Lao có gì ? 5) Về khoáng sản, Ai Lao có gì ? 6) Ngành chăn nuôi trâu bò ở Ai Lao như thế nào ?

AI LAO KINH TẾ (tiếp theo)

Dàn bài 1. Công nghệ. 2. Đường giao thông. 3. Thương mại.

Bài học

- Ai Lao có ngành tiểu công nghệ như dệt vải, đan chiếu, đóng thuyền. Đại kỹ nghệ chưa mở mang.
- Về giao thông, ở Ai Lao chỉ có đường bộ và đường thủy là quan trọng hơn cả.
- Ai Lao bán trâu bò, da thú, thiếc cho Việt Nam và mua lại vải, muối, các chế phẩm.

CÂU HỎI

1) Ngành tiểu công nghệ của Ai Lao như thế nào ? 2) Ngành đại kỹ nghệ của Ai Lao như thế nào ? 3) Đường giao thông ở Ai Lao như thế nào ? 4) Ai Lao bán những gì cho ta ? 5) Ai Lao mua những gì của ta ?



Lễ rước tượng Phật về chùa



TRUNG HOA THIÊN NHIÊN

Dàn bài 1. Vị trí. Giới hạn. Diện tích. 2. Địa thế.

Bài học

- ♦ Trung Hoa ở vào miền Đông châu Á, phía Bắc giáp với Tây Bá Lợi Á, phía Đông giáp với biển Trung Hoa ; phía Nam giáp với Việt Nam, Miền Điện, Ấn Độ ; phía Tây giáp với Tây Tạng. Diện tích đo được 10 triệu cây sô vuông.
- ♦ Trung Hoa chia làm 2 phần : Trung Hoa lục địa và đảo Đài Loan.
 - a) Trung Hoa lục địa gồm có :
 - Các bình nguyên Mãn Châu, Hoa Bắc và dọc theo sông Dương Tử ở Hoa Nam.
 - Vùng núi, cao nguyên và sa mạc ở Tân Cương, Tây Tạng và Nội Mông.
 - b) Đảo Đài Loan rộng độ 36 000 cây sô vuông. Miền Đông và miền Trung có nhiều núi cao, miền Tây là bình nguyên phì nhiêu.

CÂU HỎI 1) Nước Trung Hoa ở đâu ? Nói giới hạn của nước Trung Hoa ? 2) Trung Hoa chia làm mấy phần ? Kê ra ? 3) Trung Hoa lục địa chia ra làm mấy miền ? Kê ra ? 4) Đảo Đài Loan có hình dáng ra sao ? 5) Diện tích của đảo Đài Loan độ bao nhiêu ?

Dàn bài 1. Sông ngòi. 2. Khí hậu.

Bài học

- ♦ Trung Hoa có ba con sông lớn là Hoàng Hà, Dương Tử và Tây Giang.

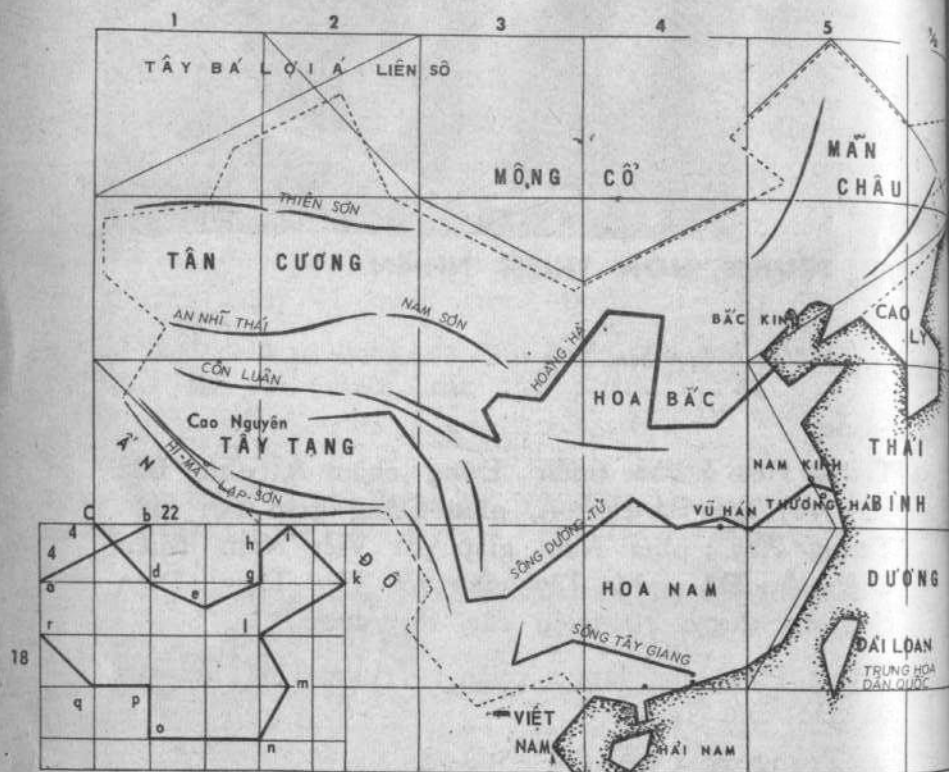
- Sông Hoàng Hà ở Hoa Bắc thường gây nạn lụt vào mùa mưa.
- Sông Dương Tử phát nguyên từ Tây-Tạng, có điệu nước điều hoà, sự lưu thông dễ dàng.
- Sông Tây Giang có vài phụ lưu từ Bắc phần chảy qua.

- ♦ Khí hậu ở Trung Hoa lục địa chia làm 3 miền : Ở Mãn-Châu, Hoa Bắc về mùa Đông rất lạnh, mùa Hè nóng. Hoa Nam khí hậu nhiệt đới, có gió mùa. Các miền núi và cao nguyên có khí hậu rất khó chịu : Đông rất lạnh Hạ rất nóng.

CÂU HỎI 1) Trung Hoa có mấy con sông lớn ? Kê ra ? 2) Sông Hoàng Hà phát nguyên từ đâu ? Nó có đặc tính gì ? 3) Sông Dương Tử phát nguyên từ đâu ? Nó có đặc tính gì ? 4) Sông Tây Giang phát nguyên từ đâu ? 5) Khí hậu ở Trung Hoa lục địa được chia ra làm mấy miền ? Nói đặc tính của mỗi miền ?



Núi và đồng bằng ở Vân Nam



CÁCH VẼ : Đề ngang tập vở.

- 1) Gạch khung : Ngang 22 ô, dọc 18 ô.
- 2) Chia và kẻ ô vuông lớn, mỗi ô 4 ô tập. Riêng ô chót 2 ô.
- 3) Ghi số thứ tự ô vuông vào tập.
- 4) Kẻ sườn : Đánh dấu và gạch nối a, b, c, d rồi e, g, h, i đến q, r, a.
- 5) Theo bản đồ lớn, vẽ lược đồ thật sự.



46

TRUNG HOA NHÂN VĂN

Dàn bài 1. Dân cư. 2. Tôn giáo. Chánh thể.
3. Thủ đô và các thành phố lớn.

Bài học

- ♦ Trung Hoa có gần 800 triệu dân, phần lớn ở đất liền (lục địa). Đảo Đài Loan có 15 triệu dân. Người Trung Hoa nói nhiều thứ tiếng khác nhau: Quảng Đông, Triều Châu, Hẹ... nhưng cùng viết một thứ chữ. Đó là chữ Hán.
- ♦ Người Trung Hoa theo đạo Phật, đạo Khổng và đạo Lão : Hiện nay Trung Hoa lục địa theo chế độ Cộng Sản. Đảo Đài Loan thuộc về Trung Hoa Dân Quốc, theo chánh thể Cộng Hoà.
- ♦ Thủ đô của Trung Hoa lục địa là Bắc Kinh. Các thành phố lớn là Thượng Hải, Quảng Châu, Thiên Tân... Thủ đô Trung Hoa Dân Quốc là Đài Bắc.

CÂU HỎI 1) Hiện nay Trung Hoa có độ bao nhiêu triệu dân ? 2) Đảo Đài Loan có bao nhiêu triệu dân ? 3) Về tiếng nói, người Trung Hoa có nói cùng một thứ tiếng hay không ? 4) Về chữ viết, người Trung Hoa có viết cùng một thứ chữ hay không ? 5) Thủ đô của Trung Hoa lục địa là gì ? 6) Thủ đô của đảo Đài Loan là gì ?

47

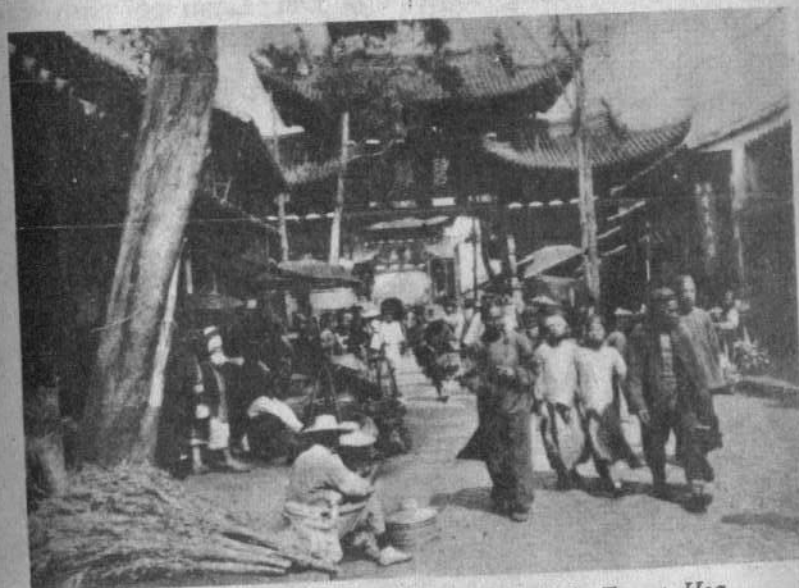
TRUNG HOA DÂN QUỐC KINH TẾ

Dàn bài 1. Nông sản. Lâm sản. Khoáng sản. 2. Chăn nuôi, chài lưới.

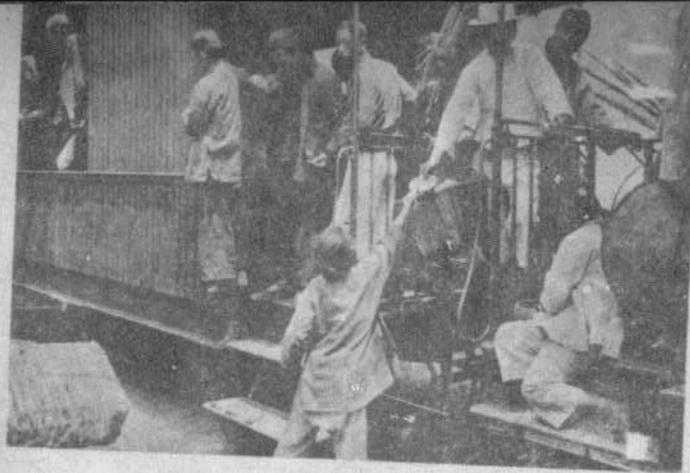
Bài học

- ♦ Nền kinh tế của Trung Hoa Dân Quốc rất thịnh vượng. Nông sản chính là lúa, gạo. Ngoài ra còn có trà, mía, thuốc Bắc.
- Về lâm sản, Trung Hoa Dân Quốc có các gỗ quý, què, và sâm. Về khoáng sản thì có mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ than.
- ♦ Ngành nuôi heo phát đạt. Ngành đánh cá cũng quan trọng.

CÂU HỎI 1) Nền kinh tế của Trung Hoa Dân Quốc như thế nào ? 2) Nông sản chính của Đài Loan là gì ? 3) Về lâm sản, Trung Hoa Dân Quốc có gì ? 4) Về khoáng sản, Trung Hoa Dân Quốc có gì ? 5) Việc chăn nuôi và chài lưới của Trung Hoa Dân Quốc như thế nào ?



Buổi chợ ở Trung Hoa



48

TRUNG HOA DÂN QUỐC KINH TẾ

Dàn bài 1. Kỹ nghệ. 2. Giao thông. 3. Thương mại.

Bài học

- ♦ Ngành tiểu công nghệ của Đài Loan có tính cách cổ truyền : đồ chạm, đồ sứ, đồ đồng. Về kỹ nghệ thì có kỹ nghệ làm xi măng, làm giày, dệt vải, luyện thép, đóng tàu, chế tạo máy móc, xe cộ.
- ♦ Trung Hoa Dân Quốc có nhiều đường bộ tốt. Đường thủy và đường hàng không rất thuận tiện.
- ♦ Nền thương mại cũng thịnh vượng. Trung Hoa Dân quốc bán cho Việt Nam : máy móc, giày, xi măng, thuốc Bắc và mua lại các nguyên liệu kỹ nghệ.

CÂU HỎI 1) Ngành tiểu công nghệ của Trung Hoa Dân Quốc như thế nào ? 2) Về ngành đại kỹ nghệ, Trung Hoa Dân Quốc có những gì ? 3) Đường giao thông ở Trung Hoa Dân Quốc ra sao ? 4) Trung Hoa Dân Quốc bán cho ta những gì ? Và mua lại của ta những gì ?

49

THÁI LAN THIÊN NHIÊN

Dàn bài 1. Vị trí. Giới hạn. Diện tích. 2. Địa thế.

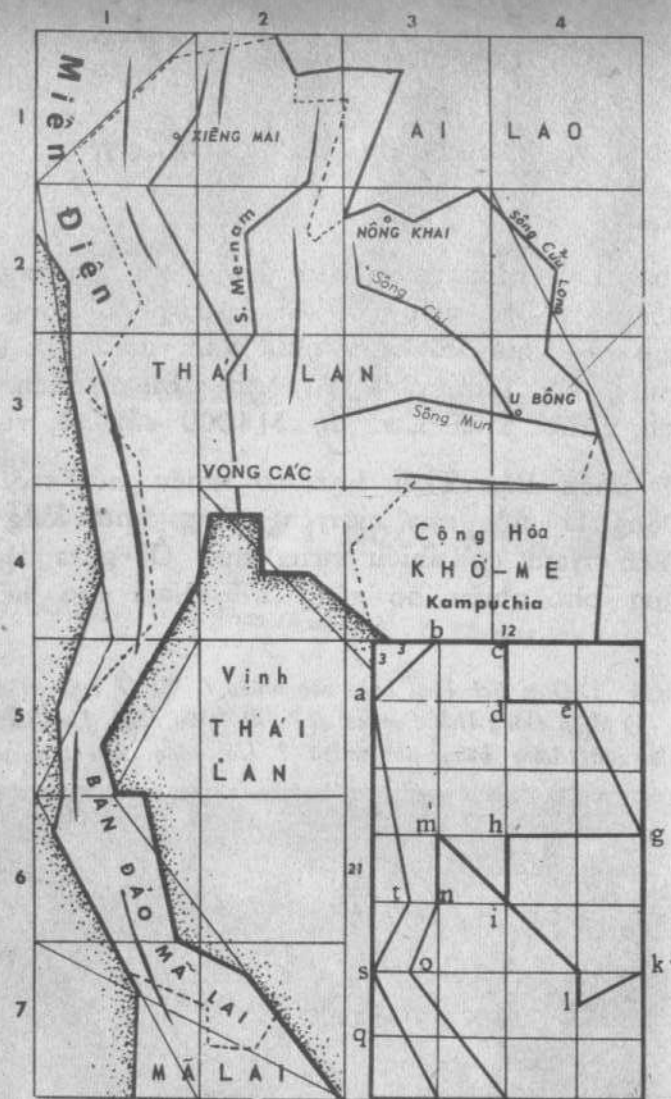
Bài học

- ♦ Thái Lan nằm trong bán đảo Đông Dương, phía Đông và Bắc giáp với Ai Lao, phía Đông Nam giáp với Kam-Pu-Chia, phía Nam giáp Mã Lai và vịnh Thái Lan, phía Tây giáp Miến Điện. Diện tích nước Thái Lan độ 514000 cây sô vuông.
- ♦ Ở miền Bắc Thái Lan có nhiều núi cao, miền Đông là một cao nguyên trũng như lòng chảo. Miền Nam có nhiều rừng núi. Ở giữa là đồng bằng phì nhiêu do sông Mê-Nam tạo nên.

CÂU HỎI 1) Diện tích Thái Lan bao nhiêu ? 2) Ở miền Bắc Thái Lan có gì ? 3) Miền Đông Thái Lan có gì ? 4) Miền Nam Thái Lan có gì ? 5) Ở đâu có đồng bằng phì nhiêu ? Do sông nào tạo nên ?



Một làng ở miền thượng du Thái Lan



CÁCH VẼ :

THÁI LAN

- 1) Gạch khung : Ngang 12, dọc 21.
- 2) Kẻ ô vuông 3.
- 3) Ghi số thứ tự ô vuông vào tập.
- 4) Đánh dấu và gạch nối a-b, c-d rồi e-g, 1 đến s-t-a.
- 5) Vẽ lược đồ thật sự.



Một khu rừng ở miền thượng du Thái Lan



Một con kênh gần Vong Cak

50

THÁI LAN THIÊN NHIÊN (tiếp theo)

Dàn bài 1. Khí hậu. 2. Sông ngòi.

Bài học

- ♦ Thái Lan ở vùng nhiệt đới có gió mùa nên khí hậu nóng và ẩm, mưa nhiều về mùa hè. Miền Đông khô, ít mưa.
- ♦ Thái Lan có nhiều sông, trong đó sông Mê-Nam quan trọng nhất. Sông Mê-Nam dài 1200 cây số phát nguyên từ phía Bắc. Ngoài ra ở Thái Lan còn có nhiều phụ lưu chảy vào sông Cửu Long.

CÂU HỎI 1) Ở Thái Lan sông nào quan trọng nhất? 2) Sông ấy dài bao nhiêu? Phát nguyên từ đâu? 3) Khí hậu ở Thái Lan thế nào? 4) Mùa nào ở đó mưa nhiều nhất?

Dàn bài

1. Dân cư.
2. Tôn giáo.
3. Chính thể, Thủ đô và các thành phố lớn.

Bài học

- ♦ Dân số Thái Lan độ 36 triệu trong đó người gốc Thái chiếm đa số. Các ngoại kiều ở Thái Lan là : Người Mã Lai, Miên Điện, Ấn Độ, Khờ-Me, Việt Nam, Trung Hoa và một số ít người Âu châu.
- ♦ Ở Thái Lan, gần như mọi người đều theo đạo Phật. Dân chúng hết sức tôn sùng các tăng ni. Chùa chiền mọc khắp nơi.
- ♦ Hiện nay Thái Lan theo chính thể quân chủ lập hiến. Thủ đô là Vọng Các. Các thành phố lớn là U-Bông, Nông-Khai, Xiêng-Mai...

CÂU HỎI

- 1) Dân số Thái Lan độ bao nhiêu ?
- 2) Ở Thái Lan có những ngoại kiều nào ?
- 3) Ở Thái Lan hầu hết dân chúng theo đạo gì ?
- 4) Hiện nay Thái Lan theo chính thể nào ?
- 5) Thủ đô của Thái Lan là gì ?
- 6) Kể tên vài thành phố lớn ở Thái Lan ?



Em bé Thái Lan đang cầu nguyện.



Cây thốt nốt ở Thái Lan

Dàn bài

1. Nông sản. Lâm sản. Khoáng sản.
2. Chăn nuôi. Chài lưới.

Bài học

- ♦ Nông sản chính ở Thái Lan là lúa. Số lúa gặt được hàng năm thừa nhiều để xuất cảng.
- Các nông sản khác là bắp, mía, hạt tiêu, hoa quả và cao su. Lâm sản thì có gỗ trắc rất quý. Về khoáng sản, Thái Lan có nhiều mỏ thiếc, nhưng rất ít than đá.
- ♦ Ngành chăn nuôi trung bình, chưa phát đạt lắm. Ngành đánh cá đã bắt đầu phát triển, hoạt động khá mạnh ở vịnh Thái Lan.

CÂU HỎI

- 1) Nông sản chính của Thái Lan là gì ?
- 2) Về lâm sản, Thái Lan có loại cây gì rất quý ?
- 3) Thái Lan có mỏ than không ?
- 4) Ngành chăn nuôi, thế nào ?
- 5) Ngành đánh cá có phát triển không ?

Dàn bài 1. Công nghệ. 2. Giao thông. 3. Thương mại.

Bài học

- ♦ Về công nghệ, Thái Lan nổi tiếng về ngành dệt lụa, đồ mỹ thuật, đồ chơi. Về đại kỹ nghệ, Thái Lan chỉ có nhà máy làm đường, làm giấy, làm xi măng.
- ♦ Ở Thái, đường bộ, đường hoả xa và đường thuỷ đều tiện lợi.
- ♦ Thái Lan xuất cảng gạo, cao su, gỗ trắc, thiếc và nhập cảng xe cộ, máy móc.

CÂU HỎI 1) Về công nghệ, Thái Lan nổi tiếng về gì? 2) Về đại kỹ nghệ, Thái Lan có những gì? 3) Đường giao thông ở Thái Lan có những gì? 4) Thái Lan xuất cảng những gì? Và mua lại những gì?

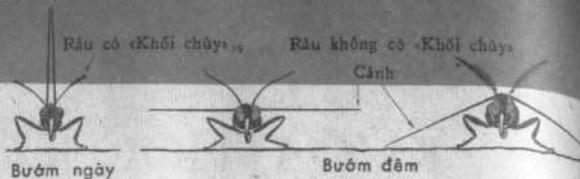


KHOA HỌC LỚP 4

MỤC LỤC

1. Bướm cải	144	31. Cách ủ phân và bón phân	177
2. Cào cào	145	32. Sự tiêu hoá	178
3. Kiến	146	33. Sự tuần hoàn	179
4. Ong mật	147	34. Sự hô hấp	180
5. Muối	148	35. Sự bài tiết	181
6. Ốc sên	150	36. Đá xanh	182
7. Trai	151	37. Phấn, Đá vôi	183
8. Cá lóc	152	38. Đá ong, Ngọc thạch	184
9. Rắn mối	153	39. Than đá, Kim cương	185
10. Rắn lục	154	40. Muối ăn	186
11. Éch	155	41. Cách lấy muối	187
12. Cóc	156	42. Những khoáng chất có trong thức ăn	188
13. Chim	157	43. Gang, Thép	189
14. Gà	158	44. Đồng	190
15. Vịt	159	45. Thau	191
16. Bò câu	160	46. Kẽm chì thiếc	192
17. Mèo	161	47. Kim loại quý	193
18. Hổ	162	48. Nước bốc hơi	194
19. Chó	163	49. Sự nóng chảy và sự đông đặc	195
20. Ngựa	164	50. Sự cháy	196
21. Ngựa (tt)	166	51. Sự sét ri	197
22. Bò	167	52. Sự mục nát	198
23. Bò (tt)	168	53. Sự hoà tan	199
24. Hèo	170	54. Sự lớn	200
25. Khi dãn	171	55. Gương phẳng	202
26. Hoa	172	56. Gương phẳng đặt song song	203
27. Hoa : cách kết quả	173	57. Gương ghép thành góc	204
28. Cách trồng cây	174	58. Sự khúc xạ ánh sáng	205
29. Cách trồng cây	175	59. Thấu kính hội tụ. Kính lúp	206
30. Phân bón	176	60. Gương lõm	207

BƯỚM CÁI

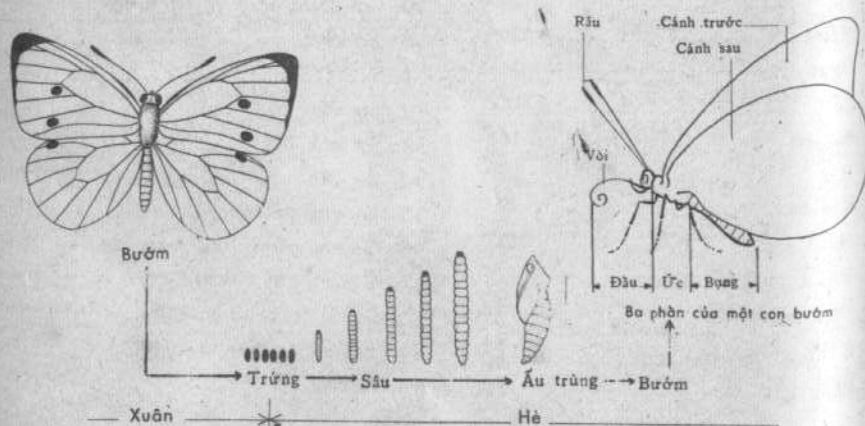


Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các loại bướm.

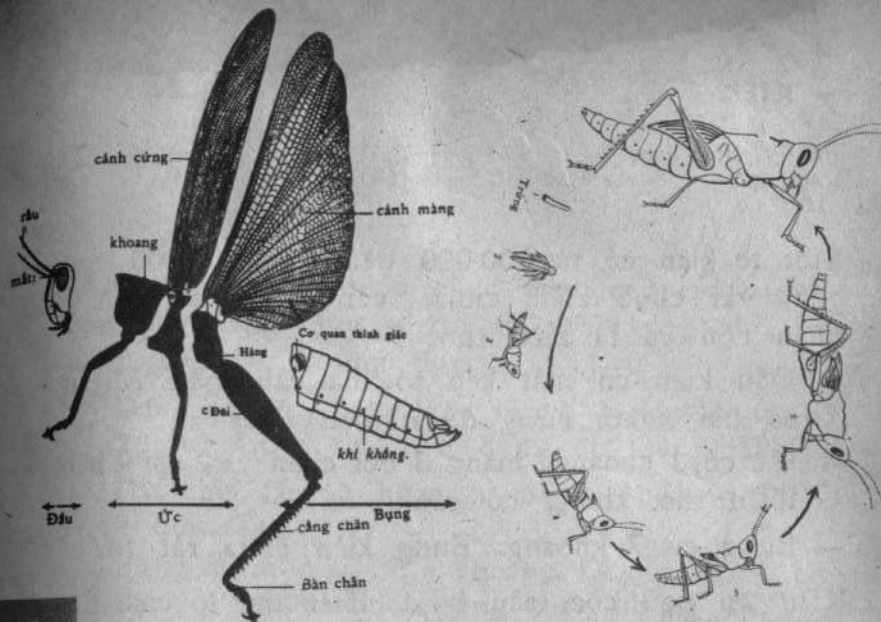
Bài học

- ♦ Cơ thể bướm gồm : Đầu, Ưc và Bụng.
 - Đầu nhỏ có 2 mắt để trông, 2 râu để sờ, để ngửi và một vòi để hút mật hoa.
 - Ưc có 3 khoang, mang 3 đôi chân và 2 đôi cánh.
 - Bụng bướm cái có 9 khoang ; bướm đực có 7 khoang.
- ♦ Bướm hút mật hoa và đẻ trứng. Trứng nở thành sâu. Sâu nở thành nhộng (ấu trùng). Ấu trùng hoá thành bướm.
- ♦ Có hai loại bướm : Bướm ngày khi đậu thì cánh dựng lên ; Bướm đêm khi đậu thì cánh nằm ngang hoặc úp xuống.

CÂU HỎI 1) Cơ thể bướm chia làm mấy phần ? Kể ra ? 2) Râu của bướm dùng để làm gì ? 3) Vòi của bướm dùng để làm gì ? 4) Tại sao gọi là bướm cái ? 5) Bướm cái sinh sản như thế nào ?



Chu trình biến thái của bướm



CÀO CÀO

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

- ♦ Cơ thể cào cào gồm 3 phần : Đầu, Ưc và Bụng.
 - Đầu có 2 mắt kép rất to và 3 mắt đơn nhỏ, 2 râu dài thường hướng về phía trước. Miệng có ngàm để nghiền thức ăn.
 - Ưc có 3 khoang mang 3 đôi chân và 2 đôi cánh.
 - Bụng chia làm 9 khoang.
- ♦ Cào cào ăn lá cây nên là loài có hại. Nó đẻ trứng. Trứng nở thành cào cào con. Cào cào con lột nhiều lần để lớn.
- ♦ Các con cùng loại với cào cào là : châu châu (râu hướng về phía sau), bộ ngựa, dè nhũi, dè mèn.

CÂU HỎI 1) Cơ thể cào cào chia làm mấy phần ? 2) Cào cào có mấy đôi chân ? 3) Cào cào ăn gì ? Nó là loài có ích hay có hại ? 4) Kể vài con vật cùng loại với cào cào ?

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các loài kiến.

Bài học

- ♦ Một tổ kiến có từ 100 000 đến trên 500 000 con, gồm vài chục kiến chúa, vài trăm kiến đực và phần còn lại là kiến thợ.
- Đầu kiến có mắt kép to, hai râu ngắn. Miệng có hai ngàm cứng để nghiền thức ăn.
- Ức có 3 khoang, mang 3 đôi chân và 2 đôi cánh. Kiến thợ không có cánh.
- Bụng có 7 khoang. Bụng kiến chúa rất to.
- ♦ Kiến ăn ngũ cốc, sâu bọ... Kiến thợ lo việc tìm thức ăn, giữ trứng... Kiến chúa đẻ trứng, trứng nở ra sâu, sâu thành ấu trùng, ấu trùng hoá ra kiến.
- ♦ Các con cùng loại với kiến là : kiến vàng, kiến đen, kiến lửa.

CÂU HỎI 1) Trong một tổ kiến có chừng bao nhiêu kiến chúa ? 2) Kiến ăn gì ? 3) Kiến nào có cánh ? 4) Kiến nào không có cánh ? 5) Nói cách sinh sản và biến hình của loài kiến ?



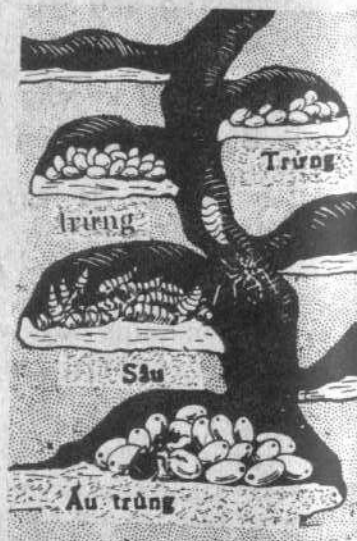
kiến chúa



kiến đực



kiến thợ

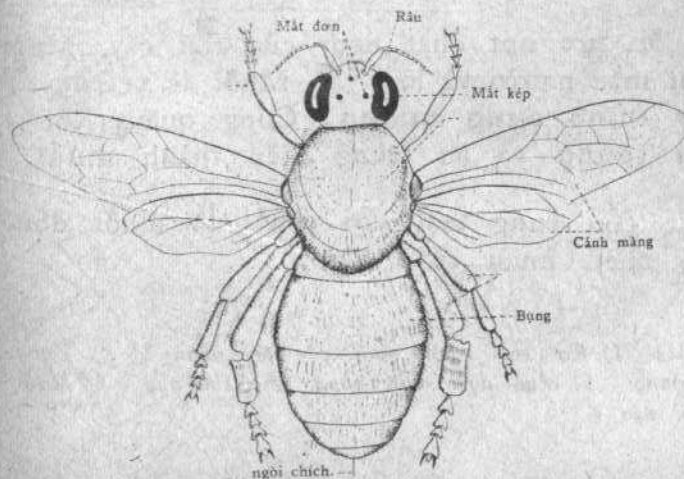


Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các loại ong.

Bài học

- ♦ Một tổ ong có nhiều chục ngàn con, gồm : một con ong chúa duy nhất, vài trăm ong đực và phần còn lại là ong thợ.
- Đầu ong có 2 mắt kép to và 3 mắt đơn nhỏ, 2 râu. Lưỡi ong dài dùng để hút mật hoa.
- Ức chia làm 3 khoang, mang 3 đôi chân và 2 đôi cánh.
- Bụng mềm mại, có 7 khoang. Ong chúa và ong thợ có ngòi chích, ong đực không có.
- ♦ Ong thợ đi hút mật hoa về cho cả đàn ong ăn. Ong chúa đẻ trứng. Trứng nở thành sâu. Sâu nở thành ấu trùng và ấu trùng hoá thành ong.
- ♦ Các con cùng loại với ong là : ong bắp vế, ong tò vò.

CÂU HỎI 1) Trong một tổ ong có mấy con ong chúa ? 2) Ong ăn gì ? Ong nào có ngòi chích ? 3) Ong nào không có ngòi chích ? 4) Nói cách sinh sản và biến hình của loài ong ?

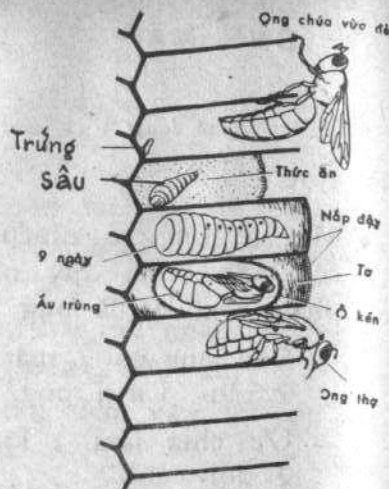




Ong đực



Ong chúa



5

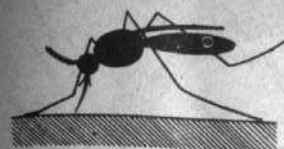
MUỖI

Dàn bài 1) Hình dạng. 2) Đời sống. Cách sinh sản. 3) Các con cùng loại.

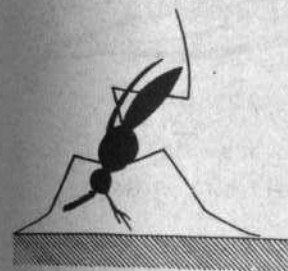
Bài học

- ♦ Cơ thể muỗi gồm ba phần : Đầu, Ức và Bụng.
 - Đầu nhỏ có 2 mắt kép, 2 râu dài và 1 cái vòi dùng để hút.
 - Ức có 3 khoang mang 3 đôi chân và 2 đôi cánh.
 - Bụng mềm mại, gồm có 7 khoang.
- ♦ Muỗi đực hút chất ngọt của trái cây. Muỗi cái hút máu người và loài vật. Muỗi đẻ trứng. Trứng nở thành **cung quăng**. Cung quăng lột thành **ấu trùng** và ấu trùng biến thành **muỗi**.
- ♦ Các con cùng loại với muỗi là muỗi đòn sóc, bọ chét, muỗi chân dài.

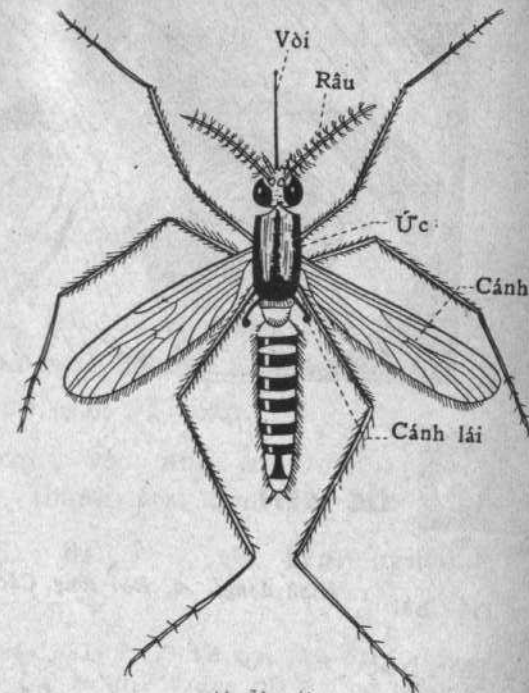
CÂU HỎI 1) Cơ thể muỗi gồm có mấy phần ? 2) Bụng muỗi có mấy khoang ? 3) Muỗi đực sinh sống như thế nào ? 4) Muỗi cái sinh sống ra sao ?



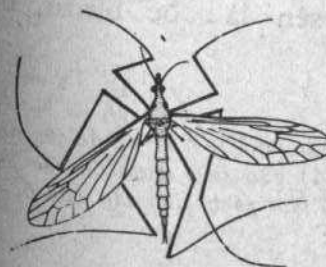
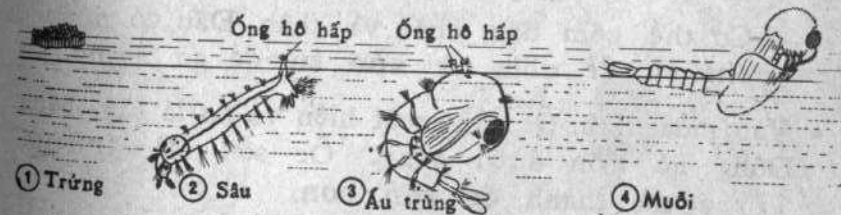
Muỗi thường đậu



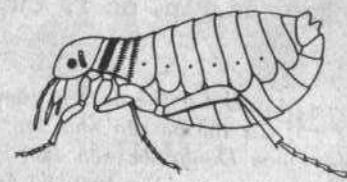
Muỗi đòn sóc đậu



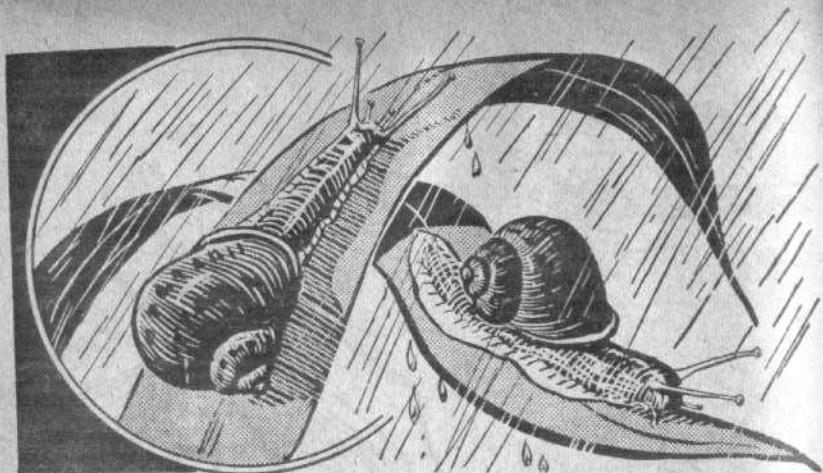
Muỗi cái



MUỖI CHÂN DÀI



BỌ CHÉT



6 ỐC SÊN

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- Ốc sên chia làm hai phần: Vỏ và cơ thể.
 - Vỏ ốc sên làm bằng vôi, xoắn nhiều vòng, tựa cùng bằng cái trôn ốc.
 - Cơ thể gồm đầu, chân và thân. Đầu có miệng, thị tu để nhìn và xúc tu để sờ soạng.
- Vào mùa mưa. Ốc sên xuất hiện và ăn lá cây. Mùa Đông nó trốn dưới hang. Ốc sên đẻ trứng. Trứng nở thành ốc sên con.
- Các con cùng loại với ốc sên là: ốc bươu, ốc gạo, ốc vặn, ốc xa cừ.

CÂU HỎI 1) Cơ thể ốc sên gồm mấy phần? Kể ra? 2) Vỏ ốc sên như thế nào? 3) Cơ thể ốc sên như thế nào? 4) Vào mùa mưa, ốc sên ăn gì? 5) Vào mùa Đông, ốc sên làm gì? 6) Nói cách sinh sản của ốc sên? 7) Kể tên vài con cùng loại với ốc sên?

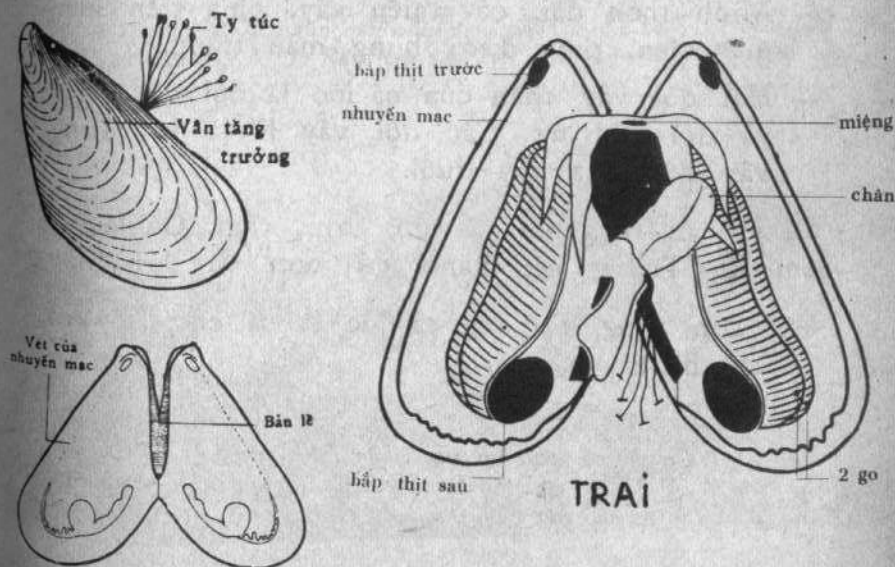
7 TRAI

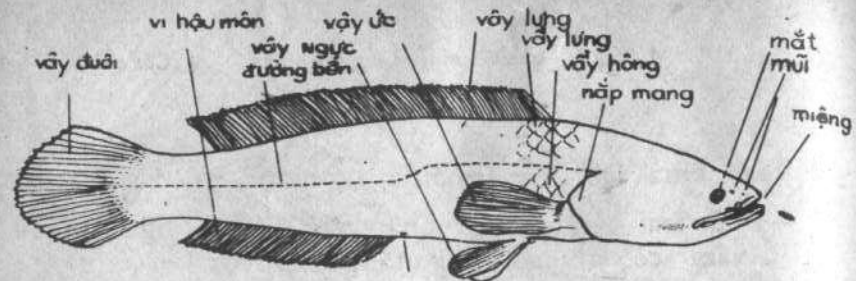
Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- Trai chia làm hai phần: 2 mảnh vỏ và cơ thể.
 - Vỏ trai làm bằng chất vôi, phía ngoài màu xám có nhiều vòng tăng trưởng.
 - Cơ thể gồm ba phần.
 - nhuyễn mạc là hai màng mỏng dính vào vỏ.
 - go là bộ phận dùng để hô hấp.
 - thân gồm có mình, gan và chân.
- Trai ăn các vụn rong rêu nhỏ ở trong nước. Trứng của trai nở thành trai con rồi lớn dần.
- Các con cùng loại là: hà, hàu, sò, hến, nghêu...

CÂU HỎI 1) Trai chia làm mấy phần? 2) Vỏ trai làm bằng chất gì? Phía ngoài của vỏ màu gì? 3) Trai ăn gì? Trứng của trai nở thành gì? 4) Kể tên các con tương cận của trai?





HÌNH DẠNG BÊN NGOÀI CỦA CÁ LÓC

8

CÁ LÓC

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Cơ thể cá lóc gồm ba phần : Đầu, Minh, và Vây.

- Đầu có mắt tròn, không mi, có hai cặp lỗ mũi để nước vào, ra. Sau mắt là tấm nắp mang.
- Minh thon dài, có nhiều vây, phía trên lưng màu đen, phía dưới bụng màu trắng.
- Hai đôi vây chẵn của cá lóc là đôi vây ngực và đôi vây ức. Các đôi vây lẻ là vây lưng, vây bụng và vây đuôi.

- ♦ Cá lóc ăn rong rêu, cá con, côm, cám. Cá lóc đẻ trứng. Trứng nở thành cá con và lớn dần.

- ♦ Các con cùng loại với cá lóc là cá chép, cá rô, cá chạch, cá mập.

CÂU HỎI 1) Cơ thể cá lóc gồm mấy phần ? Kê ra ? 2) Cá lóc có mấy đôi vây chẵn ? 3) Kê tên các vây lẻ của cá lóc ? 4) Cá lóc đẻ ra con hay trứng ? 5) Kê tên các con cùng loại với cá lóc ?

9

RẮN MỖI

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Rắn mối gồm 3 phần : Đầu, Minh và Tứ chi.

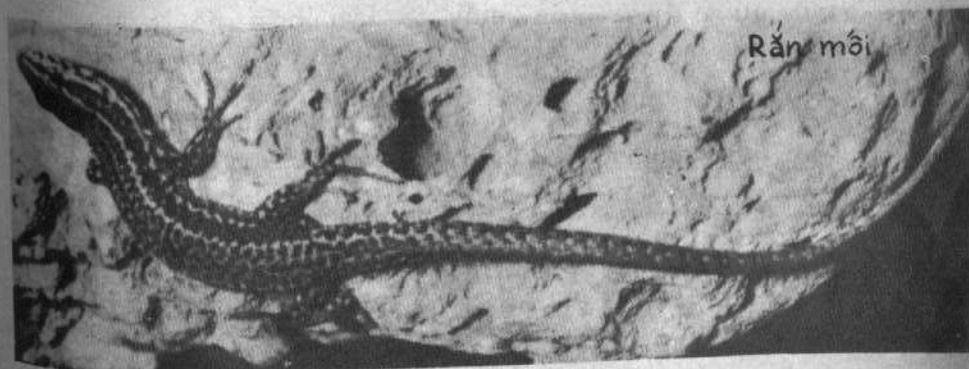
- Đầu hình tam giác. Tai không có vành, rất thính. Miệng rộng, đầu lưỡi chẻ đôi.
- Minh dài, mềm mại. Đuôi dài, khi đứt thì mọc dài ra như cũ.
- Chân rắn mối có 5 ngón. Rắn mối bò khá nhanh.

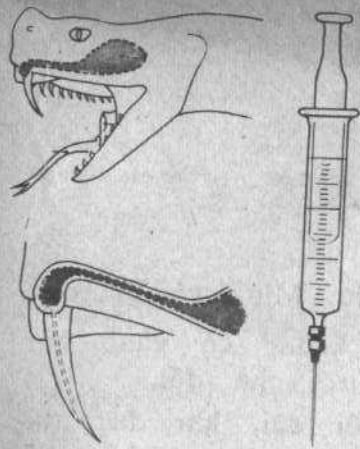
- ♦ Ban ngày rắn mối núp nơi kín đáo. Đêm đến mới đi kiếm sâu bọ để ăn.

Rắn mối đẻ trứng. Trứng nở thành rắn mối con. Rắn mối con lột nhiều lần để lớn.

- ♦ Các con cùng loại với rắn mối là: thằn lằn, tắc kè, kỳ nhông, kỳ đà.

CÂU HỎI 1) Cơ thể rắn mối gồm mấy phần ? Kê ra ? 2) Đầu lưỡi rắn mối có gì đặc biệt ? 3) Rắn mối săn mồi như thế nào ? 4) Rắn mối đẻ trứng hay đẻ con ?





10

RẮN LỤC

Dàn bài 1. Hình dáng 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Cơ thể rắn lục gồm 2 phần : Đầu và Minh.
 - Đầu dẹp, hình tam giác, miệng rộng có nhiều răng nhỏ để giữ mồi. Lưỡi dài chẻ đôi và là cơ quan xúc giác.
 - Minh dài, có vảy giả bao phủ, không chân.
- ♦ Rắn lục ăn chuột, ếch... Hàm mở rất rộng nên rắn nuốt được con mồi to lớn hơn nó. Rắn lục đẻ con. Rắn con lột da nhiều lần để lớn.
- ♦ Các con cùng loại với rắn lục là : trăn, rắn nước, rắn hổ mang, rắn lục lạp.

CÂU HỎI 1) Cơ thể rắn lục gồm mấy phần ? 2) Đầu lưỡi rắn lục có gì đặc biệt ? 3) Rắn lục có chân không ? 4) Trong loài rắn có con nào có chân không ? 5) Nhờ đâu mà rắn lục nuốt được con mồi to hơn nó ? 6) Rắn lục đẻ con hay đẻ trứng ?

11

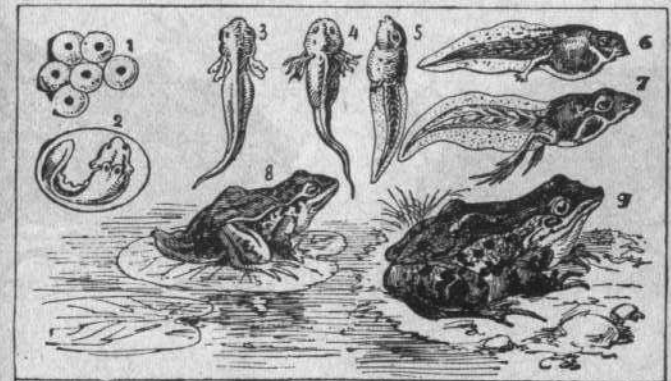
ẾCH

Dàn bài 1. Hình dáng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Cơ thể ếch gồm : Đầu, Minh và Tứ chi.
 - Đầu liền ngay với mình, không cổ. Mắt to và lồi. Miệng rộng, lưỡi chẻ đôi, 2 lỗ mũi ở đầu mõm.
 - Bụng to và xệ, không đuôi. Da ếch ẩm và trơn.
 - Hai chân trước của ếch ngắn, hai chân sau dài.
- ♦ Ếch sống ở bờ ao, bờ lặn giỏi. Ếch ăn côn trùng. Trứng nở thành nòng nọc, khi đuôi nòng nọc biến mất thì nó biến thành ếch và nhảy lên bờ.
- ♦ Các con cùng loại là : cóc, nhái bầu, ếch ương, ngoé.

CÂU HỎI 1) Cơ thể ếch gồm mấy phần ? 2) Ếch có cổ không ? 3) Lưỡi ếch có gì đặc biệt ? 4) Da ếch như thế nào ? 5) Ếch có đuôi không ? 6) Đời sống của ếch như thế nào ? 7) Cuộc biến hình của ếch như thế nào ? 8) Kể tên các con cùng loại với ếch ?



chu trình biến thái của ẾCH



Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống.

Bài học

- ♦ Cóc là con vật cùng loại với ếch nhưng có nhiều điểm khác với ếch: Mình cóc ngắn và bầu. Da cóc xù xì và có tuyến chứa nhựa độc. Chân cóc ngắn nên cóc không nhảy xa.
- ♦ Suốt ngày cóc ở trong hang. Đến tối mới nhảy ra ngoài để kiếm mồi. Cóc ăn côn trùng nên là loài có ích.
- Trong người cóc có bộ phận nhạy cảm nên cóc đoán biết được lúc nào trời sắp mưa.

CÂU HỎI 1) Mình cóc như thế nào? 2) Da cóc như thế nào? 3) Tại sao cóc nhảy không xa? 4) Tại sao người ta nói cóc là loài có ích? 5) Tại sao khi cóc nghiêng răng là trời sắp mưa?



Cóc



Ếch



Dàn bài 1. Hình dạng tổng quát của chim. 2. Đời sống. Cách sinh sản.
3. Các loại chim.

Bài học

- ♦ Chim là động vật có lông vũ. Chim có hai cánh. Cánh có lông ống dài và cứng nên chim bay dễ dàng. Chim có đôi chân ốm yếu và một mỏ cứng để mổ các thức ăn.
- ♦ Chim thường làm tổ trên cây, ăn ngũ cốc, sâu bọ. Chim đẻ **trứng**, trứng nở thành **chim con**.
- ♦ Chim được phân chia thành nhiều loại. Gà, vịt và bồ câu cũng thuộc về loài chim.

CÂU HỎI 1) Chim là động vật như thế nào? 2) Nhờ đâu mà chim bay được dễ dàng? 3) Chim thường làm tổ ở đâu? 4) Chim ăn gì? 5) Chim đẻ ra trứng hay ra con? 6) Gà, vịt và bồ câu có phải là loài chim không?



Lông ống



Lông mái



Lông tơ



Hải âu



Đầu và chân gà mái



14 GÀ

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Cơ thể gà gồm ba phần: Đầu, Mình và Tứ chi.
 - Trên đầu gà có mống đỏ, khía răng cưa. Mỏ nhọn, cứng, dưới mỏ có hai cái tích đỏ, mềm. Tai ẩn dưới lông. Mắt tròn.
 - Mình gà có lông vũ bao phủ.
 - Gà có 2 chân và 2 cánh. Chân có 3 ngón trước và một ngón sau. Gà trống có cựa bén.
- ♦ Gà ăn ngũ cốc và côn trùng. Gà mái đẻ trứng. Trứng nở thành gà con.
- ♦ Các con cùng loại là: gà tây, đà đà, gà sao, trĩ, công.

CÂU HỎI 1) Cơ thể gà gồm mấy phần? 2) Tai gà nằm ở đâu? 3) Chân gà có mấy ngón? 4) Gà trống có cựa như thế nào? 5) Gà đẻ con hay đẻ trứng? 6) Kể tên các con cùng loại với gà?

15

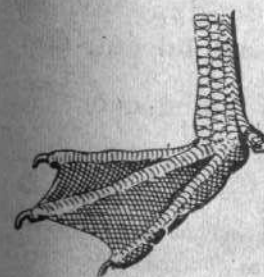
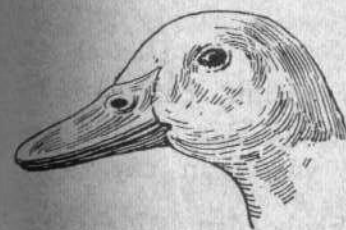
VỊT

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

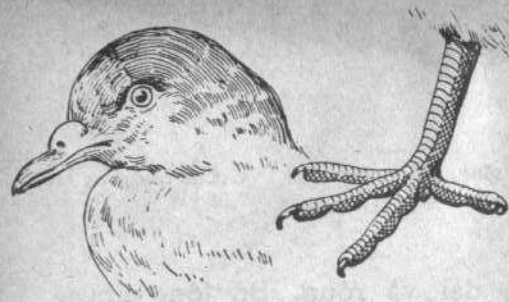
- ♦ Vịt nặng nề. Mỏ đẹp, dài và rộng. Bộ lông nhờn nên không thấm nước. Chân vịt ngắn, mỗi chân có 4 ngón, 3 ngón trước có một màng mỏng nối liền thành mái chèo để bơi.
- ♦ Vịt bơi lội giỏi, thích sống ở dưới nước. Nó ăn tôm, cua, cá và ngũ cốc. Vịt mái đẻ **trứng**. Trứng nở thành **vịt con**.
- ♦ Các con cùng loại với vịt là: vịt trời, ngỗng, thiên nga, công cốc, hải âu, xí nga, chàng bè.

CÂU HỎI 1) Tại sao vịt lặn lội dưới nước mà không bị ướt? 2) Nhờ đâu mà vịt bơi lội giỏi? 3) Vịt ăn gì? 4) Vịt đẻ ra trứng hay ra con? 5) Kể tên vài con cùng loại với vịt?

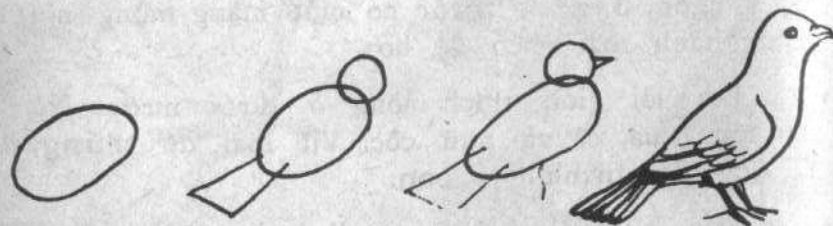


Đầu và chân vịt





Đầu và chân bồ câu



16 BỒ CÂU

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Bồ câu có mắt tròn và tinh nhanh, chân có 3 ngón trước và một ngón sau. Đầu ngón có vuốt giúp bồ câu bám chặt vào thân cây.
- ♦ Bồ câu ăn ngũ cốc, sống thành đàn nhưng ở riêng từng cặp trong tổ. Bồ câu bay nhanh và có trí nhớ dài nên được dùng để đưa thư. Bồ câu mái đẻ **trứng**. Trứng nở thành **bồ câu con**.
- ♦ Các con cùng loại là : chim cu, chim ngói.

CÂU HỎI 1) Bồ câu có thân hình như thế nào ? 2) Chân bồ câu có mấy ngón ? 3) Đầu ngón có gì ? 4) Nhờ đâu mà bồ câu được dùng để đưa thư 5) Kể tên các con cùng loại với bồ câu ?

17 MÈO

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Cơ thể gồm 3 phần : Đầu, Mình và Tứ chi.
- Đầu mèo tròn, đẹp, vành tai mỏng, tai rất thính. Mắt to và sáng, có thể nhìn được ban đêm. Răng mép là cơ quan xúc giác.
- Mình mèo thon, mềm mại, có đuôi dài.
- Chân trước của mèo có 5 ngón, chân sau 4 ngón. Ngón có móng nhọn, có rút được. Dưới chân mèo có nệm thịt nên mèo đi rất êm.

Mèo thích ăn thịt, thích bắt chuột. Nó rất sợ lạnh. Mèo cái đẻ con và cho con bú.

Các con cùng loại là : mèo rừng, cọp, beo, sư tử.

CÂU HỎI 1) Mắt mèo như thế nào ? 2) Răng mép của mèo là cơ quan gì ? 3) Móng chân mèo có gì ? 4) Tại sao mèo đi rất êm ? 5) Kể tên các con cùng loại với mèo ?



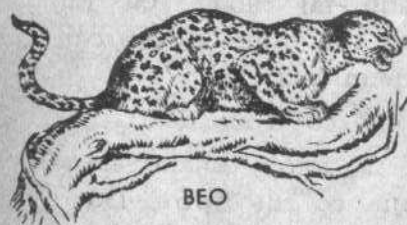
Chân mèo vuốt mèo



MÈO RỪNG



HỒ



BEO



SƯ TỬ

18 HỒ (CỌP) — BEO

Dàn bài 1. Hồ. 2. Beo.

Bài học

• Hồ cùng loại với mèo. Hồ trông cũng giống mèo nhưng to lớn, khỏe mạnh và dữ tợn hơn mèo. Lông hồ màu vàng, có lẫn đen. Hồ ăn thịt các thú nhỏ như thỏ, hươu, nai...

• Beo cũng cùng loại với mèo. Beo nhỏ hơn hồ. Lông của beo màu vàng, có nhiều đốm đen. Beo ăn thịt các thú nhỏ như hươu, nai, khỉ. Nó biết leo trèo trên cây.

Hồ và beo sống ở các rừng rậm Phi châu và Á châu. Chúng đẻ con và cho con bú.

CÂU HỎI 1) Lông của hồ ra sao? 2) Lông của beo ra sao? 3) Hồ có leo trèo trên cây được không? 4) Hồ có leo trèo trên cây được không? 5) Hồ và Beo sống ở đâu?

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. Các con cùng loại

Bài học

• Cơ thể chó gồm 3 phần: Đầu, Mình và Tụ chi.
— Đầu có mõm khá dài. Tai thính. Mũi tinh.
— Chó cái bụng có hai hàng vú, mỗi hàng 4 cái.
— Chân trước của chó có 5 ngón, chân sau 4 ngón. Ngón có vuốt nhưng không co rút được. Chó chạy xa nhờ chân dài.

• Chó rất thông minh, hiểu được tiếng người và hết sức trung thành với chủ. Chó cái đẻ con và cho con bú.

• Các con cùng loại với chó là: chồn, chó sói, chó ét-ki-mô ở Bắc băng dương.

CÂU HỎI 1) Mũi chó như thế nào? 2) Chó chạy xa và bền nhờ gì? 3) Ngón chân chó có gì? 4) Chó là loài vật có trung thành không? 5) Kể tên các con cùng loại với chó?



CHÓ SÓI



Ngựa



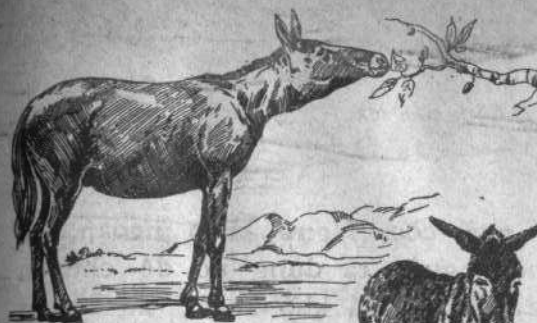
20 NGỰA

Dàn bài 1. Đầu, 2. Minh, 3. Từ chi.

Bài học

- Cơ thể ngựa gồm ba phần : Đầu, Minh và Từ chi.
- Đầu ngựa dài, tai vểnh, động đập luôn và rất thính. Mặt ngựa dài, mắt to, mũi rộng, ướt luôn và rất tinh. Ngựa cái không có răng nanh.
- Minh ngựa cân đối, cổ rất lớn, dọc theo cổ có một dãy lông gọi là **bờm**. Đuôi ngắn mang một chùm lông dài.
- Bàn chân ngựa chỉ là một xương dài, mỗi chân chỉ có một ngón duy nhất.

CÂU HỎI 1) Đầu ngựa như thế nào ? 2) Tai ngựa có gì đặc biệt ? 3) Ngựa cái có răng nanh không ? 4) Bờm ở trên cổ ngựa là gì ? 5) Mỗi chân ngựa có mấy móng ?



Lò



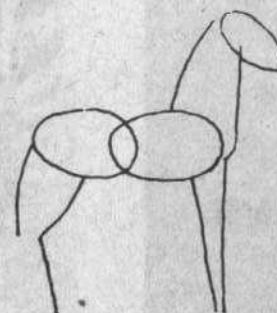
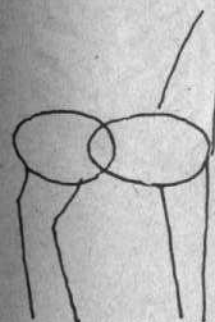
Lừa



Ngựa rằn



Tê giác



21 NGỰA

Dàn bài 1. Đời sống. 2. Cách sinh sản. 3) Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Ngựa ăn cỏ và ngũ cốc. Ngựa khôn ngoan, dễ dạy và rất khoẻ nên người ta dùng nó để chuyên chở ở những nơi đường xá khó khăn, xe không chạy được. Ngựa có thể chạy nhanh đến 60km/giờ
- ♦ Ngựa cái đẻ mỗi năm một con và cho con bú. Ngựa con mới sinh ra, liền chạy theo ngựa mẹ.
- ♦ Các con cùng loại với ngựa là : lừa, la, ngựa rằn, tê giác, voi...

CÂU HỎI 1) Ngựa ăn gì ? 2) Ngựa được dùng để làm gì ? 3) Ngựa có thể chạy nhanh đến vận tốc nào ? 4) Mỗi năm ngựa cái đẻ mấy con. 5) Kể tên các con cùng loại với ngựa.



Ngựa rằn

22 BÒ

Dàn bài 1. Đầu. 2. Minh. 3. Tứ chi.

Bài học

Cơ thể bò gồm 3 phần : Đầu, Minh và Tứ chi.

- ♦ Đầu bò ngắn và rộng, vành tai lớn, đôi mắt to và ướt luôn, mũi rộng. Trên đầu có 2 sừng nhọn và cong về phía trước. Đếm sừng bò ta biết được tuổi của nó. Hàm trên của bò không có răng cửa.
- ♦ Minh bò mập, bụng to. Phía bụng gần háng có 4 vú. Đuôi dài ; động đập luôn. Dạ dày bò có 4 túi.
- ♦ Chân bò có 2 ngón.

CÂU HỎI 1) Bò có mấy sừng ? 2) Sừng bò cong về phía nào ? 3) Đếm sừng bò ta biết được gì ? 4) Bò có răng cửa không ? 5) Dạ dày của bò có mấy túi ? 6) Chân bò có mấy ngón ?



Đầu bò



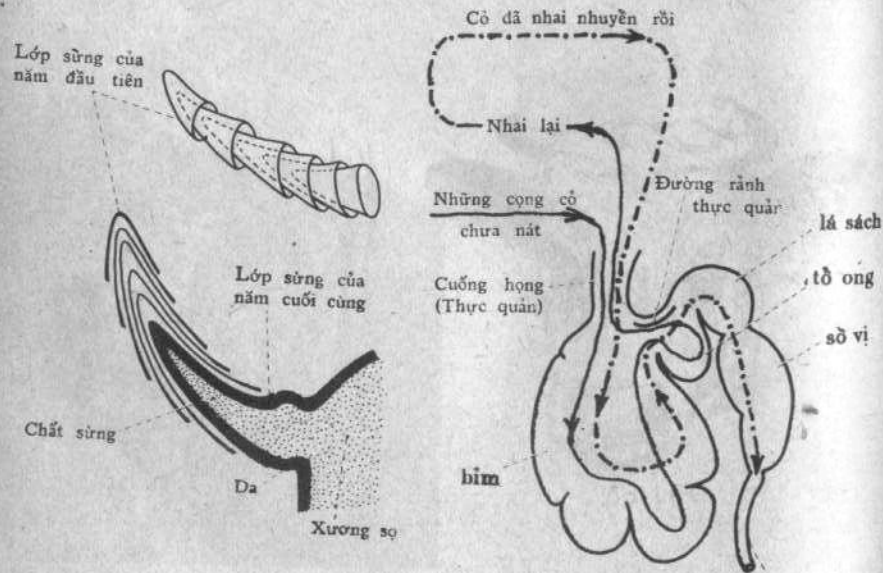
Sọ bò

Dàn bài 1. Đời sống. 2. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Bò ăn cỏ. Khi ăn thì nuốt trộng. Lúc nghỉ, thức ăn lại được đưa lên miệng để nhai lại.
- ♦ Bò cái đẻ mỗi năm một con và cho con bú độ 6 tháng. Nhưng sau đó bò cái vẫn tiếp tục có sữa. Vì vậy, người ta nuôi bò để lấy sữa.
- ♦ Các con cùng loại với bò là : bò tót, trâu, trâu, dê, hươu, nai, hươu cao cổ, lạc đà...

CÂU HỎI 1) Bò ăn cỏ như thế nào ? 2) Bò cái cho con bú trong bao lâu ? 3) Khi bò con thôi bú, bò cái vẫn còn có sữa không ? 4) Người ta lợi dụng việc này để lấy gì của bò cái ? 5) Kể tên các con cùng loại với bò.



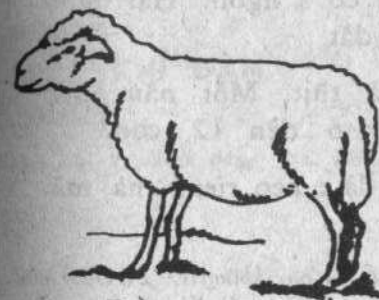
Bao tử bò có 4 túi



Dê



Nai



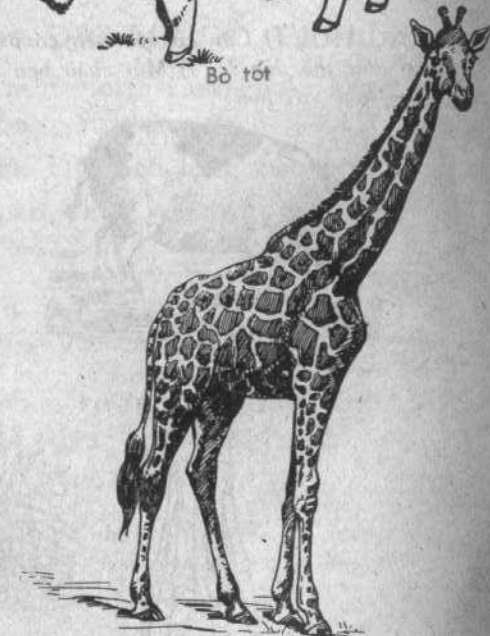
Trâu



Bò tót



LẠC ĐÀ



Hươu cao cổ

Dàn bài 1. Hình dạng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Cơ thể heo gồm 3 phần : Đầu, Mình và Tứ chi.
 - Đầu to, mắt nhỏ, hai tai to, mõm dài.
 - Mình heo nặng nề, cần cổ không phân biệt rõ. Bụng có hai hàng vú, mỗi hàng 6 cái. Đuôi heo ngắn và thường xoắn lại.
 - Chân heo ngắn. Mỗi chân có 4 ngón. Hai ngón ở hai bên không chạm đất.
- ♦ Heo ăn hỗn tạp : rau, cỏ và thịt. Mỗi năm heo nái đẻ hai lứa. Mỗi lứa từ 6 đến 12 con.
- ♦ Các con cùng loại với heo là : heo rừng, hà mã.

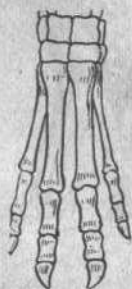
CÂU HỎI 1) Cần cổ của heo có phân biệt rõ hay không ? 2) Đuôi của heo như thế nào ? 3) Mỗi chân heo có mấy ngón ? 4) Kể tên các con cùng loại với heo ?



Heo nhà



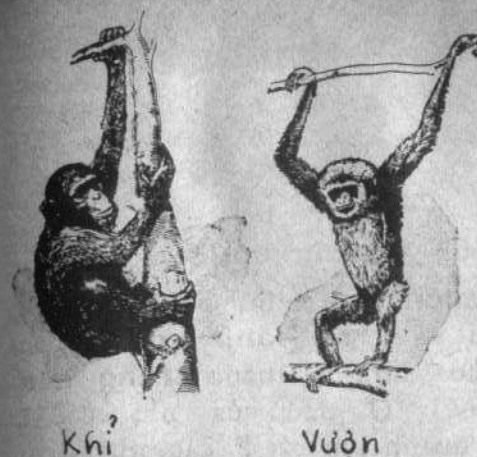
Heo rừng



Xương chân heo



Hà mã



Khỉ

Vượn



Tay khỉ



Tay khỉ



Chân khỉ



Xương chân khỉ

25 KHỈ ĐÀN

Dàn bài 1. Hình dáng. 2. Đời sống. Cách sinh sản. 3. Các con cùng loại.

Bài học

- ♦ Cơ thể khỉ đàn gồm 3 phần : Đầu, Mình và Tứ chi.
 - Đầu nhỏ, trán thấp, mũi tẹt, vành tai lớn. Mặt khỉ hao hao giống mặt người.
 - Mình lùn, lưng hơi gù. Đuôi có lông bao phủ.
 - Tay chân khỉ khá dài, bàn chân và bàn tay khỉ đều có 5 ngón.
- ♦ Khỉ ăn trái cây, hạt, củ nên thường phá hại hoa mầu. Khỉ cái đẻ con và cho con bú.
- ♦ Các con cùng loại với khỉ là : vượn, hắc tinh tinh, người rừng, khỉ đột, khỉ đầu chó, khỉ sóc...

CÂU HỎI 1) Mặt khỉ so với mặt người thì như thế nào ? 2) Trán khỉ như thế nào ? 3) Chân khỉ có mấy ngón ? 4) Khỉ sinh sống như thế nào ? 5) Kể tên các con cùng loại với khỉ.

Dàn bài 1. Các bộ phận của hoa. 2. Hoa đủ. Hoa đực. Hoa cái.

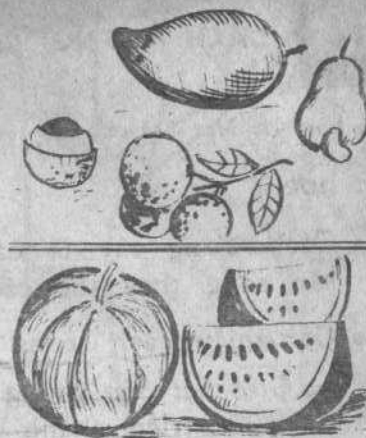
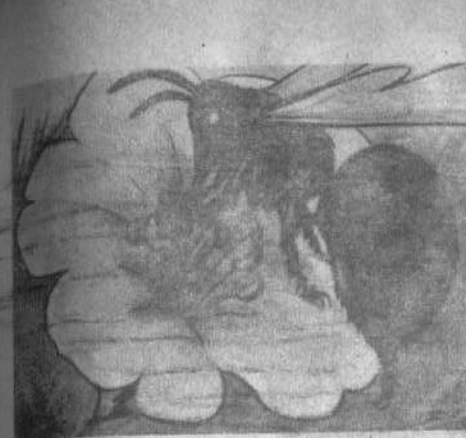
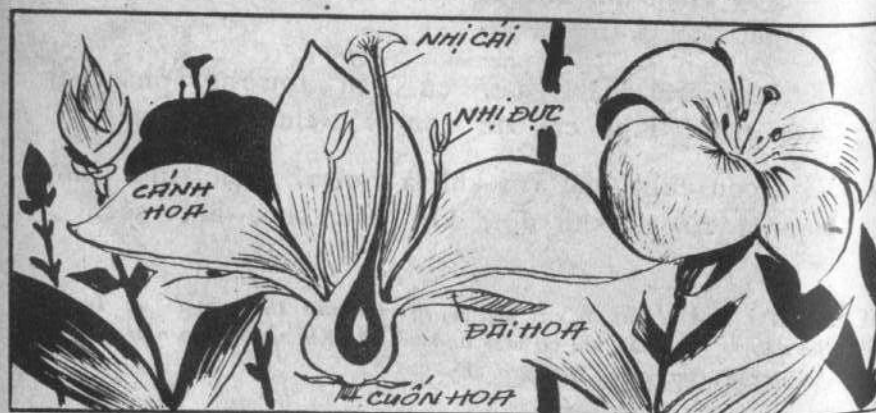
Bài học

Lúc đã trưởng thành thì cây trổ hoa.

- Mỗi hoa gồm có **cuốn hoa** dính liền vào cành, nhiều **đài hoa** màu xanh, các **cánh hoa** có màu sắc sỡ. Các cánh hoa hợp lại thành **tràng hoa**. Giữa hoa là **nhị cái**. Ở đầu của nhị cái là **nuốm nhị**. Chung quanh nhị cái là các **nhị đực**.
- Khi hoa có đủ đài hoa, tràng hoa, nhị đực, nhị cái thì được gọi là **hoa hoàn toàn**. Đó là : Hoa cam, hoa chanh, hoa bưởi... Khi hoa chỉ có nhị đực thì gọi là **hoa đực** ; chỉ có nhị cái thì gọi là **hoa cái**. *Thí dụ* : Hoa bí đực, hoa bí cái, hoa mướp đực, hoa mướp cái.

Chỉ có hoa cái mới kết thành trái.

CÂU HỎI 1) Khi nào cây trổ hoa ? 2) Mỗi hoa gồm có những gì ? 3) Hoa có đủ các thành phần vừa kể thì gọi là hoa gì ? 4) Hoa chỉ có nhị đực thì gọi là hoa gì ? 5) Hoa chỉ có nhị cái thì gọi là hoa gì ? 6) Hoa đực và hoa cái, hoa nào kết thành trái.



27 HOA : CÁCH KẾT TRÁI

Dàn bài 1. Cách kết thành trái của hoa. 2. Các loại trái.

Bài học

- Lúc hoa nở, cánh hoa xoè ra. Phần vàng của nhị đực được gió hoặc loài côn trùng như ruồi, ong đem đến đầu nhị cái. Bây giờ nhị cái lớn dần giữa lúc nhị đực và cánh hoa rụng mất : Thế là hoa đã kết thành trái.
- Có 2 loại trái : **trái thịt** và **trái khô**. **Trái thịt** một hột là những loại trái có vỏ ở ngoài, thịt ở giữa và một hột ở trong. Đó là trái xoài, trái nhãn. Trái thịt nhiều hột như trái dưa hấu, mận. **Trái khô** chỉ có vỏ cứng ở ngoài và các hạt ở trong. Đó là trái đậu phộng, đậu xanh.

CÂU HỎI 1) Lúc hoa nở, cánh hoa như thế nào ? 2) Nhờ đâu mà phần vàng của nhị đực được đưa đến nhị cái. 3) Trái thịt là gì ? 4) Có mấy loại trái thịt ? 5) Trái khô là gì ? Cho thí dụ.

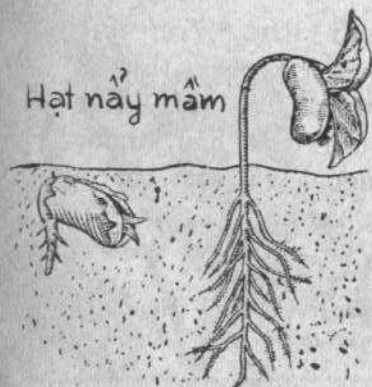
Dàn bài 1. Mục đích của việc ương cây. 2. Các cách ương cây.

Bài học

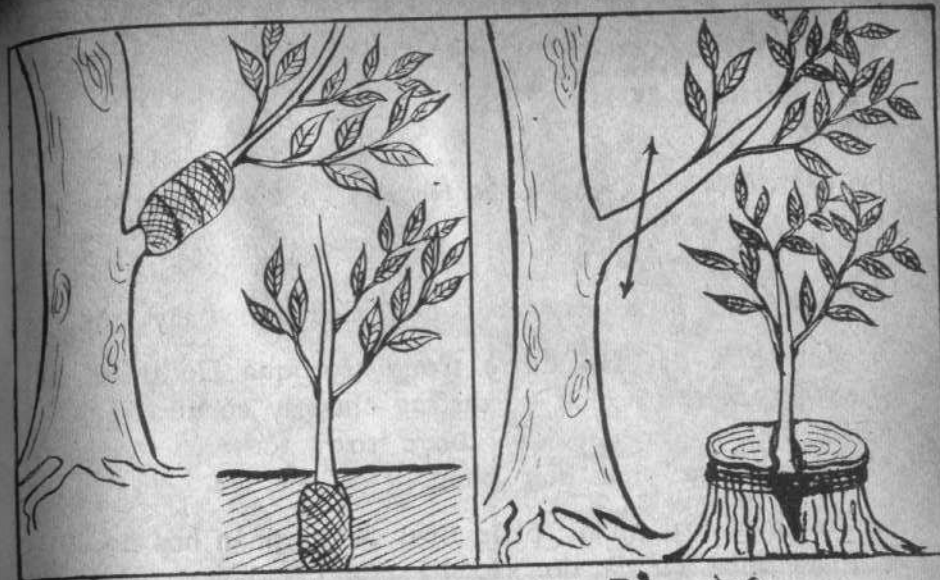
- ♦ Cách ương cây là cách tạo ra các cây con để sẵn sàng thay thế các cây già.
- ♦ Có nhiều cách ương cây.
 - Gieo hạt đậu xuống đất ẩm để hạt đậu nảy mầm và phát triển thành cây đậu con.
 - Giâm ngọn mía hoặc dây khoai lang xuống đất để chúng phát triển thành cây.
 - Chiết cành là lấy một cành của cây mẹ rồi đem trồng để cho cành phát triển thành cây mới.
 - Tiếp cành là ghép một cành cây này vào thân của cây khác để nhờ thân cây mẹ nuôi cây con, và cây con lớn dần.

Phép chiết cành và tiếp cây mau cho ta nhiều trái, nhưng cây chóng tàn.

CAU HỎI 1) Ương cây là gì? 2) Gieo hạt là gì? 3) Giâm ngọn là gì? 4) Chiết cành là gì? 5) Tiếp cành là gì?



Giâm ngọn



Chiết cành

Tiếp cành

Dàn bài 1. Cách sửa soạn đất. 2. Cách trồng cây. 3. Cách săn sóc cây.

Bài học

- ♦ Muốn trồng cây, trước tiên người ta phải cày bừa để làm cho đất được xốp, đồng thời giết bớt cỏ và sâu bọ.
- ♦ Kể đó ta đem các cây non đã ương giồng tới trồng trên đất đã sửa soạn. Trong khi di chuyển, có nhiều giồng cây non cần phải giữ nguyên rễ, thân, lá. Nhưng cũng có thứ dễ trồng thì chỉ cần giữ thân và rễ mà thôi.
- ♦ Sau cùng, ta phải thường xuyên tưới nước, bón phân và diệt trừ sâu bọ. Như thế cây mới mau lớn và tươi tốt.

CÂU HỎI 1) Người ta cày bừa đất để làm gì? 2) Sau khi cày bừa rồi thì người ta làm gì? 3) Muốn săn sóc cây, ta phải làm sao?

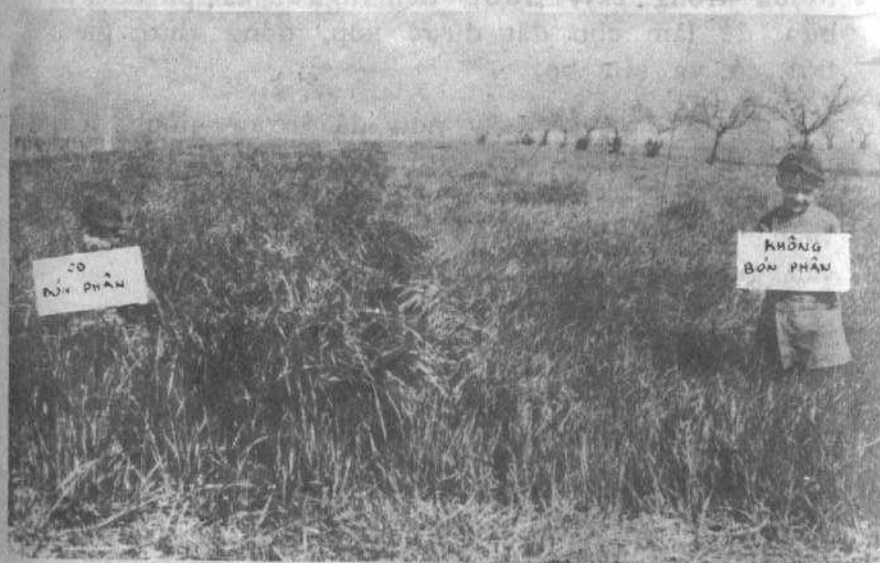
30 PHÂN BÓN

Dàn bài 1. Phân bón là gì? 2. Việc bón phân. 3. Các loại phân bón.

Bài học

- ♦ Phân bón là những chất cần thiết cho cây cối.
- ♦ Một thửa đất khi được trồng trọt quá lâu thì sẽ không còn đủ chất bổ dưỡng cho cây cỏ nữa. Do đó nếu muốn cho cây được tươi tốt trên mảnh đất này, ta phải bón phân.
- ♦ Có nhiều loại phân: phân hữu cơ và phân hoá học. Phân hữu cơ là do xác bã của cây cối và động vật bị tan rữa mà thành như phân chuồng, phân cá, phân chim. Phân hoá học là những chất do người chế tạo ra.

CÂU HỎI 1) Phân bón là gì? 2) Một thửa đất khi được trồng trọt quá lâu thì sẽ bị gì? 3) Phân hữu cơ là gì? 4) Phân hoá học là gì?



31 CÁCH Ủ PHÂN VÀ BÓN PHÂN

Dàn bài 1. Phân chuồng là gì? 2. Cách ủ phân chuồng. 3. Cách bón phân.

Bài học

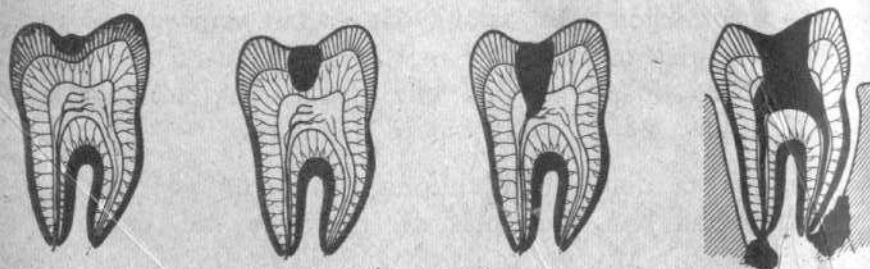
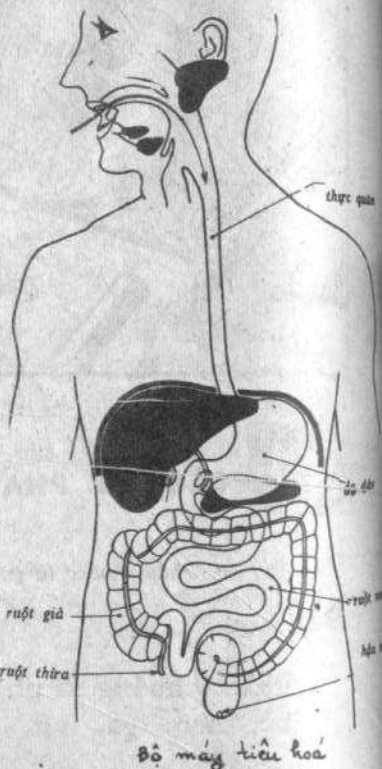
- ♦ Phân chuồng là phân của các loài súc vật như trâu, bò, heo, gà, vịt.
- ♦ Ta đổ phân chuồng vào một hầm tráng xi măng để nước khỏi thấm xuống đất và lan tràn ra ngoài. Nền hầm thoải thoải về một phía để nước chảy vào hồ riêng. Hầm có mái che mưa nắng. Lâu lâu ta đảo phân lên để phân tan rã đều đặn.
- ♦ Người ta đem phân chuồng đã ủ trộn với vài loại phân hoá học cần thiết rồi bón vào các gốc cây.

CÂU HỎI 1) Phân chuồng là gì? 2) Muốn ủ phân chuồng, ta phải làm sao? 3) Phân chuồng thường được bón vào đâu?

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Bộ máy tiêu hoá. 3. Sự tiêu hoá

Bài học

- Sự tiêu hoá là sự biến đổi các thức ăn thành chất bổ dưỡng để nuôi cơ thể.
 - Bộ máy tiêu hoá gồm ống tiêu hoá và các tuyến tiêu hoá. Ống tiêu hoá gồm có miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già.
 - Trong miệng, thức ăn trộn với nước miếng, bị nghiền nát rồi xuống dạ dày. Sau đó thức ăn biến thành nhũ trấp rồi lại thành dưỡng trấp thấm qua ruột non mà vào máu để nuôi cơ thể.
- Phân chất bã xuống ruột già, rồi ra ngoài.



Diễn tiến của một răng bị sâu

CÂU HỎI

- 1) Sự tiêu hoá là gì? 2) Bộ máy tiêu hoá gồm có những gì? 3) Sự tiêu hoá xảy ra như thế nào? 4) Phân chất bã đi về đâu?

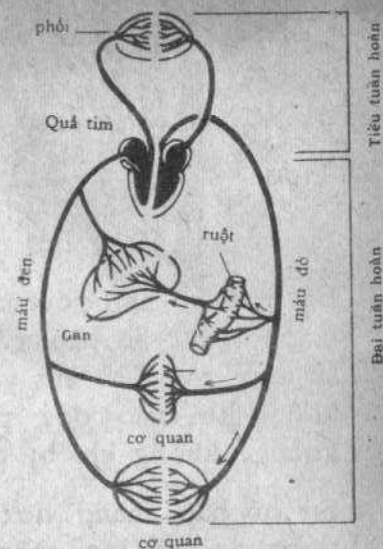


Máu đông đặc

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Bộ máy tuần hoàn.
3. Đại tuần hoàn. 4. Tiểu tuần hoàn.

Bài học

- Sự tuần hoàn là sự lưu thông liên tục của máu trong khắp cơ thể.
- Bộ máy tuần hoàn gồm quả tim và các huyết quản.
- Đại tuần hoàn là đoạn đường đi từ bên trái của tim đến các cơ quan trong thân thể rồi trở về bên phải của tim. Trên đường đi, máu đỏ hoá ra đen vì đã tiếp nhận nhiều chất cặn bã.
- Tiểu tuần hoàn là đoạn đường đi từ bên phải của tim đến phổi rồi trở về bên trái của tim. Trên đường đi, máu đen hoá ra đỏ vì đã thải được chất bã tại phổi. Thở rồi sự tuần hoàn cứ thế mà tiếp diễn.



- CÂU HỎI** 1) Sự tuần hoàn là gì? 2) Bộ máy tuần hoàn gồm có những thứ nào? 3) Đại tuần hoàn khởi đi từ đâu đến đâu? 4) Tiểu tuần hoàn khởi đi từ đâu đến đâu?

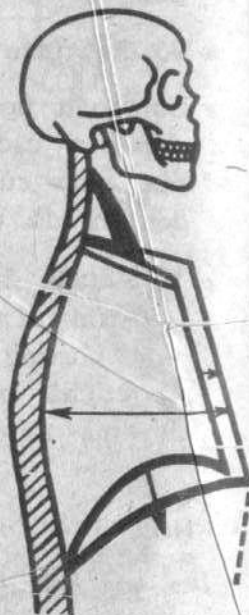
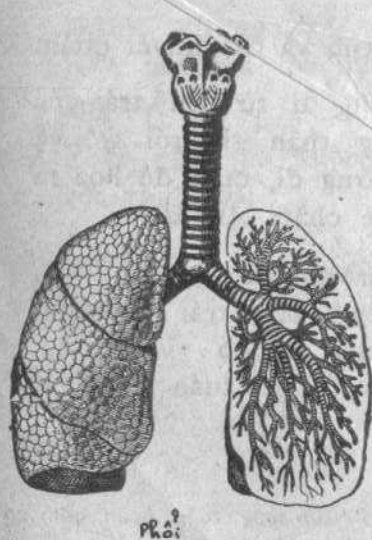
34 SỰ HÔ HẤP

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Bộ máy hô hấp. 3. Sự hô hấp tạo thân nhiệt.

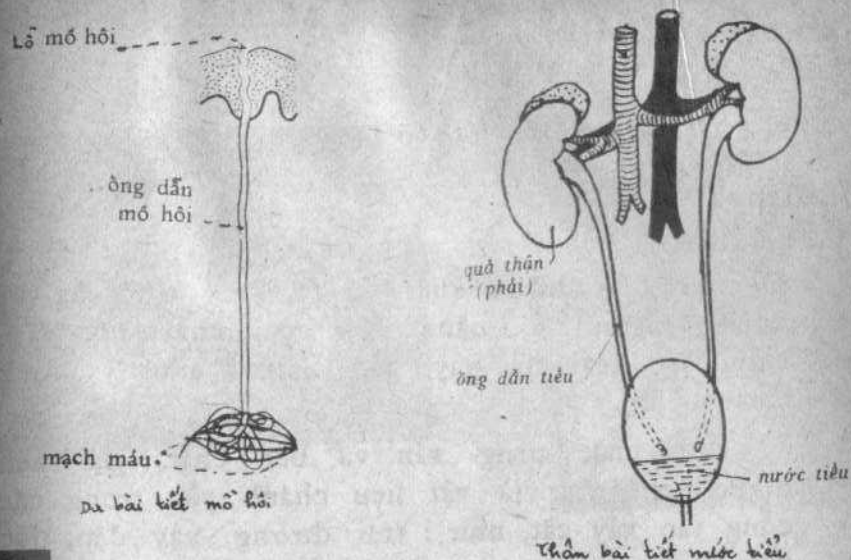
Bài học

- ♦ Sự hô hấp là sự hút dưỡng khí và nhả ra thân khí.
- ♦ Bộ máy hô hấp gồm có mũi, yết hầu, khí quản và lá phổi. Sự hô hấp gồm 2 động tác: Sự hít vào và sự thở ra. Khi hít vào thì lồng ngực phồng to, không khí vào đầy phổi. Lúc thở ra, phổi xẹp xuống, không khí bị trục ra ngoài.
- ♦ Sự hô hấp mang dưỡng khí vào máu để đốt các thức ăn và tạo thân nhiệt cho ta.

CÂU HỎI 1) Sự hô hấp là gì? 2) Bộ máy hô hấp gồm có những gì? 3) Sự hô hấp gồm mấy động tác? 4) Sự hô hấp có nhiệm vụ gì?



Sự hô hấp làm nở lồng ngực



35 SỰ BÀI TIẾT

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Bộ máy bài tiết. 3. Vệ sinh về sự bài tiết.

Bài học

- ♦ Sự bài tiết là sự tổng xuất các chất cặn bã trong cơ thể ra ngoài.
- ♦ Bộ máy bài tiết gồm có hai quả thận và các tuyến mồ hôi. Quả thận bài tiết nước tiểu, các tuyến mồ hôi bài tiết mồ hôi. Mỗi ngày một người lớn bài tiết khoảng 1,5 lít nước tiểu và chừng 800 gram mồ hôi.
- ♦ Ta phải năng tắm rửa sạch sẽ để việc bài tiết mồ hôi qua da được dễ dàng.

CÂU HỎI. 1) Sự bài tiết là gì? 2) Bộ máy bài tiết gồm có gì? 3) Quả thận lo việc bài tiết gì? 4) Các tuyến mồ hôi lo việc bài tiết gì? 5) Mỗi ngày một người lớn bài tiết bao nhiêu lít nước tiểu và chừng bao nhiêu gram mồ hôi?

Dàn bài

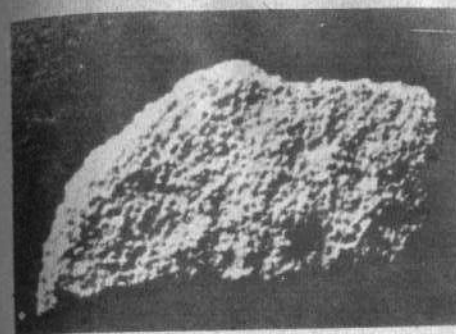
1. Đá xanh được trích lấy từ núi.
2. Tính chất và công dụng của đá xanh.

Bài học

- ♦ Đá xanh là những khối đá to lớn được lấy từ những ngọn núi bằng cách gài chắt nổ. Nơi cung cấp loại đá này gần Saigon nhưt, là núi Châu Thới.
- ♦ Vì tính chất cứng rắn và bền chắc, đá xanh được xem như là vật liệu chánh yếu trong các công tác xây cất như : trải đường, xây đập, đúc bê-tông.

CÂU HỎI

- 1) Người ta lấy đá xanh từ núi bằng cách nào ? 2) Nơi cung cấp đá xanh gần Saigon nhưt, là nơi nào ? 3) Đá xanh được dùng vào việc gì ?



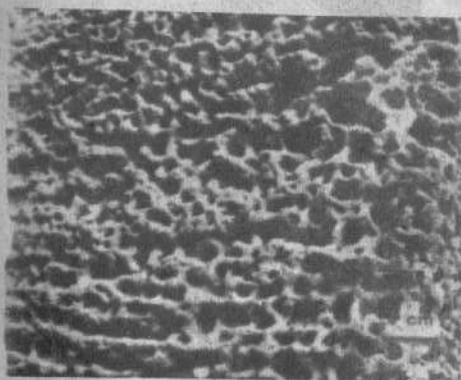
Dàn bài

1. Phấn.
2. Đá vôi.

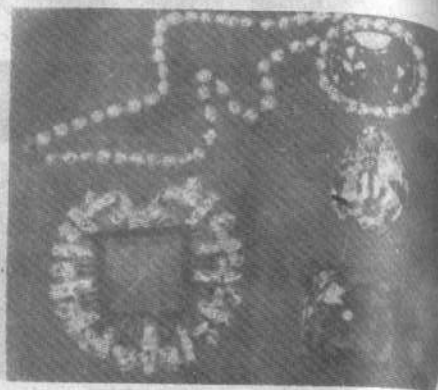
Bài học

- ♦ Phấn viết bảng làm bằng một thứ đá vôi gọi là phấn thạch. Phấn thạch loại tốt được dùng để đánh giấy, đánh nón, chùi mặt kiềng hay chà kim loại cho sạch.
- ♦ Ngoài phấn thạch, ta còn các loại đá vôi khác như :
 - Đá in, ngày xưa được dùng để in.
 - Đá hoa rất đẹp, để trang hoàng nhà cửa.
 - Đá vôi trứng cá có nhiều hột nhỏ như trứng cá.

CÂU HỎI 1) Phấn viết bảng làm bằng gì ? 2) Phấn thạch thứ tốt dùng để làm gì ? 3) Ngày xưa đá in dùng để làm gì ? 4) Đá hoa dùng để làm gì ? 5) Tại sao một loại đá vôi lại có tên là đá vôi trứng cá ?



Đá ong



Ngọc thạch

38

ĐÁ ONG — NGỌC THẠCH

Dàn bài 1. Đá ong. 2. Ngọc thạch.

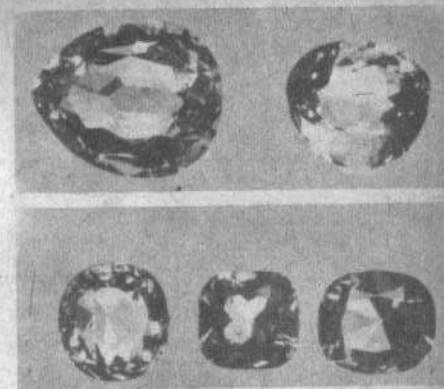
Bài học

- Mặt đá ong có lỗ như một cái tổ ong lúc mới được lấy từ các hầm đá ở vùng đất đỏ. Đá ong mềm nhưng sau đó gặp không khí thì cứng rắn. Đá ong được dùng vào việc xây cất hay trải đường. Tỉnh Biên Hoà có nhiều đá ong.
- Ngọc thạch là loại đá quý, có nhiều màu sắc. Ngọc thạch được dùng làm nữ trang như xâu chuỗi, vòng đeo tay...

CÂU HỎI 1) Tại sao một thứ đá lại có tên là đá ong ? 2) Lúc mới được lấy từ các hầm đá, đá ong thế nào ? 3) Khi tiếp xúc với không khí, đá ong thế nào ? 4) Ở nước ta, tỉnh nào có nhiều đá ong ? 5) Ngọc thạch thường được dùng làm gì ?



Than đá



Kim cương

39

THAN ĐÁ — KIM CƯƠNG

Dàn bài 1. Than đá. 2. Kim cương.

Bài học

- Trong thời thượng cổ, có nhiều rừng cây bị vùi lấp ở dưới đất. Đến nay các cây trong rừng đã hoá thành than, gọi là than đá. Than đá cháy, tạo ra những sức nóng nên được dùng để đốt lò.
- Than đá nguyên chất, gọi là kim cương. Hiện nay kim cương là chất cứng nhất, rạch được cả sắt, thép. Người ta dùng kim cương để cắt kiềng, để gắn vào đầu khoan xoay đất tìm các mỏ dầu hoả và làm đồ trang sức.

CÂU HỎI 1) Trong thời thượng cổ có nhiều rừng cây bị gì ? 2) Đến nay các rừng cây đó đã hoá thành gì ? 3) Than đá dùng để làm gì ? 4) Than đá nguyên chất, gọi là gì ? 5) Kim cương dùng để làm gì ?



40 MUỐI ĂN

Dàn bài 1. Hình dạng của hạt muối. 2. Công dụng của muối.

Bài học

- ♦ Muối là những hạt nhỏ hình Kim Tự Tháp, vị mặn, được trích lấy từ trong nước biển.
- ♦ Muối dùng để làm đồ gia vị. Vì có tính sát trùng nên được dùng để ướp thịt, cá.

Muối cần thiết cho cơ thể con người. Các nhà bác học cho biết một người thiếu muối hoàn toàn trong 30 ngày thì người ấy sẽ chết.

CÂU HỎI 1) Hạt muối ăn cực nhỏ có hình dáng ra sao? 2) Kể vài công dụng của muối? 3) Muối có cần thiết cho cơ thể con người không?

41 CÁCH LẤY MUỐI

Dàn bài 1. Lấy muối biển. 2. Lấy muối n.

Bài học

- ♦ Người ta dẫn nước biển vào các ruộng muối. Ánh nắng mặt trời sẽ làm cho nước bốc hơi hết, ta còn lại muối hạt. Nếu ta lọc nước muối cho sạch rồi nấu để nước bay hơi hết thì ta được muối bột rất trắng.
- ♦ Muốn lấy muối mỏ, ta phải đào hầm và xuống đó đào, cuốc đem muối lên. Có khi ta chỉ cần bơm nước xuống mỏ để muối tan vào nước rồi sau đó hút nước muối lên. Sau đó ta phơi khô như trường hợp lấy muối biển.

Các tỉnh ở Bắc Liêu, Bà Rịa, Phan Thiết là nơi có nhiều ruộng muối.

CÂU HỎI 1) Muốn lấy muối biển, người ta làm sao? 2) Muốn có muối bột, ta làm sao? 3) Muốn lấy muối mỏ, ta làm sao?

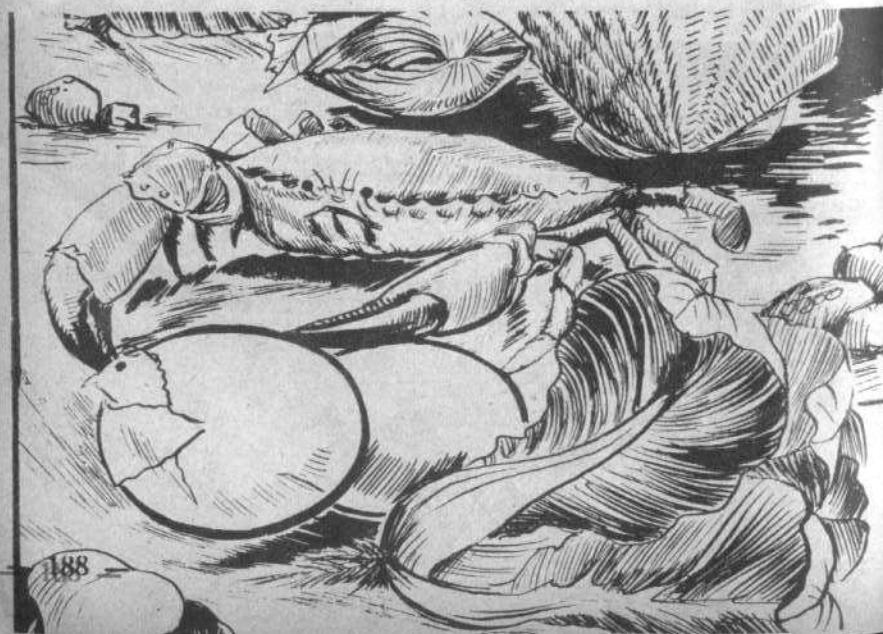


Dàn bài 1. Cơ thể ta cần khoáng chất.
2. Các khoáng chất nào cần thiết cho cơ thể.

Bài học

- ♦ Các chất cơm, đường, thịt, cá là những thức ăn ngon. Chúng bồi bổ cơ thể ta. Nhưng ngoài những thứ đó, cơ thể ta còn cần nhiều khoáng chất như là : muối ăn, chất vôi và chất sắt.
- ♦ Chất muối ăn cần thiết cho sự sống của cơ thể.
 - Chất vôi dùng để tạo ra xương, răng.
 - Chất sắt cần cho việc tạo ra máu đỏ.
 Chất vôi có trong tôm, cua, sò, ốc, xương.
 Chất sắt có trong rau cải xanh tươi, gan, trứng.

CÂU HỎI. 1) Ngoài cơm, gạo, đường, thịt, cá, cơ thể ta còn cần những chất gì ? 2) Chất muối ăn có công dụng gì ? 3) Chất vôi có công dụng gì ? 4) Chất sắt có ở trong các thực phẩm nào ? 5) Chất sắt có ở trong các thực phẩm nào ?



Dàn bài 1. Gang : Tính chất và công dụng.
2. Thép : Tính chất và công dụng.

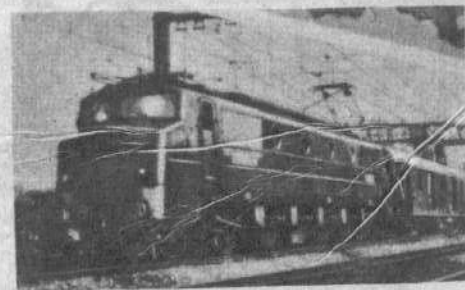
Bài học

- ♦ Gang là sắt có chứa từ 2 tới 5% chất than. Gang cứng nhưng giòn, khi bị đập chạm nhiều có thể gãy. Gang dùng để làm máy in, ống nước.
- ♦ Thép là sắt có chứa từ 0,5 đến 2% chất than. Thép có nhiều tính chất đặc biệt : cứng, dai, đàn hồi, kéo dài, dát mỏng... Vì vậy thép được dùng làm lưỡi dao, lò xo, lưỡi cưa, các loại máy móc, đường ray xe lửa.
- ♦ Người ta nung quặng sắt với than trong lò luyện kim. Tùy theo số lượng than kết hợp với sắt nhiều hay ít mà ta có được gang hay thép.

CÂU HỎI 1) Gang là gì ? 2) Nói tính chất của gang ? 3) Gang dùng để làm gì ? 4) Thép dùng để làm gì ?



Vết của khuôn



Đúc tượng bằng gang

Xe lửa làm bằng thép

44 ĐỒNG

Dàn bài

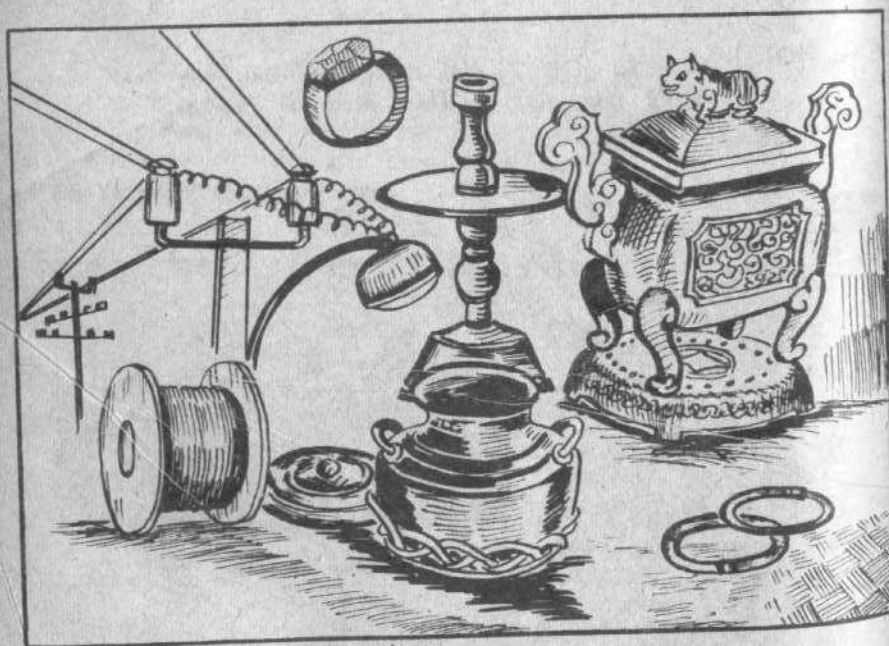
1. Tính chất.

2. Công dụng.

Bài học

- ♦ Đồng nguyên chất là một kim loại màu đỏ, dễ dát mỏng, dễ kéo sợi, ít dai và mềm hơn sắt. Đồng nặng hơn sắt và thép. Khi gặp không khí ẩm, đồng bị một lớp TEN rất mỏng, màu xanh bao phủ ở phía ngoài.
- ♦ Đồng dùng để làm nối súp de, dây dẫn điện, chân đèn sáp, làm nữ trang.

CÂU HỎI 1) Đồng có màu gì ? 2) Khi được đặt vào nơi có không khí ẩm, đồng bị gì ? 3) Kể các công dụng của đồng ? 4) Đồng và sắt, chất nào nặng hơn ?



45 THAU

Dàn bài

1. Thau.

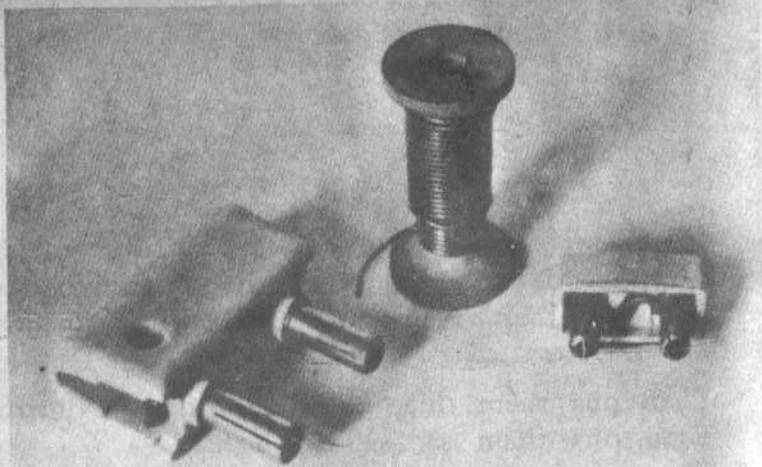
2. Công dụng của thau.

Bài học

- ♦ Thau là một hợp kim do đồng pha trộn với kẽm mà thành. Nếu chứa nhiều đồng thì thau có màu vàng đậm. Nếu chứa ít đồng thì thau có màu vàng nhạt.
- Thau pha thêm thiếc thì dai hơn thau thường.
- Thau pha thêm sắt sẽ rắn hơn.
- Thau pha thêm nhôm thì có tính đàn hồi.
- ♦ Thau được dùng làm vòi nước, ống dẫn nước, vỏ đạn.

CÂU HỎI 1) Thau do hai thứ kim loại nào hợp thành ? Thau được pha thêm thiếc thì có tính chất gì ? 3) Thau pha thêm sắt thì có tính chất gì ? 4) Thau pha thêm nhôm thì có tính chất gì ? 5) Thau dùng để làm gì ?





Chỉ dùng làm cầu chì

46 KẼM — CHÌ — THIẾC

Dàn bài 1. Kẽm. 2. Chì. 3. Thiếc.

Bài học

- ◆ Kẽm là một kim loại màu trắng, nhẹ hơn sắt. Kẽm dễ dát mỏng, khó kéo sợi, ít dai và mềm. Kẽm dùng để làm máng xối, dùng trong pin đèn...
- ◆ Chì là một kim loại mềm, màu trắng xám, nặng hơn sắt. Chì dễ nóng chảy nên được dùng để đúc chữ in, làm cầu chì.
- ◆ Thiếc là một kim loại màu trắng xám, nhẹ hơn sắt. Thiếc mềm, dễ dát mỏng, thường dùng để làm các hộp đựng sữa, trái cây.

CÂU HỎI 1) Kẽm màu gì? 2) Kẽm có tính chất gì? 3) Người ta dùng kẽm để làm gì? 4) Chì màu gì? 5) Chì dùng để làm gì? 6) Thiếc dùng để làm gì?

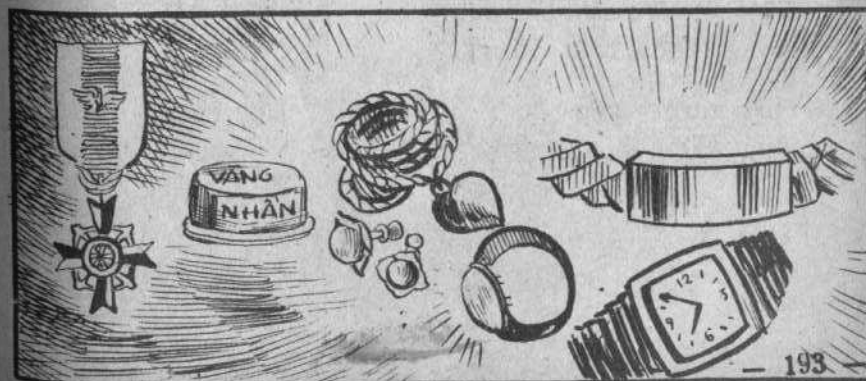
47 KIM LOẠI QUÝ

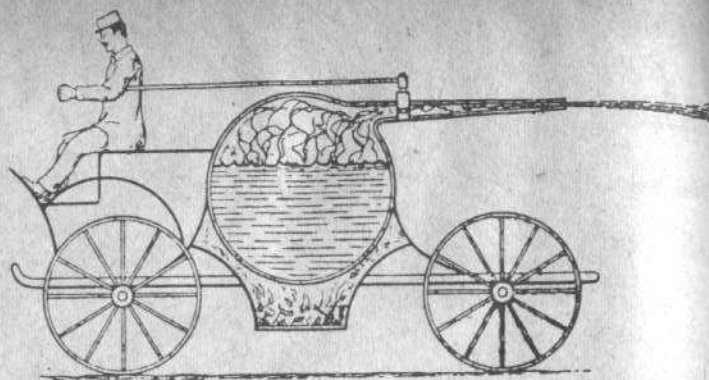
Dàn bài 1. Vàng. 2. Bạc. 3. Thuỷ ngân. 4. Bạch kim.

Bài học.

- ◆ Các kim loại quý là vàng, bạc, thuỷ ngân và bạch kim.
- Vàng màu vàng, nặng hơn sắt rất nhiều, dễ dát mỏng, dễ kéo sợi, dẫn nhiệt và điện tốt. Vàng được dùng làm nữ trang, mạ kim loại.
- ◆ Bạc màu trắng chói lọi, nặng hơn sắt, dễ kéo sợi, dễ dát mỏng, dẫn nhiệt và điện tốt. Bạc được dùng làm đồ nữ trang, chén bát, muỗng nĩa và mạ kim loại.
- ◆ Thuỷ ngân là một chất lỏng nặng hơn sắt, màu trắng xám, dùng để tráng kiềng, dùng trong hàn thử biểu và phong vũ biểu.
- ◆ Bạch kim màu trắng, nặng hơn sắt rất nhiều, không rỉ sét, nên được dùng làm nữ trang.

CÂU HỎI 1) Nói tính chất và công dụng của vàng 2) Nói tính chất và công dụng của bạc? 3) Nói tính chất và công dụng của thuỷ ngân? 4) Nói tính chất và công dụng của bạch kim?





48 NƯỚC BỐC HƠI

- Dàn bài**
1. Định nghĩa sự bốc hơi.
 2. Các cách bốc hơi :
 - a) Sự sôi.
 - b) Sự bay hơi.
 3. Sự ngưng hơi.

Bài học

- ♦ Sự bốc hơi của nước là hiện tượng biến đổi của nước từ thể lỏng sang thể hơi.
- ♦ Đổ nước vào đĩa cạn. Vài ngày sau ta thấy đĩa không còn nước nữa. Ta nói nước đã *bay hơi*. Đổ nước vào bình cầu rồi đun. Khi nước sôi, ta thấy hơi nước bay cuốn cuộn lên trên không, đồng thời trong khối nước có những bọt khí. Đó là *sự sôi*. Sự sôi là sự bốc hơi có bọt khí xuất hiện trong khối chất lỏng.
- ♦ Hơi nước gặp lạnh thì đọng lại thành nước lỏng. Đó là *sự ngưng hơi*.

CÂU HỎI 1) Sự bốc hơi của nước là gì ? 2) Đổ nước vào đĩa cạn, vào ngày sau ta thấy gì ? 3) Sự sôi là gì ? 4) Sự ngưng hơi là gì ?

49

SỰ NÓNG CHẢY VÀ SỰ ĐÔNG ĐẶC

- Dàn bài**
1. Sự nóng chảy.
 - a) Sự nóng chảy thẳng.
 - b) Sự nóng chảy nhão.
 2. Sự đông đặc.

Bài học

- ♦ Sự nóng chảy là sự biến đổi của vật chất từ thể rắn sang thể lỏng.
- Có nhiều chất khi nóng chảy, chúng biến đổi ngay từ thể rắn sang thể lỏng như trường hợp của chì, nước đá. Đó là *sự nóng chảy thẳng*. Lại có những chất khác, khi nóng chảy, chúng biến thành chất nhão rồi mới thành chất lỏng như trường hợp của thủy tinh, đèn cầy. Đó là *sự nóng chảy nhão*.
- ♦ Sự đông đặc là sự biến đổi của vật chất từ thể lỏng sang thể rắn. *Thí dụ* : Gặp lạnh, nước lỏng và chì lỏng biến thành nước đá và chì rắn.

CÂU HỎI 1) Sự nóng chảy là gì ? 2) Sự biến đổi liền từ thể rắn sang thể lỏng gọi là gì ? 3) Sự biến đổi từ chất rắn sang chất nhão rồi mới tới chất lỏng được gọi là gì ? 4) Sự đông đặc là gì ?



Thủy tinh
nóng chảy
rồi đông
đặc...



Người thượng cổ tạo ra lửa

50 SỰ CHÁY

Dàn bài 1. Định nghĩa.
2. Sự cháy bùng và sự cháy ngấm. 3. Ứng dụng.

Bài học

- ♦ Sự cháy là sự hoá hợp giữa dưỡng khí với các chất cháy được như rượu, than, dầu xăng, dầu hôi...
- ♦ Sự cháy có phát ra ánh sáng và sức nóng được gọi là *sự cháy bùng*. Thí dụ : giấy, rượu cháy. Sự cháy không phát ra ánh sáng và phát ra ít sức nóng, được gọi là *sự cháy ngấm*. Đó là trường hợp dưỡng khí đốt thức ăn trong máu.
- ♦ Ứng dụng sự cháy bùng người ta đốt củi, than, dầu hôi để nấu nướng. Nhờ có sự cháy ngấm trong máu mà cơ thể ta mới luôn luôn ấm áp.

CÂU HỎI 1) Sự cháy là gì ? 2) Sự cháy bùng là gì ? Cho một thí dụ
3) Sự cháy ngấm là gì ? Cho một thí dụ. 4) Ứng dụng sự cháy bùng, ta làm gì ? 5) Sự cháy ngấm nào ích lợi cho ta ?

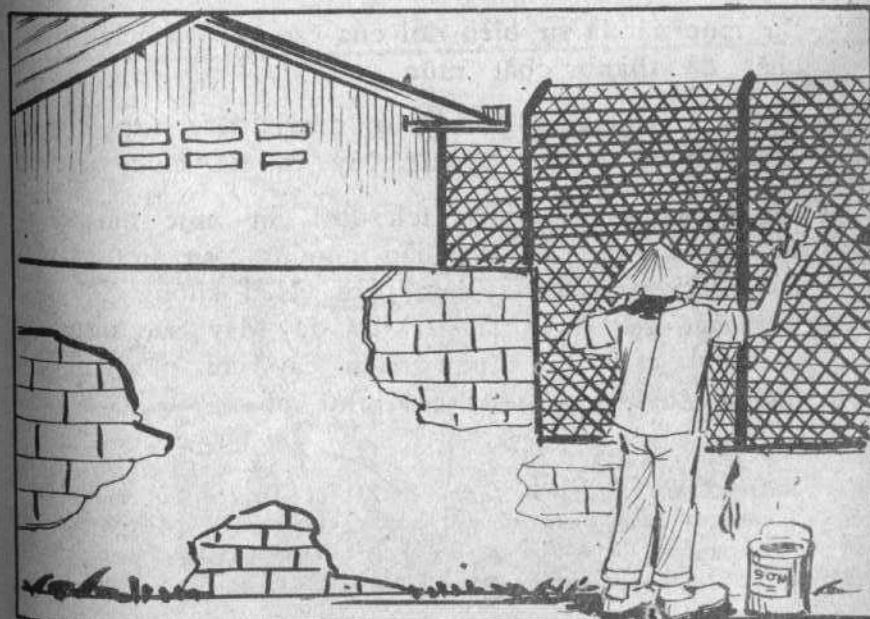
51 SỰ SÉT RI

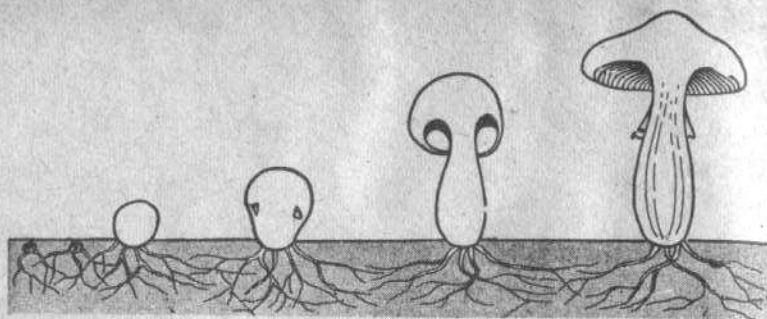
Dàn bài 1. Định nghĩa
2. Sự nguy hại của sét ri. 3. Phòng ngừa sét ri.

Bài học

- ♦ Sự sét ri là sự cháy ngấm của các kim loại.
- ♦ Nhiều kim loại như sắt, kẽm để lâu ngoài không khí sẽ bị dưỡng khí và hơi nước biến thành sét ri. Lớp sét ri này xốp, không ngăn cản được không khí nên thanh kẽm, thanh sắt cứ tiếp tục bị ăn mòn cho đến khi mục nát hết mới thôi.
- ♦ Muốn ngăn ngừa sự sét ri, người ta tráng một lớp sơn lên bên ngoài của các vật bằng kẽm, sắt...

CÂU HỎI 1) Sự sét ri là gì ? 2) Sự sét ri có hại không ? Tại sao ?
3) Muốn ngăn ngừa sự sét ri, ta phải làm gì ?





Nấm mọc trên rơm rạ mọc nát

52 SỰ MỤC NÁT

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Tại sao có sự mục nát. 3. Ích lợi của sự mục nát.

Bài học

- ♦ Sự mục nát là sự biến đổi của cây cối và xác thú chết để thành chất mùn.
- ♦ Chính các loài vi trùng ở dưới đất, hợp cùng nước lỏng, hơi nóng đã gây ra sự mục nát.
- ♦ Sự mục nát có nhiều ích lợi. Sự mục nát của phân súc vật cho ta phân chuồng, sự mục nát của rơm rạ cho ta nấm rơm. Nếu không có sự mục nát, giờ đây mặt đất đã đầy đầy xác người, xác thú chết và muôn triệu cây cối nằm ngổn ngang khắp mọi nơi, cao như núi.

CÂU HỎI 1) Sự mục nát là gì ? 2) Tại sao có sự mục nát ? 3) Sự mục nát của phân súc vật cho ta những gì ? 4) Sự mục nát của rơm rạ cho ta những gì ? 5) Nếu không có sự mục nát thì mặt đất bây giờ như thế nào ?

53

SỰ HOÀ TAN

Dàn bài 1. Sự hoà tan. 2. Các chất tan được. 3. Các chất không tan.

Bài học

- ♦ Bỏ một muỗng đường vào nước rồi khuấy đều. Lát sau ta thấy đường biến mất. Ta nói đường đã tan vào trong nước để cho ta nước đường.
- ♦ Có rất nhiều chất cũng tan được mau lẹ trong nước, như là : muối, phèn, xà bông và các chất khí. Những thứ đó gọi là chất hoà tan.
- ♦ Có những chất khác khi được bỏ vào nước, nó không tan mà chìm xuống đáy ly như trường hợp của bột, cát, sạn, sỏi... Đó là các chất không hoà tan.

CÂU HỎI 1) Khi bỏ đường vào nước rồi khuấy đều, lát ta thấy gì ? 2) Kể tên vài chất rắn tan được trong nước 3) Không khí có tan được trong nước không ? 4) Kể tên vài chất rắn không tan trong nước.



Dần bài 1. Sự lớn của cây cối.

2. Sự lớn của động vật.

3. Sự lớn của con người.

Bài học

- ♦ Cây mới mọc, nhỏ bé và chỉ có mầm và rễ. Lâu ngày cây lớn dần lên, cành lá sum suê, sinh ra nhiều bông, trái.
- ♦ Chim con mới nở thì nhỏ nhút, yếu ớt. Ngày qua ngày, chim con được chim mẹ cho ăn nên lớn dần. Khi đã đủ lông đủ cánh, chim con tự bay đi tìm mồi.
- ♦ Trẻ sơ sanh, thịt còn đỏ hồng, tay chân yếu ớt. Theo thời gian, trẻ biết lật, biết bò, biết ngồi, biết đứng rồi biết đi và trở thành người lớn.

CÂU HỎI 1) Cây mới mọc như thế nào? 2) Cây lớn lên có gì? 3) Chim con mới nở thì như thế nào? 4) Khi đủ lông cánh, chim làm gì? 5) Trẻ sơ sinh như thế nào? 6) Theo thời gian, trẻ sơ sanh biết thêm những gì?



— 200 —

Chim đang mớm mồi cho con.



Người khổng lồ cao 2.85m



Người lùn ở Phi châu

— 201 —

55 GƯƠNG PHẪNG

Dàn bài 1. Gương phẳng là gì ?
2. Ảnh của vật qua một gương phẳng.

Bài học

- Gương phẳng là một mặt phẳng bóng láng, làm cho ánh sáng khi gặp nó phải dội ngược lại. Tầm kiềng soi mặt, mặt nước yên lặng... đều là những gương phẳng.
- Đặt một vật trước gương phẳng, ta sẽ thấy ảnh của vật ấy ở sau gương. Ảnh và vật giống hệt nhau, to bằng nhau nhưng không đặt trùng nhau được. Khoảng cách từ vật đến gương bằng với khoảng cách từ gương đến ảnh.

CÂU HỎI 1) Gương phẳng là gì ? 2) Cho vài thí dụ. 4) Khi đặt vật trước gương phẳng, ta thấy ảnh có giống hệt vật hay không ? 5) Ảnh và vật có to bằng nhau không ?



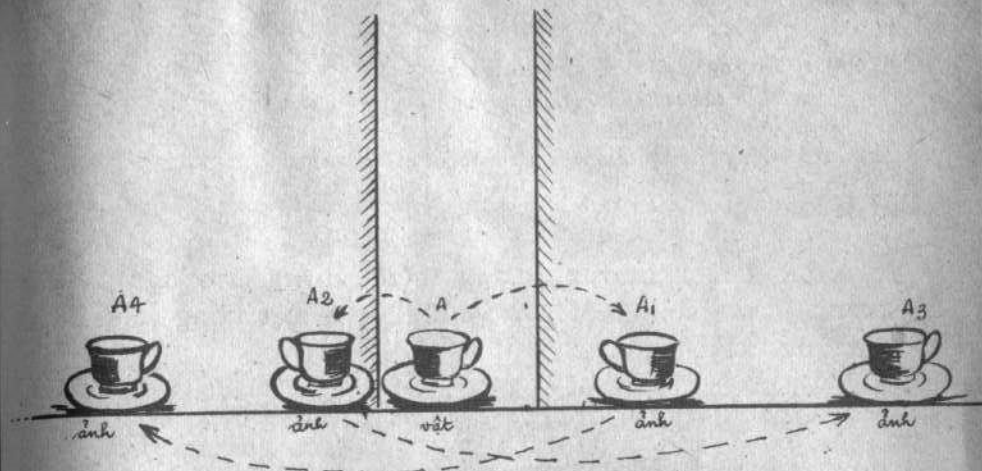
56 GƯƠNG PHẪNG ĐẶT SONG SONG

Dàn bài 1. Gương phẳng đặt song song.
2. Ảnh của một vật đặt giữa hai gương phẳng đặt song song.

Bài học

- Hai gương phẳng đặt song song là hai tấm gương đặt thẳng đứng, mặt bóng láng nhìn vào nhau.
- Đặt một vật vào khoảng giữa của hai gương đặt song song, ta thấy có vô số ảnh. Các ảnh này xuất hiện trên 2 gương theo một đường ngang. Ảnh càng ở xa thì càng nhỏ và mờ dần.

CÂU HỎI 1) Gương phẳng đặt song song là thế nào ? 2) Đặt một vật vào khoảng giữa của hai gương đặt song song, ta có bao nhiêu ảnh ? 3) Các ảnh đó như thế nào ?

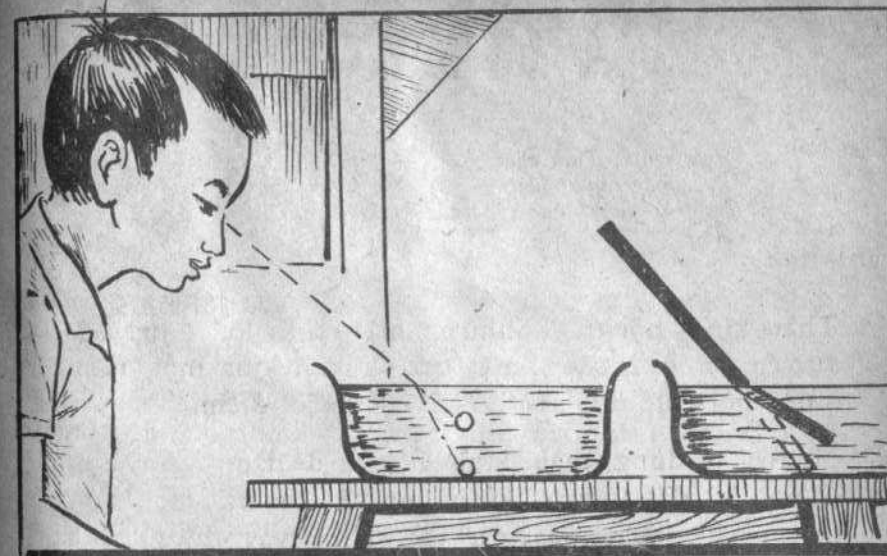
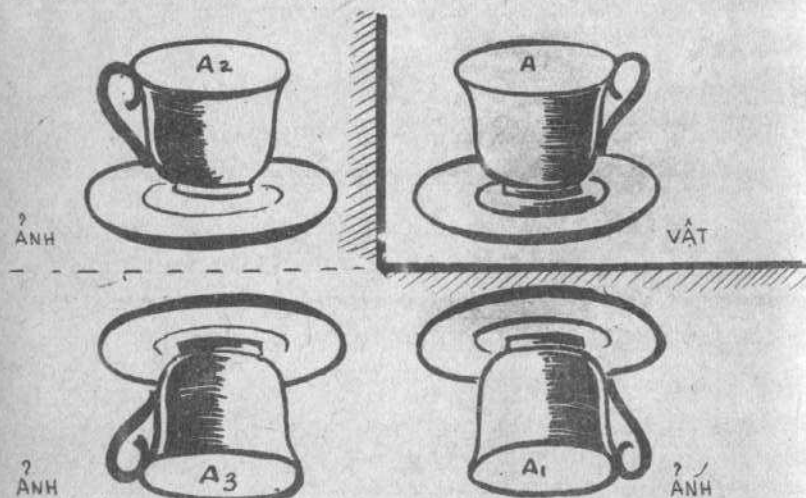


- Dàn bài**
1. Gương ghép theo một góc vuông.
 2. Ảnh của một vật nằm trong khoảng giữa của hai gương ghép thành góc vuông.
 3. Ghép gương theo một góc nhỏ hơn góc vuông.

Bài học

- ♦ Ta đặt 2 tấm gương phẳng thẳng đứng, sao cho 2 cạnh hợp thành một góc vuông và 2 mặt bóng lảng hướng vào nhau.
- ♦ Đặt một vật vào khoảng giữa của 2 gương đó, ta thấy có 3 ảnh hiện ra trong hai tấm gương. Các ảnh và vật đều cách đều đỉnh của góc vuông.
- ♦ Khi ta ghép gương theo một góc càng nhỏ thì số ảnh hiện ra càng nhiều.

CÂU HỎI 1) Muốn ghép 2 gương thành một góc vuông, ta làm sao ?
 2) Một vật đặt trong khoảng giữa của hai gương ghép thành góc vuông, sẽ cho ta bao nhiêu ảnh. 3) Nếu gương ghép theo một góc càng nhỏ thì số ảnh hiện ra sẽ như thế nào ?



- Dàn bài**
1. Thí nghiệm 1.
 2. Thí nghiệm 2.
 3. Kết luận.

Bài học

- ♦ Nhúng nghiêng một chiếc đũa vào nước, ta thấy chiếc đũa như bị gãy tại mặt nước.
- ♦ Thả một cái lon bằng nhựa vào nước. Nhìn vào đáy lon, ta thấy lon như gần hơn lúc nó ở ngoài không khí.
- ♦ Sở dĩ có hiện tượng nói trên, là vì hướng đi của ánh sáng đã bị gãy khi nó vừa xuyên qua mặt nước. Đó là sự khúc xạ.

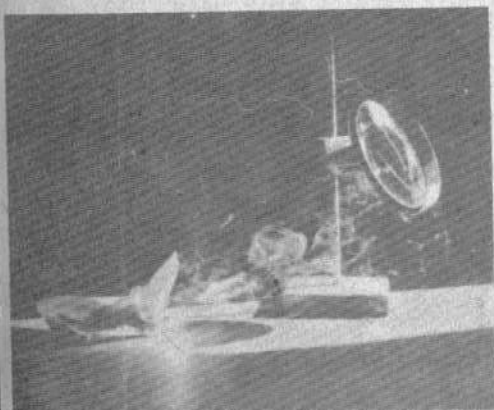
CÂU HỎI 1) Nhúng nghiêng một chiếc đũa vào nước, ta thấy gì ?
 2) Thả một cái lon vào nước, ta thấy đáy lon như thế nào ? 3) Tại sao có hiện tượng trên ?

- Dàn bài
1. Định nghĩa. Tính chất.
 2. Ứng dụng của thấu kính hội tụ : Kính lúp.
 3. Các ứng dụng khác của thấu kính hội tụ.

Bài học

- ♦ Thấu kính hội tụ là những mặt kính lồi như mặt đường lồi. Ánh sáng mặt trời xuyên qua một thấu kính hội tụ thì sẽ tụ lại tại một điểm.
- ♦ Người ta dùng thấu kính hội tụ để làm kính lúp. Một vật đặt trước kính lúp sẽ cho ta một ảnh giống hệt nhưng to hơn vật. Như vậy dùng kính lúp, ta có thể quan sát mọi vật được rõ ràng hơn.
- ♦ Các ứng dụng khác của thấu kính hội tụ là kính thiên văn, kính hiển vi, kính đeo mắt của người già.

CÂU HỎI 1) Thấu kính hội tụ là gì ? 2) Khi ánh sáng mặt trời xuyên qua một thấu kính hội tụ thì sẽ như thế nào ? 3) Kính lúp dùng để làm gì ? 4) Kính thiên văn dùng để làm gì ? 5) Kính hiển vi dùng để làm gì ?



Dùng thấu kính đốt giấy

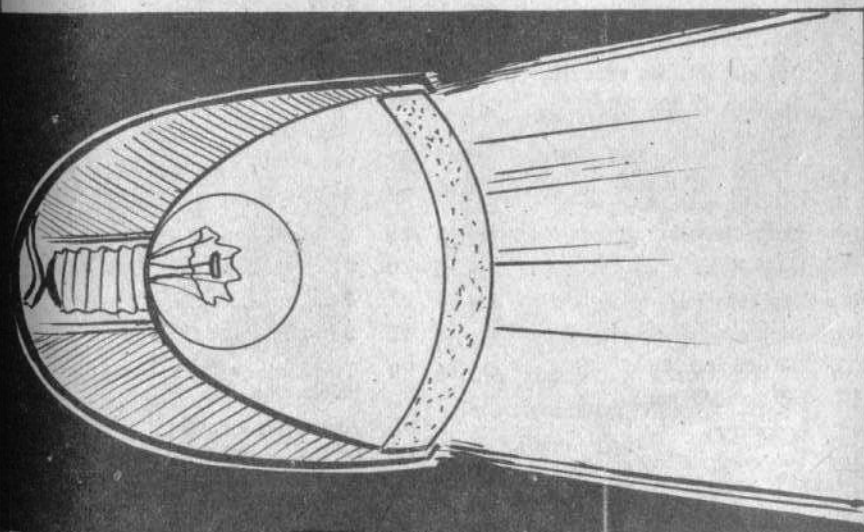


- Dàn bài
1. Định nghĩa.
 2. Đặc tính.
 3. Công dụng.

Bài học

- ♦ Gương lõm là những gương tròn, có mặt lõm như một lòng chảo.
- ♦ Ánh sáng xuyên qua một gương lõm sẽ trở thành một chùm nhỏ hơn. Như thế ánh sáng được đẩy đi xa hơn.
- ♦ Người ta dùng gương lõm để làm các chóa đèn như đèn xe hơi, đèn xe đạp, đèn pin.

CÂU HỎI 1) Gương lõm là gì ? 2) Ánh sáng xuyên qua một gương lõm sẽ trở thành như thế nào ? 3) Gương lõm dùng để làm gì ?



VỆ SINH LỚP 4

MỤC LỤC

1. Mắt	209	18. Bài trừ mê tín về cách đào giếng	217
2. Tai	209	19. Hại về rượu	218
3. Các thức ăn và thức uống	210	20. Hại về thuốc lá	218
4. Giữ gìn nồi niêu chén bát	210	21. Hại về thuốc phiện	219
5. Ăn uống có điều độ	211	22. Nhà cửa phải cao ráo	219
6. Ngủ đủ giờ	211	23. Cát nhà theo hướng gió	220
7. Vệ sinh về quần áo	212	24. Vệ sinh chung quanh nhà	220
8. Giữ gìn quần áo	212	25. Dùng vôi bột	221
9. Giặt quần áo	213	26. Dùng vôi nước giết vi trùng	221
10. Ủi quần áo	213	27. Dùng nước Kê-din	222
11. Xếp quần áo	214	28. Bớt dùng thuốc D. D. T	222
12. Đánh giày, Đánh nón	214	29. Trình báo khi gia súc bị nhiễm bệnh	223
13. Giữ gìn thức ăn	215	30. Nhốt riêng thú đau	223
14. Giữ gìn đồ uống	215	31. Phải cho thú đau ăn uống	224
15. Lọc nước	216	32. Chôn xác loài vật	224
16. Đào giếng và xây giếng	216		
17. Giếng đóng	217		

1

MẮT

Dàn bài 1. Ta phải hết sức bảo vệ mắt.

2. Các cách bảo vệ mắt.

Bài học

- ♦ Mắt là giác quan vô cùng quý báu mà ta phải hết sức bảo vệ
- ♦ — Ta không dụi mắt bằng tay hay bằng khăn dơ.
- Hằng ngày ta phải rửa mặt bằng xà bông với nước sạch và khăn riêng.
- Ta không đọc sách nơi tối quá hoặc nơi có ánh sáng chói lọi..
- Khi mắt bị đau, ta phải chữa trị ngay.



Câu hỏi 1) Trong 5 giác quan : Tai, Mắt, Mũi, Lưỡi, Da, giác quan nào quý báu nhất ? Tại sao ? 2) Tại sao ta không được dụi mắt bằng tay ? 3) Đọc sách nơi có ánh sáng chói lọi hoặc ở nơi thiếu ánh sáng, mắt sẽ bị gì ?

2

TAI

Dàn bài 1. Màng nhĩ thủng thì ta bị điếc.

Bài học

- ♦ Màng nhĩ trong lỗ tai giúp ta nghe được các âm thanh. Khi màng nhĩ bị thủng thì ta bị điếc.
- ♦ Vậy ta không được ráy tai bằng cây nhọn. Nếu tai nhiều ráy, ta dùng cây tăm quấn bông gòn rồi ngoáy nhẹ. Hằng ngày ta phải rửa tai cho sạch sẽ. Trong nhà, ta không vặn máy thu thanh lớn tiếng, nếu không, lâu ngày ta bị lãng tai.



Câu hỏi 1) Khi màng nhĩ bị thủng thì ta bị gì ? 2) Khi tai có nhiều ráy, ta phải làm sao ? 3) Tại sao ta không được vặn máy thu thanh lớn tiếng ?

3 CÁC THỨC ĂN VÀ THỨC UỐNG

Dàn bài 1. Các thức ăn. 2. Các thức uống.

- ♦ Thức ăn thích hợp và đầy đủ chất bổ thì giúp ta được mạnh khỏe và mau lớn. Những thức ăn thông thường của ta là : gạo, muối, thịt, cá, sữa, trứng, rau, đậu, trái cây.
- ♦ Nước ao, hồ, sông, rạch thường chứa nhiều mầm bệnh, rất nguy hiểm. Vậy ta không nên uống. Ta chỉ nên uống nước máy, nước giếng đã lọc kỹ, đã đun sôi để nguội. Trẻ em không được uống cà phê, chỉ nên uống nước lọc nấu chín mà thôi.

CÂU HỎI 1) Thức ăn thích hợp và đầy đủ chất bổ, giúp ta như thế nào ? 2) Hãy kể vài thức ăn thông thường của chúng ta. 3) Tại sao ta không nên uống nước ao, hồ, sông, rạch ? 4) Ta nên uống nước gì ? 5) Trẻ em không được uống gì ?

4 GIỮ GÌN NỒI NIÊU, CHÉN BÁT

Dàn bài 1. Thức ăn phải hợp vệ sinh. 2. Giữ gìn nồi niêu, chén bát cho sạch sẽ.

- ♦ Thức ăn của chúng ta phải sạch sẽ, hợp vệ sinh. Thức ăn chứa nhiều bụi bặm sẽ làm cho ta bị bệnh sán lải. Giống ruồi khi bám vào thức ăn có thể truyền cho ta nhiều bệnh nguy hiểm như bệnh dịch tả, bệnh kiết lỵ...
- ♦ Ta phải rửa nồi niêu chén bát bằng xà bông và phải phơi khô trước khi cất vào tủ chén. Đũa ăn và khăn lau chén phải luôn luôn sạch sẽ.



CÂU HỎI 1) Thức ăn chứa nhiều bụi bặm sẽ làm cho ta bị bệnh gì ? 2) Giống ruồi có thể truyền cho ta nhiều bệnh gì ? 3) Nồi niêu chén bát phải rửa bằng gì ? 4) Đũa ăn và khăn lau chén phải thế nào ?

5 ĂN UỐNG CÓ ĐIỀU ĐỘ.

Dàn bài 1. Muốn khỏe mạnh, phải ăn uống có điều độ. 2. Trẻ em không nên ăn nhiều kẹo, trái cây còn xanh.

Bài học

- ♦ Muốn khỏe mạnh và được sống lâu, ta phải ăn uống cho có điều độ. Nếu ta ăn ít quá thì cơ thể sẽ thiếu chất bổ dưỡng, thân thể gầy yếu. Nhưng nếu ta ăn nhiều quá thì bộ máy tiêu hoá lại sinh bệnh.
- ♦ Trẻ em không nên ăn nhiều kẹo và các trái cây còn xanh. Ta chỉ nên ăn các trái cây chín.



CÂU HỎI 1) Ăn uống điều độ thì có lợi gì ? 2) Ăn ít quá sẽ thế nào ? 3) Ăn nhiều quá có cái hại nào ? 4) Trẻ em không nên ăn gì ?

6 NGỦ ĐỦ GIỜ

Dàn bài 1. Trẻ em mỗi ngày cần ngủ đủ giờ. 2. Thức khuya có hại.



- ♦ Ngoài việc ăn uống đầy đủ, trẻ em mỗi ngày cần phải ngủ từ 8 đến 9 giờ đồng hồ.
- ♦ Thức khuya rất có hại. Ta phải ngủ có giờ giấc nhất định để được khỏe mạnh luôn luôn.

CÂU HỎI 1) Trẻ em mỗi ngày cần ngủ bao nhiêu tiếng đồng hồ ? 2) Thức khuya có ích lợi gì không ? 3) Ngủ có giờ giấc nhất định có cái lợi nào ?

VỆ SINH VỀ QUẦN ÁO

Dàn bài 1. Quần áo phải mang cho vừa vặn. 2) Quần áo của mùa nóng và lạnh

Bài học

- ♦ Quần áo phải may cho vừa vặn. Mặc quần áo chật chội thì sự hô hấp và sự tuần hoàn bị khó khăn, còn mặc quần áo quá rộng thì vướng tay, vướng chân, rất khó coi.
- ♦ Mùa nóng ta mặc quần áo may bằng hàn gỏi nhẹ; Mùa lạnh ta phải mặc cho đủ ấm để khỏi bị cảm.



Câu hỏi 1) Mặc quần áo chật chội thì thế nào? 2) Mặc quần áo rộng quá thì thế nào? 3) Mùa nóng ta mặc áo như thế nào? 4) Mùa lạnh ta mặc áo như thế nào?

GIỮ GÌN QUẦN ÁO

Dàn bài 1. Ta phải giữ gìn quần áo cho lâu hư. 2. Cách giữ gìn quần áo

Bài học

- ♦ Muốn cho quần áo lâu hư, ta phải năng giữ gìn cẩn thận.
- ♦ Đối với các loại quần áo bằng vải, bằng tơ, hoặc bằng lụa, ta năng giặt giữ cho sạch sẽ. Đối với các quần áo bằng len hay bằng nỉ, ta phải chải bụi cho sạch sẽ và đem phơi nắng. Ta còn bỏ băng phiến vào tủ quần áo để ngừa các loại gián, rận, rệp...



Câu hỏi 1) Đối với các loại quần áo bằng vải, bằng tơ hay bằng lụa, ta giữ gìn như thế nào? 2) Đối với các quần áo bằng len bằng nỉ, ta giữ gìn như thế nào? 3) Ta bỏ băng phiến vào tủ quần áo để chi?

• Băng phiến thường được gọi là LONG NẤO.

GIẶT QUẦN ÁO

Dàn bài 1. Giặt quần áo bằng xà bông. 2. Giặt xong đem phơi cho khô.

Bài học

- ♦ Quần áo dơ cần được ngâm trong nước xà bông cây hay xà bông bột. Sau đó ta dùng bàn chải mềm, nhẹ hay dùng tay vò cho sạch. Kế đó ta xả lại trong nước sạch để đuổi hết xà bông, rồi vắt cho ráo nước.
- ♦ Cuối cùng ta đem phơi ở ngoài nắng. Đối với các loại quần áo màu, ta phải phơi trong mát để màu khỏi bị phai, trông rất cũ.



Câu hỏi 1) Quần áo dơ cần được ngâm ở trong đâu? 2) Quần áo trắng và đen có thể phơi ở ngoài nắng không? 3) Quần áo màu có nên phơi ở ngoài nắng không? Tại sao?

ỦI QUẦN ÁO

Dàn bài 1. Ta nên ủi quần áo. 2. Ích lợi của việc ủi quần áo.

Bài học

- ♦ Khi quần áo đã khô, ta đem vào nhà phun chút ít nước sạch rồi ủi. Dùng dụng cụ ủi than hay bàn ủi điện, ta cũng nên ấn mạnh bàn ủi xuống quần áo và kéo nhanh tay để cho quần áo vừa thẳng vừa khỏi bị cháy.
- ♦ Việc ủi quần áo làm cho quần áo rất phẳng phiu trông đẹp mắt, đồng thời sức nóng sẽ giết chết các con vi trùng có trên quần áo.



Câu hỏi 1) Ủi quần áo là làm sao? 2) Việc ủi quần áo có ích lợi gì?

XẾP QUẦN ÁO

Dàn bài 1. Áo dài, áo sơ mi, quần tây
2. Áo ngắn và quần ngắn

Bài học

- ◆ Khi ủi xong, các chiếc áo dài, áo sơ mi, và quần tây cần được máng vào móc và treo vào tủ áo.
- ◆ Các áo ngắn và quần ngắn cần được xếp cẩn thận và bỏ vào các ngăn tủ cho có thứ tự để khi cần dùng thì lấy ra ngay.



Câu hỏi

1) Khi ủi xong, các chiếc áo dài, áo sơ mi và quần tây cần được máng vào đâu? 2) Khi ủi xong, các áo ngắn và quần ngắn cần được làm gì?

ĐÁNH GIÀY ĐÁNH NÓN

Dàn bài 1. Đánh giày trắng và nón cối. 2. Đánh giày da và nón nỉ.



Nón và giày cần được giữ gìn sạch sẽ.

- ◆ Giày trắng và nón cối cần phải xát xà bông, chà cho sạch rồi mới đánh phấn trắng vào.
- ◆ Giày da cần được lau cho sạch bụi rồi thoa lên một lớp kem mỏng cùng màu với giày. Sau đó dùng bàn chải chà nhiều lần và sau cùng lấy miếng nỉ đánh cho bóng. Nón nỉ cần được chải cho hết bụi và phơi nắng để khỏi hôi.

1) Giày trắng và nón cối cần phải được làm gì? 2) Cách đánh giày da như thế nào? 3) Cách đánh nón nỉ như thế nào?

GIỮ GÌN THỨC ĂN

Dàn bài 1. Cách giữ thức ăn còn tươi. 2. Cách giữ thức ăn đã nấu chín.

Bài học

- ◆ Thịt cá tươi để lâu dễ bị sinh thối. Vậy nếu không có tủ lạnh thì ta chỉ nên mua đủ dùng cho từng ngày mà thôi.
- ◆ Trong khi chờ đợi mọi người về dùng cơm, ta phải cất các thức ăn vào trong tủ lưới hoặc lấy lồng bàn đặt lại để không cho ruồi nhặng bu vào. Các thức ăn còn dư, trước khi dùng trở lại, cần được hâm nóng. Chén, bát, đĩa, khăn lau luôn luôn phải giữ cho sạch sẽ.



Câu hỏi 1) Thịt cá còn tươi để bị gì? 2) Thức ăn nấu rồi mà chưa dùng thì nên cất vào đâu? 3) Chén, bát, đĩa, khăn lau cần giữ như thế nào?

GIỮ GÌN ĐỒ UỐNG

Dàn bài 1. Giữ gìn nước uống. 2. Giữ gìn ly tách.



- ◆ Nước dùng vào việc nấu nướng cần được chứa trong lu hay hồ sạch sẽ, có nắp đậy. Nếu không có bình lọc nước, ta nên nấu cho sôi, đổ vào chai sạch và để nguội. Chai cần có nắp giấy đậy lại. Nước trà chờ để cách đêm, uống sẽ bị bệnh.
- ◆ Ly tách, lon, cốc, chén uống nước luôn luôn phải được sạch sẽ.

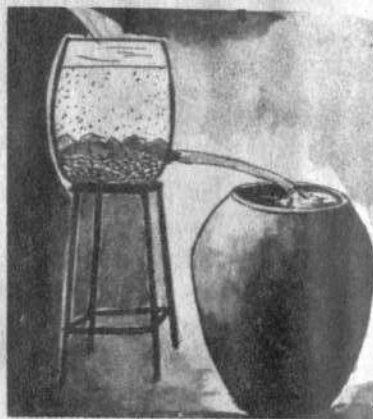
Câu hỏi 1) Nước dùng vào việc nấu nướng cần được chứa trong đâu? 2) Ta có nên nấu nước trước khi uống không? 3) Nước trà dùng không hết, ta có nên để qua ngày mai uống tiếp tục không? Tại sao?

LỌC NƯỚC

Dàn bài 1. Các thứ nước đều có chất dơ. 2. Các cách lọc nước.

Bài học

- ♦ Nước sông, nước giếng, nước hồ ao và ngay cả nước máy cũng đều có chứa các chất dơ bẩn. Vậy tốt nhất ta nên lọc nước để loại bỏ các chất bẩn đó đi.
- ♦ Ta có thể đánh phèn để làm lắng các chất cặn bẩn. Ngoài ra ta có thể lọc nước bằng bông gòn, bằng bình lọc chứa nhiều lớp than, cát, sạn sỏi hay bình lọc nước bằng sứ xốp.



Câu hỏi 1) Nước sông, nước giếng, nước hồ ao, nước máy có cần được lọc không? Tại sao? 2) Nói vài cách lọc nước?

ĐÀO GIẾNG VÀ XÂY GIẾNG

Dàn bài 1. Nơi nào cần đào giếng. 2. Cách đào giếng và cách giữ gìn giếng nước.

Bài học

- ♦ Ở miền quê không có nước máy nên người ta thường đào giếng.
- ♦ Giếng phải được đào ở xa bãi tha ma, xa cầu tiêu, xa chuồng gia súc. Ngoài ra giếng còn phải đào xuống sâu mới có nước tốt.

Miệng giếng xây cao trên 1 mét, chung quanh giếng nên tráng xi măng, có triền dốc thoải thoải đi ra ngoài để nước khỏi ứ đọng. Giếng phải có nắp đậy và gắn máy bơm hay gắn cần trục quay tay.

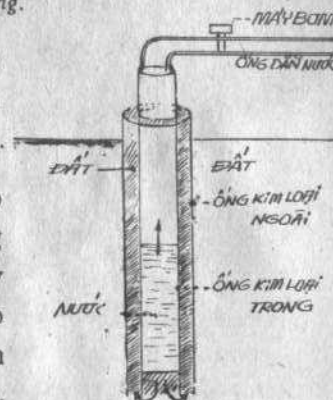


Câu hỏi 1) Người ta đào giếng ở đâu? 2) Giếng phải đào cách xa những gì? 3) Miệng giếng phải thế nào?

GIẾNG ĐÓNG

Dàn bài 1. Đóng một ống thép to xuống đất. 2. Đóng một ống thép nhỏ hơn vào lòng ống lớn. 3. Gắn một máy bơm vào miệng giếng.

- ♦ Đầu tiên ta đóng 1 ống thép rỗng có đường kính từ 15 đến 20 cm xuống sâu trong lòng đất.
- ♦ Sau đó ta đóng một ống thép đường kính độ 10 cm vào lòng của ống đầu tiên. Dùng máy thổi nước xuống lòng ống nhỏ để cho cát, đất, sinh bùn vọt lên trong khoảng giữa của 2 ống.



- ♦ Tiếp theo ta đóng sâu ống nhỏ xuống nữa để nước lên thật cao. Cuối cùng ta gắn một máy bơm vào miệng giếng.

CÂU HỎI 1) Muốn đào một giếng đóng đầu tiên ta phải làm gì? 2) Sau đó ta làm gì? 3) Tiếp theo đó ta làm gì?

BÀI TRỪ MỆ TÍN VỀ VIỆC ĐÀO GIẾNG

Dàn bài 1. Sự mê tín về việc đào giếng. 2. Ta mạnh dạn đào giếng để có đủ nước dùng.

- ♦ Nhiều người không dám đào giếng để lấy nước. Họ sợ đào giếng sẽ làm động long mạch, rồi thần linh sẽ quở phạt. Đó là một mối lo sợ viển vông. Chúng ta hãy nhìn các chủ nông trại kia! Họ đã đào giếng và đã có đủ nước để cung cấp cho vườn tược, đất ruộng của họ. Và thực tế nhất, họ đang trở nên giàu có.
- ♦ Vậy ta hãy mạnh dạn đào giếng để có đủ nước dùng.

CAU HỎI 1) Tại sao nhiều người không dám đào giếng? 2) Đó có phải là một mối lo sợ đúng đắn không? 3) Có nhiều chủ nông trại đã đào giếng và họ có giàu không? 4) Vậy ta có nên đào giếng không?

HẠI VỀ RƯỢU

- Dàn bài
1. Rượu là một chất độc còn nguy hại hơn cả thuốc độc.
 2. Các tai hại do rượu gây ra.
 3. Ta nhất định không bao giờ uống rượu.

Bài học

- ♦ Người uống rượu bị lở bao tử, sưng gan, yếu tim, kém trí nhớ, năng lực làm việc sút giảm. Người say rượu thường đánh đập vợ con, gây gỗ với hàng xóm. Con cái của người say rượu gầy yếu và kém thông minh. Làm nghề tài xế mà say rượu thì hết sức nguy hiểm vì họ có thể làm chết nhiều người khác...
- ♦ Vậy, ta nhất định không uống rượu.

- Câu hỏi
- 1) Người uống rượu bị gì ?
 - 2) Con cái của người uống rượu ra sao ?
 - 3) Ta có nên uống rượu không ?



HẠI VỀ THUỐC LÁ

- Dàn bài
1. Hút thuốc dễ bị ung thư phổi.
 2. Hút thuốc làm ta tốn nhiều tiền.

Bài học

- ♦ Trong thuốc lá có chất ni-cô-tin rất độc, đủ sức gây ra bệnh ung thư phổi, chứng đau cổ họng.
- ♦ Hút thuốc vừa tốn nhiều tiền lại vừa có hại cho sức khỏe. Vậy ta nhất định không bao giờ hút thuốc.

- Câu hỏi
- 1) Trong thuốc lá có chất gì ? Chất này có hại như thế nào ?
 - 2) Hút thuốc lá có tốn tiền không ?



HẠI VỀ THUỐC PHIỆN

- Dàn bài
1. Thuốc phiện có hại hơn thuốc lá.
 2. Tai họa do thuốc phiện mang đến.

Bài học

- ♦ Thuốc lá rất độc hại, nhưng thuốc phiện lại còn nguy hiểm hơn thuốc lá nhiều trăm lần.
- ♦ Người ghiền thuốc phiện càng ngày càng suy nhược, vô cùng gầy yếu. Cả ngày chỉ sống bên mâm đèn, tiêu đốt gia sản và gieo rắc khốn khổ cho gia đình. Ta nhất định phải bài trừ thuốc phiện.



- Câu hỏi
- 1) Thuốc phiện có hại nhiều hơn thuốc lá không ?
 - 2) Người ghiền thuốc phiện sống như thế nào ?

NHÀ CỬA PHẢI CAO RÁO

- Dàn bài
1. Nhà cửa cần cao ráo. Nền nhà cần sạch sẽ.
 2. Nhà cần có đủ ánh sáng.

Bài học

- ♦ Nếu có phương tiện, ta nên cất nhà cao ráo, thoáng mát, nền nhà cần tráng xi măng hay lót gạch để cho khỏi ẩm thấp.
- ♦ Ngoài ra nhà cần có nhiều cửa để đủ ánh sáng và không khí. Nhà cửa chật chội, tối tăm thường làm cho trẻ con mang bệnh, đau yếu luôn.



- Câu hỏi
- 1) Ta nên cất nhà như thế nào ?
 - 2) Nền nhà cần được làm gì ?
 - 3) Nhà thiếu ánh sáng, trẻ con thường thế nào ?

CẮT NHÀ THEO HƯỚNG GIÓ

Dàn bài

1. Ở thôn quê, nên cắt nhà theo hướng Đông Nam.
2. Ở thành thị, che sáo cho các căn nhà xoay mặt về hướng Tây.

Bài học

- ♦ Ở thôn quê nếu có phương tiện và có đủ đất đai, khi cắt nhà, ta nên xoay mặt tiền của nhà về hướng Đông Nam để có gió mát và có ánh nắng ban mai chiếu rọi, mà lúc về chiều, nhà lại không nóng.
- ♦ Ở thành thị, đất chật người đông, nhà cửa chen chúc nhau nên nếu gặp phải căn nhà xoay mặt tiền về hướng Tây, ta nên trồng cây ở trước nhà và che sáo để tránh bớt cái nắng gay gắt lúc về chiều.

Câu hỏi

- 1) Ở thôn quê, ta nên cắt nhà theo hướng nào? Tại sao? 2) Ở thành thị, nếu gặp các căn nhà xoay về hướng Tây thì ta nên làm gì?

VỆ SINH CHUNG QUANH NHÀ

Dàn bài

1. Chung quanh nhà cần được giữ sạch sẽ.
2. Ở thôn quê, chuồng gia súc phải quét dọn luôn.
3. Ở thành thị, không nên nuôi gà, vịt, heo ở trong nhà.

Bài học

- ♦ Chung quanh nhà cũng cần được giữ sạch sẽ. Muốn vậy, ta phải quét dọn rác rưởi và chặt bỏ các bụi rậm, lấp các vũng nước. Cổng rãnh cần được khai thông.
- ♦ Ở thôn quê, cầu tiêu và chuồng nuôi gia súc phải xây xa nhà và nắng quét dọn sạch sẽ, dùng nước kê-din tẩy sạch luôn.
- ♦ Ở thành thị, ta chớ nuôi heo, gà, vịt ở trong nhà. Nhà bếp, cầu tiêu phải cho sạch sẽ.

Câu hỏi

- 1) Chung quanh nhà cần được gì? Muốn vậy ta phải làm sao?
- 2) Ở thôn quê ta có nên quét dọn chuồng gia súc không? Tại sao?
- 3) Ở thành thị ta có nên nuôi gà, vịt, heo ở trong nhà không? Tại sao?



DÙNG VÔI BỘT

Dàn bài

1. Vôi bột mùi khá nồng.
2. Các công dụng của vôi bột.

Bài học

- ♦ Vôi bột mùi khá nồng và được dùng làm chất sát trùng rất tốt.
- ♦ Người ta thường rắc vôi bột lên xác thú vật sinh thối để tẩy mùi hôi và giết vi trùng. Ngoài ra, vôi bột còn được rải lên chỗ ẩm mốc để làm cho khô.

Câu hỏi

- 1) Vôi bột có mùi như thế nào?
- 2) Người ta thường dùng vôi bột để làm gì?



DÙNG VÔI NƯỚC GIẾT VI TRÙNG

Dàn bài

1. Vôi là chất có tính sát trùng rất mạnh.
2. Các công dụng của vôi nước.

Bài học

- ♦ Vôi bột được hòa trong nước thì thành vôi nước.
- ♦ Nước vôi màu trắng dùng để quét tường cho sạch sẽ, cho hết mùi hôi và giết vi trùng. Sân chuồng gia súc cần được tẩy uế bằng vôi nước.

Câu hỏi

- 1) Vôi nước là gì? 2) Kể ra vài công dụng của vôi nước?



DÙNG NƯỚC KÊ-DIN

Dàn bài 1. Nước kê-din là gì. 2. Người ta dùng nước kê-din, để làm gì.

Bài học

- ♦ Nước kê din là chất lỏng mùi hăng hắc, sát trùng mạnh hơn với nước. Lúc nguyên chất, kê din có màu nâu đậm. Khi hoà tan trong nước, nó có màu trắng đục.
- ♦ Người ta rảy nước kê din lên nền nhà, buồng tắm, cầu tiêu, để làm mất mùi hôi và để sát trùng.



Câu hỏi 1) Nước kê din là gì? 2) Người ta rảy nước kê din vào buồng tắm, cầu tiêu để làm gì?

BÓT DÙNG THUỐC D.D.T

Dàn bài 1. Xưa kia, DDT được dùng nhiều. 2. Nay, nó ít được dùng vì quá độc, làm hại cả người.

Bài học

- ♦ DDT là một thứ bột màu trắng. Xưa kia nó được dùng để trừ ruồi, muỗi, gián, rận, rệp và nhiều loài côn trùng khác.
- ♦ Nhưng vì quá độc, thường gây hại luôn cho cả Người nên ngày nay người ta bớt dùng nó. Hiện nay người ta đã chế ra nhiều thứ thuốc khác đủ sức giết ruồi muỗi sâu bọ mà lại không hại cho Người. Các thứ thuốc sau này đang lần lần thay thế thuốc DDT.



Câu hỏi 1) Xưa kia thuốc D.D.T được dùng nhiều hay ít? 2) Ngày nay thuốc D.D.T còn được dùng nhiều hay ít? Tại sao?

TRÌNH BÁO KHI GIA SÚC BỊ NHIỄM BỆNH

Dàn bài 1. Khi gia súc bị nhiễm bệnh, ta phải trình báo. 2. Ích lợi của việc trình báo.

Bài học

- ♦ Khi gia súc bị bệnh truyền nhiễm hay chết vì bệnh truyền nhiễm, ta phải cấp tốc trình báo với nhà chức trách để nhân viên ty mục súc đến chữa trị hoặc khám nghiệm xác chết.
- ♦ Việc trình báo và việc triệt để tuân theo lời chỉ dẫn của nhân viên Ty mục súc có cái lợi là ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm khỏi lan tràn ra ngoài.



Câu hỏi 1) Khi gia súc bị nhiễm bệnh hay chết, ta phải làm gì? 2) Việc trình báo có cái lợi nào?

NHỐT RIÊNG THÚ ĐAU

Dàn bài 1. Ta phải nhốt riêng con thú đau. 2. Nhốt chung thú đau rất có hại.

Bài học

- ♦ Con thú bị đau cần phải được nhốt riêng.
- ♦ Nếu ta cứ để nó sống chung với cả bầy thì nó sẽ truyền bệnh cho cả bầy. Như thế rất nguy hại. Sau đó ta phải lo chữa trị cho con thú này hết bệnh.



Câu hỏi 1) Khi con thú bị đau, ta phải làm gì? 2) Nhốt chung thú đau với thú mạnh có cái hại nào?

Dàn bài 1. Thú đau phải được cho ăn riêng.
2. Thú đau ăn chung với thú mạnh rất có hại.

Bài học

- ♦ Thú đau cần phải được cho ăn uống trong những máng riêng.
- ♦ Nếu ta để nó đi ăn uống ở đồng cỏ, sông rạch, thì nó sẽ gieo rắc vi trùng. Rồi khi các con thú mạnh đến uống nước, sẽ bị lây bệnh. Như thế rất nguy hại.



Câu hỏi 1) Thú đau cần phải được cho ăn như thế nào? 2) Nếu ta cho thú đau ăn chung với thú mạnh thì có cái hại như thế nào?

Dàn bài 1. Ta không nên ăn thịt thú chết. 2. Phải chọn xác các thú chết.



Bài học

- ♦ Thú đau trị không hết nên nó chết. Ta không ăn thịt thú chết và cũng không được vớt xác nó một cách bừa bãi xuống ao, đầm, cống rãnh.
- ♦ Ta phải chôn xác chúng xuống đất ở nơi xa giếng nước và xa các chỗ năng đi lại của các con thú mạnh. Thú chết vì bệnh truyền nhiễm cần được rắc vôi lên xác chết và chôn thật kỹ. Có thể bệnh mới không lan sang các con thú mạnh.

Câu hỏi 1) Khi thú vật bị chết, ta có nên ăn thịt chúng không? 2) Nếu không ăn thịt chúng, ta nên làm gì? Tại sao?

MỤC LỤC

1. Can đảm	226	32. Tôn trọng kỷ luật học đường	241
2. Can đảm (tt)	226	33. Tôn trọng kỷ luật học đường (tt)	242
3. Biết nhận trách nhiệm	227	34. Tôn trọng danh dự học đường	242
4. Nhẫn nại	227	35. Tôn trọng danh - dự học đường (tt)	243
5. Biết phòng xa	228	36. Trọng tính mạng người	243
6. Tự tin	228	37. Trọng tính mạng người (tt)	244
7. Không ỷ lại	229	38. Trọng nhân cách người khác	244
8. Không khúm núm	229	39. Trọng nhân cách người khác (tt)	245
9. Không khúm núm (tt)	230	40. Trọng tài sản của người khác	245
10. Công tâm	230	41. Trọng tài sản của người khác (tt)	246
11. Hy sinh	231	42. Thành thật trong việc giao dịch	246
12. Hy sinh (tt)	231	43. Thành thật trong việc giao dịch (tt)	247
13. Tập sống giản dị	232	44. Tham gia công tác xã hội	247
14. Tập sống giản dị (tt)	232	45. Chống nạn mù chữ	248
15. Tình gia tộc	233	46. Giúp đỡ đồng bào bị hoả hoạn	248
16. Tình gia tộc (tt)	233	47. Giúp đỡ đồng bào bị hoả hoạn (tt)	249
17. Gây danh thơm cho gia tộc	234	48. Đi xe đạp sát lề mặt	249
18. Thờ phụng tổ tiên	234	49. Đi xe đạp không chờ đôi	250
19. Thờ phụng tổ tiên (tt)	235	50. Không đi xe đạp hàng đôi hàng ba	250
20. Giữ gìn mộ phần tổ tiên	235	51. Xe đạp phải có thắng và chuông	251
21. Thăm viếng mộ phần tổ tiên	236	52. Xe đạp phải có đèn	251
22. Yêu mến và tôn kính thầy cô	236	53. Xả và áp	252
23. Vâng lời thầy cô	237	54. Quận	252
24. Biết ơn thầy cô	237	55. Quận (tt)	253
25. Bồn phận đối với thầy cô khi thôi học	238	56. Tỉnh	253
26. Bạn bè phải thương yêu nhau	238	57. Tỉnh (tt)	254
27. Bạn bè phải giúp đỡ nhau	239	58. Thị xã	254
28. Bệnh vực bạn bè	239	59. Đồ thành	255
29. Đối với bạn/khi thôi học	240	60. Đồ thành (tt)	255
30. Tinh thần đồng đội	240		
31. Tinh thần đồng đội (tt)	241		

CAN ĐẢM

Dàn bài 1. Can đảm là cương quyết vượt mọi gian khổ.

2. Vài thí dụ.

Bài học

- Can đảm là không sợ gian khổ, dám liều mình để làm việc nghĩa.
- Người lính xông pha ngoài chiến trường để bảo vệ quê hương, người hướng đạo nhảy vào căn nhà cháy để cứu kẻ lâm nạn... đều là những người can đảm.

Vậy, người can đảm là người có tinh thần hy sinh cao cả.



QUYẾT ĐỊNH Em quyết can đảm để thắng mọi gian khổ.

Câu hỏi 1) Can đảm là gì? 2) Cho vài thí dụ? 3) Người can đảm thường có tinh thần gì?

CAN ĐẢM

Dàn bài 1. Can đảm là biết chịu đựng và phấn đấu.

2. Vài thí dụ.



- Can đảm còn là biết chịu đựng trước những khổ đau và phấn đấu trước mọi quyến rũ xấu xa.
- Em bé nhờ răng đau, không kêu la; bà mẹ sống trong cảnh thiếu thốn cố gắng mà vẫn nuôi con; một học sinh quyết không nghe lời quyến rũ của bạn bè xấu... đều là những người can đảm.

QUYẾT ĐỊNH Em quyết chịu đựng mọi khổ đau và chống lại mọi quyến rũ xấu xa.

Câu hỏi 1) Ngoài việc không sợ gian khổ, can đảm còn là gì nữa?
2) Cho vài thí dụ?

BIẾT NHẬN TRÁCH NHIỆM

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Thí dụ. 3. Những lợi ích của tinh thần trách nhiệm.

Bài học

- Biết nhận trách nhiệm là cố hết sức làm tròn phận sự của mình. Thầy giáo tận tụy dạy dỗ học sinh, người công chức hết lòng phục vụ... đều là những người biết nhận trách nhiệm.
- Có tinh thần trách nhiệm thì ta mới đạt được kết quả tốt đẹp. Mọi công dân có tinh thần trách nhiệm thì nước nhà chóng tiến bộ và cường thịnh.



QUYẾT ĐỊNH: Em quyết can đảm nhận trách nhiệm.

Câu hỏi 1) Thế nào là biết nhận trách nhiệm? 2) Kể vài thí dụ. 3) Có tinh thần trách nhiệm thì ta đạt được gì? 4) Mọi công dân đều có tinh thần trách nhiệm thì nước nhà sẽ thế nào?

NHẪN NẠI

Dàn bài 1) Định nghĩa. 2) Thí dụ. 3) Tập tính nhẫn nại rất có lợi.



- Nhẫn nại là gắng sức và bền chí làm việc dù gặp khó khăn, trở ngại.
- Một học sinh cặm cụi giải một bài toán khó, cha mẹ cố sửa trị tật xấu của con cái... đều là những người nhẫn nại.
- Vì có nhiều nghị lực và không bỏ dở việc làm, người nhẫn nại thường thành công trong đời.

QUYẾT ĐỊNH Em quyết nhẫn nại trước mọi khó khăn, trở ngại.

Câu hỏi 1) Nhẫn nại là gì? 2) Cho vài thí dụ. 3) Tại sao người nhẫn nại thành công trong cuộc đời?

BIẾT PHÒNG XA

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Lý do phải phòng xa 3. Cách phòng xa.

Bài học

- ♦ Biết phòng xa là biết lo ngừa trước những rủi ro có thể xảy ra.
- ♦ Học sinh biết phòng xa thì không gặp cảnh bài chưa học, chưa làm; Người biết phòng xa tránh khỏi thiếu hụt, ốm đau và tai nạn.
- ♦ Muốn phòng xa, ta nên chuyên cần học hành, ăn tiêu có chừng mực, và giữ gìn vệ sinh.



QUYẾT ĐỊNH Em tập tính phòng xa để tránh những rủi ro.

Câu hỏi: 1) Thế nào là biết phòng xa? 2) Người biết phòng xa được những lợi gì? 3) Muốn phòng xa, ta phải làm gì?

TỰ TÍN

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Thí dụ. 3. Tự tin rất cần thiết.



- ♦ Tự tin là tin tưởng vào tài sức mình trong khi làm việc.
- ♦ Hưng - Đạo Vương chỉ vào sông Bạch Đằng thề nguyện với tướng sĩ sẽ diệt tan quân Nguyên. Lúc đi thi, người học sinh không tin vào sự may rủi... đều là những người tự tin.
- ♦ Tự tin giúp ta vững lòng và bền chí để phấn khởi làm việc.

QUYẾT ĐỊNH Em quyết rèn luyện và hun đúc tính tự tin.

Câu hỏi: 1) Tự tin là gì? 2) Cho vài thí dụ? 3) Tự tin giúp ta điều gì?

KHÔNG Ỡ LẠI

Dàn bài 1. Định nghĩa 2. Thí dụ. 3. Không ỡ lại là tự trọng.

Bài học

- ♦ Không ỡ lại là không nường cây người khác.
- ♦ Người học sinh không nhè bạn giải dùm một bài toán khó; người con không trông cậy vào tài sản của cha mẹ... đều là những người không ỡ lại.

Vì luôn luôn gắng sức làm việc và chỉ trông cậy vào tài sức của mình, người không ỡ lại là người tự trọng.



QUYẾT ĐỊNH: Em quyết bỏ tính ỡ lại để tỏ ra tự trọng.

Câu hỏi: 1) Không ỡ lại là gì? 2) Cho vài thí dụ? 3) Tại sao người không ỡ lại là người tự trọng?

KHÚM NÚM

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Người khúm núm là người thiếu tư cách và không tự trọng.

Bài học

- ♦ Khúm núm là thái độ cúi đầu, khom lưng hoặc rụt rè, sợ sệt quá đáng khi tiếp xúc với người trên.
- ♦ Vì thường dùng lời nịnh bợ và có cử chỉ luồn cúi, người khúm núm là người thiếu tư cách và không tự trọng. Người khúm núm thật đáng bị khinh khi.



QUYẾT ĐỊNH: Em quyết không khúm núm để tỏ ra có tư cách.

Câu hỏi: 1) Không khúm núm là gì? 2) Tại sao người khúm núm là người thiếu tư cách và không tự trọng?

KHÔNG KHÚM NÚM (tiếp theo)

Dàn bài 1. Ta không khúm núm, nhưng ta phải lễ độ.
2. Cử chỉ của người không khúm núm.

- ♦ Ta không nên khúm núm vì đó là thói tật xấu, nhưng ta phải giữ lễ độ với người lớn tuổi.
- ♦ Đề tỏ ra là người không khúm núm, ta nên đứng thẳng người, ăn nói chững chạc và mạnh dạn với thầy Cô, cha mẹ hay người trên.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết không bao giờ khúm núm nhưng luôn luôn giữ lễ độ.

Câu hỏi 1) Ta không nên khúm núm nhưng ta phải giữ thế nào với người trên ? 2) Đề tỏ ra không nên khúm núm, ta nên thế nào đối với người lớn ?

CÔNG TÂM

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Thí dụ.
3. Rèn luyện công tâm để giúp ích xã hội và quốc gia.



- ♦ Công tâm là giữ một lòng ngay thẳng, không vì lợi ích riêng mà làm việc.
- ♦ Viên giám đốc không đem thân nhân vào công sở, một quan toà xét xử công bằng... đều là những người có công tâm.
- ♦ Vì trọng quyền lợi chung, người công tâm phục vụ đặc lực xã hội và quốc gia. Bởi vậy, ta cần phải luyện tập đức tính công tâm.

QUYẾT ĐỊNH : Em quyết rèn luyện tính công tâm để thành một công dân tốt.

Câu hỏi Công tâm là gì ? 2) Kể vài thí dụ ? 3) Tại sao người có công tâm phục vụ đặc lực xã hội và quốc gia ? 4) Ta cần phải luyện tập tính công tâm ?

HY SINH

Dàn bài 1. Định nghĩa.
2. Những tấm gương hy sinh.

Bài học

- ♦ Hy sinh là chịu thiệt thòi riêng, là liều thân mình để cứu người nguy khốn hay vì ích lợi chung.
- ♦ Thầy giáo tận tụy suốt đời dạy dỗ học sinh ; người lính bỏ mình ngoài chiến trường ; cô y tá chăm sóc tận tình bệnh nhân... đều là những gương hy sinh cao đẹp.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết noi theo những gương hy sinh cao cả.

Câu hỏi 1) Thế nào mới gọi là hy sinh ? 2) Kể vài thí dụ hy sinh ?

HY SINH (tiếp theo)

Dàn bài 1. Quý trọng những người hy sinh.
2. Rèn luyện đức tính hy sinh.

Bài học

- ♦ Ta nên quý trọng những người biết hy sinh vì họ dám bỏ thời giờ, tiền của, sức khỏe và dâng hiến tính mạng của họ. Nhờ có những người dám hy sinh mà xã hội mới được an vui và hạnh phúc.
- ♦ Muốn giúp ích xã hội và quốc gia sau này, học sinh gắng rèn luyện đức tính hy sinh.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết chí hy sinh để phụng sự quốc gia.

Câu hỏi 1) Tại sao ta quý trọng những người dám hy sinh ? 2) Nhờ có những người dám hy sinh mà xã hội thế nào ? 3) Ta rèn luyện đức tính hy sinh để làm gì ?

TẬP SỐNG GIẢN DỊ

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Ích lợi cho bản thân.

Bài học

- ♦ Sống giản dị là sống không cầu kỳ và xa hoa, ăn mặc đủ no ấm thôi. Người biết sống giản dị đỡ phí mất thời giờ, không phung phí tiền của nên tránh được cảnh túng thiếu.
- ♦ Vì chẳng đua đòi hoặc ham muốn quá đáng, người sống giản dị luôn luôn giữ tâm hồn bình thản và an vui.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết sống giản dị để giữ an vui trong tâm hồn.

Câu hỏi 1) Sống giản dị là sống thế nào ? 2) Người biết sống giản dị hưởng được những lợi gì ? 3) Tâm hồn của người sống giản dị như thế nào ? Tại sao ?

TẬP SỐNG GIẢN DỊ

Dàn bài 1. Người sống giản dị được quý trọng. 2. Cách tập sống giản dị. 3. Giản dị không phải là cầu thả.

Bài học

- ♦ Người sống giản dị không kiêu cách, khách sáo nên dễ gần gũi mọi người và ai ai cũng quý mến. Muốn tập sống giản dị, học sinh tránh ăn mặc se súa và biết hoà mình cùng bạn bè.
- ♦ Tuy nhiên, ta đừng quá giản dị mà sinh cầu thả khiến mọi người khinh chê.

QUYẾT ĐỊNH : Em quyết sống giản dị nhưng không cầu thả

Câu hỏi 1) Tại sao người sống giản dị được mọi người quý mến ? 2) Muốn tập sống giản dị, học sinh phải làm thế nào ? 3) Người sống cầu thả thì bị gì ?

TÌNH GIA TỘC

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Tình gia tộc này sinh tình dân tộc.

Bài học

- ♦ Tình gia tộc là tình liên hệ tự nhiên, ràng buộc ta với gia đình và họ hàng. Để có tình gia tộc, ta phải thương yêu và giúp đỡ những người cùng trong một dòng họ.
- ♦ Có biết yêu gia đình, họ hàng, thì ta mới biết yêu đồng bào : do đó, tình gia tộc này sinh tình dân tộc.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết bền giữ tình gia tộc.

Câu hỏi 1) Tình gia tộc là gì ? 2) Để có tình gia tộc, ta phải làm gì ? 3) Tình gia tộc này sinh ra tình gì ? Tại sao ?

TÌNH GIA TỘC

Bài học

- ♦ Ngoài lòng thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, người có tình gia tộc còn phải biết trọng danh dự dòng họ mình. Bởi vậy, người có tình gia tộc luôn luôn tránh những hành vi gây tai tiếng cho dòng họ.
- ♦ Tuy nhiên, ta không nên quá nặng tình gia tộc mà gây tổn thương cho dòng họ khác.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết sáng suốt mỗi khi bình vực họ hàng.

Câu hỏi 1) Ngoài lòng thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, người có tình gia tộc còn phải làm gì ? 2) Người có tình gia tộc tránh gây gì cho dòng họ ? 3) Tại sao ta không nên quá nặng tình gia tộc ?

GÂY DANH THƠM CHO GIA TỘC

Dàn bài 1. Phải gây danh thơm cho gia tộc.
2. Cách gây danh thơm cho gia tộc.

Bài học

- ◆ Ngoài bốn phận phải giữ danh dự, ta còn phải biết gây danh thơm cho gia tộc. Bởi vì một người trong gia tộc làm nên thì cả gia đình được rạng rỡ và họ hàng được thơm lây.
- ◆ Muốn thế, ta phải ngoan ngoãn, siêng năng học hành, nói năng lễ độ và rèn luyện tánh tốt.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết định tránh những hành vi xấu xa để gây danh thơm cho gia tộc.

Câu hỏi 1) Ngoài bốn phận giữ danh dự cho gia tộc, ta còn phải làm gì ?
2) Một người làm nên thì cả gia đình thế nào ? Và họ hàng thế nào ?
3) Ta phải làm gì để gây danh thơm cho gia tộc ?

THỜ PHỤNG TỔ TIÊN

Dàn bài 1. Định nghĩa tổ tiên.
2. Nhớ công ơn tổ tiên.

Bài học

- ◆ Tổ tiên là gốc của một dòng họ. Có tổ tiên mới có ta. Tổ tiên có công dựng nên cơ nghiệp và để lại cho con cháu hưởng.
- ◆ Công ơn tổ tiên vô cùng to lớn. Vậy, bốn phận của con cháu là bao giờ cũng phải nhớ ơn.



QUYẾT ĐỊNH Em mãi mãi ghi nhớ công ơn tổ tiên.

Câu hỏi 1) Ai là gốc của một dòng họ ? 2) Tổ tiên có công ơn gì đối với con cháu ? 3) Ta phải có bốn phận gì đối với tổ tiên ?

THỜ PHỤNG TỔ TIÊN (tiếp theo)

Dàn bài 1. Ý nghĩa ngày giỗ cúng.
2. Giỗ cúng tổ tiên là tỏ lòng thành.

Bài học

- ◆ Đề tỏ lòng nhớ ơn tổ tiên, hàng năm ta phải nhớ cúng bái. Ngày giỗ là ngày con cháu có dịp đoàn tụ vui vẻ để siết chặt thêm tình gia tộc.
- ◆ Giỗ cúng tổ tiên là tỏ lòng thành kính, bởi vậy ta không nên bày đám linh đình.



QUYẾT ĐỊNH : Bao giờ, em cũng nhớ giỗ cúng tổ tiên.

Câu hỏi 1) Tại sao ta phải giỗ cúng tổ tiên ? 2) Ngày giỗ là ngày gì ?
3) Ta phải giỗ cúng tổ tiên như thế nào ?

GIỮ GÌN MỘ PHẦN TỔ TIÊN

Dàn bài 1. Định nghĩa.
2. Giữ gìn chu đáo mộ phần.

Bài học

- ◆ Mộ phần hay mồ mả là nơi an nghỉ vĩnh viễn của tổ tiên. Đề tỏ lòng tôn kính tổ tiên, ta phải giữ gìn chu đáo mộ phần.
- ◆ Muốn giữ ngôi mộ lâu bền, ta phải xây cất cẩn thận. Trước mộ, ta phải dựng bia để con cháu dễ ghi nhận.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết giữ lâu bền mộ phần tổ tiên.

Câu hỏi 1) Mộ phần là gì ? 2) Tại sao ta phải giữ gìn mộ phần tổ tiên ?
3) Muốn giữ ngôi mộ lâu bền, ta phải làm gì ? 4) Ta phải dựng bia để làm gì ?

THĂM VIỆNG MỘ PHẦN TỔ TIÊN

Dàn bài 1. Thăm viếng mộ phần. 2. Chăm nom mộ phần.

- ♦ Đề tỏ lòng thương nhớ, con cháu phải thường xuyên thăm viếng mộ phần tổ tiên. Nhất là, ta không quên đi tảo mộ vào dịp lễ Thanh Minh và ngày Tết.
- ♦ Mỗi lần thăm viếng mộ phần, ta phải nhớ quét dọn, nhổ cỏ và thắp hương tưởng niệm.



QUYẾT ĐỊNH : Bao giờ, em cũng như thăm viếng mộ phần tổ tiên.

Câu hỏi 1) Tại sao ta phải thường xuyên thăm viếng mộ phần tổ tiên ?
2) Ta thường đi tảo mộ vào dịp nào ? 3) Mỗi lần thăm viếng ta phải làm gì ?

YÊU MẾN VÀ TÔN KÍNH THẦY (CÔ)

Dàn bài 1. Công ơn Thầy (Cô). 2. Yêu mến và tôn kính Thầy (Cô).

- ♦ Cha mẹ có công nuôi ta ăn học, thầy có công đào tạo ta nên người. Công ơn thầy đâu kém công ơn cha mẹ.
- ♦ Bởi vậy, ta phải yêu mến và tôn kính thầy như cha mẹ. Ta phải luôn luôn tỏ ra chăm chỉ và ngoan ngoãn, chào hỏi lễ phép mỗi khi gặp thầy.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết yêu mến và tôn kính thầy để đến đáp công ơn.

Câu hỏi 1) Thầy có công gì ? 2) Tại sao ta phải yêu mến và tôn kính thầy ?
3) Muốn yêu mến và tôn kính thầy, ta phải làm sao ?

VÂNG LỜI THẦY (CÔ)

Dàn bài 1. Thầy (Cô) là người nhiều kinh nghiệm.
2. Cần phải vâng lời Thầy (Cô).



Bài học

- ♦ Thầy là người hiểu biết nhiều, kinh nghiệm nhiều hơn ta. Thầy cũng là người đức hạnh toàn vẹn.
- ♦ Thầy có công dạy bảo ta là muốn ta trở thành người tài giỏi. Vậy, ta phải biết vâng lời thầy. Muốn thế, ta tránh làm những gì phiền lòng và trái ý thầy.

QUYẾT ĐỊNH : Em quyết mãi mãi vâng lời thầy để mau tiến bộ.

Câu hỏi 1) Thầy là người như thế nào ? 2) Thầy có công dạy bảo ta để làm gì ? 3) Vậy, ta có bổn phận gì đối với thầy ? 4) Muốn vâng lời thầy, ta phải làm sao ?

BIẾT ƠN THẦY (CÔ)

Dàn bài 1. Công lao khổ nhọc của Thầy (Cô).
2. Phải biết ơn Thầy (Cô).

Bài học

- ♦ Thầy có công mở mang trí tuệ và rèn luyện tính tình cho ta : công dạy dỗ của thầy to như trời biển.
- ♦ Bởi vậy, ta phải tỏ lòng biết ơn thầy. Muốn thế, ta phải học tập chuyên cần, yêu kính thầy và vâng lời thầy.



QUYẾT ĐỊNH : Em ghi nhớ mãi công ơn thầy.

Câu hỏi 1) Thầy có công gì ? Công dạy dỗ của thầy thế nào ? 3) Tại sao ta phải biết ơn thầy ? 4) Để tỏ lòng biết ơn thầy, ta phải làm gì ?

BỒN PHẬN ĐỐI VỚI THẦY (CÔ) KHI THÔI HỌC

Dàn bài 1. Phải nhớ ơn thầy suốt đời.
2. Cách bày tỏ biết ơn thầy khi thôi học.

Bài học

- ♦ Không phải lúc đang học mà ngay cả lúc thôi học, ta cũng phải kính mến và biết ơn thầy. Có thể mới trọn tình thầy trò.
- ♦ Khi gặp thầy cũ ta phải cung kính chào hỏi. Khi hay tin thầy đau ốm, ta sốt sắng tới nhà thăm hỏi sức khỏe và sẵn lòng giúp đỡ thầy.



QUYẾT ĐỊNH : Em vẫn kính mến và biết ơn thầy sau khi thôi học.

Câu hỏi 1) Lúc thôi học rồi, ta còn có bồn phận gì đối với thầy cũ ?
2) Khi gặp thầy cũ, ta phải tỏ ra thế nào ? 3) Khi thầy đau ốm ta phải làm gì ?

BẠN BÈ PHẢI THƯƠNG YÊU NHAU

Dàn bài 1. Bạn bè cùng trường như anh chị em một nhà.
2. Bạn bè phải thương yêu nhau.



- ♦ Cùng học một trường, bạn bè gặp mặt nhau, chơi với nhau hàng ngày. Bởi vậy, ta phải xem bạn bè như anh chị em một nhà.
- ♦ Đã xem nhau như ruột thịt, bạn bè phải thương yêu nhau. Ta phải tránh gây gổ vì có thể làm sút mẻ tình bạn.

QUYẾT ĐỊNH : Em quyết thương yêu bè bạn như người ruột thịt.

Câu hỏi 1) Cùng học một trường, bạn bè phải xem nhau như thế nào ?
2) Vậy, bạn bè phải đối xử với nhau như thế nào ? 3) Tại sao ta phải tránh xích mích và gây gổ ?

BẠN BÈ PHẢI GIÚP ĐỠ NHAU

Dàn bài 1. Bạn bè phải giúp đỡ nhau.
2. Cách giúp đỡ bè bạn. 3. Sáng suốt lúc giúp bạn

Bài học

- ♦ Thương yêu nhau cũng chưa đủ, bạn bè còn phải giúp đỡ lẫn nhau.
- ♦ Bạn cần đồ dùng, ta sốt sắng cho mượn ; bạn chưa hiểu bài, ta tận tâm chỉ giúp ; bạn buồn khổ, ta tận tình an ủi.
- ♦ Tuy nhiên, lúc giúp bạn, ta phải sáng suốt kéo bạn sinh tính ý lại.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết giúp bạn bè đúng lúc, đúng cách.

Câu hỏi 1) Ngoài thương yêu nhau, bè bạn còn phải như thế nào nữa ? 2) Ta giúp đỡ bè bạn cách nào ? 3) Lúc giúp bạn, ta phải thế nào ? Tại sao ?

BÊNH VỰC BẠN BÈ

Dàn bài 1. Cần phải bênh vực bạn bè.
2. Cách bênh vực bạn bè.



- ♦ Ngoài thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, bạn bè còn phải bênh vực lẫn nhau.
- ♦ Để tránh sự xích mích và chia rẽ trong trường, ta tránh thiên vị, bắt công lúc bênh vực bạn. Bởi vậy, ta chỉ bênh vực bạn trong trường hợp bạn bị oan ức hay bị hiếp đáp.

QUYẾT ĐỊNH : Em tránh bắt công, trong lúc bênh vực bạn.

Câu hỏi 1) Ngoài thương yêu và giúp đỡ nhau, bè bạn còn có bồn phận gì nữa ? 2) Tại sao ta phải tránh thiên vị và bắt công khi bênh vực bạn ? 3) Ta bênh vực bạn trong trường hợp nào ?

ĐỐI VỚI BẠN KHI THÔI HỌC

Dàn bài 1. Phải giữ tình bạn khắn khít khi thôi học
2. Cách giữ tình bạn khi thôi học.

Bài học

- ♦ Khi thôi học, mỗi người có một địa vị và một hoàn cảnh khác nhau. Tuy vậy, ta phải giữ gìn tình bạn luôn luôn thắm thiết và bền chặt.
- ♦ Muốn vậy, ta phải niềm nở khi gặp bạn cũ, phải tận tình giúp đỡ khi bạn thiếu hụt, phải hết lòng bên vực khi bạn bị ức hiếp.



QUYẾT ĐỊNH: Em nhất quyết không đánh mất tình bạn cũ.

Câu hỏi 1) Ta phải giữ tình bạn thế nào khi thôi học? 2) Gặp bạn cũ, ta phải làm gì? 3) Thấy bạn thiếu hụt, ta phải làm gì? 4) Thấy bạn bị ức hiếp, ta phải làm gì?

TINH THẦN ĐỒNG ĐỘI

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Tinh thần đồng đội rất cần thiết.



- ♦ Có tinh thần đồng đội là biết quên mình và thiết tha nghĩ đến quyền lợi chung của toàn đội. Một học sinh hết lòng dìu dắt anh em trong một cuộc thi đua; một cầu thủ tận lực đua tranh trong một trận đấu... đều là những người có tinh thần đồng đội.
- ♦ Do đó, những người có tinh thần đồng đội thường nghĩ đến danh dự và thắng lợi chung.

QUYẾT ĐỊNH: Bao giờ, em cũng hoà mình với đồng đội.

Câu hỏi 1) Có tinh thần đồng đội là thế nào? 2) Cho vài thí dụ
3) Người có tinh thần đồng đội thường nghĩ gì?

TINH THẦN ĐỒNG ĐỘI (tiếp theo)

Dàn bài 1. Ích lợi của tinh thần đồng đội.
2. Cách rèn luyện tinh thần đồng đội.

Bài học

- ♦ Tinh thần đồng đội giúp những tính tốt nảy nở như: tinh thần hy sinh, trách nhiệm và đoàn kết. Đó là các đức tính cần thiết.
- ♦ Bởi vậy, ta cần phải rèn luyện tinh thần đồng đội. Muốn thế, ta tập bỏ tính ganh ghét, lòng tự ái và ích kỷ.



QUYẾT ĐỊNH: Em rèn luyện tinh thần đồng đội để làm nảy nở những tính tốt.

Câu hỏi 1) Tinh thần đồng đội có lợi như thế nào?
2) Muốn rèn luyện tinh thần đồng đội, ta phải làm gì?

TÔN TRỌNG KỶ LUẬT HỌC ĐƯỜNG

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Vì sao.

Bài học

- ♦ Tôn trọng kỷ luật học đường là tuân giữ những điều lệ ghi trong bản nội qui của nhà trường.
- ♦ Đến trường đúng giờ, nghỉ học phải xin phép, ăn mặc đồng phục, học tập chuyên cần, tránh gây gỗ và đánh lộn... đều là những hành vi tôn trọng kỷ luật học đường.



QUYẾT ĐỊNH: Bao giờ, em cũng nhớ tôn trọng kỷ luật học đường.

Câu hỏi 1) Tôn trọng kỷ luật học đường là gì? 2) Những điều lệ kỷ luật học đường được ghi vào đâu? 3) Cho vài thí dụ tôn trọng kỷ luật học đường.

TÔN TRỌNG KỶ LUẬT HỌC ĐƯỜNG (tiếp theo)

Dàn bài 1. Ích lợi của kỷ luật học đường.
2. Phải tuân theo kỷ luật học đường.

Bài học

- ♦ Nhờ tôn trọng kỷ luật học đường mà trường có trật tự, học sinh đều ngoan ngoãn và việc học mau tiến bộ.
- ♦ Bởi vậy, thầy sẽ phạt và bạn bè sẽ chê cười những học sinh vi phạm kỷ luật học đường.



QUYẾT ĐỊNH: Bao giờ, em cũng tránh vi phạm kỷ luật học đường.

Câu hỏi 1) Có tôn trọng kỷ luật học đường thì trường thế nào? Học sinh và việc học thế nào? 2) Những học sinh vi phạm kỷ luật học đường thì bị gì?

TÔN TRỌNG DANH DỰ HỌC ĐƯỜNG

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Ví dụ.

Bài học



- ♦ Tôn trọng danh dự học đường là thiết tha giữ tiếng tốt, tiếng thơm của trường mình.
- ♦ Ăn mặc đúng đắn, nói năng lễ độ, học hành chăm chỉ, tránh nói tục, chửi thề, đánh lộn, phá phách... đều là những hành vi biết tôn trọng danh dự học đường...

QUYẾT ĐỊNH: Em tránh những hành vi có hại đến danh dự của nhà trường.

Câu hỏi 1) Tôn trọng danh dự học đường là gì? 2) Muốn tôn trọng danh dự học đường, ta phải ăn mặc, nói năng và học hành thế nào? 3) Muốn tôn trọng danh dự học đường, ta tránh những gì?

TÔN TRỌNG DANH DỰ HỌC ĐƯỜNG (tiếp theo)

Dàn bài 1. Tôn trọng danh dự rất cần thiết.
2. Tôn trọng danh dự học đường là tôn trọng danh dự Quốc gia.

Bài học

- ♦ Có tôn trọng danh dự học đường thì trường mình được thêm uy tín, học sinh được tiếng khen và thầy được thơm lây.
- ♦ Tôn trọng danh dự học đường là bước đầu tôn trọng danh dự quốc gia. Bởi thế, ta cố tránh những hành vi có hại cho danh dự trường mình.



QUYẾT ĐỊNH: Em quyết nêu cao danh dự học đường trong mọi trường hợp.

Câu hỏi 1) Có tôn trọng danh dự học đường thì trường mình được thế nào? Học sinh và thầy được thế nào? 2) Tôn trọng danh dự học đường là biết tôn trọng gì?

TRỌNG TÍNH MẠNG NGƯỜI

Dàn bài 1. Mạng sống rất quý.
2. Ví dụ xâm phạm tính mạng người.

Bài học



- ♦ Dù giàu sang, nghèo hèn hay tàn tật, mạng sống đều đáng quý. Bởi vậy, ta phải tôn trọng tính mạng mọi người.
- ♦ Ném đá, bắn nã vào người, hành hung người, lái xe nhanh và ẩu... đều là những hành vi xâm phạm đến tính mạng người.

QUYẾT ĐỊNH: Em nhất quyết trọng mạng người như mạng mình.

Câu hỏi 1) Mạng sống như thế nào? 2) Tại sao ta phải tôn trọng tính mạng mọi người? 3) Cho ví dụ xâm phạm đến tính mạng người?

TRỌNG TÍNH MẠNG NGƯỜI (tiếp theo)

Dàn bài 1. Luật pháp quốc gia bảo vệ tính mạng người.
2. Cách tránh gây tai họa cho người khác.

Bài học

- ♦ Quyền sống là quyền thiêng liêng của con người. Bởi vậy, luật pháp nghiêm trị những kẻ làm hại mạng người.
- ♦ Để tránh gây tai họa cho người khác, ta phải tập bỏ tính xấu như thù hận, nóng nảy và bất cần.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết tránh những hành vi xấu làm hại mạng người.

Câu hỏi 1) Quyền sống là quyền gì? 2) Luật pháp nghiêm trị những kẻ nào? Tại sao? 3) Để tránh gây tai họa cho người khác, ta phải làm gì?

TRỌNG NHÂN CÁCH NGƯỜI KHÁC

Dàn bài 1. Định nghĩa nhân cách.
2. Những hành vi phạm đến nhân cách của người khác.



Bài học

- ♦ Nhân cách là phẩm giá, là cái gì cao quý và thiêng liêng của con người.
- ♦ Sĩ nhục, hiếp đáp người, bắt nạt em nhỏ, khinh rẻ người tàn tật và nghèo khó... đều là những hành vi xâm phạm đến nhân cách của người khác.

QUYẾT ĐỊNH : Em quyết tránh những hành vi xâm phạm đến nhân cách của người khác.

Câu hỏi 1) Nhân cách là gì? 2) Kể một vài hành vi xâm phạm đến nhân cách của người khác.

TRỌNG NHÂN CÁCH NGƯỜI KHÁC (tiếp theo)

Dàn bài 1. Con người hơn loài vật là nhờ có nhân cách.
2. Tập cách tôn trọng nhân cách người khác.

Bài học

- ♦ Sở dĩ con người hơn loài vật là nhờ có nhân cách. Vì ta biết giữ nhân cách mình thì ta cũng phải coi trọng nhân cách người khác.
- ♦ Để tôn trọng nhân cách người khác, ta tập tính hoà nhã và giữ lễ độ với mọi người.



QUYẾT ĐỊNH : Bao giờ, em cũng trọng nhân cách người khác.

Câu hỏi 1) Tại sao con người hơn loài vật? 3) Vì lẽ gì ta phải tôn trọng kẻ khác? 3) Để tôn trọng nhân cách người khác, ta phải làm gì?

TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC

Dàn bài 1. Định nghĩa tài sản.
2. Những hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác.



Bài học

- ♦ Tài sản là của cải riêng do ta khó nhọc tạo nên hay do ông cha ta để lại. Bởi vậy, ta phải coi trọng tài sản của người khác như của chính mình.
- ♦ Cướp của, chiếm đất, giết nợ, lường gạt... đều là những hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác.

QUYẾT ĐỊNH : Em quyết tránh những hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác.

Câu hỏi 1) Tài sản là gì? 2) Kể vài thí dụ xâm phạm đến tài sản của người khác.

TRONG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC (tiếp theo)

- Dàn bài**
1. Luật pháp bảo vệ tài sản của dân.
 2. Tập tránh xâm phạm tài sản của người khác.

Bài học

- ♦ Đề bảo vệ tài sản của mọi người, luật pháp nghiêm trị những kẻ xâm phạm đến tài sản của người khác
- ♦ Muốn coi trọng tài sản của người khác, ta phải bỏ tính tham lam như : ta phải trả đồ mượn của bạn, không cất giữ của rơi, không lén lấy đồ vật của nhà trường.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết tôn trọng tài sản của người như của mình.

- Câu hỏi**
- 1) Đề bảo vệ tài sản của mọi người, luật pháp sẽ làm gì ?
 - 2) Muốn coi trọng tài sản của người khác, ta phải làm gì ?

THÀNH THẬT TRONG VIỆC GIAO DỊCH

- Dàn bài**
1. Định nghĩa.
 2. Vài thí dụ.



Bài học

- ♦ Thành thật trong việc giao dịch là biết giữ lời hứa, không lừa gạt trong khi giao tiếp hay hợp tác với người khác.
- ♦ Người vay nợ trả đúng kỳ hạn, một nhà thầu giao đúng hàng, tốt... đều là những người thành thật trong khi giao dịch.

QUYẾT ĐỊNH : Bao giờ em cũng giữ thành thật trong việc giao dịch.

- Câu hỏi**
- 1) Thành thật trong việc giao dịch là gì ?
 - 2) Kể vài thí dụ ?

THÀNH THẬT TRONG VIỆC GIAO DỊCH (tt)

- Dàn bài**
1. Người giao dịch thành thật sẽ được tin nhiệm.
 2. Tập giao dịch thành thật để thành công.

Bài học

- ♦ Trong việc giao dịch hằng ngày, ta có thành thật thì người khác mới mến phục và tin nhiệm ta. Nhờ đó, ta dễ thành công trong cuộc đời.
- ♦ Bởi vậy, ta phải tập thành thật trong mỗi việc nhỏ hằng ngày, như : tránh sai hẹn, tránh nói dối, tránh gian lận...



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết tập giao dịch thành thật để sau này thành công trong mọi việc.

- Câu hỏi**
- 1) Khi giao dịch thành thật thì ta được lợi gì ?
 - 2) Nhờ gì ta dễ thành công trong cuộc đời ?
 - 3) Để sau này thành công trong mọi việc, ta phải như thế nào ?

THAM GIA CÔNG TÁC XÃ HỘI

- Dàn bài**
1. Định nghĩa công tác xã hội.
 2. Sốt sắng tham gia công tác xã hội.



Bài học

- ♦ Công tác xã hội là những việc làm có ích lợi chung cho mọi người, như : chống nạn mù chữ, diệt trừ sốt rét, cứu trợ đồng bào bị hoả hoạn, bão lụt...
- ♦ Học sinh nên sốt sắng tham gia những công tác xã hội để giúp quốc gia thêm tiên bộ và hàn gán những đau thương của các nạn nhân.

QUYẾT ĐỊNH : Em hết lòng trong những công tác xã hội.

- Câu hỏi**
- 1) Công tác xã hội là gì ?
 - 2) Cho vài thí dụ ?
 - 3) Tại sao ta phải tham gia công tác xã hội ?

CHỐNG NẠN MÙ CHỮ

- Dàn bài 1. Người mù chữ bị thua thiệt và hại nước.
2. Bồn phận tham gia chống nạn mù chữ.

Bài học

- ♦ Người mù chữ bị thua thiệt vì không hiểu quyền lợi và bồn phận công dân. Trong một nước mà nạn mù chữ quá trầm trọng thì quốc gia đó chậm tiến.
- ♦ Bởi vậy, gặp người thất học, ta nên giải thích và khuyến khích họ đi học tại các lớp bình dân giáo dục.



QUYẾT ĐỊNH : Em hãy hái giúp chánh phủ chống nạn mù chữ.

- Câu hỏi 1) Tại sao người mù chữ bị thua thiệt ? 2) Nạn mù chữ trầm trọng làm hại gì cho quốc gia ? 3) Bồn phận của ta phải giúp chánh phủ như thế nào ?

GIÚP ĐỖ ĐỒNG BÀO BỊ HOẢ HOẠN

- Dàn bài 1. Cảnh khổ của nạn nhân bị hoả hoạn.
2. Cách cứu trợ nạn nhân bị hoả hoạn.



Bài học

- ♦ Trong chốc lát, tài sản của người bị hoả hoạn cháy ra tro và nạn nhân lâm vào cảnh thiếu thốn mọi bề.
- ♦ Để xoa dịu những nỗi đau khổ của họ, ta có bồn phận giúp đỡ họ : thu xếp chỗ tạm trú, quần tặng thực phẩm, thuốc men, quần áo, vật dụng, tiền bạc...

QUYẾT ĐỊNH : Em hãy hái tham gia công việc cứu trợ nạn nhân hoả hoạn.

- Câu hỏi 1) Có hoả hoạn thì tài sản của dân thế nào ? 2) Nạn nhân lâm vào cảnh thế nào ? 3) Chúng ta có bồn phận cứu trợ họ thế nào ?

GIÚP ĐỖ ĐỒNG BÀO BỊ BÃO LỤT

- Dàn bài 1. Cảnh khổ của nạn nhân bị bão lụt.
2. Cách cứu trợ nạn nhân bị bão lụt.

Bài học

- ♦ Bão lụt gây thiệt hại nặng nề như : tàn phá nhà cửa, phá hoại mùa màng, gây cảnh chết chóc.
- ♦ Trước cảnh bơ vơ, đói rét của hàng ngàn gia đình, chúng ta phải tận tâm tận lực giúp đỡ họ : thu xếp chỗ tạm trú, tổ chức lạc quyền để cung cấp thuốc men, thực phẩm, quần áo.



QUYẾT ĐỊNH : Em hãy hái tham gia lạc quyền để cứu trợ nạn nhân bị bão lụt.

- Câu hỏi 1) Bão lụt gây thiệt hại gì ? 2) Nạn nhân gặp cảnh thế nào ? 3) Chúng ta có bồn phận cứu trợ thế nào ?

ĐI XE ĐẠP SÁT LỀ MẶT

- Dàn bài 1. Đi xe đạp sát lề mặt.
2. Giữ đúng luật lưu thông sẽ không xảy ra tai nạn.



Bài học

- ♦ Đi xe đạp, ta phải đi sát lề bên mặt. Ta tránh đi bên trái hoặc giữa đường vì dễ bị xe khác đụng.
- ♦ Giữ đúng luật đi đường thì ít xảy ra rủi ro hoặc tai nạn.

QUYẾT ĐỊNH : Khi đi xe đạp, bao giờ em cũng nhớ đi sát lề mặt.

- Câu hỏi 1) Khi đi xe đạp, ta phải đi thế nào ? 2) Tại sao ta phải tránh đi bên trái hoặc giữa đường ? 3) Nếu giữ đúng luật lưu thông thì ta tránh được gì ?

ĐI XE ĐẠP KHÔNG CHỜ ĐÔI

Dàn bài 1. Chờ đôi nặng, xe dễ bị mất thăng bằng.
2. Luật lưu thông cấm chờ đôi.

Bài học

- ◆ Khi đi xe đạp, chờ thêm người đằng sau thì xe thường hay bị mất thăng bằng. Người đi xe cầm lái không vững, có thể bị té xuống đường hay đụng vào xe khác.
- ◆ Bởi vậy, luật lưu thông cấm những người đi xe đạp chờ đôi để tránh gây ra tai nạn.



QUYẾT ĐỊNH : Bao giờ, em cũng tránh chờ đôi khi đi xe đạp.

Câu hỏi 1) Khi đi xe đạp, chờ thêm một người thì xe thế nào ? 2) Khi chờ đôi, người đi xe cầm lái thế nào ? 3) Tại sao luật lưu thông cấm những người đi xe đạp chờ đôi ?

KHÔNG ĐI XE ĐẠP HÀNG ĐÔI HÀNG BA

Dàn bài 1. Đi xe đạp hàng đôi hàng ba là trái luật lưu thông.
2. Đi xe đạp hàng đôi hàng ba dễ xảy ra tai nạn.

Bài học

- ◆ Luật đi đường cấm ngặt đi xe đạp hàng đôi hàng ba. Bởi vì, đi như thế sẽ chiếm mất đường và gây trở ngại lưu thông.
- ◆ Hơn nữa, đi xe đạp hàng đôi hàng ba, ta thường ham nói chuyện, không để ý đến xe trước, xe sau. Do đó dễ xảy ra tai nạn chết người.

QUYẾT ĐỊNH : Không bao giờ, em rủ bạn bè đi xe đạp hàng đôi hàng ba.

Câu hỏi 1) Đi xe đạp hàng đôi hàng ba thì mất đường và sự lưu thông ra sao ? 2) Những người đi xe đạp hàng đôi hàng ba thường có tật gì ? 3) Đi xe đạp hàng đôi hàng ba thường xảy ra gì ?

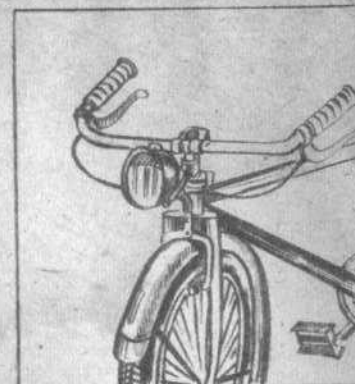
51

XE ĐẠP PHẢI CÓ THĂNG VÀ CHUÔNG

Dàn bài 1. Xe đạp phải có thăng. 2. Xe đạp phải có chuông.

Bài học

- ◆ Nhờ có thăng, ta ngừng xe lại dễ dàng. Gấp trường hợp thăng gấp như có người hay thú băng qua đường, thăng xe ta phải tốt. Bởi vậy, khi thăng xe bị hư, ta phải đi sửa ngay.
- ◆ Chuông xe đạp phải kêu rõ để báo hiệu cho người đi bộ hay xe đi trước biết mà tránh.



QUYẾT ĐỊNH : Em luôn luôn nhớ sửa thăng hư và sầm chuông xe.

Câu hỏi 1) Xe đạp phải có thăng để làm gì ? 2) Gấp trường hợp thăng gấp, thăng xe phải thế nào ? 3) Khi thăng xe hư, ta phải làm gì ? 4) Chuông xe đạp dùng để làm gì ?

52

XE ĐẠP PHẢI CÓ ĐÈN

Dàn bài 1. Đi đêm, xe đạp phải có đèn. 2. Xe đi đêm không đèn sẽ bị phạt.

Bài học

- ◆ Đi đêm, xe đạp phải có đủ đèn. Đèn trước vừa đủ sáng giúp ta thấy rõ đường đi, nhưng đừng quá chói, khiến người đi ngược chiều bị chói mắt. Đèn sau giúp xe cộ chạy sau khỏi đụng nhầm xe mình.
- ◆ Có thế, ta khỏi sợ bị tai nạn hoặc bị phạt.



QUYẾT ĐỊNH : Bao giờ, em cũng nhớ xem xét đèn trước đèn sau xe mình.

Câu hỏi 1) Đi đêm xe đạp phải thế nào ? 2) Đèn trước giúp gì ? Đèn sau phải thế nào ? 3) Đèn sau giúp gì ? 4) Đi xe có đèn ta khỏi sợ gì ?

XÃ VÀ ẤP

Dàn bài 1. Tổ chức hành chính xã. 2. Tổ chức hành chính ấp.

Bài học

- ♦ Đứng đầu xã là Xã Trưởng đảm trách những công việc trong xã, có Phó Xã Trưởng và nhiều Ủy viên chuyên môn phụ giúp. Hội Đồng Xã do dân bầu ra, hợp tác với Xã Trưởng để giải quyết mọi việc trong xã mình.
- ♦ Xã chia thành nhiều ấp. Mỗi ấp có một Ban Trị Sự Ấp, đứng đầu là Trưởng Ấp.



QUYẾT ĐỊNH : Em luôn luôn tôn trọng nhà cầm quyền xã, ấp.

Câu hỏi 1) Ai đứng đầu xã ? 2) Ai giúp Xã Trưởng ? 3) Hội Đồng xã có nhiệm vụ gì ? 4) Xã chia thành gì ? 5) Ai đứng đầu ấp ?

QUẬN

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Nhiệm vụ của Quận Trưởng.

Bài học

- ♦ Quận là do nhiều xã hợp lại. Đứng đầu là Quận Trưởng, có Phó Quận Trưởng giúp việc.
- ♦ Quận Trưởng có nhiệm vụ đảm trách an ninh, trật tự và điều hành các công việc hành chính trong quận mình.

QUYẾT ĐỊNH : Em quyết tôn trọng nhà cầm quyền quận.

Câu hỏi 1) Quận là gì ? 2) Ai đứng đầu Quận ? 3) Quận Trưởng có nhiệm vụ gì ?

QUẬN (tiếp theo)

Dàn bài 1. Văn phòng quận. 2. Các chi chuyên môn.

Bài học

- ♦ Văn phòng quận là nơi làm việc của Quận Trưởng và các cơ quan liên hệ.
- ♦ Tại mỗi quận đều có các chi chuyên môn để đảm trách những công việc như Chi thông tin, Chi y tế, Chi cảnh sát... Đứng đầu mỗi chi là Trưởng chi.



QUYẾT ĐỊNH : Em luôn luôn giữ lễ độ khi tới văn phòng quận.

Câu hỏi 1) Văn phòng Quận là gì ? 2) Các chi chuyên môn có nhiệm vụ gì ? 3) Kể vài chi trong quận ? 4) Ai đứng đầu mỗi chi ?

TỈNH

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Nhiệm vụ của Tỉnh Trưởng và Hội đồng tỉnh.

Bài học

- ♦ Nhiều quận hợp lại thành tỉnh. Đứng đầu là Tỉnh Trưởng, có Phó Tỉnh Trưởng giúp việc. Tỉnh Trưởng có nhiệm vụ đảm trách an ninh, trật tự và điều hành các công việc hành chính trong tỉnh mình.
- ♦ Hội Đồng Tỉnh do dân bầu ra, hợp tác với Tỉnh Trưởng để giải quyết mọi việc trong tỉnh.



QUYẾT ĐỊNH : Em luôn luôn tỏ lòng tôn kính ông Tỉnh Trưởng.

Câu hỏi 1) Tỉnh là gì ? 2) Ai đứng đầu tỉnh ? 3) Tỉnh Trưởng có nhiệm vụ gì ? 4) Hội Đồng Tỉnh có nhiệm vụ gì ?

TỈNH (tiếp theo)

Dàn bài 1. Tòa Hành Chánh Tỉnh. 2. Các Ty chuyên môn.

Bài học

- ♦ Tòa Hành Chánh Tỉnh là nơi làm việc của Tỉnh Trưởng và các cơ quan liên hệ.
- ♦ Tại mỗi tỉnh đều có các Ty chuyên môn để đảm trách những công việc như Ty thông tin, Ty y tế, Ty cảnh sát, Ty công chánh, Ty thuế vụ, Ty tiêu học. Đứng đầu mỗi Ty là Trưởng ty.



QUYẾT ĐỊNH : Em quyết giữ lễ độ khi tới Tòa Hành Chánh Tỉnh và các Ty chuyên môn.

Câu hỏi 1) Tòa Hành Chánh Tỉnh là gì ? 2) Các ty chuyên môn có nhiệm vụ gì ? 3) Kề ra vài Ty ? 4) Ai đứng đầu mỗi Ty ?

QUYẾT

Câu hỏi

THỊ XÃ

Dàn bài 1. Định nghĩa. 2. Nhiệm vụ của Thị Trưởng và Hội Đồng Thị Xã

Bài học

- ♦ Thị xã là một thành phố lớn nằm trong tỉnh. Đứng đầu là Thị Trưởng, có Phó Thị Trưởng giúp việc. Thị Trưởng có nhiệm vụ điều hành công việc hành chánh trong thị xã mình.
- ♦ Hội Đồng Thị Xã do dân bầu ra, hợp tác với Thị Trưởng để giải quyết mọi việc trong thị xã. Nước ta có nhiều thị xã như : Huế, Đà Nẵng, Cam Ranh, Vũng Tàu.



QUYẾT ĐỊNH : Em luôn luôn kính trọng ông Thị Trưởng.

Câu hỏi 1) Thị xã là gì ? 2) Ai đứng đầu một thị xã ? 3) Thị Trưởng có nhiệm vụ gì ? 4) Hội Đồng Thị Xã có nhiệm vụ gì ?

254

252

QUYẾT

Câu hỏi

ĐÔ THÀNH

Dàn bài 1. Đô thành Saigon 2. Đô Trưởng và Hội Đồng Đô Thành.

Bài học

- ♦ Đô thành Sài Gòn là thủ đô của Việt Nam Cộng Hoà.
- Đứng đầu là Đô Trưởng, làm việc tại Tòa Đô Chánh, có Phó Đô Trưởng phụ giúp. Tại đô thành, có nhiều sở chuyên môn do các giám đốc hay chánh sở điều khiển.
- ♦ Hội Đồng Đô Thành do dân bầu ra, hợp tác với Đô Trưởng để giải quyết mọi công việc trong đô thành.



Trụ sở Quốc Hội

QUYẾT ĐỊNH : Em giữ lễ độ khi tới văn phòng Tòa Đô Chánh.

Câu hỏi 1) Đô Thành Saigon là gì ? 2) Đứng đầu đô thành là ai ? 3) Đô Trưởng làm việc tại đâu ? 4) Ai điều khiển các sở chuyên môn tại đô thành ? 5) Hội Đồng Đô Thành có nhiệm vụ gì ?

ĐÔ THÀNH (tiếp theo)

Dàn bài 1. Đô thành có 11 quận. 2. Phường, Khóm, Liên gia.

Bài học

- ♦ Đô thành Sài Gòn có 11 quận. Đứng đầu là Quận Trưởng đảm trách công việc hành chánh trong quận.
- ♦ Mỗi quận chia thành nhiều phường, mỗi phường có nhiều khóm, mỗi khóm có nhiều liên gia. Đứng đầu phường là phường trưởng; khóm là khóm trưởng và liên gia là liên gia trưởng.



QUYẾT ĐỊNH : Em luôn luôn tôn trọng nhà chức trách thủ đô.

Câu hỏi 1) Đô Thành Saigon có bao nhiêu quận ? 2) Ai đứng đầu mỗi quận ? 3) Quận, phường, khóm chia thành gì ? 4) Ai đứng đầu phường, khóm, liên gia ?